

Thành là đạo của trời Trung là đạo của người

chính văn

TỜ BÁO CỦA NHỮNG SUY TƯ VÀ XÚC ĐỘNG TRÉ

CHỦ NHIỆM KIỂM CHỮ BÚT: NGUYỄN MẠNH CÔN

ký ức

**DỮ KIỆN
vã CHỈ THỊ ĐẶC BIỆT**

BẢNG KIỂM SOÁT

**Kế hoạch
hóa vòng
tử điện**

**Đơn vị
vòng tử điện**

CHI' THỊ THƯỜNG TRỰC

2

THƯ QUÁN BẢN THẢO

TỜ BÁO CỦA NHỮNG SUY TƯ VÀ XÚC ĐỘNG TRẺ

chính văn

CHỦ NHIỆM KIỂM CHỮ BƯT : NGUYỄN MẠNH CÔN

QUẢN LÝ : ĐỖ THỊ HẢI

TRƯỞNG TRỊ VIÊN : NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

TRỊ SỰ : 133 VÕ TÁNH - SAIGON - ĐIỆN THOẠI : 25.644

TÒA SOẠN : 215B / 34 CHI LĂNG - PHÙ NHUẬN

MỤC LỤC

Bức thư Chủ nhiệm	Nguyễn Mạnh Côn	
Nghĩ trong tháng	Đặng Văn Hầu	
Hồn hương	Ng. Mạnh Côn	10
Nghĩ quần	Tú Kieu	18
Con ma con	Trọng Tấn	19
Tình cao thượng		26
Tên bồi bút chai sạn...	Thạch Phương	28
Tên tử tội	Trương Quân	38
Chính quyền Nga xô...	T.V.T.V.	44
Thiên thai	Nam Huân	54
Tăng cường bồi dưỡng...	Nguyễn Kiên Trung	59
Tình Nữ	Hoàng Hải Thủy	66
Giai cấp nào thống trị...	Nguyễn Mạnh Côn	74
Chị	Nguyễn Đình Toàn	93
Hậu quả của một vụ ngoại tình	Đặng Trần Huân	105
Trí khôn qua máy điện toán		110
Thư tín		121

bức thư chủ nhiệm

Bạn thân mến,

1.— Thư này được mở đầu bằng một lời cảm ơn, một lời tạ lỗi thành thật và một lời giải thích : nhiều bạn ở Saigon mua không được báo, đã mất công hỏi tận tòa soạn. Như vậy, tờ Chính Văn này không đến nổi bị chào đón một cách thờ ơ, và cơ sở phát hành có nhiệm vụ cải thiện để đáp ứng thịnh tình của bạn.

2.— Thứ hai, xin báo tin để bạn rõ : tôi đã nộp đơn ứng cử tại đơn vị 1 do thành Saigon, đơn vị này bao gồm các quận 1, 2, 3, 4 và 9. Theo luật bầu cử, tôi không có quyền dùng những phương tiện riêng để vận động. Vì thế, tôi sẽ không viết gì về số thứ tự, ý nghĩa của dấu hiệu ứng cử viên của tôi. Tôi không hờ hào bạn đọc bỏ phiếu cho ứng cử viên Nguyễn Mạnh Côn. Nhưng với tư cách người cầm bút, chủ nhiệm tờ nguyệt san này, tôi tự nghĩ có bổn phận trình bày với bạn đọc của tôi 2 điều :

Thứ nhất, là từ 6 năm nay tôi đã viết khá nhiều về chủ thuyết Tâm Vật Tương Quan, và về những áp dụng thực tế phát khởi từ chủ thuyết ấy. Nhưng suốt trong 6 năm, tôi không nhận được một phản ứng tích cực nào của giới trí thức, ở trong cũng như ở ngoài chính quyền. Đây là một điều đáng buồn cho tôi, mà tôi không thể oán trách ai được. Bởi vì — ví dụ thế — một chính phủ, nếu muốn, có thể áp dụng ngay một kế hoạch hay một chính sách nhằm cải thiện đời sống của dân chúng (như chính sách cấp ruộng vô thưởng cho tá điền), nhưng chính phủ ấy không thể chấp nhận một chủ thuyết mà không nghiên cứu thật thận trọng, kỹ lưỡng. — Vì sao ? — Vì chủ thuyết đòi hỏi một đổi thay tận gốc rễ, một đổi thay đã khởi sự sẽ khó lòng

đứng lại. Tôi biết thế nên hằng ao ước có điều kiện đáp ứng lời mời của một vài đại học ngoại quốc, đến trình bày chủ thuyết của tôi trước ban giảng huấn và sinh viên của họ. Đề, nếu họ đồng ý, sẽ xử dụng những phương tiện quan trọng và tiến bộ mà phối kiểm căn bản tư tưởng của chủ thuyết. Một sự phối kiểm như thế đòi hỏi nhiều công phu, tốn phí, nhưng nếu chủ thuyết được chứng nghiệm, thì đương nhiên nó sẽ được xử dụng làm cơ sở cho tất cả những đòi hỏi cần thiết, không những cho người Việt, mà cho cả nhân loại. Đó là nguyên nhân vì sao một số điều kiện vật chất, với cả một số điều kiện về uy tín — đối với người thiên hạ không đọc chữ Việt, danh nghĩa nhà văn của tôi thật quá nhẹ — có thể rất có ích cho công cuộc phổ biến chủ thuyết của tôi.

Thư hai là, theo tôi nghĩ, sau khi cuộc chiến tranh trên lãnh thổ VNCH đã, trên lý thuyết, được coi như chấm dứt, thì, từ lúc này, sự điều đình, giao thiệp giữa hai miền sẽ tùy thuộc nhiều vào tâm lý các nhân vật lãnh đạo. Trong khi đó, các nhân vật lãnh đạo hai miền đối với nhau là những người hoàn toàn xa lạ. Thành thử giữa hai bên chỉ dễ có ngờ vực, khinh khi, mà khó có tin cậy, thông cảm. Cho nên giữa hai bên cần phải có một số người giữ việc hòa giải. Những người đó phải có thời kỳ gần gũi và hiểu biết giới lãnh đạo ngoài Bắc, có thời kỳ quan sát và thấu đáo tâm hồn giới lãnh đạo trong Nam, đồng thời phải có cuộc sống bảo đảm ở ngoài mọi cuộc ganh đua, chia chác quyền lợi trong mọi hoàn cảnh. Số người đó không phải không có, nhưng muốn đứng ra nói một lời hòa giải, một nhân vật nào đó tất nhiên, phải được thụ ủy ít nhiều quyền năng của quốc dân. Bởi nghĩ thế nên tôi cũng hằng ao ước có điều kiện thực tế để làm công việc cời mở gút giây đã bị buộc quá chặt giữa hai khối lãnh đạo của hai phần dân tộc, với điều kiện thực tế đầy đủ, một người viết văn, với sự ủng hộ của đồng bào và độc giả, có thể lên tiếng ở Ba Lê, và cũng rất có thể dùng một con thuyền nhỏ qua sông Bến Hải, trước mũi súng cam nín của hận thù, để nói với đồng bào miền Bắc rằng chiến tranh đã quá dài, quê hương đã tan nát, đồng bào đã mỏi mòn...

3.— Thư ba, tôi xin nói rõ về bức thư gửi các bạn sinh viên của tôi. Tôi

xác nhận không gửi cho các cơ cấu đại diện anh chị em, vì tôi thấy không cần thiết, và, trên thực tế, cũng không muốn đề các anh chị em trong các tổng hội có cảm tưởng tôi đang làm một cuộc vận động tranh cử (Thật ra, nếu gặp nhau, mà tôi thuyết phục được các anh, các chị, thì đó là một yếu tố quan trọng, rất xứng đáng với lá phiếu của các anh các chị?). Sự thật thì tôi biết nếu không gặp nhau, các bạn đọc của tôi không bao giờ hiểu tôi như tôi mong muốn. Cho nên tôi muốn đến với các sinh viên để giúp các bạn gạt bỏ một số ý kiến có sẵn — phần nhiều do học hỏi chứ không do kinh nghiệm, hoặc do bản thân suy luận — để chúng ta cùng nhau đặt vấn đề cho mình bạch, mở cuộc thảo luận cho có trật tự (tinh thần), ngõ hầu đi tới những kết luận mà chúng ta chấp nhận một cách hoàn toàn thoải mái.

Đó là nguyên nhân vì sao tôi gửi thư cho các anh, các chị sinh viên nói chung. Tôi không đòi hỏi một số đông thính giả, không đòi hỏi một hội trường thanh lịch. Mới chiều hôm nay đây, anh sinh viên Nguyễn Văn Tâm, học năm thứ Ba đại học luật, có gọi điện thoại cho tôi, và chúng tôi nói chuyện với nhau trong 15 phút. Anh Tâm hỏi 3 câu, tôi tự nghĩ đã trả lời anh được 2 câu, và chúng tôi đã chào nhau một cách vui vẻ.

Tôi nói thế để các anh, các chị tin rằng tôi đối với các anh chị rất thành thật, cởi mở; mà nguyên nhân của thái độ đó của tôi là tôi biết mình không còn nhiều thì giờ, nên, bằng đủ mọi cách, muốn giao truyền lại một phần nào trong chút ít học hỏi và kinh nghiệm của tôi.

4— Tôi chấm dứt thư này ở đây. Hôm nay tôi buồn lắm. Đọc bức thư của Phó Tổng thống Kỳ gửi Tổng thống Thiệu, tôi nghe buồn đứt ruột. Tôi không có ý nghĩ gì, chưa có ý nghĩ gì. Tôi chưa biết phải nghĩ thế nào mới phải. Duy có một điều chắc chắn là, từ hôm nghe tin Tổng thống Diệm bị ám sát, hôm nay tôi mới thấy buồn ghê gớm thế này. Đó tất nhiên là nói riêng về chính trị mà thôi.

Nhưng, đã từ lâu, có đời sống của người dân nào không bị chính trị chi phối hoặc nhiều hay ít, hoặc gián tiếp hay trực tiếp, ở đâu!

Xin thân chào các bạn.

NGUYỄN MẠNH CÔN

Ngày 14 tháng 7, 1971

chính văn — số 2

ký-giả
ĐĂNG VÂN HẦU

ngĩ trong tháng

xem số không công

Tất nhiên chỉ có vị quốc trưởng mới được « phục vụ không công » mà thôi. Vây quốc trưởng ở đây là Tổng thống Thiệu, mà lá số nói đây là lá số của ông, căn cứ vào tài liệu của báo Số Mạng — bây giờ tái bản là báo Định Mạng — số 7 tháng 7-1970.

Số tử vi của Tổng thống Thiệu tốt lắm, xem số kiểu... mơ không ngủ như ĐVH cũng biết là tốt. Mệnh có Tử, Phủ, Vũ, Tướng, kèm theo Khoa, Quyền, Lộc, và ở trong có tướng có quân, ở ngoài có quân có tướng. Đại hạn từ 42 đến 51 cũng lại có Tử, Phủ, Vũ, Tướng, có Long, Phượng, Khoa, Lộc... Rồi cả tiểu hạn năm Hợi này cũng lại có Nhật, Nguyệt, Đồng, Lương... Cứ như theo cụ Trần Đoàn, và Quý Cốc Tôn tiên sinh, tổ nghề số lý, thì Tổng thống mà... hy sinh tái ứng cử thì ông nằm nhiều phần chắc thắng quá đi.

Nhưng có điều tiểu hạn có Hóa Kỵ ở Ty — sao thủy ở cung hỏa — và đại hạn có Thiên La, Địa Vong, thì như có tấm lưới mắc, có đám mây đen che. Phù hợp với lá số tinh theo Tây phương : sinh ngày 11 tháng 12, 1924, bản mệnh Tổng thống Thiệu đóng ở vùng vân tinh Sagittaire. Sagittaire là một Nam đầu tinh, thích hợp với địa vị lãnh đạo miền Nam Việt Nam. Nhưng từ Nam đầu tinh đến tinh đạo, năm 1971 thuộc khu vực Kim tinh, có sự ngăn cản của đám tiểu vân vụ Magellan, nên suốt 6 năm Địa cầu chịu ảnh hưởng của Kim tinh, sẽ có mây ám trên số mạng của Tổng thống Thiệu, từ 1971 đến 1976.

Số lý bá xam bá lạp mà nghe như có phần đúng. Văn tin tưởng người Mỹ không thể tìm đầu được một vị tổng thống « nước bạn » có đầy đủ điều kiện như Tổng thống Thiệu, ĐVH vẫn yên chí Tổng thống Thiệu sẽ làm quốc trưởng ít ra thêm 4 năm — 4 năm hưởng thụ thái bình. Nhưng không ngờ càng ngày càng thấy đám mây che : Tổng thống Thiệu hình như mỗi ngày một cò đen, quần trí. Một nhiệm kỳ 4 năm qua, ông làm được bao nhiêu điều tốt đẹp, như đạo luật Người Cây Có Ruộng, mà nhân vật phụ trách báo chí của ông chẳng biết làm gì khác ngoài việc loan báo nhạ phèo : hôm nay Tổng thống đi chủ tọa, ngày mai Tổng thống đi thăm... Rồi mấy mợc lập lại những lời mà vị quốc trưởng đã tẹ nhấc đi nhấc lại nhiều lần : không trung lập theo kiểu cộng sản, không cắt đứt cho Cộng sản v.v...

Biết rồi, khổ lắm, nói mãi ! Tổng thống muốn đánh tới là quyền của Tổng thống, Tổng thống sai quân đánh tới cũng là quyền của Tổng thống. Nhưng ao ước, dù chỉ ao ước

ngầm trong bụng, một nền hòa bình sớm sủa là quyền của người dân. Người dân nào nghe nổi Cộng sản độc tài cũng bằng lòng chống Cộng, nhưng chống Cộng có phải là nhất thiết là chiến tranh không ?

Hình như từ lâu lắm, đến 4 năm nay rồi, vị Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia hồi bấy giờ có nói rằng hệ cải thiện được xã hội là người dân được no ấm, mà hệ người dân được no ấm thì Cộng sản không còn chỗ dung thân. Lời tiên tri đó, đáng lẽ bây giờ đã đến lúc thực hiện. Nhưng không hiểu vì lẽ gì Tổng thống Thiệu coi nhẹ những thành quả cải tạo xã hội của ông, đề kháng không giữ lập trường quyết liệt với đối phương, không phải như một nhà lãnh đạo mà như một tin đồn.

Một tin đồn, trong một vài trường hợp, muốn được chết để bảo vệ và giữ gìn danh tín. Nhưng một người dân, và cả những người lính, không bao giờ muốn chết nữa, khi chính Tổng thống tuyên bố là chúng ta thắng rồi, hòa bình đến rồi, và tới 997 phần nghìn lãnh thổ đã được bảo đảm an ninh.

Nhận xét trên đây là điều nó khiến cho ĐVH muốn nói một lời thành thật, là Tổng Thống Thiệu không nên lấy làm lạ nếu ông cảm thấy dân chúng mỗi ngày một xa ông thêm một chút. Bởi chúng ta có thể đồng ý rằng dân chúng được sinh ra là để tuân lệnh cấp lãnh đạo, nhưng cấp lãnh đạo không bao giờ nên quên một điều là chiến tranh chỉ giết chết dân chúng mà không giết được lãnh đạo. Mà điều đó lại là điều mà dân chúng biết rõ hơn cả.

Rằng dân chúng thì bị giết, còn lãnh đạo thì tự giết mình !

thành thật chia buồn

Nghe tin anh sinh viên Sinh-Nhật bị hạ sát giữa đám đông, giữa ban ngày, ĐVH hết sức thương anh, hết sức lo lắng, và thành thật chia buồn với gia quyến cùng các bạn thân của anh.

Hết sức thương anh Sinh-Nhật, vì theo ĐVH, anh Sinh-Nhật chết là chết oan. Giữa tuổi xanh, chưa thể hại ai, mà anh bị hại. Có thể nào như thế không ? — Chắc là không. Chắc là trong hậu trường sinh hoạt đại học có những cuộc vận động âm thầm, mạnh mẽ, đến nỗi người ta phải giết đi một mạng người, một cách công khai như thế.

Nếu đúng thế thì anh Sinh-Nhật không chết oan, mà chết như chiến sĩ. Cái chết của chiến sĩ bao giờ cũng đẹp, và có lợi nữa, có lợi cho người sống. Có điều cái chết nó cắt đứt một cuộc đời chưa kịp làm gì của anh Sinh-Nhật. Ý của ĐVH muốn nói rằng nếu anh sống, anh Sinh-Nhật sẽ làm được nhiều việc hơn, vào khoảng từ 30 đến 55 tuổi. Bởi vì đến tuổi đó tâm hồn con người mới đủ chín, sự học vẫn mới đủ thắm, kinh nghiệm sống mới đủ quân bình với kiến thức của nó.

Nhiều anh em sinh viên sẽ phải lấy ý kiến của ĐVH, viện lẽ trước hết là tuổi trẻ có trong sạch, có hăng hái và có nhiệm vụ của tuổi trẻ. Tuổi trẻ được kết hợp lại thì thành sức

manh, sức mạnh có thể đánh đổ một Nguyễn Khánh, đòi hỏi một hiến pháp... Cho nên tuổi trẻ có quyền hoạt động.

ĐVH xin hoàn toàn đồng ý : tuổi trẻ học đường có quyền hoạt động. ĐVH chỉ nghĩ rằng tuổi trẻ không nên hoạt động quá vội vàng. Lý do có rất nhiều, nhưng sau đây là những lý do chính :

Một là sinh viên, với tư cách cá nhân, không là gì cả, trong khi tập thể sinh viên, với tư cách hội đoàn, lại rất mạnh. Đây là một sự kiện rất thích hợp với tinh thần dân chủ. Nhưng kết thúc mọi cuộc tranh đấu, dù kết quả thế nào, dù có lợi hay có hại, cũng do người khác nhận lĩnh. Không cá nhân sinh viên nào được gì (trừ trường hợp khôn khéo, có điều đình riêng). Đây là một nhận định rất bất tiện, nhưng rất thực tế.

Hai là sinh viên ham hoạt động sao lãng học hành, và thi sẽ không đỗ (trừ phi có áp lực riêng để lấy cấp bằng mà mình ao ước). Nhà nghèo thì làm thiệt hại cho cha mẹ, nhà giàu thì tự làm hại mình về sau—vì kinh nghiệm thực tế cho biết chỉ có rất ít sinh viên đi luôn từ cuộc đấu tranh học đường vào cuộc đấu tranh chính trị sau này.

Ba là chưa đủ kinh nghiệm để nhận xét bằng lý luận, sinh viên thường chỉ xác định lập trường theo tình cảm—một người bạn thân rủ rê, một giáo sư khích lệ v.v... Cùng một lúc, sinh viên cũng chưa có thì giờ thâm thấu và so sánh những điều mình được học, mà sách vở thời nay luôn luôn bị nhiễm độc tuyên truyền : đọc sử Pháp thấy người Pháp tốt, đọc sử Đức thấy người Pháp xấu... Thế giới và nhân loại là những đề tài vô cùng to tát, dù có thông minh đến đâu, sinh viên cũng không hiểu biết thấu đáo—ví dụ thế—phân định mình bạch về cuộc chiến tranh ở Việt Nam được.

Bốn là có hay không có sinh viên, đời sống xã hội vẫn tiếp tục—xin anh chị em sinh viên đừng vội giận—vì sinh viên cần hiểu các cuộc vận động của các bạn chỉ nằm trong phần nổi lên trên của mặt biển sóng gió. Nguyễn Khánh dở hay không dở, không hẳn vì sinh viên. Hiến pháp có hay không có, không hẳn vì sinh viên. Nguyễn Khánh dở vì, cũng như Ngô Đình Diệm, không bằng lòng nhận Hoa kỳ viện trợ bằng quân đội. Hiến pháp có vì Hoa kỳ thúc đẩy, vì hiến pháp là lợi khí sắc bén của một chế độ dân chủ đang cần tự chứng minh cái thể hợp pháp của nó. Và lại, dù Nguyễn Khánh đi hay ở, dù hiến pháp có hay không, những dữ kiện đó vẫn là thứ yếu. Vì chính yếu là luồng sống ngầm của lịch sử, là sức sống đi tới của một dân tộc, của cả nhân loại...

Bổn lý do trên đây, theo ĐVH, không chứng tỏ sinh viên không có quyền, mà chứng tỏ sinh viên không cần, và không nên vội vã hoạt động—xin hiểu là hoạt động chính trị, với thực chất đảng phái. Sinh viên, theo ĐVH, cần học cho giỏi, tìm kiếm luôn luôn những mới lạ, đào sâu mọi vấn đề thiết thân đến dân tộc và quê hương. Sau đó, phải thi đỗ. Đỗ rồi sẽ tham dự bất cứ hội hè, và theo bất cứ đường lối nào mà mình nhận định là đúng, là tốt. Nhất là, đến lúc đó, với bằng cấp và nghề nghiệp trong tay, các bạn dễ ăn, dễ nói biết bao nhiêu.

Đ.V.H.

túc hoa hồ điệp mộng hồ hương

Đó là truyện thứ nhất. Truyện thứ hai của ngoại quốc được viết dịch, nói về một đứa bé nghèo được một số người lớn cho tiền bạc. Nhưng rồi bọn người lớn tỏ ra khinh khi quê hương của em bé. Nó tức khắc vất tiền trả lại. Truyện thứ ba là truyện ngày xưa, có em nhỏ, được mời ăn tiệc, thấy quýt ngon bèn giấu mấy quả đem về cho mẹ. Truyện nào cũng hay, nhưng mỗi khi đọc xong, chị Năm muốn đến gần đứa bé thì nó vội vã đứng dậy, bước lùi ra cửa, bước lùi dần xuống sân, qua sân đến một bụi cây, khuất bụi cây là chị không thấy nó đâu nữa.

HỒN HƯƠNG

tiếp theo và hết

truyện ngắn của
NGUYỄN MẠNH CÔN

Ngay sau buổi nói chuyện với ông bà Trùm, chị Năm không về ăn bữa trưa. Chị có việc nhất định phải làm. Chị phải tìm xem đứa trẻ tối nào cũng đến nghe truyện là con cái nhà ai. Có thể nhà nó đơn người không cho nó đi học ban ngày được. Nhưng cũng có thể em nhỏ bị câm, hay vừa câm vừa điếc, chỉ "nhìn" chị kể truyện theo cặp môi mấp máy. Nếu thế thật thì quả là tội nghiệp, vì chị Năm khó có thể giúp ích gì cho nó.

Chị thông thả đi trên con đường đưa về Ấp cũ. Hai bên bờ con kênh nhỏ, dấu vết còn lại là dấu vết của một khu dân sinh trù phú, mặc dù cỏ dại đã lan rộng khắp những sân phơi, và rêu xanh non phủ kín những mảng tường long lở. Mà trong bầu không khí tịch mịch, hoang vu ấy, chị Năm không nghe được

cảm của người đối diện một cách dễ dàng. Không ngờ anh ta mới nghe qua vội lùi ngay hai ba bước. Giọng tố đến trên vầng trán anh ta, và những tia lửa thù hận hay thương đau nhầy nhụa trong ánh mắt.

— Cô, cô là cô giáo! Cô về đây làm gì? Có đến đây làm gì?

Những câu hỏi dồn dập khiến cho chị Năm không biết trả lời thế nào khác hơn là nói rõ ý định. Chị cố gắng tỏ ra tự nhiên, thân mật:

— Tôi muốn tìm gia đình một trò nhỏ. Em bé trai, chừng bảy tám tuổi, hơi gầy, da trắng, mặc quần cộc trắng, áo xanh thẫm. Trên trán em có gì như một lá...

Một lá cao — chị Năm chưa nói hết, chàng thanh niên đã nhảy xổ lại. Hai bàn tay cứng rắn nắm chặt hai vai, một bộ mặt dữ tợn cúi sát xuống mặt chị. Cả người chị rung như động đất. Rồi anh ta la lớn:

— Cái gì? Cô nói gì? Cô muốn gì? Ai sai khiến cô đến đây? Cô dò hỏi cái gì? Cô hỏi nó ở đâu? Nó làm gì ai? Nó hành hạ, trêu chọc gì ai? Mà các người theo đuổi nó! Mà các người hành hạ tôi, làm khổ tôi, tra vấn tôi! Để làm gì? Làm gì...

Chị Năm chối tai, không nghe kịp. Nhưng chị không sợ, cũng không thấy nóng giận. Đây rõ ràng là một vụ hiểu lầm. Chị muốn chàng thanh niên im tiếng đi, để chị nói cho anh ta biết không có chuyện phá phách hay trộm cắp gì. Chị muốn anh ta buông tay khỏi vai chị, để chị bước lui mấy bước, rồi dễ dàng, thông thả kể cho anh ta nghe về đứa bé đáng mến, đáng thương ấy. Nhưng anh ta như phát điên lên rồi. Anh ta tiếp tục nắm chặt hai vai chị, vừa đau vừa tức, đến phát khóc.

Giọt long lanh vừa tràn ra ngoài khoé mắt chị Năm, chàng thanh niên đã nhận thấy

ngay. Cả người anh ta khựng lại, hai tay buông thõng xuống bên sườn. Anh ta chớp mắt nhìn chị Năm thật nhanh, rồi cúi đầu ấp úng xin lỗi:

— Xin lỗi cô! Cô tha lỗi cho... Tôi thật vô ý... thật vô ý... thật vô ý...

Chị Năm hoàn hồn, nhặt chiếc nón rơi trên mặt đất, và một tay vuốt lại mái tóc óng mịn của chị. Chị mỉm cười một nửa, hơi ngượng vì giọt nước mắt sớm sủa nhưng hợp thời, và cũng hơi tội nghiệp anh chàng không dám nhìn lên, đành chờ đợi bản án của chị bằng cách giả vờ theo dõi hai ngón chân cái cây đất tung ra phía trước.

Chờ thời gian qua trong im lặng đã đủ làm một hình phạt tinh thần, chị Năm tỏ ý tha lỗi cho sự nóng nảy của anh.

— Tôi sẵn lòng bỏ qua vì tôi biết ông hiểu lầm. Tôi làm giáo viên, không làm cảnh sát. Tôi đến đây với ý tốt. Em nhỏ không trêu chọc gì tôi, mà nó còn bé xiu thì làm thế nào hành hạ được ai? Mà nói cho ngay thì nó ngoan ngoãn lắm. Có điều, tôi hỏi gì nó cũng không nói, chỉ lắc đầu, gật đầu. Tôi sợ nó bị... bị đau tai, không nghe được. Không nói được. Tôi muốn theo nó đến thăm quý ông bà để hỏi thăm cho rõ, nhưng lần nào nó ra khỏi lớp cũng biến ngay mất...

Chàng thanh niên giương lên nhìn chị bằng cặp mắt tròn đầy kinh ngạc. Anh ta lắp bắp nhắc lại:

— Nó biến ngay mất... nó biến ngay mất...

— Vâng, nó biến đi đâu mất, nhanh lắm! Chị Năm xác nhận, rồi cười tươi so sánh: như ma vậy!

— Như ma vậy! Chàng thanh niên kêu lên.

— Dạ, như ma vậy.

— Nhưng có nói ai như ma thế đó ?

— Dạ, tôi nói em nhỏ có vết gì như lá cao trên trán. Em nhỏ khoảng chừng bảy...

— Trời ơi !

Chàng thanh niên cắt lời chị Năm bằng tiếng kêu trời. Trong lúc đó hai tay anh lại nắm chặt hai vai chị. Nhưng lần này chị Năm không thấy đau, mà, trái lại chị cảm thấy một sức mạnh che chở trong hai bàn tay chắc mạnh. Chị không tìm cách thoát ra, mà chỉ ngược nhìn dò hỏi.

— Trời ! Cô không biết gì hết sao ? Đó là thằng Tâm, thằng em tôi đó.

— Em anh ! ... a, em ông !

— Dạ, em tôi. Nhưng nó

— Nó bị đau phải không ? Tôi coi nó có vẻ bị hư một phần hệ thống thần kinh cơ động, đau thế, khó chữa lắm. Nhưng ông cứ cho tôi biết nó bị đau trong trường hợp nào. Quân đội đồng minh ở đây có nhiều bệnh viện và nhiều y sĩ rất giỏi về khoa phẫu thuật thần kinh. Để tôi xem, nếu có hy vọng, tôi có thể nói với ba tôi giới thiệu.

Chàng thanh niên cúi đầu như không, nghe, hai ngón chân cái tiếp tục cạy dưới đất. Anh suy nghĩ gì lung lăm. Xong rồi, anh ngừng mặt lên và lấy lại được bình tĩnh. Anh thở dài :

— Tôi nói ra, có giáo đưng sợ : em tôi nó chết rồi.

CÁO LỖI

Truyện dài giả tưởng

KỶ NGUYÊN KHÔNG GIÀN

Tạm gác kỷ xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

C.V.

Như có cục đá lạnh bỏ trong lưng áo, chị Năm lạnh toát cả người. Và trời đất bỗng tối sầm, và tim đang đập muốn đứng dừng hẳn lại. Chị cố gắng hít một hơi dài, bàn tay phải chặn lên ngực.

— Nó chết ? Em ông chết ? Em bé đó chết, ... chết bao giờ ... bao giờ ...

— Năm ngoài. Năm ngoài, cũng vào đầu mùa mưa, một buổi sáng đẹp trời như ngọc, nó xin phép tôi đến trường hơi sớm. Lên ngọn đồi, nó cùng mấy đứa nhỏ đuổi bắt những con châu chấu nép mình vào những đợt cỏ xanh non. Thế rồi một chiếc tàu bay vút qua, bọn trẻ bỏ trò chơi đứng lên giờ nằm tay dọa dẫm, hoặc cầm quyền tập mà vẫy chào. Chiếc tàu bay lướt qua, rồi vòng trở lại, bắn một băng súng máy. Một mình thằng Tâm bị đạn vào ở trán, phá ra sau ột lòn hơn bàn tay. Trong đầu nó không còn gì cả. Không còn gì cả...

— Thế là Tâm chết ?

— Dạ, bị như thế thì làm sao sống được. Có điều... có điều tôi xin cô đừng có sợ. Em tôi nó chết oan chết ức thì hiện hồn thành ma thành quỷ, nhưng cả năm nay nó không dọa dẫm ai, không hành không vật ai... Và lại tôi cũng chờ trâu xong mùa lúa này, rồi qua tháng Bảy ta sẽ mời thầy pháp dâng thổ về cúng kiếng cho nó đi được nhẹ nhàng. Chứ nó còn về, tôi cũng còn khổ lắm. Dân làng nói nó nói kia, bảo nhà tôi bác phước, báo hại trường làng đóng cửa cả năm nay. Trẻ con, cả người lớn, cứ tối đến là không dám ra khỏi nhà. Tại vì nó hiện về. Lắm lúc tôi cũng giận, nhưng nghĩ lại thì lại tội nghiệp nó. Mà lần nào bắt chợt thấy bóng nó tôi cũng thấy ơn ớn trong người.

Tiếng nói trầm ảm, chứa đựng, chân thật. Chị Năm nghĩ anh chàng này không phải hạng người vô học. Nhưng cũng chỉ được học đến mức độ nào đó thôi. Chị Năm nghĩ tiếp anh ta nhận mình có sợ, nhưng lại tồn công khuyên

người khác đứng sợ. Em tôi là ma, nhưng nó không tác quái. Mà cả ấp không ai dám đi đêm. Chỉ Năm, không hiểu sao, thấy mình chia sẻ những nỗi khổ khốn của chàng trai — bây giờ chỉ đã hoàn toàn tỉnh táo và sẵn sàng mở cuộc điều tra theo kiểu James Bond.

— Em Tâm chết, chết chôn em rồi, em vẫn hiện về ?

— Dạ.

— Em hiện về, không trêu ghẹo ai, không phá phách gì ?

— Dạ.

— Thế em hiện về đâu ? Em làm những gì ?

— Dạ, em nó chỉ hiện về trường, lớp học. Thấy giáo năm ngoài có thấy nó vào lớp ngồi nguyên chỗ cũ, Ông buột miệng gọi nó. Cả bầy trẻ trong lớp quay lại nhìn không thấy gì. Chúng mách với ông trùm họ rằng thầy giáo nói chuyện với ma. Ông trùm hỏi, thầy giáo nhận, nhưng cả ấp theo đạo nên không muốn tin. Sau có mấy đứa cũng thấy thằng Tâm, nhưng đồng bào ở ngoài vẫn không tin.

— Phải rồi, tin có ma là trái với Chúa, nên ngoài miệng vẫn phải nói không tin, nhưng trong lòng thì không có người đồng phương nào không sẵn sàng tin có ma quý.

— Họ không tin thì thôi. Nhưng họ vẫn nói không có ma mà vẫn sợ vẫn gây khổ tâm cho tôi. Thậm chí có người bảo tôi là cán bộ năm vàng, tung tin ma quý để phá trường học.

— Cộng sản là người đồng phương không còn là người đồng phương, nên họ tuyệt đối không tin, và tuyệt đối tránh chuyện lợi dụng ma quý. Về phần tôi thì tôi tin. Nhưng hình như họ chưa nói hết em Tâm còn hiện về đâu nữa ?

— Về đây, đây là nhà tôi. Hai anh em tôi sống lại dụi với nhau ở đây, từ ngày ba má

tôi mất. Ba tôi từ ngoài Bắc vào, có tôi đi theo. Tôi tên Mười, mẹ tôi đã mất. Ba tôi vào đây cưới má tôi — trước tôi gọi là di, sau gọi là má. Má tôi sinh em tôi năm cách mạng ngoài Sài-gòn. Năm sau ấp chiến lược bị phá. Ba tôi bị người bên kia bắt đem đi. Má tôi thương ba tôi, bỏ nhà vào khu tìm. Trước khi đi, má tôi giao đứa em chưa đầy năm cho tôi, dặn tôi nuôi nó. « Má tìm ba, ba sống thì ba má về với các con ba chết thì má chết theo ba cho trọn tình trọn nghĩa » má tôi nói như vậy. Rồi bật tin. Mãi đến đầu năm xưa quân đội ngoài này vào giải phóng trong khu, có người làng cũng bị bắt được tha về, cho biết ba má tôi qua đời cả rồi. Từ bấy đến nay tôi, vẫn nuôi em tôi, mà mỗi ngày một thương nó hơn. Nó được đầy đủ quần áo, sách vở. Nó học giỏi và ham học. Những trường thế nào nó cũng hơn tôi, cũng thành người khá. Không ngờ...

— Nhưng tại sao phi cơ lại vô có bắn vào đám học sinh ?

— Tại vì đó là một đoàn phi cơ mới đổi đến...

5.

Hai người ngồi gần nhau trên hai phiến đá giữa nhiều phiến đá trên bờ ao. Chỉ Năm hồn nhiên kéo cao ống quần, thả chân khua khua dưới nước. Chàng thanh niên, tên Công, đắm chiều nhìn xuống tấm gương im ả phản chiếu những đám mây như nổi trên mặt sóng lăn tăn. Những đám mây chuyện chớ quá khứ.

Tôi nuôi thằng Tâm, nó mười một tháng, tôi nuôi chín năm. Sữa không có, bột không có, tôi nghe người ta, nhai cơm với muối thật nhuyễn rồi bón cho nó bằng muỗng nhỏ. Thế mà nó sống được, sống mạnh khỏe. Nhưng thật

khô, chỉ độ một năm sau, thằng Tâm lấm chắm đi được vòng quanh sân, thì ở khắp nơi bắt đầu mưa lớn. Bọn mặt trận muốn tôi tham gia du kích, tôi trốn được. Bên quốc gia có hồi kêu gọi tuổi tôi phải nhập ngũ, tôi cũng trốn luôn.

— Ông làm sao trốn được cả hai bên ?
Tài quá xá—chị Năm vừa cười vừa hỏi.

— Riêng trong khu này, anh Công khoát tay chỉ chung quanh, tôi có đến bốn cái hầm bí mật, có đủ nước và lương khô. Trong vùng đồi trũng, tôi cũng có hầm nữa. Vả lại tôi ở đây lâu lắm rồi, nên nghe tiếng chuột chạy dơi bay tôi có thể biết có người là đến gần. Nhưng nói cho ngay, thì bên nào muốn kêu đến tôi, mà thấy em tôi còn dài quá, cũng thông cảm bằng lòng gia hạn cho tôi, nên tôi chỉ đợi khi phải đi công tác phá hoại một vài bữa rồi về !

— Lúc đó, ông phải gửi em Tâm cho người ta giữ hộ ?

— Không, cô ơi, nó đâu có chịu rời tôi lấy nửa bước — Công tiếp theo với một mím cười xa vắng — tôi đi dân công phải làm địu vài bọc gạo trên lưng. Bữa nào cuộc mấy công đất thì nó lê la nghịch ngợm trên bờ. Rồi lớn lên, nó học nói một mình, tôi, nên nói giống tiếng tôi in hệt. Rồi nó lớn hơn nữa, và tôi bắt đầu dạy nó làm một vài công chuyện ở thôn quê. Nó làm gì cũng muốn làm thật đúng được như tôi làm mới chịu. Thét rồi, tôi có cảm tưởng hai anh em tôi chỉ là một : tôi muốn gì, chưa kịp nói nó đã biết, nó muốn gì, tôi thấy hình như nó đã nói thầm với tôi trước khi nói to. Tôi mong có hiệu cho, tôi thương em tôi lắm.

— Dạ, tôi hiểu.

Người con gái tên Hoài Khanh chợt sống dậy trong chị Năm. Nàng thở dài nhẹ nhẽ, và nghe đầu đó trong tâm hồn, thấy gần gũi nhiều với chàng trai giàu tình cảm này.

— Tôi hiểu, Khanh nói tiếp, và tôi nghe nói trên thế giới, vào thời kỳ đại chiến thứ hai, cũng có mấy trường hợp cả gia đình bị nạn chết, để lại một hải nhi mới ra đời, và một người anh hay chị nó. Đứa trẻ được nuôi nấng khi thì trong rừng sâu, khi thì giữa bãi tuyết miền mong Đứa trẻ sống được thành người và hầu như chia nhau với anh hay chị nó một linh hồn. Rồi khi bị tai nạn, nó... nó...

— Nó chết thì anh hay chị nó chết theo, phải không cô ? Cô đứng ngại, tôi cũng có được nghe truyền giống như vậy, hồi trước kia. Tôi cũng vẫn thường nghĩ, khi nó còn ở với tôi, giá nó mất đi thì chắc chắn tôi không sống nổi. Thế mà khi nó bị nạn lạc đi rồi, thì tôi nhớ nó lắm, thương nó lắm, nhưng không hiểu tại sao tôi không có ý định tự vẫn bao giờ

— Có lẽ vì Tâm là con trai, nên tự bản chất có đối lập và tranh đấu với ông, nên khi nó bỏ đi thì trạng thái đối lập ấy chấm dứt. Có lẽ ông không những không đau đớn như xé da rách thịt, như một người chỉ mất em trai hay một người anh mất em gái, trong trường hợp chỉ có hai người sống với nhau lâu năm. Ông tha lỗi cho tôi, nhưng có lẽ em Tâm mất đi, ông còn thấy nhẹ nhàng hơn, và thương nhớ nó nhiều hơn, và sâu xa nhưng thoải mái hơn, vì trạng thái đương đầu không còn nữa. Tôi nói thế, ông đừng giận...

— Không, tôi đâu dám giận cô. Vả lại tôi ít được học, nhưng cũng có đọc vài cuốn sách, và được hiểu biết đôi chút. Tôi thấy cô nói cũng đúng, vì sau này nó hiện về đây... tôi vắng nó thì nhớ, nhưng thấy bóng nó thì lại xốn xang, như bực bội, và cũng có lúc thấy kính sợ nó.

— Em Tâm có hiện về đây với ông ?

— Vâng, ít ngày sau khi nó bị nạn.

— Ông chưa cho tôi biết em Tâm bị nạn như thế nào.

— Dạ, nó bị nạn là do một sự lầm lỡ tại hai Nguyên do là hồi trước có một đoàn phi cơ phản lực ở gần đây. Các phi công Mỹ, ngoài giờ bay, thường ra ấp giải khát, tìm vui. Một vài người làm quen với bọn học sinh nhỏ và dạy chúng nói tiếng Anh. Chẳng em tôi học được ít tiếng, rồi về nhà tôi có dạy nó thêm chút ít. Lâu dần bọn học sinh trở thành bạn thân của các phi công. Và mỗi khi bay lên hay đáp xuống, phi cơ thấy bọn trẻ thì nghiêng cánh chào, đáp lại cánh tay vẫy, và nón, áo, tập vở tung lên trời. Bọn trẻ lấy thế làm hạnh phúc lắm. Đến một hôm, đoàn phản lực ra đi, một đoàn cánh quạt đến thay, mà bọn chúng không biết...

— Thôi, tôi hiểu rồi, Khanh kêu lên, bọn phi công căng thẳng tinh thần vì chiến tranh, thấy bất cứ gì ra ngoài nền nếp thông thường là bần. Thật là đã man, nhưng cũng thật đáng thông cảm và tha thứ.

— Dạ, tôi cũng ngại như cô, nên không phản đối và cũng không đòi hỏi gì, mặc dù có người trong phi trường tìm đến tôi đưa đơn cho ký để xin bồi thường. Tôi không ký. Vì... vì em tôi chết rồi, tôi không cần tiền làm gì nữa. Và chẳng nhận tiền vì cái chết của nó, không khác gì bản nó đi mà lấy tiền. Tôi không sao làm như thế được.

Khanh khe khẽ lắc đầu, và muốn cầm tay người anh đau khổ này để nói một vài lời an ủi. Bàn tay nông dân dầy dện, khỏe mạnh, nhưng trắng sạch, tỏ ra người có bàn tay ấy biết tự săn sóc lấy thân thể.

Khanh nói, êm ái :

— Tôi thông cảm với ông điều đó. Người ngoại quốc ấy chỉ quen dùng tiền bạc để giải quyết mọi vấn đề, ngay giữa họ với nhau cũng thế. Chúng ta có giận họ cũng vô ích... Có điều, tôi không hiểu tại sao em Tâm lại hiện về lớp học trước khi hiện về nhà. Có ông ở nhà...

— Tôi cũng có nghĩ đến điều đó, và cũng không hiểu tại sao. Tôi chỉ nhớ nó xin đi học sớm, để vui chơi với bạn bè trên đỉnh đồi. Nhưng vui chơi thế nào nó cũng không bao giờ bỏ buổi học. Nó ham học, say học. Tuần nào có bài phải trả nó cũng học từ trước, thật thuộc. Rồi nó trả bài luôn miệng : nấu cơm dưới bếp, tưới cái ngoài vườn, nó cũng trả bài vanh vách. Những lúc đó mắt nó sáng ngời. Tôi biết nó sung sướng lắm.

— Thế thì tôi hiểu rồi ! Tôi hiểu cả rồi... Khanh vừa nói vừa đứng lên. Và bây giờ đến lượt nàng nắm bàn tay mềm mại vào bắp tay rắn chắc của Công để kéo anh cùng đứng dậy.

6

Khanh ngồi yên dưới bóng đèn. Tay chân nàng không cử động, nhưng tim nàng đập thùm thụp không đều. Nàng nghiêng đầu như chăm chú đọc sách, nhưng thật ra nàng cố ghim mình để chờ đợi cái bóng ma nhỏ bé của trò Tâm. Nàng sợ nó không đến, nếu nó biết nàng đã biết.

Khanh hồi hộp nhìn ra sân, một khoảng vuông đầy ngọc ánh trắng. Và ngoài xa hơn nữa cũng có người chờ đợi. Buổi tối hôm nay có lẽ là lần đầu tiên trên đời có người mong đón để hỏi chuyện một con ma. Một con ma thân ái.

Khanh mãi theo đuổi một ý nghĩ, khi bất thần nhìn lại thì cái bóng nhỏ bé đã đứng ngoài cửa sổ. Thiếu nữ, trong giây phút, vẫn lạnh toát, tê điếng cả người. Nhưng nàng cố chống cự, cố giữ nhịp thở dài và đều. Nửa phút sau nàng đứng lên, thong thả ra mở cửa, rồi quay trở lại, ngồi vào chỗ cũ, đoạn ra đầu cho... cho Tâm theo vào.

Cái bóng nhỏ hình như muốn ngập ngừng, nhưng sau đó vẫn chậm chậm lướt tới, và đến ngồi chỗ cũ, bên mép giường. Khanh nhìn nó, tươi cười gật đầu. Nàng đưa tay vặn bấc đèn lên cao hơn, rồi khoanh tay lên quyền truyện mở sẵn trên bàn. Nửa phút nữa qua, rồi có tiếng động vào cánh cửa. Cái bóng nhỏ vội đứng lên, nhưng Khanh còn mau chân hơn nó. Nàng chỉ bước ba bước đã tới bên cạnh người đàn ông mới đến, và hai người đứng gần khít khung cửa ra vào.

Khanh vội nói ngay :

— Em đừng ngại.

Nàng cùng lúc đó nắm lấy tay Công, bàn tay lạnh giá đầm mồ hôi.

— Anh đừng sợ, đừng sợ. Trong lúc này, sự hiển hiện của Tâm chỉ là sự cô động của năng lực. Anh sợ quá hay giận quá cũng làm cho sự cô động đó tan vỡ. Anh đừng quên trong tâm hồn nó, trước kia, chỉ có lớp học và cô anh. Lúc bị nạn, nó không kịp sợ, không kịp đau, đã đi mất rồi. Cả tấm linh hồn đầy kinh ngạc của nó không tan biến được, vì cả cái khối tình cảm trong sáng của nó chỉ có sự vui sướng của sự học, và tình thân yêu một người anh... Vì thế, anh đừng sợ, anh quay ra ngoài, đi về nhà cho nó theo về...

Tiếng nói êm ái nhưng thúc bách thân thiết của thiếu nữ làm cho Công dần dần bớt tê tái khắp thân thể. Anh cố gắng buông thả các khớp xương, các bắp thịt. Anh thấy thoải mái dần. Anh nhẹ nhàng cất được chân lên, nhẹ nhàng quay nửa người ra phía ngoài sân. Trong khi đó thì Khanh giờ tay cho cái bóng ma của Tâm :

— Cô biết rồi... Cô biết hết rồi, em đừng ngại... Cô thương em lắm, em lại đây với cô.

Khanh tiếp tục giờ tay, nhưng cái bóng nhỏ vẫn đứng bên. Nó nhẹ nhẹ lắc đầu.

— Em không muốn đi với cô sao ?

Gật đầu.

— Em không muốn nắm tay cô sao ?

Lắc đầu. Gió từ cửa sổ luồn vào thoáng thoáng : không.

— Cô đi trước với anh Công, em đi sau nghe ?

Gật gật. Khanh nhẹ nhàng bước ra hiện thấy Công đứng thẳng ngầy như tượng. Nàng đến gần, kéo áo Công cùng bước xuống sân. Và nghiêng đầu nhìn trở lại thấy bóng Tâm đã ra khỏi cửa, nàng yên trí hướng về Ấp Cù.

xXx

Hai người đi bên nhau dưới bóng trăng. Cảnh trời đất chắc hẳn là êm ái lắm. Nhưng nàng thiếu nữ tên Khanh không nhận thấy những vì sao lấp lánh trên nền nhung của đêm đen. Nàng không nhận thấy đường đi qua xóm vắng qua đồi. Không phải vì nàng cảm động : trong tâm hồn nàng chỉ có một bảng khuân như trống vắng mà cũng như đầy ắp. Nàng sung sướng biết bao nếu tất cả cuộc đời ngắn trọn như đêm nay.

Nhưng chàng thanh niên tên Công bỗng cất tiếng nói ngập ngừng :

— Cô... cô, ban nãy cô gọi tôi là anh ?

Câu hỏi lảng nhách nhưng nó làm cho Khanh cảm động. Nàng không biết các cô gái khác trả lời như thế nào mới phải. Cho nên Khanh nói lảng :

— Em Tâm nó vẫn đi theo chúng ta.

Câu trả lời xa như thế mà Công hiểu ngay. Anh sắp gần lại quàng tay lên vai Khanh vai nàng thấm sương khuya lạnh giá. Nhưng một dòng âm áp vượt qua sự lạnh giá ấy mà thấm vào toàn thân nàng,

Không biết bao lâu về sau, Khanh đứng tựa vào vai Công dưới gốc cau.

— Anh đưa em về.

— Dạ, anh đưa em về.

Và đến bấy giờ hai người tìm quanh quất không thấy bóng ma nhỏ bé ở đâu. Hai người cùng không nói, nhưng cùng biết không bao giờ bóng ma ấy còn có lúc hiện về, lần với tiếng búp non trở lá có tiếng cười thánh thót đầu tiên và sau cùng của liềm hồn bé bỏng của Tâm. □

Năm tháng ta thường nghĩ vẫn vơ
Nghĩ rằng nước loạn rất nên thơ
Bom rơi đạn nổ vui tai lắm
Khỏi lửa bồi tó đẹp cõi bờ !

Nghĩ rằng tham nhũng đáng khen khôn
Cuộc sống trăm năm nhịp sống dồn
Mấy chốc thu không đòi xẻ bóng
Chết rồi, trong sạch cũng mồ chôn !

Năm tháng ta thường nghĩ vẫn vơ
Nghĩ rằng thiếu phụ chít khăn xô :
Nào nùng nhan sắc khi bị lụy
Trang diêm buồn, đau kiếp sống hồ !

Nghĩ rằng linh chiến chốn sa trường
Đáng lẽ vui rồi khỏi linh lương !
Lương lớn dành cho quan lớn dớp...
Bị thương trận mạc có nhà thương

Năm tháng ta thường nghĩ vẫn vơ
Nghĩ rằng dân chúng bụng đương no
Mấy lần thuế khóa cười sung sướng
Hành diện vô cùng cái Tự Do !

Nghĩ rằng vật giả phải leo thang
Leo nữa, leo thêm thật nhằng ?
Kinh tế phồn vinh đời mới vậy
Cơm ngày rau muống vẫn còn sang !

Năm tháng ta thường nghĩ vẫn vơ
Nghĩ rằng đang sống hoặc đang mơ ?
Sao mà xã hội trong lành quá
Nghieu, Thuần hình như cũng kén xa !

Nghĩ rằng, nghĩ mãi chắc điên đầu
Ngoài đó đêm trường hun hút sâu !
Khắc khoải lòng ta sao chẳng dứt
Còn nghe tiếng cuộc gọi canh đầu.

ngĩ ²quản

TÚ KẾU

MẶC dầu tính nết rất hiền lành và thụ động, thế mà lần này bà Cả Tốt cũng vẫn cứ phải to tiếng với chồng, như vậy thì chắc chắn đây phải là chuyện không vừa. Bà nói gần như quát :

— Tôi đã bảo là tôi không đi đâu cả. Tôi nhất định ở lại cái nhà này. Ông muốn đi đâu thì cứ việc đi !

Thật là ca một chuyện trái khoáy ! Thái độ của bà Cả Tốt là như vậy. Còn thái độ của ông Cả cũng không kém nghịch thường : Bản tính rất ngang bướng và nóng nảy, ấy thế mà bữa nay ông Cả lại rất mềm dẻo và ôn tồn. Ông bảo vợ :

— Nhưng mà bà nên nhớ, ở đời này người ta cũng cần phải biết tùy cơ ứng biến chứ ! Thế tôi hỏi bà, ở lại đây, tháng tháng bà có chạy đủ 30 ngàn để đóng tiền phố giống như là các cô gái có chồng Mỹ hay không ? Vì gặp lúc làm ăn thất bại cho nên mình mới phải như thế này, chứ nếu tiền của thừa thãi thì ai mà lại chẳng thích tìm những chỗ tốt để ở ? Bà còn muốn gì hơn nữa ? Không mất một đồng xu tưng nào mà lại được ở trong một ngôi biệt thự riêng biệt sang trọng. Như vậy thì sướng quá là tiện rồi, bà còn cự nự nổi gì nữa ?

Bà Cả tức đến muốn trào máu họng ra. Bà quát lớn :

— Nhưng mà căn nhà đó có ma ! Tôi sợ lắm ! Tôi sợ chết lắm ! Vì công việc làm ăn, ông cứ phải vắng nhà luôn ! Mẹ con chúng tôi là đàn bà con gái, yếu bóng vía lắm ! Ông nhét mẹ con tôi vào một chỗ nguy hiểm như vậy mà ông coi được hay sao ?

Ông Cả phân trần :

— Làm gì có ma ! Đó chỉ là tin đồn thôi, mà chỉ nhờ cái tin đồn « nhà có ma » cho nên chủ họ mới chịu để mình ở trọn một năm không phải trả tiền phố. Tính như vậy có phải lời được hẳn 360 ngàn rồi không ? Đầu phải ít của ?

CON MA CON

TRỌNG TẤU

Bà cả vẫn nhất định phản đối :

— Tin đồn đầu mà tin đồn ! Sự thật rành rành ra đó. Chính những người lối xóm cũng đã thấy tận mắt... mà nó đùa...

Ông Cả cười ngặt :

— Nó đùa thế nào ?

Bà Cả nói :

— Đồng hồ trên tường tự nhiên bay ra ngoài lơ lửng trên không, bình tích đề trên bàn khi không lần dùng xuống đất vỡ loảng xoảng. Như vậy không phải là ma đùa thì còn là cái gì ?

— Ai nói với bà như vậy ?

— Người ta đồn !

— Đồn mà tin được, tôi cũng đến chịu !

— Chính có một vài tờ báo cũng đã loan tin rõ rệt. Có một vài ông ký giả đã vác bút đến tận chỗ để điều tra, ông còn chưa chịu tin hay sao ?

— Sao mà bà dễ tin thế không biết nữa ? Dễ thường cả trăm chuyện, chuyện nào mấy ông nhà báo cũng nói đúng cả đấy ? Tin « Khi Cà Mau », tin « Lợn đẻ ra chó », tin « Cô Gân bị giết », dễ thường đúng cả đấy !

Bà cả vùng vằng :

— Tôi không thêm cái với ông nữa ! Tôi chỉ biết rằng mẹ con tôi không đủ can đảm để ở trong căn nhà có ma ấy, chỉ có vậy thôi !

Ông Cả Tốt là người không tin có ma quỷ. Tính nết ngang tàng và bướng bỉnh của ông, tất cả những ai từng quen biết ông đều hiểu rõ.

Nhờ được một người bạn giới thiệu, ông Cả đã làm quen được với chủ nhân ngôi biệt thự mà ông định dọn tới ở như đã nói trên. Ngôi biệt thự ấy, hiện nay đang là đầu đề

cho những câu chuyện rùng rợn, ly kỳ, bí hiểm và hấp dẫn. Theo lời đồn đãi, thì cách đây không lâu, chính tại nơi đó đã xảy ra một câu chuyện lạ làm cho dư luận quần chúng sôi nổi không ít : Chủ nhân ngôi biệt thự này là một ông chủ Hăng Mắm. Biệt thự của ông ta nằm trên một khoảnh đất rộng tới gần bốn mẫu Tây, cạnh con đường ở bên kia cầu chữ Y, lối đi về hướng Rừng Sát.

Xung quanh ngôi nhà chính, có những căn nhà kho phụ thuộc để chứa những thùng dự trữ đủ các loại mắm. Người ta được biết, công cuộc làm ăn của ông chủ Hăng Mắm hết sức lớn lao, cho nên nhiều khi hàng từ Hậu Giang chở lên, để trong các nhà kho có cả thùng năm rồi mới bán tới. Do đó, nhiều thùng mắm đã được tích trữ trong kho trong một thời gian khá lâu cho ngấu.

Có một bữa nọ, sau khi số hàng tồn trữ đã bán gần hết, ông chủ bèn cho dỡ mấy thùng mắm nằm cuối cùng ra để bán cho khách hàng trong khi chờ hàng mới từ Hậu Giang sẽ được chở lên.

Người ta dỡ nắp thùng ra, mức mắm nếm cho vào chai. Trong khi đang cúi húi dùng một chiếc dĩa lớn để mức mắm thì bỗng dưng anh làm công hết lên một tiếng kinh hồn và ngã lăn quay ra bất tỉnh nhân sự.

Thấy có tiếng la hét, ông chủ hăng bồng vội vã chạy vào trong kho. Anh làm công, mặt mày cắt không còn một chút máu, vẫn còn nằm run lẩy bẩy, mặc dầu đã hồi tỉnh. Thấy chủ vào, anh ta cũng đã cố chỗi dậy. Và khi được hỏi vì sao mà la thất thanh, thì anh này cứ đứng ngậm tăm chỉ tay vào thùng mắm mà không nói lên được một tiếng nào cả. Ông chủ hăng mắm bèn dùng chiếc dĩa, khoắng thử trong thùng mắm xem có gì lạ không. Ông móc một dĩa lên và bỗng dưng ông ta cũng giật bắn người lên buống rơi chiếc dĩa

xuống đất làm cho mắt đỏ tùm lùm ra. Ông chủ hãng mắm vừa nhìn thấy vài đốt xương, những đốt xương giống như xương lỏng tay, lẫn lộn trong mắm. Mấy đốt xương vẫn còn nằm rơi rớt trên đất lẫn với đồng năm bị đổ. Ông ta cũng cứng lưỡi đi một hồi rồi mới nói được mấy tiếng thều thào :

— Những đốt xương lỏng tay !

Nét lo âu rầu rĩ bắt đầu hiện rõ trên gương mặt ông. Ông ta vội nắm chặt lấy vai người làm công, lắc mạnh mấy cái và nói :

— Anh cần phải giữ kín dùm tôi vụ này mới được.

Thế rồi, sau khi đã lấy lại được tỉnh thần rồi, cả chủ lẫn tớ, thì nhau dùng chiếc dĩa lớn để quậy trong chiếc thùng đựng mắm vì đại gia để mò mò kiểm kiểm. Thêm một đốt xương, thêm hai ba đốt xương, rồi năm sáu, bảy tám đốt, đủ cỡ đủ loại. Những khúc xương ống, xương sống, xương tay, xương chân, xương bánh chè, xương bả vai v.v., Hai người cứ âm thầm làm việc. Vật được vớt ra sau chọt là một cái sọ người nhỏ nhỏ...

Ông chủ hãng mắm chợt hiểu. Cách đây gần một năm, người ta loan tin rằng có một em bé gái lên 9 tuổi, không biết đã đi lạc đâu mà mất tích. Người ta không sao tìm được ra tông tích em bé đó nữa, và cuối cùng người ta đành phải cho rằng em đã bị Mẹ Mìn bắt cóc. Báo chí cũng đã đăng tải tin này. Và các ông nhà báo đã đặt thêm ra rất nhiều giả thuyết đề rồi rồi cuộc cũng chẳng có ai tìm ra được em bé đó nữa. Mặc dầu nhà chức trách đã tận tâm điều tra nhưng sự mất tích của em bé gái nói trên vẫn còn hoàn toàn trong vòng bí mật.

Thì ra em bé gái này bị rơi vào trong thùng mắm và đã bị chết rửa trong đó. Ông chủ hãng mắm rung mình.

Nhưng tại sao em bé này lại có thể rớt được vào trong thùng, trong khi thùng năm đã được dây diêm hết sức kỹ lưỡng ?

Rất có thể là, trong khi người làm công của nhà ông dở nắp thùng ra để quậy cho mắm ngấu đều, rồi vì bận việc gì bỏ đi quên không dây nắp lại, nên em bé kia đã thừa cơ hội lén vào mức mắm đem về nhà ăn... Rồi chẳng may em bé đó đã trượt chân ngã vào thùng mắm chẳng.

Dù rơi vào thùng mắm bằng cách nào đi nữa thì giờ đây em bé cũng đã không còn nữa. Giờ đây em bé cũng đã hóa ra người thiên cổ mất rồi. Thịt của em cũng rửa nát ra thành mắm, không còn cách nào để cứu vãn lại được nữa. Ông chủ hãng mắm đành nghĩ rằng « Chỉ có một cách duy nhất là cố gắng làm sao dấu nhem hẳn câu chuyện này đi thì cơ sở làm ăn của mình mới còn đứng vững được mà thôi ».

Nhưng ở đời này ít có sự bí mật nào được giữ kín lắm, một khi sự bí mật đó đã có hai người biết đến. Và màng-lưới điều tra của nhà nước vẫn còn đang bủa vây, đâu đã chịu buông ra ?

Mặc dầu đã dút tiền cho anh làm công, nhưng cái tin về tai nạn rừng rợn kia vẫn bị lọt ra ngoài, và từ đó trở đi, công cuộc làm ăn của ông chủ hãng mắm càng ngày càng bị sa sút. Tuy nhiên, nhà nước cũng đã không tìm ra được một dấu tích nào cả để buộc tội ông ta.

Biết bao những câu chuyện ly kỳ, quái đản lại được thêu dệt thêm ra xung quanh ngôi biệt thự kiêu hãnh chứa mắm này : Nào là hồn ma hiện về báo oán, nào là con gái ông chủ hãng mắm gặp toàn những tai nạn liên tiếp, nào là vợ ông chủ hãng mắm tự nhiên phát điên, v.v...

Trước tình trạng bi đát ấy, ông chủ hãng mằm đành rút lui về Châu Đốc ở và thu hẹp công cuộc làm ăn lại.

Cô người bảo, đây chỉ là một thủ đoạn của các kẻ tranh thương bất chính, của những người đang làm cùng một nghề như ông. Họ đã bịa ra cái tin khủng khiếp kia, cốt để hại một đối thủ thương mại đáng sợ của họ. Chỉ có thể thôi. Thật ra câu chuyện em bé rơi vào thùng mằm không hề có.

Dù muốn dù không thì những câu chuyện đồn đãi tai hại kia cũng đã được loan truyền đi rộng rãi mất rồi, và công cuộc làm ăn của ông chủ hãng mằm cũng đã bị một phản ảnh hưởng tai hại rất lớn.

Sau khi rút về ở dưới tỉnh, ông chủ hãng mằm đã yết bằng cho thuê lại ngôi biệt thự, nhưng vì câu chuyện đồn đãi nói trên nên chẳng có ma nào dám đến ở cả, mặc dầu giá tiền cho thuê rất hạ.

Một người bạn của ông chủ hãng mằm bèn : « Nên cho một kẻ nào cứng bóng vía ở đó một năm khỏi phải trả tiền rồi sau mới cho thuê, họa may mới có người dám ở ». Trong ý, người bạn của ông chủ hãng mằm cho rằng, nếu có làm được như vậy thì mọi người mới có thể tin tưởng được rằng ở tại đó không có gì là nguy hiểm cả.

Nghe lời bàn hợp lý, ông chủ hãng mằm đã đồng ý để cho người bạn ông ta giới thiệu ông Cả Tốt tới ở không. Nhưng bà Cả Tốt lại hoàn toàn phản đối. Cuối, vì lâm cảnh cùng quẫn, bà Cả Tốt cũng đã đành phải chiều theo ý chồng một cách vô cùng miễn cưỡng. Nếu không thì bà cũng lấy đầu ra tiễn mà trang trải tiền nhà, và không sớm muộn, bà cũng đành phải dọn nhà đi kia mà !

xXx

Ngôi biệt thự mà người ta đồn là có ma

thì lại quá rộng, mà gia đình nhà ông Cả Tốt thì lại vốn vẹn có ba người — vợ chồng ông Cả Tốt và cô con gái — nên không khi có vẻ quá trống rỗng và lạnh lẽo quá.

Cô Thủy, người con gái độc nhất của vợ chồng ông Cả Tốt, bản tính rất hiền lành và thủy mị. Cô Thủy rất ít giao thiệp với các bạn trai, bởi vậy mỗi lần bắt buộc phải giao thiệp với những người khác phái, cô thường hay tỏ ra hết sức lúng túng. Cô Thủy không mấy khi ra khỏi nhà. nếp sống trầm lặng này của cô tại càng làm cho cảnh sống ở nơi mới trở nên âm u bí hiểm hơn.

Khi mới dọn đến, theo lời yêu cầu của vợ, ông Cả Tốt đã không đi đâu xa cả. Ông chỉ thường lẩn quẩn ở nhà bên cạnh vợ con để coi chừng ma. Bà Cả Tốt tin rằng một người cứng bóng vía, và bướng bỉnh, cứng đầu cứng cổ như chồng bà một khi có mặt tại nhà thì ít có khi nào ma quỷ dám hiện lên làm.

Quả vậy, trong tháng đầu tiên, cuộc sống trong biệt thự đã diễn ra tạm êm thấm, không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra cả. Nhưng rồi một hôm ông Cả Tốt bỗng lo ngại bảo vợ :

— Tôi ở nhà hoài thì được rồi đó, nhưng chẳng lẽ cứ ôm nhau mà chết đói hay sao ? Tôi cần phải ra đi làm ăn để gỡ nợ.

Biết rằng khi đã tỉnh việc gì thì chồng mình sẽ nhất định làm, không ai ngăn cản nổi, và lại, cuộc sống cũng thấy tạm êm êm, cho nên bà Cả Tốt đành phải để cho ông ra đi.

Ông Cả Tốt đi Phú Quốc, và hẹn rằng mãi tới nửa năm sau mới về. Ông đã đau lòng để mặc cho vợ con ở lại bơ vơ trong căn biệt thự rộng lớn.

Ông Cả Tốt chỉ vừa mới đi làm xa được có hơn một tháng thì ở nhà vợ con ông đã

Bếp chuyện lộn xộn. Hình như khi ra đi, ông đã đem theo luôn cả cái « cứng... bóng vía » của ông đi theo mất rồi ! Cho nên ở nhà, ma quỷ bắt đầu không còn biết ngăn ai nữa. Tha hồ cho chúng lộng hành. Nếu bà Cả không làm thì có lẽ hồn ma cô bé lên 9 kia đã nhập vào người Thúy, con gái của bà.

Nước da con gái bà đột nhiên xanh mét hân đi. Cô biếng ăn, biếng ngủ, dáng đi tướng đứng không còn được gọn gàng yếu điệu như xưa nữa. Có lần lúc, bà Cả có cảm giác như là con gái bà đang vừa đi vừa cười ghê rợn.

Tối tối, ngay từ lúc chưa lên đèn, mẹ con bà đã vội lo đóng chặt cửa lại, không dám lộ đầu ra ngoài nữa. Bà đã năm lần bảy lượt viết thư dục chồng mau mau trở về nhưng vì ông Cả Tốt mê làm ăn quá nên hên lần hên lần mãi.

Nếu cái cảnh này cứ kéo dài thì mẹ con bà Cả Tốt đến phải chết lần chết mòn trong cảnh âm u tịch mịch và ma quái này quá !

Đã có lần bà Cả Tốt gắng hỏi con gái :

— Có phải là con bị ma làm không ? Con thấy khi bị ma làm thì trong người nó ra sao ?

Nhưng cô Thúy chỉ nhìn mẹ trừng trừng mà không nói, làm như là sợ nói ra thì ma nó bắt lỗi vậy. Cô không đáp nhưng nước mắt chảy quanh.

Có một đêm nọ, bà Cả Tốt chợt nghe thấy có tiếng rên rĩ ở trong buồng con gái. Thôi chết rồi ! Đúng là con gái bà đang bị... ma đè ! Bà run lẩy bẩy, cầm chiếc đèn dầu lò dò đi vào, nhưng trong lúc quỳnh quáng, bà đã bị té xấp người xuống làm đổ cây đèn dầu, lửa bốc cháy loen ra. Bà vội vã chạy đi tìm một chiếc bao bố tới để dập tắt ngọn lửa.

Sau đó, khi vào được tới phòng con gái thì bà thấy cô Thúy đang nằm sõng soài trên

giường, đầu tóc rối bù, thờ hào hên, trông thật tang thương vô tả.

Cũng có đêm, bà lại thấy con gái mình tự nhiên đột ngột leo qua cửa sổ phòng ngủ để đi ra vườn, thất thểu thều như một cái xác không hồn. Bà không dám nổi gót theo con gái vì bà nhút nhát lắm, hơn nữa, bà cũng rất sợ bị ma... đè, khi không có mặt ông Cả Tốt, ở đây. Bà Cả rợn tóc gáy lên, chạy vào giường, trùm chăn kín mít, run như cây sậy.

Lại một đêm khác nữa, bà thấy có những đốm ánh sáng xanh nổi lên nhấp nháy mờ ảo hiện ra ở phía trên mặt cô gái quý. Vậy mà sau đó, khi bà hỏi lại con gái, thì Thúy cứ ngẩn tò te ra chẳng hiểu gì cả. Con ma thật là kỳ dị ! Con ma ấy ở đâu ? Nó định làm gì Thúy ? Có có làm gì nó đâu mà nó nở âm ảnh cô như vậy ?

oOo

Thật ra thì con ma ấy không xa lạ gì với Thúy cả. Chính là anh chàng nhân tình của nàng. Chàng ta đẹp trai, ăn nói có duyên, có nhiều mảnh lời để ăn trộm ái tình, cho nên nhờ đó, cuộc tình duyên lén lút giữa chàng ta và Thúy, được lồng trong khung cảnh ma nhất, đã được nguy trang khá tinh vi. Hơn nữa, xưa nay Thúy vẫn được tiếng là ngoan thì đâu ai có thể ngờ được là có chuyện « ma ăn cổ » ?

Khi bà Cả Tốt thấy con gái nằm sõng soài trên giường, đầu tóc bù xù, chính là lúc nàng vừa mới cùng ý trung nhân hôn hít nhau ra rít xong đấy ! Và chàng ta đã lợi dụng lúc bà Cả Tốt chưa cháy để chuẩn bị nên bà đâu có thấy. Cũng có những đêm, chàng ta đã dùng chất lén tình để bôi vào mặt mình cho bà Cả Tốt thấy sợ mà không dám mò vào phòng Thúy dò xét.

Thế rồi, có một buổi tối nọ, Thúy đã khóc với ma :

— Anh phải làm sao... chứ cứ để như thế này thì đâu có dấu mả được.

Con ma đáp :

— Sao lại không dấu được ? Má em có nghi ngờ gì đâu ? Mà má em lại nhát thấy mồ, sợ ma thấy mồ...

Thúy nói :

— Nhưng... nhưng mà càng ngày em lại càng thấy thèm của chua, nguy quá ! Má em mà biết được thì kể như rồi đời, và có lẽ em đến tự tử mất. Mà sợ anh cũng phải vác chiếu ra Tòa nữa...

Con ma cố thuyết phục :

— Thì em cứ nói đại với Má em rằng em bị con Ma nó chài cái gì vào bụng em... Con Ma nó có bùa Lỗ Ban, nó chài cả một cái chày vào bụng em. Như vậy là Má em sẽ tin chứ gì ?

— Đã đành là như vậy, nhưng liệu có nói dối mả được hay không ? Bộ cái chày nó cứ ở lý mả trong bụng hay sao ?

Con Ma đành nói để hoãn binh :

— Thì để thủng thẳng rồi anh liệu. Từ nay đến khi đó, cũng còn dư thì giờ chần !

Sau buổi nói chuyện với ma đêm đó, Thúy cũng có vẻ hơi yên dạ đôi chút. Rồi cuộc tình duyên lén lút lại tiếp tục diễn ra đều đều hằng đêm. Nhưng Ma đã làm cho Thúy càng ngày càng xanh xao vàng vọt hơn.

Nhưng có một bữa nọ, không hiểu thiên địa quỷ thần xúi bầy làm sao mà bỗng dưng bà Cả Tốt bạo hăn người lên. Bà ta đã liều lĩnh nhảy ra vườn để đi theo Thúy xem Ma làm con gái bà. Nhưng trong lúc hấp tấp, lần này bà Cả lại vấp phải một chậu kiềng ở trước

nhà. Con Ma thấy động, vội vàng buông tay Thúy, leo rào thoát ra đường chuồn mất. Nhanh trí khôn, Thúy vội vàng rúc đầu vào trong một bụi cây, béc một nằm đất bời tèm lem lên miệng.

Trước ánh đèn Pin, bà Cả Tốt thấy gương mặt con gái thật là thiếu não. Bà Cả Tốt khóc nức lên và hỏi con gái :

— Con Ma nó rủ con ra đây phải không ? Khốn nạn cho con gái tôi, sao con lại ăn bòn ăn đất thế này ?

Thúy giả vờ ngộ ngác :

— Con tưởng đâu người ta mời con đi dự dạ tiệc.

Bà Cả Cố con gái đứng dậy, vừa diu nâng vào nhà vừa nói :

— Trời ơi ! Dạ tiệc !... Dạ tiệc cái gì đâu ? Đây là con bốc đất con ăn đấy !

Bà Cả Tốt làm râm khăn vải :

— Trăm lạy oan hồn người chết, con gái tôi có tội tình gì mà người chết đây dọa nó như thế này. Người chết mời nó đi dự tiệc mà lại cho nó ăn đất ăn cát thế này thì tội cho nó lắm ! Ăn thứ khó nuốt này, nó dễ sinh bụng lăm. Chết mất !

Nếu con Ma có mặt tại đây vào lúc này thì chắc chắn nó sẽ không nín cười nổi, bởi vì nó biết rằng con gái bà Cả Tốt hiện nay đang sinh bụng rồi. Hay nói cách khác, theo kiểu tác bình luận « gia », thì tức là hiện nay nàng đang mắc bệnh «sưng rốn». Bệnh đó, thật ra cũng không khó chữa, nhưng bà Cả Tốt đâu phải là thầy thuốc mà biết rõ căn bệnh và biết chữa ?

Thúy rất lo, nhưng nàng cũng liều nhắm mắt đưa chân, để cho con Ma kia đêm đêm tới gần ra vườn tới ngồi ở kẹt núi non bộ. Một khi đã bị Ma làm cho bần rùn tay chân, cho mê mẩn

tâm thần rồi thì nó bảo gì mà nàng chẳng phải nghe?

Thế mới biết, ở đời này cái gì không ngờ chính lại là những cái đáng ngờ. Nếu Thúy là một cô gái trắc nết thì không cần nói làm gì và bà Cả mới phải đặt một dấu hỏi. Đàng này lại khác! Nàng xưa nay vốn thủy mị nết na. Vậy thì chỉ có Ma mới có thể làm cho nàng sinh bụng được thôi, chứ sức mảy mà những anh đàn ông con trai làm nổi? Sức mảy mà những chàng có thể lung lạc được con gái bà Cả Tốt?

Những người hay nói «Biết đâu Ma ăn cổ đấy» kể ra nhiều khi cũng có lý. «Ma ăn cổ» hay «Được Ma cho ăn cổ», thì cả hai cũng đều phải được diễn ra ban đêm, và như vậy tức nó là... Dạ Tiệc. Mà hề nói đến mà tức là nói đến chuyện bí mật. Vụ ăn cổ đêm của Thúy được diễn biến trong vòng bí mật hoàn toàn, có trời mà biết nổi. Ma chỉ sợ những người cứng bóng vía mà thôi. Nhưng kẻ cứng bóng vía kia, là ông Cả Tốt thì lại vắng nhà vì bận công việc làm ăn. Ma cứ việc hoành hành thả cửa.

XXx

Thúy biếng ăn biếng ngủ vì Ma, lo ngày lo đêm vì ma, bởi cô đã dùng phải một món khó tiêu trong buổi dạ tiệc. Cô năn nỉ với Ma nên tìm cách giải quyết cho sớm xong xuôi đi, nhưng Ma cứ tìm cách tăng lờ mải. Thúy bèn dọa tự tử để biến thành Ma thật hầu bảo tồn danh dự của nàng. Thúy đã quên mất rằng nếu nàng biến thành Ma thì nàng cũng không

thể nào theo Ma được bởi vì Ma vẫn cứ sống nhân rằng ra để cứ tiếp tục làm nhiều con gái nhà lành khác.

XXx

Bụng Thúy càng ngày càng căng nhiều hơn. Con Ma con trong bụng của Thúy bắt đầu máy mà Ma bố vẫn chưa chịu giải quyết gì cả, nhưng vẫn cứ tiếp tục dự Dạ Tiệc... Ma.

Không biết làm cách nào hơn, Thúy đành cầu cứu đến người cứng bóng vía là cha nàng vậy. Thúy dọa với Ma là sẽ đem chuyện này ra nói thật với cha nàng. Nàng sẽ kể lại tất cả những vụ «Ma ăn cổ» Thúy biết rằng, làm như vậy thì tuy có ẽ mặt thật nhưng còn hy vọng là câu chuyện sẽ được giải quyết mau hơn trước khi Ma Con ra đời.

Nếu Ma không chịu nhận mình là tác giả con Ma «tì», dù kẻ đó có tài thần thông biến hóa đi chăng nữa.

Rồi thì, vì sợ đi «tì» nên Ma đã phải sấm đồ sinh lễ đến xin cưới kẻ bị Ma... «làm» về làm vợ. Có điều đáng nói là ông bà Cả Tốt đã có cháu ngoại bế sớm hơn thời gian ước định.

Từ đó về sau, ngôi biệt thự có Ma kia không còn ai bị Ma «làm» nữa. Con Ma đã lấy vợ theo lối «gửi rể» và sống thong thả trong buồng Thúy, không phải tổ chức những bữa tiệc «Ma ăn cổ» như trước nữa. Và câu chuyện cô bé gái té vào thùng mắm cũng bị chìm sâu trong quên lãng.

TRỌNG TẤU

Hàng tuần đọc

TIN-VỊT

chủ-nhiệm TÚ-KẾU

TÌNH CAO THƯỢNG

TRUYỆN

BÚP MĂNG, phải, nàng có cái tên rất lạ là Triệu thị Búp Măng. Nhưng tiếc thay, người ta không tìm thấy dấu vết của những búp măng thon nhọn ở mười đầu ngón tay ngắn và dài dục của nàng. Nghĩa là bàn tay nàng không đẹp. Người nàng cũng không đẹp. Mặt nàng cũng không đẹp. Hồi ngót 30 năm trước, cũng theo học trường Luật với nàng, tôi nhớ không có chàng trai nào dám đến gần nàng. Không những vì nàng không đẹp, mà còn vì Búp Măng là một cây lý luận, một khối óc chắc phải nặng gấp mười bình thường — vì không ai cãi lộn mà thắng được nàng, và không ai làm bất cứ cách nào đánh lừa được nàng, mà con trai không bao giờ tra những người con gái không bao giờ nói dối được.

Vậy đã tưởng Búp Măng sẽ lớn thành tre, tre già rồi tre ngàm, luôn luôn cô đơn và luôn luôn khô nẻ. Không ngờ, sau 30 năm tôi gặp nàng, nàng còn trẻ bằng nửa tuổi tôi. Nàng không đẹp, vì nếu đẹp thì không còn phải là nàng, nhưng nàng quyến rũ lạ thường. Trong khung cảnh thân tiên mà nàng đang sống : tòa lâu đài mà mỗi viên gạch như một hòn ngọc

quý, mỗi tấm màn che cửa hay thảm trải dưới sàn đều như dệt bằng thứ tơ tằm ngàn năm một lần mới có.

Tôi gặp nàng, được nàng đưa về nhà từ đêm hôm qua. Sáng hôm nay tôi đã dậy nhưng nàng còn ngủ. Nàng còn ngủ mà vẫn quyến rũ thần tiên. Tôi ngồi dưới đàn hoa chờ bữa điếm tâm và luôn thề nghị xem nguyên nhân nào đưa đến sự thay đổi lạ lùng. Tôi kiểm điểm đủ mọi giả thiết, mọi giả thiết đều phi lý, trừ một. Tôi chú ý tìm kiếm. Quả nhiên tôi phải đợi không lâu. Khi tên quản gia long trọng dẫn đường cho chị hầu phòng bụng khay thức ăn đến gần thì tôi nhận ra ngay rằng dưới ánh mặt trời hân không có bóng in trên mặt đất. Tôi hỏi ngay :

— Thi ra thế !

Hắn trả lời vàng, trong khi vàng trán gió thành hai mốt nhọn như cặp sừng non đang phập phồng. Sau đó, hắn tự giới thiệu :

— Tôi là cháu gọi Diêm Vương bằng chú, gọi Sa tăng bằng ông nội. Tôi công tác ở văn phòng thứ 7 trong Tháp điện.

— Đã thế, sao lại ở đây ? Tôi hỏi.

— Kẹt, hẳn trả lời đau khổ. Tôi kẹt với nàng—hắn nhìn về phía Búp Mãng.

— Sao lại kẹt ? Tôi tưởng theo lệ thường chỉ có ba điều ước...

— ...Mà người đời, tôi tham không đáy, thấy ước được gì cũng không đủ, rút cục rồi đòi hỏi những thứ lăng nhăng, như một chai rượu, một bữa cơm, một cái mũi dài ra, một cái mũi ngắn lại ? Đáng thế ! Có điều, khi tôi gặp nàng thì hơi khác.

— Phải rồi, tôi nói. Nàng thông minh lắm, nhưng hơi tham...

— Phải nói là tham một cách ghê gớm. Cho nên mới mất không với tôi hai điều ước thứ nhất, thứ nhì. Nhưng đến điều ước thứ ba...

— Hai điều ước một và hai như thế nào mà bị mất không ?

— Nàng ước đẹp nhất đời mà không nói rõ đời nay, đời xưa hay đời sau. Như thế là vi phạm điều kiện thứ 3 thiếu minh bạch. Sau, nàng ước giàu có vượt sức thêm khát của những người biển lận nhất. Điều ước này vi phạm khoản 5 điều 2, vì là một nghịch lý, vì sức thêm khát tiền bạc của người biển lận không có giới hạn nào hết.

« Kể cấp gặp bà già » tôi nghĩ nàng đã ghê gớm, mà cháu quý Sa-tăng còn ghê gớm hơn. Nhưng tên quân gia đoán được ý của tôi. Y lắc đầu :

— Không, nàng không thua. Nàng thắng, chỉ một lần mà vĩnh viễn.

— Vĩnh viễn ! Có gì là vĩnh viễn đâu, vì

đời sống của nàng có giới hạn, mà nàng không có quyền đòi được bất cứ.

— Phải, nàng không có quyền. Nhưng nếu tôi tự nguyện thì lại khác..

— Tự nguyện ? Người có tự nguyện bao giờ !

— Nàng đã ước : « Anh quý ời, anh yêu em tha thiết bằng một tình cao thượng suốt đời ». Nên tôi đã yêu nàng, yêu suốt đời tôi chứ không phải suốt đời nàng. Tôi yêu nàng...nàng năm ngàn... đời.

Tôi bật cười, phục Búp Mãng sát đất. Nhưng thoáng một cái lại giật mình, nhớ nàng đang ngủ trong phòng và nhìn lại bộ áo mỏng mặc trong nhà của tôi. Hẳn vừa nói hẳn yêu nàng, yêu ngàn năm... Mà đã yêu tất phải ghen, mà quý đã ghen tất nhiên kinh khủng lắm.

Thành thật mà nói, tôi có học được mấy môn bùa chú, và có nuôi dăm ba thứ ngải thông thường. Nhưng đối đầu với họ hàng Diêm Vương thì tôi chưa đủ sức. Tôi chỉ còn có cách chạy vượt bức tường hoa trước mặt. Ý định này của tôi không thể dấu được đối phương. Y buồn bã thở dài, ra hiệu cho tôi cứ yên tâm :

— Anh không nghe rõ sao ? Nàng đã ước được tôi yêu, nhưng yêu bằng tình cao thượng, suốt đời !



Câu truyện trên đây giải thích vì sao, theo kinh sách, cháu quý Sa-tăng chỉ có con cháu truyền tiếp được ba đời là hết.



tên bồi bút chai sạn trong đội cảnh sát
tư tưởng của mỹ — ngụ ý: NGUYỄN MẠNH CÓN (*)

TRONG bài bút ký nhan đề *Tiếng cười* của lửa đăng trên tạp chí *Văn* ở Saigon sau ngày quân dân miền Nam mở cuộc tổng tấn công và nổi dậy đều khắp trong dịp tết Mậu Thân (I) Nguyễn Mạnh Cón, một lần nữa khẳng định rằng y là một nghệ sĩ chứ không phải là một người làm chính trị. Đây không phải là lần đầu tiên Nguyễn Mạnh Cón thanh minh trước dư luận điều đó. Qua những hồi ký, truyện ngắn, truyện dài, những bài trả lời phỏng vấn của báo chí Saigon, bạn đọc đã từng nhiều lần thấy Nguyễn Mạnh Cón ba hoa tự phóng cho mình lắm thứ danh từ: nhà văn, nghệ sĩ, trí thức v.v... Thậm chí có lúc Cón đã so sánh y với các nhà văn hào bậc thầy trên thế giới như Hê-min-Uây, Tôn-xtoi, Sếch-xpia v.v... (*Bách Khoa* số tháng 2-1962). Một số kẻ đồng hội đồng thuyền với Cón, có một thời, đã ra sức đề cao y hết lời, cho rằng y là một « trí thức — nghệ sĩ », một « con người chống đối thường trực », một « con người thường trực », « tìm kiếm thường trực », một « con người có đủ căn bản văn hóa để thấy cái sai ngay trong những lý luận khoa học chặt chẽ nhất của cộng sản » v.v...

Vậy Nguyễn Mạnh Cón là ai? Con người ấy như thế nào? Một nhà văn, một người hoạt động chính trị, hay là một mặt vụ văn nghệ, một thứ « văn công — văn nô chính quyền » như có người ở Saigon đã gọi? Chúng tôi nghĩ rằng đã đến lúc cần vạch trần cái « sự thật dễ hiểu » về con người đó.

Nếu trường hợp Nguyễn Mạnh Cón ra đây, không phải vì y là kẻ đầu-tên có tí bản lĩnh nào đó trong đám bồi bút di cư. Cũng không phải vì « tác phẩm » chống cộng của Cón chiếm đến bảy phần mười những gì y đã viết ra như y đã từng nói. Cái chính là con người của Cón, cả quá khứ cũng như hiện tại, có những nét khá điển hình về nhân cách cũng như trong nghề nghiệp. Và hiện nay, y còn là một cốt cán của « cái loa tâm lý chiến » — đài phát thanh Saigon — hằng ngày ra rả phun ra những lời đầy tính chất hàng tôm hàng cá làm văn đục không khí mà đồng bào ta đang sống. Ngoài cái chiêu bài là một người

* Nguyễn Mạnh Cón còn có bút hiệu khác là Nguyễn Kiên Trung và Nguyễn.

nguyên văn trong
TẠP CHÍ VĂN HỌC

xuất bản tại Hà Nội
số 12 — năm 1968

tác giả
THẠCH PHƯƠNG

của một đảng quốc gia cũ, y còn lợi dụng danh nghĩa « dân bộ kháng chiến » nhằm tạo quanh mình một chút ít hào quang giả nào đó để dễ bề khoác lác, lừa bịp, hoạt động chống lại cách mạng.

Thực ra, dư luận Saigon cũng đã từng vạch mặt chỉ tên con người không lương thiện này từ lâu. Sau khi thấy Côn viết bài ca ngợi Minh Võ (1) và của một số tên bồi bút khác dưới bút hiệu là Nguyễn, Nguyễn Ngu Ý sợ dư luận hiểu lầm, đã phải vội vã thanh minh trên báo Saigon rằng « Nguyễn của tôi 1 ngắn » (Nguyễn Ngu Ý cũng có bút hiệu là Nguyễn) chứ không phải là Nguyễn — Y dài của Nguyễn Mạnh Côn *. Thế Phong, trong *Nhà văn, tác phẩm, cuộc đời* (2) cũng đã từng chỉ thẳng thẳng rằng Côn là một thứ « tri thức côn đồ », một thằng « điếm văn chương ». Ngay Nguyễn Mạnh Côn cũng đã thú nhận là « một vai trò bác (ở Saigon) đã công kích, nói bóng nói gió cả đời tư tôi » rằng « tôi là một thằng khốn

kiếp, lẳng mạp cả cụ Nguyễn Du, trong khi bản thân tôi bần thiều từ đầu đến chân » (Phòng văn của *Bách khoa*, — số tháng 2-1962).

**Sợ chi đen xuyên suốt chặng đường
25 năm cầm bút**

« Văn tức là người ». — Câu nói bất hủ ấy càng lại rất đúng với trường hợp Nguyễn Mạnh Côn. Con người thật ngoài đời của y và bóng dáng của y trên những trang tác phẩm chỉ là một.

Côn bước vào con đường làm tay sai cho bọn giặc cướp nước bằng cái nghề làm tỉnh báo cho đơn vị « Thần Cốc bộ đội » (3). Từ đó đến nay, Côn đã ba lần mặc ba thứ áo lính khác nhau : sĩ quan tỉnh báo Nhật, sĩ quan liên lạc quân Lu Hán, sĩ quan « đồng hóa » của cái gọi là « quân đội cộng hòa ». Nhưng nếu kể về cuộc đời cầm bút thì phải tính từ lúc y nhận tiền của cơ quan ngoại giao Nhật tại Hà Nội để ra tờ tuần báo *Thông tin* (1943) tuyên truyền cho chính sách « Đại Đông Á ». Cứ nhìn tôn chỉ và mục đích những tờ báo, tạp chí do y làm chủ nhiệm, hoặc chủ bút, từ tờ *Thông tin* đến tờ *Phục quốc*, từ tờ *Tin tức* (sau khi « dinh tề » về thành) đến các tờ *Văn hữu*, *Chỉ đạo* (trong những năm đầu di cư vào Nam) người đọc thấy rất rõ chân tướng phản động của Nguyễn Mạnh Côn, kẻ đã làm tay sai liên tiếp hết Nhật đến Tàu Tưởng, Tây rồi lại Mỹ. Có thể nói trên đất nước này có bao nhiêu gót giày xâm lược đặt lên, thì đều có bóng dáng y bám chặt theo một bên.

Vốn là con quan, sớm ăn chơi trụy lạc, nghiện thuốc phiện từ năm 21 tuổi, Côn đã

(1) Văn số 103 — Saigon, tháng 4-1968.

(2) Tin sách, Saigon, tháng 6-1963.

(3) Đại nam văn hiến xb. Saigon, 1965.

(4) Tên riêng của phái bộ quân sự Nhật đặt tại Hà-nội từ năm 1941-1945.

trượt dài trên con đường sa đọa, phản động. Đặc biệt từ sau ngày theo bọn cướp vào Nam, tính chất bị đi của một tên bồi bút thực thụ đã bộc lộ trắng trợn. Năm 1962, trả lời phỏng vấn của tạp chí *Bách khoa*, Côn nói không úp mở: « Tôi viết vì nhu cầu *chính trị* và nhu cầu *kiếm sống*. Tôi chưa hề thấy sáng tác vì yêu văn nghệ ». Câu nói ấy cho chúng ta thấy gì? Nó không chỉ là lời phủ định cái tâm hồn « nghệ sĩ », tâm hồn « trí thức » mà y và bạn bè đã từng gán cho y, nó còn cho ta thấy rất rõ động cơ của một người cầm bút.

Nhu cầu thứ nhất cho người đọc thấy rõ Côn cầm bút là để thực hiện mưu đồ chính trị của mình. Trước khi cầm bút Côn đã là một tên phản động về chính trị. Nhu cầu thứ hai giải thích nguyên nhân vì sao Côn hoàn toàn không có ý thức về thiên chức của một người cầm bút, y « ngồi xổm trên dư luận », đập bừa lên nhân cách không một chút e dè để hòng đạt đến một nấc thang danh vọng nào đó.

Qua các cuốn *Chống Mác-xít*, *Việt minh*, *người đi đâu?* (1) đến *Kỳ Hoa Tử* (2), *Mỗi tỉnh màu hoa đào* (3)... người đọc thấy toát lên một tinh thần phục thù giải cấp cao độ — động lực chính thức đẩy Côn chống lại cách mạng một cách điên cuồng. Côn hân học, bắt mấu về cái địa vị ăn trên ngồi trốc đã bị truất phế. Y luyện tập một cách cay cú mỗi khi nhắc lại cái nhà in có mấy chục công nhân do y làm chủ ngày trước và những trại ập ở hai huyện Cẩm-giang (Hải-hung), Thụy-anh (Thái-binh) do người bố y tước đoạt của nông dân trong thời kỳ làm tri huyện. Tuy cuộc sống bây giờ có bơ có sữa của Mỹ, Côn vẫn còn thêm cái quá khứ « vàng son », những ngày cùng bố chỉ huy hệ đề, thu thuế, xử kiện hoặc bần tiện trị dân với bọn đồng liêu. Tâm trạng Côn còn bị giày vò bởi cái giấc mơ « chiếc ghế thứ

trưởng hạt » mà Nguyễn Hải Thần đã hứa dành cho y trong một đêm đông năm 1945 tại một ngôi nhà ở phố Hàng Bún, Hà-nội. Càng suy nghĩ về thân phận ngày hôm nay, y càng ức. Càng ức y lại càng ra sức trở tài khuyến mãi.

Cũng trong lần trả lời phỏng vấn của tạp chí *Bách khoa*, Côn nói: « Tôi viết truyện là viết theo chỉ thị của cấp trên. Lời thứ nhất đó nhất quán với hành động của Nguyễn mạnh. Côn từ trước đến nay. Mỹ—nguy cần gì là có ngay tiếng nói của Côn. Lòng thâm thù đối với cách mạng và tham vọng cá nhân quá lớn đã ăn sâu vào não tủy của y. Để phục vụ mưu đồ của bọn thống trị, Côn sẵn sàng bê công ngời bút, đổi trắng thay đen, biến phải thành trái. Xin nêu ra đây một số trường hợp :

Ái đã từng sống trong không khí tương bừng kỳ diệu của những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám chắc sẽ suốt đời khó mà quên những ấn tượng sướng vui hồ hởi khi Tổ quốc đã thật sự thuộc về tay nhân dân. Chính Côn cũng đã từng bị cuốn hút trong cơn bão táp cách mạng của những ngày Hà-nội đứng lên đoạt lấy chính quyền. Nhưng trong *Lục đường vào lịch sử* (4) và *Mê hồn trận* (5). Côn đã miêu tả sự kiện lịch sử đó theo một kiểu hoàn toàn xuyên tạc. Côn viết: « Đồng bào ta hết say rồi mới thấy độc lập chẳng có gì khác ngoại thuộc cả, nghĩa là vẫn phải làm mới có ần (...) Những tấm banderole trưng khẩu hiệu *Thà chết không trở lại đời nô lệ* bắt đầu phôi minh một cách trơ trẽn ngang đường không ai nhìn » (1).

Đối với chính quyền nhân dân và trật tự cách mạng lúc bấy giờ, Côn cho đó là « một sự

(1) *Sai-gòn*, 1961.

(2) Nguyễn Đình Vương xb. *Sai-gòn*, 1961.

(3) *Giao điểm* xb., *Sai-gòn*, 1965.

(4) *Giao điểm* xb., *Sai-gòn*, 1964.

(5) *Văn học số 8*. *Sai-gòn*, 6-1963.

đáo lộn trần đầy tội lỗi», là «sự hỗn loạn, mất tôn ti trật tự, là những lỗi lầm không thể tha thứ được...». Cách xuyên tạc lịch sử trắng trợn và thô bạo trên đây đã làm cho bất kỳ ai còn chút lương tri, có chút tinh thần tôn trọng sự thật đều phải phẫn nộ. Uyên Thao một cây bút chẳng phải là cộng sản, cũng chẳng phải là Việt-minh, đã viết những giòng phê bình khá gay gắt về tập *Lạc đường vào lịch sử* như sau: «Đó là một việc không đáng làm, không đáng viết. 300 trang sách chỉ nhằm thanh minh một điều nào đó... như sự thất bại của một đoàn thể, sự nghiêng ngả của một người. Cả một chuỗi ngày dài sôi lửa bỏng đã trở thành một tấm giấy bọc hàng» (1).

Bọn Mỹ — nguy cần có những hình ảnh khủng khiếp, đen tối về chế độ xã hội chủ nghĩa để phản tuyên truyền, Côn dựng ngay lên một xã hội miền Bắc với những cảnh «báo thù» bằng cách «cắt lưỡi, rạch miệng, moi gan», những cảnh «lao động khổ sai» đầy dọa, giẫm đạp, cầm... Tên bồi bút lại còn vờ thương khóc cho «hơn chục triệu khối óc của đồng bào miền Bắc đang bị giới hạn, kim giữ trước cánh cửa mở vào môi trường sáng tạo...» (*Một mùa xuân đầy máu*) (2).

Sau đòn tổng tấn công của Quân giải phóng trong dịp tết Mậu thân, bọn đế quốc Mỹ và nguy quyền tay sai đã huy động toàn lực bộ máy chiến tranh tâm lý để ổn định tinh thần nội bộ, lấp liếm những thất bại thảm hại của chúng, đồng thời hạn chế ảnh hưởng thẳng tay của cách mạng. Một lần nữa Nguyễn mạnh Côn đã bộc lộ hết bản chất xấu xa của y qua hàng loạt bài trên các báo *Văn*, *Bách khoa*, *Tiến tuyến* v.v...

Trong *Một mùa xuân đầy máu và Tiếng cười của lửa*, Nguyễn mạnh Côn chủ bới, đã kích lung tung. Bất cứ một giọng lưỡi vu khống của quan thầy, y cũng nhai lại cái điệp khúc cũ

rich: miền Bắc xâm lược miền Nam. Y đã kích thậm tệ những trí thức ở Huế và Sài-gòn mà y cho là «đã xuống dốc ghê quá», đã mất tin tưởng ở chế độ Mỹ — nguy, đã quá hoang mang lo sợ. Y than phiền: «Cái làm cho tôi thất vọng là sự thức tỉnh chậm chạp ở rất nhiều bạn hữu của tôi» (*Tiếng cười của lửa*). Côn còn tỏ ra bảo hoàng hơn cả vua. Thấy một số phóng viên Mỹ và phương Tây đưa tin thắng lợi của Quân giải phóng và thất bại của Mỹ — nguy tương đối khách quan, y cho đó là «một sự mặc hờn», là «bị ám ảnh bởi chiến thắng Điện-biên-phủ của cộng sản». Y trách những nhà báo Mỹ tại sao lại «tin tưởng vào báo chí và những lời tuyên bố của các lãnh tụ cộng sản, hơn tin tưởng vào những lời tuyên bố của các nhà lãnh đạo của chính nước Mỹ của họ» (TCCL). Nguyễn mạnh Côn còn đóng vai hầy cái trắng trợn cho bọn xâm lược. Y cho rằng chính cộng sản đã «kêu gọi» người Mỹ ở lại để hàng chục sư đoàn quân vào miền Nam chứ không phải bọn nguy quyền tay sai bán nước. Y lập luận rằng vì cộng sản để ra khẩu hiệu chống Mỹ «từ khi trên lãnh thổ miền Nam này chỉ có một tòa đại sứ và một đoàn chuyên viên của trường Đại học Mi-si-gan gồm 70 nhân mạng». Theo y thì lực lượng vũ trang giải phóng của nhân dân ta lại là «quân đội viễn chinh»! (T.C.C.L.).

Tuy nhiên, qua những bài bút ký với lời lẽ hùng hổ ấy, người ta thấy rất rõ nỗi hoang mang, giao động từ trong tim đen của Côn. Y giờ giọng làm cứng, chủ bới, đã kích lung tung là để trấn an những người khác nhằm nuốt trôi những đồng bạc bội thối của chủ. Đó là ngôn bíp nhà nghề của những tên «tâm lý chiến». «những tên tác động tinh thần». Vì chính y cũng phải thú nhận là đã trải qua «những đêm

(1) *Tin tức* số 52, Sài-gòn, 10-1963.

(2) *Văn* số 102, Sài-gòn, 3-1968.

đai gối chân dẫm ướt mồ hôi» tại một xô
xình nào ở Saigon trước những đòn như trời
giáng của Quân giải phóng. Y viết: « Tôi không
hiểu, không tài nào hiểu được — và một khi
không hiểu được thì tôi sợ — cái lý do nào
khiến cho những đơn vị tương đối nhỏ của
cộng sản, không hề bị lộ, không hề bị ket...
cứ bám lấy những khu Hàng Xanh, Nguyễn
Kim, Bà Quẹo, Cổng Mới mà đánh mãi... »
(M.M.X.Đ.M.).

Lo lắng và sợ hãi là căn bệnh thường
xuyên của những kẻ phi nghĩa, những kẻ đang
dấn mình vào con đường bất chính. Người ta
có thể dễ dàng đọc rõ điều đó ở Nguyễn Mạnh
Côn. Côn đã từng nói là y « có thấy xấu hổ »
và « cái thằng người luân lý » trong tâm hồn
y « lúc nào cũng phần nộ » v.v... nhưng Côn
ngày vẫn cứ đi sâu vào kiếp bồi bút đầy
túi nhục.

Cái chiêu bài « kháng chiến »

Trong hàng ngũ bọn phản động tay sai
(kể cả những tên bồi bút) có một loại người
khá nguy hiểm. Đó là những kẻ đã từng theo
kháng chiến một thời gian rồi phản bội đầu
hàng địch. Bọn này thường không từ một điều
gì xấu xa, bỉ ổi mà không làm. Kẻ địch biết
rõ điều đó nên tìm cách mua chuộc, khai thác
khả năng bọn này để đánh phá phong trào,
đánh phá cơ sở cách mạng.

Một mảnh lối phổ biến nhất mà những
tên đầu hàng, phản bội hay dùng là lấy cái
chiêu bài « cán bộ kháng chiến » làm cái áo
khác bên ngoài để lừa bịp, xuyên tạc. Chúng
bịa đặt ra trăm nghìn câu chuyện do bần về
chủ nghĩa cộng sản nhằm gây nên tâm lý hoài
ngại sợ hãi trong lớp quần chúng lâu nay sống
trong vòng vây của những tư tưởng nô dịch,
chưa hiểu biết mấy về cách mạng và kháng
chiến.

Nhưng nếu những tên phản bội, đầu hàng
thông thường nguy hiểm một phần, thì những
tên làm văn, làm báo, những tên hoạt động
trên lĩnh vực tinh thần, một khi chạy về hàng
ngũ địch, lại còn nguy hiểm hơn. Cứ như
lại hành động của những tên đã từng chui vào
các cơ quan kháng chiến một thời gian rồi sau
đó bỏ về đầu thú địch như bọn Chu Tử, Tô
Văn (tức Bùi Bá Nhân, Minh Đạo), Võ Bằng,
Võ Phiến, Đỗ Tấn, Nguyễn Mạnh Côn, Đinh
Hùng v.v... thì rõ. Một nhà văn miền Nam đã
viết rằng khi lương tâm của một kẻ cầm bút
đã bị chìm xuống cống rãnh, thì việc bán thân
xác của cô gái giang hồ vẫn còn sạch sẽ hơn
nhiều. Cuộc đời của Nguyễn Mạnh Côn và bè
lũ quạ là như vậy.

Đọc Nguyễn Mạnh Côn, ngoài những tác
phẩm nói xấu, xuyên tạc và vu khống trắng
trợn các cán bộ cách mạng như Kỳ Hoa Tử,
Vay bằng máu trả bằng đời (1) Truyền một
người trả nợ cho dân tộc (2), Một vụ án trong
vùng tề (3) v.v... người ta thấy y còn dựng lên
khá nhiều câu chuyện kỳ dị để tô vẽ một
Nguyễn Mạnh Côn « kháng chiến ».

Nếu giai đoạn làm tay sai cho Nhật và
Tàu Tưởng đã được Côn kể lại khá tỉ mỉ trong
một số hồi ký, từ việc in bạc giả, buôn súng
lậu, tổng tiền giữa thủ đô Hà-nội đến những
cảnh lên voi xuống chó (4), thì cái quá trình
« đi kháng chiến » của Côn lại được trình bày
theo một cách hoàn toàn khác. Người đọc chỉ
thấy « thành tích kháng chiến » của y được ghi
lại chỗ này năm ba dòng, chỗ khác một đoạn
rất rác trong các truyện, bút ký, hồi ký. Bằng
những mẫu chuyện kể vụn vặt về kháng chiến,
mà phần nhiều là không đầu không đuôi, Côn

(1) (2) Kỳ Hoa Tử, Nguyễn Đình Vương x.b.
Saigon, 1960.

(3) Văn học số 35, Saigon, 4-1963.

(4) Mề hồn trận, Văn học, Saigon, số 17-18
6-1963.

đã khôn khéo đánh lộn sòng giữa hư và thực. Y đã phả vào các trang sách viết về những ngày « tham gia kháng chiến » của y một làn khói ảo thuật trùm lên trên các sự kiện, làm cho người đọc không còn hiểu thế nào là thực, giả nữa.

Vốn là một con người « rất tự phụ », rất thích phô trương cái tôi của mình, tại sao Côn không dám viết hẳn ra những tập hồi ký « kháng chiến » như hồi ký về những ngày làm cho Nhật, hay hoạt động cho đảng của y ? Đó cũng là điều chẳng lấy gì làm khó hiểu cho lắm. Đọc các tập sách viết về kháng chiến của y, lúc thì người ta gặp Nguyễn Mạnh Cón với vai « du kích xã », lúc thì là cán bộ « ba cùng » với nhân dân, và cũng có lúc y tự xưng là một cán bộ quân sự. Đây là đoạn viết về trận tác giả « chỉ huy » đánh một đồn Pháp ven bờ sông Thao : « Tôi bác ý (tên quân Lê-dương) tôi là trung đội trưởng, y không tin. Nhưng khi thấy tôi thôi còi tập hợp được anh em thì y qui xuống, vái tôi. Tôi không kịp nghĩ, phóng thẳng lưỡi lê cắm trên đầu súng vào ngực y. Y còn tiếp tục vái nữa, và khi tôi rút mạnh tay, máu tươi vọt theo lưỡi lê, y mới ngã úp mặt xuống đất » (*Một mùa xuân đầy máu*). Rõ ràng là Côn đã cố tình xuyên tạc để bôi nhọ người chỉ huy quân sự cách mạng. Y viết về những người nông dân ở Phúc-Yên như sau « Tây đến làng họ, nhưng họ không hiểu vì sao Tây đến đốt làng họ ». Đối với họ thì « Việc nước cũng xa xôi như việc trời » (*Vay bằng máu trả bằng đời*). Người nông dân trong vùng kháng chiến thì như vậy, còn cán bộ cách mạng thì sao ? Côn viết : Chính sách « quân chủng hóa sinh hoạt cán bộ » của Đảng đã bắt cán bộ, đảng viên « phải học ăn, học nói như nhân dân », nghĩa là « ăn cơm muối, uống nước lã mà ăn phải nhanh uống phải sục sạo ». Trong gia đình thì « không cần thưa gửi bố mẹ, sẵn sàng chửi

bới vợ con » (*Anh chờ em trong nghĩa nặng vợ chồng*). Người đọc lại còn gặp Côn đi « kháng chiến » bằng cách « ăn thịt chó, thịt mèo, thịt chuột, ăn cả gan giặc nấu lẫn với cháo gà » (*Mỗi tỉnh màu hoa đào*). Có điều là tác giả không nói rõ đã ăn gan giặc trong trường hợp nào ? Và « giặc » ở đây là ai ? Điều đó không thể không làm cho người ta hoài nghi, bởi vì cái khái niệm về giặc của tác giả vốn rất « cơ động ». Nó « cơ động » như cái lưỡi của những tay bôi bút nhà nghề vậy.

Có thể kể rất nhiều chi tiết viết về kháng chiến của Nguyễn Mạnh Cón với một động cơ đen tối, từ những điều thiếu vắn về cái « quân Tam-dân », hõn danh « Anh hùng quân » ở lưng Đèo Khế (*Em chờ anh trong nghĩa nặng vợ chồng*), đến chuyện diệt đồn núi Đanh (?) ở Vinh-yên với « 800 xác bộ đội Việt minh ngã gục » (*Vay bằng máu trả bằng đời*) hoặc những vụ không bịa đặt về chính sách tàn bạo của Đảng cộng sản đối với đảng viên v.v... Cái mảnh lời trộn lẫn giả với thật, xấu với tốt nhằm lung lạc lòng tin và đánh lừa những ai chưa từng hiểu biết về kháng chiến được Côn áp dụng triệt để.

Nhưng đến câu chuyện Côn bị « cưỡng bức » vào Đảng cộng sản Đông-dương (1949) trong hồi ký *Một truyện ngắn không đặt tên* (còn có tên gọi là *Hồi ký gửi các con cháu*) (1) thì chân tướng anh chàng « cán bộ kháng chiến » Nguyễn Mạnh Cón hoàn toàn bị bóc trần. Bộ mặt bip bợm và khoác lác của y đã lộ tẩy một cách trắng tráo. Côn viết : « Trong một cơn ốm nặng, viên chủ tịch tỉnh (?) được cấp báo đến hỏi tôi nếu bằng lòng tuyên thệ vào Đảng, y sẽ chữa khỏi ngay. Tôi nhắm mắt lại không trả lời. Toàn thân tôi run lên một cơn giận không bờ bến ». Năm tháng sau,

(1) Kỳ Hoa Từ, Nguyễn Đình Vương x.b. Sài Gòn 1960.

cũng lại « viên chủ tịch tỉnh » ấy đã tặng cho Côn một số tiền để « đi tàu về » vùng dịch với lời dặn dò : « Tôi cứu anh, vì tin anh có thể có ích nhiều cho cách mạng » (1).

Thiết tưởng cũng chẳng cần phải truy nguyên câu chuyện « bị cưỡng bức » vào Đảng trên xảy ra ở đâu ? « Viên chủ tịch tỉnh » ấy là ai, ở tỉnh nào ? Vì nó cũng giống như chuyện « ăn gan giặc nấu lẫn với cháo gà » hay trận hạ đồn núi Đanh với « 800 xác bộ đội Việt minh ngã gục ». Tên thầy bói Nguyễn Mạnh Côn toan nấp dưới chiêu bài kháng chiến, chơi bài Tây, tưởng rằng có thể bị được thiên hạ. Dung ý xấu xa của Nguyễn Mạnh Côn đã quá lộ liễu. Y muốn hạ uy tín của Đảng cộng sản Đông-dương bằng cách đánh đồng nó với cái đảng « Đờ buồn » của Chu Tử, hay các đảng « Rân ri », đảng « Bui đời » của bọn du đảng nhan nhản ở Saigon. Cái thủ đoạn phản tuyên truyền bằng cách đánh lộn sông trắng với đen rõ tiền này làm sao lừa bịp nổi quần chúng, nhất là quần chúng ấy lại là đồng bào miền Nam, những người đã từng hiểu Đảng và sống chết một lòng với Đảng hàng mấy chục năm nay.

« Chủ nghĩa quốc gia »
hay « lý tưởng xôi thịt » ?

Cái là chân thứ hai mà Nguyễn Mạnh Côn hay dùng để che đậy những hành vi đen tối của y là cái chiêu bài « chủ nghĩa quốc gia ». Có lẽ trong số những tên đảng viên Quốc dân đảng hay Đại Việt theo chân bọn đế quốc chạy vào Nam, Côn là kẻ nói nhiều và ồn ào nhất về cái « chủ nghĩa quốc gia » và cái « lý tưởng chống cộng » của y. Qua hàng nghìn trang sách bao gồm những hồi ký, truyện, tiểu luận v.v., Côn muốn đánh lừa dư luận rằng y cũng là một con người « có tâm huyết », một loại « anh hùng mã thượng »,

một « nghệ sĩ — trí thức » có lòng ưu ái với dân với nước, nhưng chẳng qua vì sinh bất phùng thời nên phải làm một nhân viên của đài phát thanh Saigon vừa làm nghề bán chữ. Gào đây, trong *Mỗi tỉnh màu hoa đào*, giọng điệu ấy lại một lần nữa được lặp lại. « Hoài bão của tôi lần này đã to tát hơn. Công việc xây dựng một nhân sinh quan lấy tự do và giá trị cá nhân làm căn bản, nếu toại thành, tuy có thể làm tan rã hệ thống « đảng » của cộng sản thật đấy, nhưng hoài bão của tôi là giúp bạn đọc tìm sự yên vui chứ không giúp bất cứ ai tìm đến chiến thắng và quyền lực ». Vẽ dễ đặt ra là có thật Côn đang chiến đấu cho một lý tưởng, một chủ nghĩa quốc gia nào đó không ? Có phải Côn hoạt động chống đối cách mạng vì một lý do là « không chịu chấp nhận » cái điều mà hắn gọi là « ý chí quyền lực của chủ nghĩa cộng sản » ? — Không ! Ở y, không hề có chút gì đáng gọi là lý tưởng cả. Những danh từ « chủ nghĩa », « chiến sĩ » của Côn đều là giả dối và lừa bịp. Quá khứ và hiện tại của cuộc đời y là một kiếp thân lưu, một cuộc đời « bần từ đầu đến chân » như y đã từng nói — bần về tư tưởng, bần trong hành động và cả trong nhân cách. Côn chẳng dă nói « Nhất, Pháp khéo dùng người, tôi có thể trở thành một Cung Đình Vận thứ hai » đó sao ? (1). Cái chiêu bài « quốc gia » thực chất chỉ là cái móc để che đậy bản chất phản dân hại nước của y mà thôi. Làm gì có tình thần quốc gia, dân tộc ở những kẻ đã tuyên bố « Biên giới Hoa-kỳ kéo dài đến vi tuyến 17 ». Cũng như làm gì có thứ « danh dự làm người » ở kẻ cầm bút đã gọi quân cướp nước là bè bạn và phục vụ chúng vô điều kiện. Đối với Côn chỉ có một thứ lý tưởng, đó là « lý tưởng xôi thịt », « lý tưởng bơ sữa ».

(1) *Mỗi tỉnh màu hoa đào*, *Giao điểm xã*, Sài-gòn, 1960.

Con người « chống đối thường trực », « tìm kiếm thường trực » ấy có lúc cũng chẳng cần mầu mè để che giấu những việc làm đen tối. « Tôi được cơ quan nghiên cứu chính trị — xã hội (tức Nha chiến tranh tâm lý — TP) trợ cấp cho mỗi tháng 10.000 đồng để viết văn chống cộng. Nhưng cơ quan này không phải là một tờ báo, nên 10.000 đồng thực là cho không... Tôi viết cho đài phát thanh Saigon mỗi tháng kiếm chừng 12.000. Tôi phải viết 50.000 chữ tức là 130 tờ đánh máy. Giá trung bình 4 chữ được 1 đồng. Nhưng cái khó là nghĩ làm sao cho có được từ 15 đến 20 đề tài để viết » (Bách khoa, số tháng 2-1962). (Xin mở ngoặc nói thêm rằng, lúc bấy giờ một công chức trung bình trong quyên miền Nam chỉ có từ 2.500 đến 3.000 tiền lương mỗi tháng).

Gần đây, trong bài bút ký *Tiếng cười của tôi*, Côn lại thanh minh trước dư luận như sau : « Có người hiểu lầm cho rằng tôi suy tôn người này người nọ để kiếm chút đỉnh lợi lộc. Sự thật là có đôi ba lần tôi được trả công đầy đủ, nhưng có nhiều lần hơn, tôi không được trả công chút nào... Việc nhỏ làm chóng xong, không phải trả tiền, việc làm dài ngày, có thể tính tổng quát từ một đồng đến ba đồng một chữ ». Những lời trên đây đã bộc lộ rõ cái lý tưởng mà Côn tôn thờ.

Cách đây không lâu trên tờ báo *Sống*, một bạn cánh hữu của Nguyễn Mạnh Côn trong cái tập đoàn « Kỳ giả chống cộng di cư » là Chu Tử đã đưa ra một lập luận có tính chất triết lý khá thú vị : « Nghĩ cho cùng trong cõi thế gian này, tất cả đều bắt nguồn từ « Cà rốt » để đi tới « Cà rốt ». Chỉ có một thứ chủ nghĩa — « Chủ nghĩa Cà rốt », chỉ có một thứ lý tưởng — « Lý tưởng Cà rốt » chỉ có một nhân sinh quan : « Nhân sinh quan Cà rốt », một triết lý : « Cà rốt ». Vì « Cà rốt », Mỹ đem quân

can thiệp miền Nam, vì « Cà rốt », Mỹ cấp sủi rút lui khỏi miền Nam... Vì « Cà rốt », chúng ta phân hóa, lục đục, cãi nhau, chỉ chóc như chó với mèo, ăn bần, ăn gian, tham nhũng thối nát ». Nói theo các nhà văn miền Nam, đó là một nhận xét khá « sống động ».

★

Chủ nghĩa thực dân kiểu Mỹ để ra tên cao bồi vừa làm « thủ tướng », vừa buôn thuốc phiện lậu và kiếm nghề kinh doanh nhà thổ như Nguyễn Cao Kỳ và những tên ác ôn xăm trên ngực bên này hình đàn bà cỡi trường, bên kia hai chữ « sát cộng », thì đồng thời cũng để ra những tên bồi bút loại như Nguyễn Mạnh Côn. Trên bước đường thất bại nhục nhã của chúng, bọn cướp nước lại còn cần hơn bao giờ hết những tên bồi bút, những tên « điểm văn chương » cũng chẳng kém gì chúng cần những tên côn đồ, ác ôn. Một loại đề thi hành chính sách giết sạch đốt sạch, một loại đề sản xuất ra những liều thuốc mê tác động tinh thần có « nồng độ » cao để đầu độc quần chúng. Hai nhiệm vụ, nhưng cùng một mục đích là chống lại cách mạng, chống lại nhân dân, hay nói theo kiểu chúng nó : « chống cộng ». Tinh thần đó quán triệt sâu sắc trong câu nói của Nguyễn Mạnh Côn : « Nếu chúng ta ngừng một phút không lo việc chống và đánh cộng sản, thì tất cả sự nghiệp của chúng ta sẽ đổ vỡ, không thể nào cứu vãn lại được nữa » (1).

Gần đây Côn khoác lác rằng y sẽ chờ bốn năm nữa « nếu không ai thay đổi được cục diện miền Nam, cứu miền Nam khỏi tay cộng sản » thì y sẽ ra ứng cử « tổng thống ». Y nói « tôi sẽ dùng bốn năm nữa để làm cho tôi trở nên trong sạch, rồi sau đó, xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ, ứng cử quốc trưởng, tôi sẽ

(1) Ôn có tri tân — Văn học — Sài-gòn, số 1, tháng 3-1963.

đứng ra thể hiện những suy tư của chính tôi.
(T.C.C.L.).

Con ech Nguyễn Mạnh Côn, giờ đây lại muốn làm con bò. Thật đúng là lời lẽ của một tên nghiện chuyên nói phét quanh chiếc bàn đèn!

Điều gì sẽ xảy ra sau «bốn năm nữa» khi mà sự sụp đổ của cái ngụy quyền miền Nam mục nát đang được tính từng tháng, từng ngày? Không! Sẽ không bao giờ có con đường sống cho bọn phi nghĩa. Lịch sử đã chứng tỏ điều đó. Chỉ có một con đường sống là con đường đi với nhân dân, đứng về phía nhân dân mà chiến đấu. Trong các hồi ký, Côn có kể lại hai lần suýt chết vì tội làm viết gian, nhưng được tha vì chính quyền cách mạng

«chiếu cố». Côn là một kẻ nghiện ngập. Nếu quả đúng như vậy, thì cũng chớ lạm dụng sự rộng lượng của nhân dân. Đối với Nguyễn Mạnh Côn, nếu có điều đáng «suy tư» thì không phải «suy tư» về lòng khoan hồng độ lượng của nhân dân, để mà ăn năn, cải tà quy chính, trở lại làm người (1).

(1) Trong phạm vi bài này, chúng tôi mới nói về Nguyễn Mạnh Côn qua sách báo do y viết ra. Muốn đánh giá cho đúng và cho hết nhân sinh quan sa đọa và thế giới quan phản động của Côn, thì phải kể phần quan trọng thứ hai là phần y viết hàng ngày cho đài phát thanh Sài-gòn, nơi y đã làm việc 8 năm nay và có khi cả dài «Tiếng nói Hoa-kỳ» trong các mục «bình luận», «bên kia bức màn sắt», «kinh nghiệm cộng sản», «chiếu hậu», «diễn đàn tự do» v.v... (T.P.).

○

Đem đầu mà đóng

Sau thời kỳ khởi sắc 1955-1960 loạn truyện ngắn, với những sáng tác tuyệt diệu của Mai Thảo (Người đàn bà trong vòng đai trắng), Doãn Quốc Sỹ (Chiếc chiếu cạp điều), Bình Nguyên Lộc (Rừng mẫm) v.v... bạn đọc gần đây nhận thấy các báo định kỳ đăng rất ít truyện ngắn. Mà có đăng thì cũng là truyện ngắn... trích từ truyện dài. Vì hầu hết các cây bút vững chắc đều xoay ra viết truyện dài cho nhật báo. «Truyện ngắn khó viết» hầu hết mọi người đều nói như vậy.

Thấy thế, tòa soạn CHÍNH VĂN tự đặt mình trước một thách thức: làm thế nào để mỗi số phải có ít nhất là 3 truyện ngắn, thật sự là truyện ngắn. Trong số này bạn đã đọc truyện của Đặng Trần Huân, Nguyễn Mạnh Côn (tiếp theo và hết Steven Peters (dịch) và Apollinaire (dịch)). Và ngay từ nửa tháng trước, tòa soạn C.V. đã đi tìm truyện ngắn cho số 3.

Và, trong khi đó, cũng xin cấp báo đến các đồng nghiệp ở xa, nhất là các đồng nghiệp trẻ trong quân đội. Xin các bạn vì bạn đọc mà cố gắng. Tòa soạn C.V. chờ đợi tác phẩm của bạn với những cảm tình thành thật và nhiều tin tưởng nhất.

đôi lời của kẻ bị nguyên rủa

Ngay trong tờ báo mà tôi chủ trương, tôi sẽ mắc lỗi tự dễ cao mình nếu bài trên đây có một lời, chỉ một lời, khen tặng. Nhưng lời khen tặng đã không có, cho nên tôi có thể cho đăng lại những lời phỉ báng của ông Thạch Phương mà không sợ đắc tội với bạn đọc.

Thành thật mà nói, tôi muốn bạn đọc có dịp thấy báo chí ngoài Bắc viết về một trong những tác giả quen thuộc của bạn như thế nào, Và, như đã được công bố trong số báo trước, tòa soạn Chính Văn xin đợi chờ phản ứng của bạn: chúng tôi cam kết có đủ ngay thẳng để đăng bài nào hay nhất (về phương diện lập luận phê bình) mà không kể rằng bài đó bênh vực hay công kích Thạch Phương — nói riêng về thuận tiện cá nhân, bài bênh vực Thạch Phương có phần nào dễ đăng hơn, đối với chúng tôi.

Tôi được biết trong miền Nam này cũng có nhiều bạn đọc rất kỹ và có đầy đủ tài liệu, không kém gì Thạch Phương. Nhưng, dù sao tôi cũng muốn ghi nhận một vài điều sai lầm về tài liệu của T.P., mà bạn đọc không thể tìm đâu thấy bằng chứng:

1.— Tôi không bao giờ là chủ nhân một nhà in có mấy chục thợ. Năm 1941 và 1943, tôi có trông nom nhà in cho ông Mai Du Lân là em ruột mẹ tôi. Mẹ tôi làm nữ hộ sinh ở Thụy Anh, không hề có trại ấp. Cha tôi tuy có làm quan, lúc về hưu có một cái ấp ở Lê xá, Hải dương, nhưng ấp do tên di Ba tôi đứng mua. Ấp cũng như nhà, sau này, ở Sài-gòn, đã đứng tên di tôi là tôi tuyệt đối không dự phần hưởng thu hoặc thừa kế này may nào. Nói tóm lại, tôi không thừa hưởng gì, và lại từ năm tôi 20 tuổi, đã cam đoan không chia chác gì về tài sản của cha tôi.

2.— Tôi không bao giờ nói hoặc viết, mình "ngồi xồm lên dư luận". Tôi có nhắc đến câu này khi thuật truyện bạn Nguyễn Hoạt viết trái hẳn những điều tôi trình bày trong buổi nói chuyện với các bạn sinh viên Quân y, và khi tôi yêu cầu cải chính thì ảnh viện lẽ "chúng mình ngồi xồm lên dư luận" để từ chối.

3.— Sau hơn 30 năm một đời sống cực nhọc, tôi được có nhiều phút sung sướng thần tiên, nhưng chưa bao giờ có nhà cửa, xe hơi v.v... Hiện tôi ở nhà thuê và đi làm bằng xe đạp. Các con tôi đều học ở Sài-gòn. Còn về mọi vấn đề khác, chúng tôi xin chờ đợi cao kiến của bạn đọc.

N. M. C.

steven peters

TRUYỆN

TÊN TỬ TỘI

Lã Bình sẽ chết vào đúng 12g30 đêm mai. Tôi có thể xác định rõ ràng như vậy vì nhà nước sẽ cho gã lên ngồi ghế điện và nhậm lễ là đặc tình của nhà nước khi hành quyết những tên tử tội. Thật là trái ngược với những việc khác, như trả lương nhân viên chẳng hạn, thì nhà nước lại hay trì hoãn. Điều này tôi cũng biết rõ nữa vì tôi là nhà tâm bệnh học làm việc cho Khám Lớn.

Thoạt đầu thì nhiệm vụ của tôi là cải hóa tù nhân nhưng sau nhà nước nhận thấy rằng không ai có thể hoán cải một cái xác cho nên họ không đòi hỏi tôi phải tiếp xúc với những kẻ phạm tội sát nhân nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn thích điều tra những yếu tố tâm lý đã xô đẩy con người tới chỗ sát nhân. Bây giờ, thỉnh thoảng tôi cũng theo đuổi một kế hoạch khảo cứu của riêng tôi về vấn đề này, chính vì vậy mà tôi gặp Lã Bình.

Kể từ ngày Lã Bình bị kết án tử, gã không được phép rời khỏi sà-lim trong dãy tử tội. Vì vậy, thay vì ngồi trong phòng làm

việc đợi người ta đưa thân chủ tới, tôi đã phải lặn lội đi suốt những dãy hành lang dài vô tận để tới sà-lim của Lã Bình. Bị cấm không được tiếp xúc với nhân loại—ngoại trừ cái ngục và vị linh mục là được thăm viếng gã—gã đã bằng lòng nói chuyện với tôi.

Trong lần tiếp xúc ban đầu, gã nói:

— Bác sĩ biết không? Từ hồi nào tới giờ tôi chỉ mong ước được làm cảnh sát. Tôi cũng đã dự cuộc thi tuyển rồi đấy chứ.

Chưa có một tên sát nhân nào nói với tôi điều đó, vì thế tôi lại càng chú ý tới trường hợp Lã Bình. Trong khi gã nói, cao quan sát gã thật cẩn thận. Gã 28 tuổi, cao thước bảy và hoàn toàn khỏe mạnh về thể xác. Gã mặc quần áo tù — áo xanh hồ cò, cái quần không hình dạng mà cũng không có cả khuy. Áo quần của tử tội khác với những tù khác ở chỗ không có khuy, không có thắt lưng và đôi giày thì làm bằng giấy ép. Tóc gã đã được cắt thật ngắn, như để nhắc nhở vụ hành quyết đang treo lơ lửng trên đầu gã.

— Đúng thế — Gã nói tiếp — Tôi trần lặc học ngày đêm để dự cuộc thi tuyển. Nhưng tới ngày thi thì tôi bỏ cuộc. Đêm tôi không ngủ, ngày không ăn. Người lúc nào cũng lao đao vì uống quá nhiều cà phê để thức học.

— Anh học thế thì đuối sức là phải.
— Tôi gọi cho gã nói nhiều hơn.

— Ấy thế mà tôi cứ cho là chưa đủ đó. Mỗi lần quá mệt muốn thiếp đi thì tôi lại tự nhủ «Thằng khùng. Bộ mày muốn trượt sao đây? Mày muốn được làm cảnh sát mà? Vậy thì phải học nữa đi». Sau ba tháng, tôi thuộc chương trình lâu lâu; vậy mà tôi vẫn còn lo' lằng.

— Khi đi thi anh gặp chuyện gì mà trượt?

— Tôi gặp đúng cái mà tôi vẫn sợ. Là tôi phát hoảng. Mẹ, tôi thuộc bài, nhưng khi thi đầu óc tôi trống rỗng. Tâm trí tôi như liệt đi, bác sĩ hiểu cái cảm giác đó chứ?

— Tôi hiểu.

Lã Bình lại hỏi :

— Nhưng tại sao tôi lại bị như vậy chứ?

— Nhiều người thường bị như vậy. Khi ngồi thi, bài vở thuộc lòng nhưng xúc động quá thành chẳng làm được gì. Bình thường có ai thích dự thi tuyển.

— Nhưng cuộc thi viết không thấm vào đâu với cuộc thi bắn buđi chiều hôm đó. Cầm khẩu súng lên mà sao tôi thấy nó nặng quá. Nâng đến nỗi tôi phải dùng tay trái đỡ lấy cổ tay mặt nặng súng lên. Tôi ngấm vào cái hình nhân làm búa mà run tới mức rằng tôi muốn rớt luôn ra ngoài vậy. Cơ thể tôi nôn nao như muốn ọi luôn bữa ăn trưa ra trước mặt mọi người lúc đó tôi chỉ muốn bỏ chạy ra chỗ

khác. Và tôi quăng súng chạy luôn một mạch không dám trở lại nữa.

— Đúng là tại vì anh bối rối quá. Nhưng tại sao anh lại thích làm cảnh sát thế?

— Tôi không biết. Ngay từ khi còn nhỏ tôi đã ước ao được làm cảnh sát. — Gã ngừng nói, mắt nhìn chiếc bóng đèn treo trên trần phòng giam — Kỳ thực. Tôi luôn luôn muốn được đứng về phía mặt của pháp luật. Bác sĩ hiểu ý tôi không?

— Hiểu chứ. Làm cảnh sát thì mọi người sẽ coi anh như pháp luật và trật tự.

— Đúng vậy — Lã Bình đồng ý — Tôi muốn mọi người... Tôi không biết phải nói sao cho đúng... Tôi luôn muốn được mọi người nhìn tôi và... mà nghĩ rằng tôi thuộc loại... hừ, loại người dám làm những hành động hung bạo.

Gã khò khần lắm mới bầy tỏ rõ ràng được ý nghĩ của gã. Gã như bối rối khi nhìn vào tâm tư. Lờĩ gã nói mở đường cho tôi thăm dò về vụ sát nhân, tôi hỏi tiếp :

— Anh muốn nói là mọi người cho rằng anh có thể giết người?

Một bắp thịt nhỏ bên hàm gã giật giật khi tôi hỏi. Ngoài điều đó không còn dấu hiệu nào chứng tỏ câu hỏi của tôi làm gã khó chịu.

— Bác sĩ cho rằng họ nghĩ đúng phải không? — Gã hỏi lại. Rồi tiếp tục kể — Sau khi trượt kỳ thi tuyển, tôi chán nản ghê gớm. Trong hai tuần liền, tôi không làm gì hết, không đi đâu hết, chỉ ngồi lì trong phòng. Tôi cũng không muốn ăn, không muốn ngủ. Rồi một hôm, tôi nhận ra rằng tôi không đủ sức làm cảnh sát.

— Cái gì làm anh nghĩ rằng anh không thể làm cảnh sát ?

— Tôi không biết. Tôi chỉ hiểu rằng tôi không làm nổi. Ý nghĩ đó đúng và tôi thấy dễ chịu hơn, thoải mái nữa, y như là tôi khám phá ra được một điều mà đáng lẽ tôi phải biết từ lâu. — Gã tắc lưỡi — Câu chuyện nghe như ngớ ngẩn, phải không bác sĩ ? Đường như khi nghĩ là mình tôi tệ, tôi lại cảm thấy dễ chịu.

— Điều đó có gì lạ đâu ?

— Sau vụ đó tôi, lại bắt đầu sống bình thường. Đúng lúc đó, tôi gặp nàng. Bác sĩ phải biết là tôi yêu nàng lắm, yêu nàng hơn tất cả mọi thứ trên đời này. Ngay cả khi biết được nàng đã phản bội tôi ... tôi vẫn yêu.

— Anh muốn nói là anh không giết nàng ?

— Không. Tôi không nói vậy. Tôi phải chết.

Rồi Lã Bình bắt đầu kể chuyện về cô gái cho tôi nghe với tất cả những nồng nhiệt của một kẻ đang yêu.

Vì câu chuyện đã kéo dài hơn một tiếng rưỡi, tôi nghĩ rằng nên chấm dứt buổi thăm viếng tại điểm này. Khi tôi đi, Lã Bình dặn:

— Lúc nào rảnh bác sĩ tới đây nói chuyện chơi. Tôi hãy còn ở đây ít bữa nữa.

Ba ngày sau, nhờ công xiệc rảnh rang tôi mới lại có dịp tìm Lã Bình nói chuyện. Tôi thấy gã có vẻ tươi tỉnh mặc dù ngày hành quyết chỉ trong vòng không tới tuần lễ. Gã hỏi:

— Bữa nay bác sĩ muốn biết gì về tôi đây ?

— Tôi muốn anh kể cho tôi nghe về thời thơ ấu của anh ?

— Được chứ. — Lã Bình đồng ý và suốt một giờ sau đó anh ta bắt đầu từ hiện tại đi ngược về quá khứ.

Trước khi hết giờ, tôi nhận xét:

— Nhưng từ này anh chưa hề đã động gì tới song thân anh.

Lã Bình ngồi yên một lát rồi nói:

— Chuyện cha mẹ tôi thì chẳng có gì. Mẹ tôi chết cách đây tám năm, vì đau tim. Tôi đã làm bà đau lòng nhiều. Tôi rất mừng mẹ tôi không còn sống để biết chuyện ... chuyện này.

— Anh làm bà đau lòng như thế nào ?

— Tôi không muốn nói về chuyện đó, — Gã trở nên bối rối.

Tôi gọi:

— Hay anh nói về ba anh cho tôi nghe.

Lã Bình bỗng đứng bật lên, bước ra phía cửa phòng giam. Tay gã nắm chặt hai cây then sắt, lưng quay lại phía tôi.

— Tôi không biết nhiều về ông, — Gã chậm chạp nói — Ông chết từ năm tôi lên sáu.

Khi gã quay lại, tôi thấy nước mắt đang chảy dài trên má gã. Gã bước về phía tôi như đe dọa, nói gần giọng:

— Tôi không muốn nói chuyện này.

— Tôi xin lỗi đã làm anh nhớ lại một chuyện buồn. Có lẽ một bữa nào đó anh dễ chịu hơn và sẽ nói cho tôi nghe.

— Có lẽ vậy. Nhưng, bác sĩ, ông cũng biết tôi chẳng còn sống được mấy ngày nữa.

— Tôi biết.

Nói xong, tôi gọi gác dan mở cửa.

TÔI thất mắc về Lã Bình. Gã không giống những tên sát nhân khác tôi đã từng biết. Đa số những kẻ kia—ngoại trừ những tên giết người chuyên nghiệp—đều tự coi là người ôn hòa, cho tới khi một hành động tàn bạo bùng nổ và dập tan những ảo ảnh họ thường nghĩ về họ. Lã Bình khác ở điểm gã tự coi gã như người có thể làm được những hành động tàn bạo.

Gã đã từng cố gắng kìm hãm tính hung bạo đó bằng cách cố trở thành một sĩ quan cảnh sát, nhưng cái hung tính đó đã không chịu bị đàn áp. Nó đã làm tê liệt trí óc gã trong kỳ thi tuyển và sự thất bại làm Lã Bình tuyệt vọng. Lã Bình cũng còn làm tôi chú ý vì gã là kẻ hành động theo một mặc cảm tội lỗi—không phải tội lỗi do vụ sát nhân như đa số những tên giết người khác cảm thấy, mà là mặc cảm tội lỗi từ một hành động hung bạo trong quá khứ. Sự tò mò thúc đẩy tôi nghiên cứu kỹ càng hơn nữa về hồ sơ của gã.

Người ta thấy có bạn gái của Lã Bình nằm chết tại nhà riêng. Hàng xóm đều biết rõ mối liên lạc giữa cô gái này với Lã Bình. Sau khi thấu hiểu được sự kiện này, cảnh sát dĩ nhiên tìm gặp Lã Bình để tra hỏi. Nghe tin cô nhân tình chết, Lã Bình sững sốt, nhưng rồi gã nhận tội. Tuy nhiên, gã kháng kháng không chịu nói gì về chi tiết vụ sát nhân. Nhưng cảnh sát dự đủ mọi chứng cứ và lý do cùng trường hợp chứng tỏ Lã Bình là thủ phạm. Cảnh sát không có bằng chứng cụ thể trực tiếp vì khẩu súng sát nhân không tìm được.

Phiên tòa xử thật ngắn ngủi. Công lý đã dựa vào lý do thông thường trong những trường hợp tương tự như vụ này: ghen. Cô gái đã gặp một người khác những khi vắng Lã Bình. Biện lý buộc gã tội sát nhân với trường hợp gia trọng. Luật sư cãi rằng đây chỉ là một vụ sát

nhân mù quáng do ghen tuông mà ra và xin cho gã được hưởng trường hợp giảm khinh. Nhưng ông luật sư cũng than phiền là Lã Bình đã không chịu hợp tác với ông ta trong việc trưng những bằng chứng bào chữa và hoàn toàn lạnh lùng trước mọi diễn biến.

Sau khi thận trọng cân nhắc trong ba mươi phút, bồi thẩm đoàn tuyên bố gã có tội với trường hợp gia trọng. Họ cũng không yêu cầu khoan hồng cho tội nhân. Và ông chánh án, cứ theo luật định, tuyên án tử hình bằng ghế điện. Thế là công lý làm xong nhiệm vụ và chỉ còn sự trả thù chờ đợi được thỏa mãn.

TRONG mấy ngày trước khi hành quyết, tôi liên tiếp yêu cầu được gặp Lã Bình, nhưng gã kháng kháng từ chối. Rồi bất chợt, bữa trước hôm thụ hình, gã lại yêu cầu được gặp tôi.

Ngồi trên chiếc ghế đối diện gã trong phòng giam, tôi ngạc nhiên thấy gã tỏ ra vô cùng bình tĩnh, như thể gã đã tìm được sự yên ổn cho tâm hồn. Nếu ngày mai tôi phải chết, tôi không thể nào bình thần được như vậy.

— Chào bác sĩ, — Gã nói — Và cảm ơn bác sĩ đã tới gặp tôi. Kể từ lần trước gặp bác sĩ, tôi đã nghỉ ngơi nhiều. Tôi chẳng biết làm gì hơn là nói chuyện một mình.

Ngừng một lát, Lã Bình tiếp :

— Bác sĩ cũng giống như ông vậy, vì thế tôi sẽ nói cho bác sĩ nghe.

— Giống ông thân sinh của anh ?

— Sao bác sĩ biết ? Đúng đó, chuyện ông già tôi. Tôi có nói với bác sĩ là ông chết rồi tôi mới lên sầu và tôi không biết nhiều về ông. Tôi dấu bác sĩ đó. Đúng ra tôi thương ông lắm. Ông cũng thương tôi lắm, — Gọng gã bỗng xuống thấp làm tôi nghe gần như không rõ — Tôi rất hối hận đã giết cha tôi.

Tôi nhòm người vì ngạc nhiên :

— Anh giết ông ?

Lã Bình gật đầu. Tôi hỏi dồn :

— Chuyện xảy ra làm sao ?

— Ông già tôi mê săn bắn lắm. Ông mê súng và cũng muốn tôi mê súng như ông. Một hôm, hồi đó tôi lên sáu, ông sửa soạn đi săn nai. Ông kêu tôi xuống bếp và đặt khẩu súng lên tay tôi. Ông quý gói xuống bên tôi để chỉ cách nhắm và bấm cò.

Gã ngừng kể, đắm đắm nhìn vào một góc phòng cố tìm lại một hình ảnh thuở thiếu ấu. Tôi cũng yên lặng. Một lát, gã nói tiếp :

— Tôi thích lắm ; ông làm như tôi là người lớn vậy. Càng nghĩ, tôi càng thấy như câu chuyện mới xảy ra ngày hôm qua. Tôi muốn đi săn với ông lắm và tôi nói với ông như vậy. Ông cũng khoái. Ông xoa tóc tôi nói rằng tôi hãy còn nhỏ, phải ở nhà với má. Rồi ông đề mặc tôi với khẩu súng, bỏ lên nhà sửa soạn đồ săn bắn.

« Tôi ham đi theo ông quá. Tôi muốn tỏ cho ông biết tôi đã lớn. Thấy hộp đạn đề trên bàn, tôi lấy một viên lắp vào súng, đứng như ông chỉ cho tôi. Khi ông bước vào bếp, tôi chia súng vào ông, tay kéo cò miệng la Bùm.

« Viên đạn trúng giữa tim và ông chết ngay tại chỗ. Tiếng nổ làm tôi rụng rời chân tay. Tôi buống cây súng như thể nó là một thanh sắt nóng đỏ. Tôi la gọi nhưng ông không trả lời. Tôi vẫn còn la chối lối khi bà già chạy vào. »

Lã Bình thuật lại câu chuyện trên với một giọng đều đều. Kể xong, gã chỉ nói :

— Suốt đời tôi, tôi cứ bút rút về

chuyện đó. Bất cứ kẻ nào giết cha là không còn được quyền sống nữa, phải không bác sĩ ? Tôi rất hối hận đã làm bố tôi chết. Rất hối hận.

Gã gục mặt vào lòng bàn tay để dấu những giọt nước mắt.

Khi tôi cố an ủi gã, gã gạt tay. Gã không lộ vẻ gì là chú ý tới câu chuyện, hoặc chú ý tới tôi. Gã chỉ đều giọng nói :

— Chuyện thế đó. Tôi không còn gì để nói hơn nữa. Bác sĩ đã nghe chuyện xong rồi thì ra đi.

Tôi đứng lên trở về phòng giấy, bỏ không tiếp bất cứ ai suốt ngày hôm đó, và trở về nhà. Câu chuyện của Lã Bình làm tôi xuống tinh thần. Tôi bữa ăn bỏ dở. Đọc được mấy trang tiểu thuyết, tôi lại quăng sách đi.

Rồi tôi khoác áo rời căn phòng u ám tới rạp hát gần nhà vào coi. Ngồi trên người trong chiếc ghế êm, tôi chẳng thấy gì trên màn ảnh ngoài một đũa trẻ cầm khẩu súng đứng bên xác cha. Tôi bực bội bỏ dở nửa chừng và lại về nhà. Suốt đêm hôm đó, một ý tưởng nào đó chưa thành hình cứ gặm nhấm cổ lén lỏi vào tiềm thức tôi. Tôi bút rút cảm thấy có một cái gì đó tôi cần phải tìm cho ra mà không biết nó là cái gì.

Tôi vào phòng làm việc đóng cửa lại, buống người xuống chiếc ghế bành. Tôi chừng chừng nhìn bức tranh trừu tượng treo trên bức tường trước mặt cho tới khi mắt tôi như chìm vào trong đồng màu sắc. Đồng nó không còn là bức tranh trừu tượng nữa, mà là hình ảnh cụ thể của một đũa trẻ, một khẩu súng và một người cha đứng khựng khi tiếng súng nổ. Rồi hình ảnh đũa trẻ trở nên linh động, nó buống khẩu súng như một vật nóng đỏ và... và nằm phục lên mình cha nó.

Hai bàn chân tôi dậm mạnh xuống sàn nhà khi tôi đứng bật dậy. Cái gì đây, có cái gì liên quan một cách ngờ ngợ ? Mà có ngờ ngợ thiết không ? Lã Bình nói gì nhỉ... Ở coi nào... đúng rồi ! Tôi lạnh người như muốn bệnh, như muốn ói luôn bữa ăn trưa ra trước mặt mọi người. »

Gã đứng ở xa trường ... cây súng nặng như chì ... gã phải nâng bàn tay cầm súng... người lạnh run... răng gõ vào nhau lập cập... gã muốn ói... sợ hãi...gã buông khẩu súng và bỏ chạy.

Gã đã tả đúng sự sợ hãi. Bỗng dưng tôi

nhận ra tại sao. Gã sợ bắn vào hình nộm trước mặt. Gã sợ súng, và không thể nào bắn súng được.

Khám phá này làm tôi loạng choạng. Vậy thì Lã Bình vô tội. Gã có thể đâm chém, hoặc đánh đập, hoặc bóp cổ cô tình nhân tới chết, nhưng gã không thể nào dùng súng bắn chết cô gái. Lã Bình muốn chết để đền tội đã giết cha.

Vậy mà đêm nay, đúng 2230 gã phải lên ghế điện. Tôi nhào lại phía máy điện thoại để trên bàn, trong lúc hồi hải, tôi lật rớt chiếc đồng hồ để bên. Mặt đồng hồ lật ngửa chỉ 2235.

TRƯƠNG QUÂN dịch

Dân Tộc nào đã man ?

Giữa tháng 6 có nhiều trẻ em bị bắt cóc ở Saigon. Tâm lý đồng bào bị xáo động dữ dội. Một người dân bà không biết vì sao, bị tình nghi là mẹ mìn, nên dân chúng xúm vào đánh chết. Rồi xé quần áo tìm bùa ngải. Thi thể lả lổ trên hè phố.

Một độc giả nhật báo thuật lại rằng ông ta có nghe hai người ngoại quốc tỏ ý khinh người Việt đã man. Đặng Văn Hầu đồng ý rằng họ đã man. Họ, ở đây, là người Mỹ, người Pháp. Năm 1935, một thiếu phụ da trắng đi xe buýt, bỗng la lớn rằng thanh niên da đen đứng trước mặt bà ta, cách 3 hàng ghế, có cái nhìn như muốn hiếp dâm bà ta. Anh da đen bị lột quần áo, đánh bằng roi da có cầm đinh, rồi bị treo cổ. Người Mỹ trong vùng không chịu cho uy quyền liên bang can thiệp và đem chôn xác chết. Xác chết lủng lẳng đến khi còn xương rơi là tả xuống đất. Và sau này, dân da trắng vùng Mississippi vẫn tự hào bảo vệ được danh tiết cho người dân bà « yếu đuối và trong sạch » ấy.

Năm 1942, giữa Paris, một thanh niên Pháp tán tỉnh một cô gái vùng quê, bị mắng. Thanh niên để cho cô ta đi quá mấy bước rồi hô hoán lên : « gián điệp ! gián điệp ! » Cô gái bị dân chúng xúm vào đánh chết, lột quần áo tìm tài liệu, và sau đó quần áo bị kẻ nào lấy mất. Quân đội Đức thấy thế, phê bình người Pháp đã man. Nhưng chính người Pháp lại tự an ủi rằng họ giết lầm người vì ái quốc.

ĐVH không có ý kể xấu thiên hạ để bênh vực đồng bào mình. Điều mà ĐVH muốn nói ở đây là quần chúng bị dao động rất dễ gây nên phá phách, giết chóc. Mà nói về dao động thì đồng bào ta phải đủ mọi thứ kỷ lục : 30 năm bom đạn, giết chóc, nghi ngờ, bần khổ, rồi ren...

Bạn đọc nhật báo nào đó ngưỡng mộ người thiên hạ, thấy người thiên hạ văn minh — ví dụ như ở Mỹ Lai — mà thấy xấu hổ cho đồng bào mình man mọi, thì xét cho cùng, cũng nên ném hòn đá đầu tiên vào chính đầu mình. Để làm gương cho mấy người ngoại quốc kia không những không biết hối hận, mà còn tự đề cao, khiến cho quý Sa-tăng lẫn lộn với Chúa Ky-tô !

học thầy, học bạn, học cả kẻ thù

CHÍNH QUYỀN NGÀ-SÔ

HAY LÀ

NGƯỜI MỸ TÌM HIỂU CHÍNH QUYỀN CỘNG-SẢN NGÀ

Một trong những chính quyền trẻ mà vững nhất thế giới là chính quyền xô-viết xã hội Nga : chính quyền này mới được 54 tuổi (trong khi chính quyền VNCH được 17 năm). Nhưng đó cũng là chính quyền làm được công việc cho dân chúng, nhiều hơn mọi chính quyền cộng sản khác. Và dưới mắt quan sát của những người tự do chống Cộng sản, thì chính quyền Liên Xô lại là chính quyền sáng suốt nhất, vì, dưới quyền lãnh đạo của những nhân vật như Molenkou, Krontchev, Brejnex... chính quyền Liên Xô đã giảm bớt hẳn mức độ tập trung tài sản nông nghiệp, và đã hướng kỹ nghệ nặng và nhẹ về phía sản xuất hàng hóa tiêu thụ, nhằm mục đích củng cố nền kinh tế cho dân chúng nhiều hơn phục vụ chiến tranh.

Lãnh thổ của Liên Xô rộng lớn đến độ mặt trời lặn ở biên giới phía Tây thì mặt trời mọc ở bờ biển phía Đông. Hơn 200 triệu người nắm giữ 1 phần 4 tài nguyên thế giới, tất nhiên phải có ảnh hưởng lớn đến cục diện kinh tế chính trị thế giới. Đó là nguyên nhân vì sao người Mỹ, bất chấp tình trạng đối đầu thường trực giữa nước họ và Liên Xô, phải cố gắng và thành thật tìm hiểu những cái hay, cái dở của tập đoàn lãnh đạo Mát-khô-va. Tác phẩm « How Russia is ruled » của Merle Fainsod vì thế mà được thấy ánh sáng.

Đó hẳn nhiên cũng là nguyên nhân khiến cho Trung tá ĐẶNG TÂM đề rất nhiều công phu dịch cuốn sách nói trên, để bán rất rẻ — giá 200đ, sách dày 490 trang — khiến cho sách có nhiều triển vọng tới tay bạn đọc. Hai cây bút TRIỆU VŨ,

tác phẩm

HOW RUSSIA IS RULED

tác giả

MERLE FAINSOD

dịch giả

ĐẶNG TÂM

người giới thiệu

TRIỆU VŨ — TƯỜNG VÂN

TUỜNG VẤN lại dành nhiều ngày để nghiên ngẫm trước khi, vì độc giả của *Chinh Văn*, thu tóm toàn bộ thành một bài báo ngắn. Bạn, nếu ít thì giờ và thiếu gan góc, có thể đọc bài sau đây cũng đủ có một ý niệm tổng quát về thủ đoạn và chính lược của những lãnh tụ cộng sản có tên : *Lénine, Trotsky, Staline, Krutchev...* Nhưng nếu bạn có đầy đủ điều kiện — nhất là nếu bạn có ý định tham dự vào chính trường — thì chúng tôi tin chắc sớm muộn gì bạn cũng có ngày đọc trọn năm trăm trang sách của *Fainsod — Đặng Tâm*. Bạn sẽ không có gì để mất, ngoài xiềng xích... của thời gian !

CHÍNH VĂN

A. — VẤN ĐỀ ĐẶT RA.

Vấn đề đặt ra đối với *Lénine* và các đồng chí *Bôn-Sê-Vích* của ông, trước cách mạng tháng 10 là phải làm sao vận-dụng được quần chúng tham-gia cách mạng lật đổ nền đế chế *Sa Hoàng* một cách quyết liệt ; trong cách mạng phải làm sao giành được chính quyền về tay phe nhóm mình và sau cách mạng phải làm sao củng cố, duy trì và phát triển chính quyền theo hướng «*vô sản chuyên chính*» trên cơ sở «*giai cấp đấu tranh*».

Tuy nhiên, vấn-đề không phải chỉ giản-dị như thế. Một mặt trên đường vận động cách mạng *Lénine* phải làm sao thuyết-phục, bằng cách này hay cách khác, các phe nhóm cách mạng chấp nhận sơ đồ đấu tranh cách mạng của mình, mặt khác phải làm sao về mặt lý thuyết *Mác-Xít* mà phe nhóm *Bôn-Sê-Vích* đang chuyển biến thành những hành động cách mạng cụ thể phải có nội dung bao gồm cả tầng lớp nông dân cũng được kể là tầng lớp cách mạng như tầng lớp công nhân mà vẫn không trái với quan niệm của *Mác* chỉ cây trồng vào tầng lớp thợ thuyền được xem như giai cấp nông cốt của cách mạng vô sản, trong khi chính ngay những người trong nhóm lãnh đạo cách mạng tôn thờ chủ thuyết *Mác Xít* như *Plechanov, Lénine, Trotsky, Martov, Parvus v.v.*, vẫn có nhiều quan điểm trái ngược nhau về sách lược cách mạng.

Do đó trên tổng quát có thể nhận thấy 3 chủ trương trước vấn đề này.

1.— Nhóm *Mác-xít* chính thống do *Plechanov*—*Lénine* theo đúng công thức cách mạng của *Mác* chủ trương rằng : «*cách mạng xã hội có nhiều hy vọng thành công nhất tại các nước có trình độ kỹ nghệ hóa cao nhất, trong đó tầng lớp công nhân lao động là một thành phần đáng kể trong quần chúng.*»

2.— Nhóm *Men-Sê-Vích* thuộc phong trào Dân-chủ xã hội Nga thì cho rằng : quá trình hình thành *XHCN* tại Nga phải là một quá trình lâu dài, vì tầng lớp công nhân vô sản trong một nền kỹ nghệ vừa phôi thai ở Nga hãy còn yếu kém. Do đó, việc làm trước mắt của nhóm lãnh đạo cách mạng, theo họ, không phải là ngay lập tức đưa nước Nga vào đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà điều cần thiết là phải dọn đường đi cho một cuộc cách mạng-tư sản trong đó tầng lớp trung lưu là mạng tầng lớp nông cốt.

3.— Trái với nhóm *Men-Sê-Vích*, nhóm «*cách mạng thường trực*» do *Parvus* chủ trương và được *Trotsky* theo đuổi trong suốt thời gian trong và sau cuộc «*nông-dân dậy non*» 1905-1906. Nhóm này chủ trương : nước *NGA* vẫn còn lạc hậu và nền tư bản vẫn hoàn toàn nằm trong tay nhà nước quân chủ chuyên chế, giới trung lưu *NGA* còn quá yếu kém không đủ khả năng đảm đương cuộc cách mạng như giới trung lưu Tây Âu từng làm, cho nên theo *Parvus-Trotsky* cũng là quan điểm của *Lénine* cho rằng : cuộc cách mạng tiểu tư sản tại *NGA* chỉ có thể do giới vô sản thực hiện, cướp chính

quyền giữ chính quyền và duy trì cách mạng tiến triển cho tới khi chủ nghĩa xã hội được thực hiện trong nước và trên thế giới. Nhưng giới vô sản gồm những tầng lớp nào? Nếu không phải cả nông dân vô sản lẫn công nhân vô sản, mặc cho tự bản chất hai loại người này đều sẵn có những khác biệt trong quan niệm về sở hữu.

B. — GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Công việc quan sát chính quyền Xô viết Nga, trải 50 năm kinh nghiệm đấu tranh tích cực, cho người ta thấy những người cộng sản hết sức chú tâm đến 2 sự kiện: cướp và củng cố chính quyền.

1. — Cướp chính quyền :

Trên thực tiễn đấu tranh tuy có những quan-niệm trái ngược về sách-lược cách-mạng giữa những phe nhóm cách-mạng và ngay cả trong lòng nội-bộ nhóm Bôn-Sê-Vich, nhưng theo tác-giả một mặt vì hoàn cảnh cách mạng đã chín mùi đòi hỏi những người lãnh-đạo cách-mạng phải có những quyết tâm đúng lúc, mặt khác vì nếu không biết khai-thác kịp thời những khát-vọng ruộng đất và cấm thù bọn vua quan của tầng lớp nông dân nghèo khổ để rồi lôi cuốn họ vào cơn lốc cách mạng, biến những khát vọng, những cấm thù kia thành những hành động cách mạng cụ thể hầu đánh đổ bọn vua quan phong kiến, giành chính quyền vào tay mình đúng lúc thì có thể thời cơ cách mạng sẽ lỡ. Nên cuối cùng Lênine đã rời bỏ lập trường cách mạng chính thống Mác-xít của Plechanov sát nhập quan điểm mình vào quan điểm của nhóm Trotsky. Trong việc phối ngẫu này sách-lược cách mạng «Liên minh công nông» của nhóm Lê-ni-nít được nhóm Trốt-ki-tăng cường ra đời, chẳng những đã đặt giá đúng cách mạng ở thành thị trong

các xưởng máy, các xí nghiệp mà còn đặt giá đúng cách mạng cả ở nông thôn trên những luồng cây chảy nặng.

Sách-lược cách mạng đã có ! Vấn đề còn lại, theo tác giả, đối với Lênine là làm sao vận dụng sách lược thành công trên thực tiễn đấu tranh. Cái khó không phải cán bộ và quần chúng chưa đủ nhiệt tình cách mạng, mà chính vì nhóm Bôn-Sê-Vich, muốn giành quyền lãnh đạo cách mạng, vận động cách mạng theo phương hướng của mình, nhưng chưa làm chủ được tình thế. Cho nên có nhiều lúc người ta thấy phương thức đấu tranh của nhóm Bôn-Sê-Vich có vẻ gần gũi với nhóm Men-Sê-Vich về chủ trương tranh đấu hợp pháp tại nghị trường, hay dựa vào những chỗ hở của nền pháp luật để quyền dễ dất ranh chống nhà nước quân chủ chuyên chế. Song rất nhiều trường hợp phương thức đấu tranh mà Lênine đưa ra lại có vẻ chống ngay với quan niệm của các đồng chí Bôn-Sê-Vich của ông.

Lênine bị đứng vào một vị thế khó khăn, một số lớn những người theo ông chủ trương không nên bỏ chiến thuật «tây chay». Lênine phải thuyết phục họ rằng tham gia bầu cử sẽ mang lại cho họ một diễn đàn hữu ích cho công cuộc khuấy động cách mạng. Trong khi cùng với nhóm Men-Sê-Vich biểu quyết chống lại sự tây chay ông lại tỏ ra bất đồng mạnh mẽ với nhóm này, về quan điểm chiến thuật đại nghị. Do đó, Lênine phải tranh đấu trên cả hai mặt trận. Cuộc tranh đấu nội bộ phe Bôn-Sê-Vich với cuộc thanh trừng nhóm «chủ trương tây chay» tại hội nghị vô sản mùa hạ năm 1909. Cuộc chiến đấu chống nhóm Men-Sê-Vich đã kéo dài hơn. Sau đệ nhất quốc hội giải tán nhóm Men-Sê-Vich đã tỏ ý muốn tiến tới việc thỏa hiệp về tuyên cử với nhóm Dân Chủ Lập Hiến (Kadets) Lênine đã lên án chính

sách này với luận-cứ là quyền-lợi của giới tiểu-tư-sản có khuynh-hướng là tự-do và giới vô-sản mâu-thuẫn nhau từ căn bản, rằng thành phần Kadet chứng tỏ đã phản-bội cách-mạng. Thay vào đó Lénine kêu gọi nên liên-kết với các đại-biểu của giới nông-dân ».

Cho nên, sau biến cố 25-10-1913 làm tan vỡ hoàn toàn những quan hệ vốn đã mong manh giữa hai nhóm cách-mạng Men-Sê-Vich và Bôn Sê-Vich, theo tác-giả, Lénine đã làm chủ tình hình và nhất-quyết dùng uy-quyền của nhóm mình khuấy-động cách-mạng và hoạt-động độc-lập ở ngay trong nghị trường cũng như trong quần-chúng. Tại Quốc-hội những ứng-cử-viên Bôn-Sê-Vich được Lénine chỉ thị đấu-tranh nhằm vào 3 mục-tiêu rõ rệt.

1 — Đòi hỏi một nền Dân-Chủ Cộng-Hòa

2 — Đòi hỏi một ngày làm việc 8 giờ

3 — Đòi hỏi tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ.

Cuối cùng sau khi thanh toán các đối-thủ và bành trướng được thế-lực ở mức độ cần-thiết trong các khối quần-chúng, đặc-biệt trong các khối công nhân ở thành-thị cũng như trong lòng các lực-lượng quân-bội, Lénine căn-cứ vào tình hình trước mắt nêu cao khẩu-hiệu HÒA-BÌNH và BẮNH-MÌ, cộng thêm với sự-khien vận dụng các hình thức đấu tranh hợp-pháp như đấu lý tại nghị-trường kết-hợp với các hình thức đấu tranh bất-hợp-pháp như bắt cóc, ám sát, bôi lọ đối-phương... đại đa số nhân-dân đã từng bước một sa vào quỹ đạo cách mạng Lê-ni-nít.

Giữa lúc các phe phái cách-mạng khác còn đang chân chữ chưa nêu nổi bật được quyết-tâm cách-mạng, mặc dù các cán-bộ của Đảng CMXH đã tạo được ưu-thế ở khắp vùng nông-thôn bằng những hứa hẹn về quyền sở-

hữu ruộng đất, Lénine đã quyết-tâm đẩy mạnh chương-trình Hòa-bình để tranh thủ quần-đội và chương-trình ruộng-đất để tranh thủ nông-dân của Đảng CMXH. Ông đã thành công.

Khi bị đại kích về việc phồng tay trên ấy, Lénine trả lời : «Chương-trình đó phù-hợp với tư-tưởng chúng ta hay nằm trong đường-lối của Đảng CMXH, điều đó không đáng kể. Điều chính yếu là tạo cho nông dân một niềm tin vững chắc là sẽ không còn các địa chủ ở trong làng nữa. là bây giờ chính các nông dân sẽ phải giải quyết mọi vấn đề và tự xây dựng lấy cuộc sống của họ ».

Tiếng Hòa Bình đã được Lénine và nhóm Bôn Sê-Vich hòa lẫn vào một hợp chất cách mạng lòng khát khao ruộng đất là một sự kiện cũ mà tất cả các chính Đảng đều biết. Song họ đã thất bại trong phương thức vận dụng biến các sự kiện đó thành những hành động cách mạng cụ thể và thắng lợi trên thực tế. Trừ Lénine đã thành công, mặc dù kết quả cuộc bầu cử QHLD vào cuối 1917 đảng viên Bôn-Sê-Vich chỉ thu lượm được 25% tổng số nghị viên. Lénine cho rằng số đi đảng Bôn Sê Vich của ông thành công là vì họ đã hiểu rõ «Cách mạng là một kỹ thuật» và những người Lê ni-nít đã có một ưu thế rõ rệt, ở lúc quyết định tại các điểm quyết định.

2.— Duyệt tri và phát triển quyền lực :

Nhờ ở kỹ thuật vận dụng quần chúng và chớp thời cơ cách mạng đúng lúc Lénine và nhóm Bôn-Sê-Vich đã giành được quyền bính lãnh đạo cuộc vận động lịch sử Sô Viết theo chiều hướng Mác Xít qua cuộc đảo chính ngày 7-11-1917... Theo tác giả vấn đề tiếp theo đối với Lénine lúc bây giờ là phải làm sao duy trì và phát triển được quyền lực của đảng Bôn Sê Vich do ông lãnh đạo bằng phương thức trị nước Mác Xít trong đó Chuyên

Chính Võ Săn và Giai Cấp Đấu Tranh là xương sống của vấn đề.

Cũng như những quan điểm mâu thuẫn nhau trong khi lựa chọn sách lược cách mạng, vấn đề này ngay trong Đảng Bôn-Sê-Vích cũng có hai quan điểm lãnh đạo khác nhau :

a). Nhóm đa số Lénine-Trotsky cầm đầu chủ trương một nền độc tài đảng trị trong đó uy quyền quốc gia phải tuyệt đối tập trung vào Đảng. Họ đã đồng hóa Đảng với hạnh phúc của quần chúng.

b) Nhóm thiểu số Kamenev lãnh đạo chủ trương liên minh các đảng phái Xô Viết.

Lénine ban đầu còn phân vân, vì nếu chấp nhận chia sẻ quyền hành với các nhóm đảng phái khác và chờ sự phán quyết của QHLH dân cử thì hướng đi của cách mạng Bôn-Sê-Vích có thể bị lạc mất ý nghĩa. Nhưng nếu tiến hành ngay lập trường "chuyên chính vô sản" và "giai cấp đấu tranh" thì khó tránh nội chiến tiêu diệt đối lập và không thể không dùng phương pháp khủng bố giữa lúc chính Lénine chưa dám chắc quyền lãnh đạo rồi ra sẽ về mình, trong khi nếu chấp nhận con đường thỏa hiệp và hành động hợp hiến lại có nghĩa là nhượng bộ và như thế khó có cơ hội tập trung uy quyền quốc gia vào Đảng.

Song, tình hình trước mắt mỗi ngày một đòi hỏi, thúc bách cách mạng tiến lên, yêu cầu tập trung quyền bính vào đảng mỗi ngày một thêm cần-thiết, nếu muốn cách mạng vô sản thành công, phương-hướng cách-mạng không bị đánh lạc.

Do đó nhóm Bôn-Sê-Vích Lê-ni-nít đã thắng tay đối phó thắng lợi với phe đối lập. Một nền Độc tài, Độc Đảng ra đời.

Như thế không có nghĩa là những người làm nên cách mạng tháng mười chỉ say mê

uy-quyền. Họ đã chia sẻ một ý-thức về sự mạng lịch sử, một niềm tin quá khích tự gán cho mình sứ mạng của những người được chọn để đẩy mạnh chương-trình tái-thiết xã-hội và họ cố gắng ép buộc các điều kiện vật-chất mà lịch sử đã dành cho họ xử-dụng phải chấp nhận quan điểm của họ. Trên thực tế, từ đây hướng của cuộc vận động lịch sử Xô-Viết sẽ tiến theo mức độ bành-trướng thế-lực của Đảng Bôn-Sê-Vích. Đảng cách mạng xưa kia nay trở thành đảng cầm quyền.

"Đảng cầm-quyền tự-tồn tại và không thể bị hạ bệ, ngoại trừ có cách mạng. Quyền lực của Đảng bao quát mọi lãnh vực và không bị giới hạn"

Vấn đề còn lại là làm sao cho quần chúng chấp nhận cuộc cách mạng Mác-xít Lê-ni-nít được kể như cuộc cách mạng cuối cùng của xã-hội loài người, từ đó nếu muốn đạt hạnh phúc ở đời, người đời không còn con đường nào khác ngoài con đường cách-mạng Bôn-Sê-Vích. Do đó một cuộc cách-mạng chống lại cách mạng Mác xít Lê-ni-nít theo quan điểm của những người Bôn-Sê-Vích đều được xem như những vận-dộng phản cách-mạng. Một khi quần chúng chấp nhận quan niệm về vấn đề cách-mạng và phản cách-mạng theo quan điểm của những người Lê-ni-nít, quần chúng dù muốn hay không sẽ chấp-nhận phương-thức Đảng trị một khi muốn cách-mạng vô-sản thành công. Nhưng quần chúng tự bản thân đã là một khối không thuần nhất bắt đầu bằng sự chênh lệch về ý-thức. Cho nên để đạt nguyên-tắc thống-nhất - tư - tưởng, tập-trung dân-chủ, thống nhất hành-dộng tránh những vận-dộng phản cách-mạng do những con người phản-dân, quần chúng phải được tổ-chức và thanh-sạch hóa tuần tự từ tổ-chức Đảng lãnh-dạo.

Theo quan điểm Lê-ni-nít « vai trò lãnh

Đạo Đảng là nhân tố của mọi nhân tố thắng lợi của cách mạng. Những vai trò lãnh đạo đó không phải bỗng nhiên mà có. Nó chỉ có thể là kết quả của một quá trình phấn đấu xây dựng Đảng vững mạnh về chính-trị tư-tưởng và tổ-chức ».

Do đó phương-thức trị nước Mác xít Lê-ni-nít tại Liên-Sô từ sau khi giành được chính quyền, theo tác giả đã bắt đầu từ công tác xây dựng « một Đảng lãnh đạo » nắm trọn quyền quyết định vận mạng của đất nước với :

1. — Một tầng-lớp Đảng viên trung-kiên chuyên nghiệp bắc cầu giữa nhân-dân và bộ tham-mưu Đảng (bộ chính-trị) hoạt động trong hầu hết các cơ-cấu xã-hội từ thương-tiền đến hạ-tầng.

2. — Một quần chúng «sạch» được tổ-chức và thường-xuyên về giáo dục về chính-trị và tư-tưởng nghĩa là đặt mỗi con người ở mọi giai-tầng xã-hội trong một giây liên-hệ từ thể xác tới tinh-thần thường-xuyên gần bó với Đảng.

Đảng đề ra mọi chủ trương quốc-gia và vận-dụng quần chúng tham-gia đường lối thực hiện một cách tích cực. Thể theo nguyên tắc «chế-độ tập-trung Dân-Chủ» Đảng đòi hỏi quần chúng nhân-dân thông quan cán-bộ chỉ-dạo của đảng tại các cấp bộ, gần bó với Đảng mọi sinh hoạt, tư tưởng, hành động ngõ hầu, trong mọi tình huống sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của Đảng đề ra. Thế nhưng đề có một quần-chúng nhân dân sạch nghĩa là ít có những phần-tử phản-động phải làm cách nào? Đó lại là vấn-đề kỹ-thuật. Từ trước tại Liên-Sô, vẫn chỉ có ba giải pháp :

1- Ép buộc bằng cách xù-dụng những đường lối bạo-lực tích cực như : đe dọa gây khó khăn cho đối-tượng về mọi mặt.

2- Thuyết-phục bằng giáo-dục tư-tưởng và tình-cảm đối tượng và tùy theo từng trường hợp gây những cơ-hội thuận-tiện cho họ tham-gia sinh-hoạt bằng mọi cách, đưa đến đối-tượng vào các tổ-chức dưới mọi hình-thức.

3- Vừa áp dụng kỹ-thuật cứng rắn vừa thuyết-phục.

Khi Lênine còn sinh thời cũng là thời kỳ đầu của đảng cách-mạng chuyển mình thành Đảng cầm-quyền, giữa lúc đại đa-số nhân dân NGA chưa kịp được giáo-dục về mặt tư tưởng đề có ý thức cộng-sản, bọn phản-động theo quan-điểm của những người Lê-ni-nít vẫn còn nhiều cơ hội chống lại Đảng Bôn-sê-vich. Nên Lênine đã xù dụng giải pháp thuyết-phục song hành với một phần biện pháp kỷ-luật để một mặt làm tốt công tác xây dựng Đảng, mặt khác làm tốt công-tác giáo-dục và tổ-chức quần-chúng, đặc biệt là giới nông dân.

Do đó theo tác-giả thì đối với nội bộ Đảng Lênine vẫn sẵn sàng chấp nhận có những bất đồng quan-điểm và chử-trương nhiệm-vụ của lãnh-tụ là thuyết phục trước. Do đó Lênine đã ve vãn, tranh luận và nhiều khi còn tự-biện hộ trước các đối-thù trong Đảng trước khi xét thấy cần thiết phải tuyên chiến với họ. Ngoài ra biện pháp trừng trị nặng nhất thời Lênine vẫn chỉ là trục-xuất khỏi Đảng.

Trong khi đó, đối với quần chúng nhân dân, một khi nhận thấy cần thiết Lênine sẵn sàng bước những bước thụt lùi. Không được quần chúng nông dân hưởng ứng chính sách tập-sản-hóa nông nghiệp. Ông đã kịp thời xù dụng chính sách tân kinh tế (1924) được xem như những bước thụt lùi chiến thuật.

Nhưng sau khi Lênine tạ thế lịch-sử Đảng Bôn-sê-vich nổi riêng và lịch-sử Liên-sô bước vào thời kỳ mới.

Sau khi đã nhận thức được đầy đủ mối nguy cơ, Staline đã hành động quyết liệt và dứt khoát để bề gãy từng đối thủ một. Ngày 14-11-1927, Trostky và Linoviev liền bị trục xuất khỏi Đảng. Hai ngày sau, một trong các bạn thân nhất của Trostky là Joffe đã tự tử. Ngày 17-11-1928, Trostky khởi sự một cuộc hành trình dài đưa ông tới nơi lưu đày tại Alma-Ata rồi tại Peikimpo, và sau cùng đưa ông tới cái chết ở Mễ-Tây-Cơ dưới nhát búa của kẻ sát nhân. Cuộc hành trình khởi đầu do lệnh của cơ quan mật vụ CPU cũng đã kết thúc do lệnh của cơ quan này.

Sau khi thanh toán xong phe đối lập tả khuynh, Staline liền hoạt động chống Bukharine, Tonsky và Ryrov bên cánh hữu.

Ngày 23-4-1929 Bukharine bị cắt trong nhóm chỉ huy quốc tế Cộng-sản. Ngày 2-6 Tonsky mất chức chủ tịch nghiệp đoàn. Ngày 17-11 phiên khoảng đại của ủy ban trung ương chấp thuận việc trục xuất Bukharine ra khỏi văn phòng chính trị. Ngày 25-11 phe đối lập hữu khuynh đầu hàng.

Sau khi loại hết mọi đối thủ đầu não, cũng là những đồng-chí của mình xưa kia, Staline mạnh bước trên đường củng cố địa-vị tập-trung uy-quyền Staline sẵn sàng sử-dụng mọi biện pháp dù khắc nghiệt đến đâu để biến Đảng thành công-cụ nông-cổt, là nhân mối trong mọi tổ-chức sinh-hoạt từ thượng tầng cho tới hạ tầng xã-hội Xô-Việt.

Bước thật lùi về kinh tế thời Lénine, nay được xóa bỏ, chương-trình công-nghiệp-hóa và tập sản hóa nền kinh tế Liên-Sô phải được cấp bách thực hiện hầu yểm trợ hữu hiệu cho chương trình quốc phòng. Do đó mọi thắc mắc về quyền sở hữu cá thể xưa kia nhằm thỏa mãn giấc mơ ruộng đất của nông dân để mượn sức họ làm nên cách mạng nay

không còn là vấn đề. Ai chống lại con đường «kinh tế nhà nước» sẽ bị trừng phạt. Hàng triệu nông dân gục ngã trong các trại cải tạo lao động và tư tưởng.

Khi Staline qua đời vào năm 1953 cùng với trùm mật vụ của ông là Béria bị chết một cách tối tăm sau đó, theo tác giả Khrushchev lên kế vị Malenkov trong chức vụ bí thư đảng đã phê phán gắt gao phương thức lãnh đạo của Staline và tay chân trong đại-hội Đảng lần thứ 20, coi Staline như một tên phản động đã dùng Đảng và nhân dân phục vụ tham vọng cá nhân mình.

Hướng trị nước ở Liên Xô lại một phen đổi thay từ tập quyền vào trung-ương thời Staline nay phân quyền cho các địa phương để ít nhất trên bình thức từ các đảng-viên trong nội bộ Đảng cho tới quần chúng nhân dân có cảm tưởng đã hoặc sẽ được hưởng một thứ dân chủ cởi mở nào đó.

Thí dụ: như trong ngành nông, xưa kia mọi kế-hoạch sản-xuất trong nông trại tập thể hay nông trại nhà nước đều do trung ương hoạch-định. Nay Khrushchev cho địa-phương được quyền tham dự vào việc hoạch-định chương-trình sản xuất. Từ sau Staline chết hoàn-cảnh sinh sống hàng ngày của các «nông dân tập thể» cũng đã được cải tiến đôi chút. Song vẫn còn nhiều nông trại «lạc hậu» mà lương bổng thật kém so với nông trại nhà nước và quá kém so với lương bổng ở khu kỹ nghệ. Theo tác-giả đó là một điều đáng ngại trong việc thúc đẩy tăng năng xuất sản xuất. Có thể nói, theo tác giả, mọi cải cách thời Khrushchev nhằm đáp ứng hai nhu cầu căn bản:

I. — Ôn cố nội bộ, tăng năng xuất sản xuất bằng cách tìm, cách loại bỏ những ta thần của cán bộ và nhân dân dưới thời Staline.

2.— *Tạo hoàn cảnh thực thi sách lược "xét lại và sống chung hòa bình" về phương diện đối ngoại.*

Nhưng con đường của Khrushchev noi theo vẫn là con đường chuyên chính tự bản chất. Theo tác giả Khrushchev không từ bỏ lệ cảnh sát canh chừng và đàn áp trong việc đối xử với tất cả mọi người bị tình nghi chính trị. Song sự kiện gửi từng bày tù nhân chính trị như loài vật đi các trại lao công thì không có nữa, nghĩa là chế độ độc tài độc Đảng trong hệ thống tri-nước ở Liên Xô vẫn thường xuyên được củng cố và phát triển, nhưng với những phương pháp kiểm soát mới thay đổi theo hoàn cảnh. Do đó, sau khi Khrushchev bị hạ bệ tập đoàn lãnh đạo Podgorny Brezhnev Kossiguine thay thế vì nhận thấy chiến thuật "xả hơi" của Khrushchev đã gặp khá nhiều trở ngại chẳng những ở hải ngoại qua các cuộc nổi dậy của nhân-dân ở các nước anh em ở Đông-Âu đòi xét lại phương thức lãnh đạo Xô Viết mà ngay ở trong nước trong các chương trình kế hoạch kinh tế "địa phương" cũng đã mạnh mẽ "đòi ngóc đầu dậy". Do đó phương thức lãnh đạo của họ bao gồm cả sách lược của Staline và Khrushchev bằng cách :

1.— *Đối ngoại Brezhnev đưa ra thuyết "chủ quyền giới hạn" và khi cần sẽ sử dụng khối quân sự Varsovie can thiệp vào Tiệp Khắc đạo nào.*

2.— *Đối nội sự kiện tân quyền cho các Đảng bộ địa-phương trong việc hoạch định chương-trình kinh-tế thời Khrushchev có nhiều dấu hiệu cho biết không còn được thường xuyên chiếu cố.*

C.— THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

Cuộc vận động lịch sử Xô-Việt theo chiều hướng Mác-xít Lê-ni-nít đã thành công ở Liên Xô tới nay được hơn 50 năm.

Sự thành công của Lénine và các người kế tục sự nghiệp ông theo ý tác giả một phần là do hoàn cảnh cách mạng đã chín mùi nghĩa là do sự khắc nghiệt quá mức của chế độ SA HOÀNG khiến nhân dân NGA không thể chịu đựng nổi, hồi trước cách mạng, phần khác là do tài ba của Lénine biết lựa chọn đúng lúc sách lược "công nông liên minh" tranh thủ kịp thời cảm tình và sức lực của tầng lớp này, đẩy họ vào cơn lốc cách mạng, giúp mình thành công trong sự nghiệp cướp chính-quyền. Phần khác là do Lénine và các đồng chí biết thích-nghị với từng thời kỳ cách mạng trong khi vận dụng sách lược đấu tranh duy-trì và phát triển "chuyên chính vô-sân" giữa lúc các phe nhóm cách-mạng khác chỉ có nhiệt tình cách-mạng nhưng thiếu kém phần kỹ-thuật vận-dụng sách-lược đấu-tranh trên thực-tế nhằm tiêu diệt đối lập tạo thời, tạo thế để tạo lực.

Kế nghiệp Lénine, Staline chẳng những sử dụng mọi phương pháp bạo-lực để thanh toán "tả khuynh" và "hữu khuynh" tăng cường tổ-chức Đảng, tăng cường công-an cảnh-sát nhằm kiểm-soát chặt chẽ hàng ngũ cán-bộ đảng-viên và nhân-dân hầu ngăn chặn mầm mống cách-mạng chống cách-mạng vô sản Sta-li-nít v.v.. mà còn sử-dụng tổ chức Đảng, tổ-chức quân-dội, tổ-chức công-an như những công cụ củng cố quyền uy cá nhân ông.

Staline qua đời dưới con mắt Khrushchev Staline và đồng bọn là những kẻ phản động. Ông gấp gáp đưa ra chủ trương xét lại và sách lược "sống chung hòa bình". Nhưng con đường Khrushchev đi, theo tác giả, vẫn không ngoài mục-tiêu củng cố, tăng cường chế-độ độc tài, độc đảng Xô-việt, song với những phương pháp mới. Và trên thực-tế Khrushchev vẫn không sao che giấu nổi âm-mưu từng bước một củng cố địa vị của ông và đồng bọn bất

đầu cũng cố từ hạ tầng bằng đường lối tàn quyền. Ông đã thất bại vì một vài lý do thông thường: vì sự hạ bệ Staline của ông mà các đảng anh em ở Đông-Âu kẻ trước người sau đòi xét lại vai trò lãnh-đạo của Liên-Sô trong hệ thống XHCN, vì sự tàn-quyền cho địa-phương của ông và các địa-phương đòi ngóc đầu dậy. Ông dở, bộ ba Podgorny-Brejevnev và Kossiguine, rút kinh nghiệm, phối-hợp cả hai phương thức lãnh đạo tàn-bạo thời Staline và lãnh-đạo «tây thời» thời Khrushchev. Nhưng có nhiều dấu-hiệu cho thấy «thuyết chủ quyền giới hạn» của Brejevnev và chương-trình khôi-phục phương-thức lãnh-đạo thời Staline bắt đầu bằng sự khôi - phục địa - vị ông này của tập-đoàn lãnh-đạo hiện thời không mấy đắt giá.

Người Bôn-Sê-Vích quả thực đã thành công ở Liên xô từ hơn 50 năm nay, song họ cũng đã gặp nhiều trở ngại không phải vì xưa kia Staline mượn cớ cho rằng: thế giới toàn là kẻ thù với nhau, người ta càng đi mau đến chủ nghĩa xã hội thì đấu-tranh giai-cấp càng trở nên quyết-liệt, để bảo chữa cho các biện-pháp sát máu đáng ghê tởm của mình, cũng không phải vì quần chúng nông-dân Nga đã

biết rõ thực-chất sách lược «liên-minh công nông» của Lénine chỉ là một gian dối, rồi đã quyết vùng lên chống Đảng và nhà nước Sô-Viết, vì lớp nông-dân ấy hoặc đã chết hoặc đã quá già trong các trại tập trung lao động. Nhưng các lãnh đạo Sô-Viết đã và đang gặp trở ngại vì họ không biết làm sao cho thể-hệ đang lên Sô-Viết trở nên «vừa hồng lại vừa chuyên» nghĩa là vừa trung-thành với Đảng lại vừa giỏi về chuyên-môn, quyết tâm phục vụ Đảng. Do đó vấn đề là làm sao các lãnh đạo Sô-Viết phải chứng minh một cách thực nghiệm cho quần chúng lao động mới Sô-Viết trong thời đại siêu nguyên tử và không gian này hiểu rằng: phương thức trị nước Mác-xít-Lê-nin-nít vẫn còn hữu hiệu trong đó Đảng và lãnh tụ Đảng vẫn còn là những biểu tượng «thần thánh mới» không hề lảm lẩn, đáng tuân phục. Theo tác giả xem ra đó lại là một vấn-đề không dễ gì thuyết phục nổi thế hệ mới Sô-Viết nghe theo. Thật khó có thể tiên đoán Liên-Sô sẽ giữ thái-độ hòa hoãn cả với bạn lẫn thù cho đến bao lâu nữa một khi quần chúng Sô-Viết chề hết mọi thứ đổi mới có tính cách chiến-thuật về thuật trị nước, nếu không đổi mới nền «chuyên chính vô sản».

✱

Phải nói với hơn 490 trang sách (bản tiếng Việt) về mặt tài liệu, M Fainsod đã giúp người đọc được xem như đã và đang theo dõi hệ-thống chính trị Mác-xít-Lê-nin-nít thêm nhiều sự-kện cụ-thể mà các cuốn sách khác cùng loại nhiều thiếu sót trong việc tìm hiểu sâu rộng hơn nữa vấn-đề cai-trị của nhóm lãnh đạo nhà nghề tại điện Cẩm Lĩnh.

Thực ra, hướng chính của tác-phẩm chỉ xoay quanh hai vấn đề là tìm hiểu làm sao Lénine và các người kế-ngiệp cướp được chính quyền trong cách mạng, tháng 10 và duy trì

được quyền lực sau cách mạng đồng thời củng-cố và phát-triển được phương-thức cai-trị độc tài, độc đảng của họ. Ở phạm vi này đối với những độc giả chưa quen với những vấn đề Mác-xít-Lê-nin-nít tác-phẩm quả thực chưa hoàn tất được-nhiệm-vụ về cách trình bày vấn-đề và sắp xếp tài-liệu nhiều lúc quá tổng-quát và không gãy gọn. Có lẽ vì tác giả còn phải cố gắng giữ thái độ vô-tư càng nhiều càng tốt. Song đối với những độc-giả phần nào đã quen với hệ-thống Mác xít, M Fainsod đã và sẽ giúp họ khá nhiều.

THIÊN THAI

TÂY PHƯƠNG thực tế và Đông Phương mơ mộng, điều đó ai cũng có thể nghĩ đến. Dĩ nhiên mơ mộng phải mơ mộng cái đẹp, tôi muốn nói đến chốn Thiên Thai, chốn mà sẽ ra trong cuộc sống nội tâm chúng ta một lần nghĩ đến, nếu không nói là rất nhiều lần.

Khởi từ câu chuyện hai chàng Lưu Thần, Nguyễn-Triều một hôm buồn tình nhân thế, ngao du sơn thủy và lạc lối đến Thiên Thai, đến chốn có đủ tất cả những gì đẹp, đẹp hoàn toàn. Hai chàng ở đó, không ai biết hai chàng có lấy tiên hay không (diễm này chúng ta trở lại sau) nhưng được ít lâu thấy nhớ nhà, xin về. Thi nhân không là Lưu, Nguyễn nên mới dựng nên quang cảnh "Thiên Thai Tống Biệt", đủ những hạc, những vườn, những tiên, những nước chảy, hoa trôi. Chuyện ở mãi bên Tàu nên anh thi sĩ Tàu mới, cảm trước và thi sĩ Tào Đường để lại cho hậu thế bài thơ bất hủ :

THIÊN THAI TỐNG BIỆT

Ân cần tương tống xuất thiên thai
Tiên cảnh na năng khước tái lai
Vân dịch ký qui tu cường âm
Ngọc thư vô sự mặc tần khai
Hoa lưu động khẩu ưng tương tại
Thủy đáo nhân gian định bất hồi

Một thực tại ?

Một

ảo tưởng ?

khái luận của

NAM HUÂN

Trù trường khe đầu tưng thử biệt.
Bích sơn minh nguyệt chiếu thương dài

Tạm dịch sát nghĩa :

ĐƯA TIỀN CHỖN THIÊN THAI

Ấn cần đưa người khỏi chốn thiên thai
Cảnh tiên làm sao có thể trở lại
Người về hãy nên gắng gương uống chén rượu
Sách ngọc nếu không có việc gì chờ mở luôn
Hoa ở lại cửa động hẳn là mỗi mãi
Nước chảy xuống nhân gian chắc không trở về
Ở đầu suối buồn từ đây xa cách
Nước biếc, còn ánh trắng soi làn rêu xanh

Chắc hẳn lúc đó Lưu và Nguyễn buồn thật buồn, chàng này thúc chàng kia cất bước, cứ bịn rịn, bịn rịn. Có điều thi nhân quên thêm hai chàng vẽ bằng ghe hay bằng hạc, không chừng một chú vượn nào đó ra tay xô hai chàng xuống nước và rớt luôn về trần thế. Thi sĩ Tào dù sao cũng rất phân minh, tình nghĩa bấy lâu trên tiên cảnh, nỗ nào để hai chàng vẽ không, nên một nàng tiên mới trao họ một quyển sách ngọc, rồi cũng cần dặn không nên mở khi chưa có việc cần kíp. Chưa về thì muốn vẽ cho được, đến khi về lại buồn, cảnh trước mặt chỉ còn tro ra làn rêu xanh dưới trăng sáng. Họ còn tần ngần với quyển sách trên tay, tiếc một điều chúng ta cũng không nghe ai nhắc đến món quà tặng này từ khi hai chàng về lại chốn cũ, gặp đôi thay rồi lại lần khác bỏ vào núi.

Chuyện Thiên Thai nó lại không dứt, đi nhiên không bao giờ hết nơi giống người, còn mãi mãi mơ mộng về sau này dù có đổi thay nào, tính toán thế nào của khoa học, chúng ta—con người Đông Phương—vẫn có thiên thai, vẫn có thắng Cuội ngồi gốc cây đa và chị Hằng trẻ mãi, sáng mãi. Thi sĩ Tản Đà Việt Nam, một lúc nào đọc bài thơ của họ Tào, sinh cảm và sinh thờ :

Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai
Sống tiền oanh đưa những ngậm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh

Chỉ có nửa năm thôi, nhưng là nửa năm tiên cảnh, bằng hàng mấy trăm năm ở trần thế. Nửa năm mà đá đã mòn, rêu đã nhai. Hai chàng Lưu, Nguyễn nhất định ra đi, ở đây cái giờ khắc chia ly cũng chỉ thấy thi nhân gọi một câu :

Cái hạc bay lên vút tận trời
Ngàn năm thơ thần bóng trắng chơi.

Như một cái phất tay.

Con đường cứ thế kéo dài ra và chắc hẳn là ngoằn ngoèo. Đến lúc tiên đi mất, người cũng khuất lối nào, lúc đó chị Hằng lại hiện diện. Chữ «chơi» cuối bài đẹp hơn bao giờ, rộng hơn những gì rộng nhất và thơ hơn những gì thơ nhất.

Có người thế này phải có người thế khác thi nhân này thích cảnh tổng biệt thì thi nhân khác thích sống luôn ở nơi Thiên Thai kia, hay thích nhìn sinh hoạt Thiên Thai. Và Thế Lữ đã nghe tiếng sáo :

Khi cao vút tận mây mờ
Khi gần vút vào bên bờ cây xanh
Êm như lọt tiếng tơ tình
Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trong không

Gì cũng đẹp nhưng thi nhân vẫn buồn, cái buồn không biết sao buồn. Thích cảnh tiên và buồn cảnh tiên, có lẽ chỉ có thi nhân ưa chơi trò cút bắt đó.

Tiên nga tóc xoắn bên nguồn
Hàng tầng rườ rĩ trên cồn đầu hiu.

Có lẽ thi nhân nhà ta buồn quá, chơi trò «cảnh đa xin chị nhắc lên chơi» chứ tiên cảnh làm gì còn tình mà buồn, ở đó có lẽ người

cũng như một thứ cây, muốn đời tươi tốt. Cứ thế mà nghĩ thì thứ « tiếng sao Thiên Thai » chắc kim đồng nào đó đã thấy thì nhân và thời cho thì nhân nghe, vừa cũng đề thì nhân đứng mơ về thiên thai nữa.

Hết thì sĩ đến Thiên Thai lại có nhạc sĩ. Thơ có thể chưa đủ cảm chi Hằng hay có cảm cũng chỉ mấy chàng thì nhân biết, còn nhạc sĩ cũng lên đường tìm Thiên Thai, dĩ nhiên họ đâu có bỏ quên cây đàn nôi:

« Kia đường lên tiên, kia nguồn hương duyên, theo gió tiếng đàn sao xuyên. Phím tơ lưu luyến mấy cung u huyền... » (Thiên Thai, Văn Cao).

Và anh chàng nhạc sĩ ở tiên cảm thấy sao đó lại cũng dở thừa cho cây đàn:

« Đàn xui ai quên đời dương thế, đàn non tiên đàn khao khát khúc tình duyên » (Thiên Thai, Văn Cao)

Cùng tiên đàn, ca bao năm, những tưởng quên được trần hoàn. Cũng chỉ tại hai chàng là tục và mấy nàng tiên chỉ biết hát, hát theo đàn cho đủ tiếng đàn hai chàng khao khát một thứ khác. Cảnh tiên đến hồi khó xử cho hai chàng đã đến lúc, phải chi tình trạng khá hơn đâu đến nỗi hai chàng phải nhớ nhà. Đàn bà con gái ở trần đâu hơn được tiên nhưng lại may một điều họ được gọi rằng giống cái của loài người và một lần nào Sartre nói đến khuynh hướng « lập đây. » Tiên cảnh có vậy buồn tẻ là phải. Cũng vì thế mấy thì sĩ chịu ảnh hưởng Nho giáo đã ám ứ cái lý do tại sao hai chàng Lưu, Nguyễn đang sung sướng lại muốn về. Và đề có lý do, thì sĩ xưa đã gán cho hai chữ nhớ nhà. Nếu hai chữ « nhớ nhà » của tiếng Việt chắc ta sẽ nhận được một ý ngoài ý... nhưng chuyện cũng còn dài và hai chàng

còn trở lại, ngọc thư chưa mở có đến ngàn năm sau cũng vẫn còn người đánh dấu hồi to tưởng.

Lần này văn nhân đến, không còn cái giọng ám ứ của thì sĩ hay nhạc sĩ mà quyết tìm đường lên Thiên Thai và cũng muốn sống ở Thiên Thai một phen xem tiên cảnh nó ra thế nào. Kề ra đến Thiên Thai cũng có nhiều đường, nhưng ít ra phải đến rồi mới biết đường nào tốt hơn. Còn Thiên Thai có chán không nữa chứ? Ở đây chán là cái chắc:

«... Anh đã đọc Anatole France chưa? Thế ra anh cũng đã đọc những loại sách đó. Anh bạn trẻ ơi, anh có biết là tôi bắt đầu muốn anh rồi không? ... Thật ra nhắc đến Anatole France chỉ vì nói đến Thiên Đường. Chỉ vì Anatole France đã ngân Thiên Đường. Cũng như Từ Thức. Cũng như Lưu Thần, Nguyễn Triệu đầu đời nhà Hán. Người thì ngân, kẻ thì sợ, đến nỗi đã đến, đã ở, không chịu được mà phải trở về.

(Tuyển tập ĐẤT ĐỪNG, trang 165, Nhập Thiên Thai của Vũ Khắc Khoan).

Và Thiên Đường của họ Vũ cũng xem ngang với địa ngục vì cả hai cũng chỉ là một cố gắng phản cực trong cõi tư duy. Có lẽ tác giả họ Vũ cũng đi hơi quá trong sự so sánh về hình thái của suy tưởng. Dù sao chúng ta cũng theo Lưu Nguyễn một phen, ai không thích nhập Thiên Thai:

«...»

— Mấy hôm rồi, bác Nguyễn?

— Hình như mới có một đêm.

— Bày chữ?

— Vô lý, vì ta có dừng lại nơi nào đâu? mà có ăn uống gì đâu?

— Ở mà bây giờ cũng không thấy đổi. . »
(chuyện đã dẫn trên)

Hai chàng Lưu Nguyễn đi, quên tuổi
 cả thời gian, một đêm ? bảy đêm ? Có nghĩa
 gì khi họ đã bước chân vào Thiên Thai. Đến
 đây ta cũng bắt gặp ở nhà văn một vài cái
 ngó ngàng ở những " sơn hào hải vị la liệt " và

« Tiệc kéo dài từ canh một đến canh ba. Kịp đến khi, ngoài xa lại vẳng tiếng con chim la rúc đủ ba hồi... » (Chuyện đã dẫn).

Nhà văn nhằm một chủ đích nhân câu chuyện vào Thiên Thai của Lưu Nguyễn để cho rằng chốn Thiên Thai cũng như Thiên Đàng một chủ nghĩa đều buồn nản hết sức, khi con người vẫn được gọi con người. Và trong Thiên Đường ấy :

“ Lưu Nguyễn nheo mắt, nhớ lại buổi sáng, khi thừa dịp con sơn ca vừa im tiếng hát, hai chàng thồn thức nhẹ kêu :

Thai chỉ là nơi con người không còn tình dục.
(Sách đã dẫn trang 185)

Đến đây chúng ta quay trở lại chuyện hai chàng Lưu và Nguyễn với « ngọc thư vô sự mặc trần khai » lời của tiên dẫu phải giỡn chơi được và chúng ta tạm đưa ra giả thuyết để giải thích. Hai chàng Lưu Nguyễn bỏ tiên về tục cũng bởi lý do hữu tình, hữu duyên. Có thể hai chàng về quê cũ, có vợ, có con, rồi hăm nào trắng thanh ghi mạt, hồi tưởng chuyện cũ (ai không nghĩ đến dĩ vãng) và lại nhớ Thiên Thai và nhớ luôn « ngọc thư » tiên nữ trao cho dạo nào.

Có gì trong ngọc thư đó? Đương nhiên là có, một thứ bí kíp đầu phải dễ dàng mà xem hay sao. Cả Lưu lẫn Nguyễn đều ăn chay, chung đến một chiếc ăn nào đó. Rồi ngọc thư chỉ cho họ một phương pháp luyện

tập thân thể, có thể đó là môn "phần lễ
hoàn đồng công" hay một "thuật trú nhãn",
một phương pháp thiền định. Qua giai đoạn
này, họ đã bắt đầu quên dần những liên hệ
bên ngoài, và cứ thế Lưu, Nguyễn dần vào
chủ thiền. Thế giới của con mắt chỉ có ba
chiều thôi, Cù nhìn cách nào cũng vậy; màu
sắc cũng chỉ chừng mực nào với sự phân biệt
con mắt. Và trong không gian mang kích thước
N không còn con mắt nữa, có thể bước qua
định vị của lỗ tai. Thánh giác thành hữu dụng
trong giai đoạn này, trong xác nhận một chiều
bậc N nào của tư tưởng. Lưu, Nguyễn vẫn
còn sống gần gia đình nên họ thành cú bắt
vội chính mình, nhắm mắt lại, họ có thể lần
sang một thế giới khác nhưng mờ rất khó.
lại gặp vợ, con, rồi bao nhiêu rắc rối khác.
Hưởng đủ mùi đời rồi, lần này họ quyết ra
đi thật sự, họ muốn trở lại chốn Thiền
Thái ấy.

Lưu, Nguyễn có mặt tích lại trong núi, không ai còn ngạc nhiên nữa và sau này nhà văn có gặp trong núi rừng nào đó, một không gian mới nào đó cũng không lạ gì. Có lẽ ở chỗ một đồi Einstein mờ mịt tìm ra con đường để lên Thiên Thai, chúng ta cứ tưởng người chết mà không biết người đã nhập Thiên Thai, bỏ quên cả biết bao công trình và loài người ngu dốt đã sử dụng trên bề mặt khác trong không gian gò bó ba chiều. Bấy giờ chúng ta mới tìm ra đường nào cũng đến La mã cả, nhà Bác học và Triết học gặp nhau ở định điểm đó, điểm không thời-gian. Chúng ta cũng phải chú ý ở định điểm đó, không phải bởi tư duy như họ Va đã tìm thấy vì tư duy là cơ sự hiện diện lý trí ước muốn, lúc đó chúng ta chỉ bao giờ đến Thiên Thai được.

Trò dơi dứ mãi quanh quần đi tìm, cũng
như người ta gắng công hoàn hảo bảy triệu

ầu; và Einstein còn một lần nào muốn ráp nối nhiều nhiều những mảnh kỹ thuật cho một lý thuyết không gian N chiều trước khi năm xuống, trước khi nhập Thiên Thai.

Chúng ta «hữu tình» và «hiếu động» phải chăng đó là một rủi ro hay may mắn? Rủi thì ai cũng nhìn ra và có thể kể một đơn thuốc dài vô tận cho đủ các chứng bệnh kể cả bệnh muốn tìm đường lên Thiên Thai.

Thiên Thai rộng vô bờ, đẹp hơn bất cứ cái đẹp nào của trần thế và mọi điều đều thấp toàn. Nhưng nếu kể số người nhập Thiên Thai, chúng ta có thể đếm trên đầu ngón tay, một Thích Ca, một Jésus Christ, hai Lưu Thân Nguyễn Triệt, một Từ Thức và một ít nữa, có thể có Einstein, Démocrite... Số «người» ở Thiên Thai sao lèo tèo thế, so với bề rộng vô bờ. Và chính cái may mắn chung của loài người chúng ta ở đó.

Một chuyện khác còn liên quan đến Thiên Thai nữa, ấy là ở Thiên Thai có quá nhiều tiên nữ. Lưu Nguyễn gặp tiên nữ, Từ Thức gặp Giáng Hương, cũng tiên nữ, kể cũng là điều lạ. Phải chăng thế giới chúng ta và Tàu ngày xưa đều ông ngự trị, lại cả Tây Phương nữa nên mọi thứ hình ảnh của tưởng tượng và biểu hiện đều quay về đàn bà. Nếu găm ngược lại chúng ta sẽ biết rằng ở tiên đàn ông sẽ thành một món rất quý (dĩ nhiên họ đã diệt dục) và kuông chừng đàn ông ở Thiên Thai thành những món triển lãm bất hủ, những vưu vật của bầy tiên nữ luôn thích khúc nghệ

thường. Nhưng ít quá «người» (phải ngoặc lại vì ở Thiên Thai làm gì có tiếng người, diễn tả một đối xứng hoàn hảo như chúng ta) nên nếu chúng ta lạc đàn, không trước thì sau cũng chết đi vì buồn. Khổ hơn bao giờ hết ở đây chúng ta không chết được ở Thiên Thai, nên Lưu, Nguyễn mới đòi về. Nhiều khi một lỗi chứng minh thế này vẫn còn có người đòi lên Thiên Thai. Thôi, giả thử quách chúng ta lên Thiên Thai một lượt xem sao, nghĩa là chúng ta phải diệt dục. Điều đầu tiên kể đến, anh nào cũng tư lự và ngo ngàng, không tiếng khóc tiếng cười, chắc chắn không có tiếng đàn, bom rộ. Nhưng tệ hại nhất là mấy chàng thi sĩ, nhìn mây mây không bay, nhìn nước nước không chảy, không còn những trận đánh thi Chansons de Roland thành đồ bỏ, chuyện Hercule thành một thứ giả tưởng đã một lần già trường. Cứ thế mà kéo dài ra, chắc chắn Thiên Thai qui vào sự biến dịch vũ trụ với mọi loài mà trong đó con người thành kẻ tuân lệnh tuyệt đối, một thứ máy móc quay hoài theo chiếc vòng đã vạch sẵn.

Thiên Thai có thật, nhưng có lẽ chúng ta không nên lên vì sẽ buồn vô cùng buồn, tiên nữ ở Thiên Thai không còn là nữ nữa (chữ Tiên nữ có lẽ chúng ta gọi sai chăng?) Thôi đành Thiên Thai là ước, là mơ... là mộng và mỗi người sẽ có một Thiên Thai nhỏ nhỏ sau công việc quần quật mỗi ngày. Và chẳng Thiên Thai ấy cũng có thể là người yêu của chúng ta nữa chứ?...
NAM HUÂN

đọc và cổ động :

NGUYỆT SAN CHÍNH - VĂN

NGUYỄN KIÊN TRUNG

tham luận về bài

TĂNG CƯỜNG BỒI DƯỠNG của tướng SONG-HÀO *

THAM LUẬN không có nghĩa là nguyên rủa hay mạ lỵ. Xin bạn đọc đừng chờ đợi ở tác giả những lời buộc tội chặt chẽ nhưng một chiều, theo kiểu Tổ Cộng của hơn 10 năm về trước đây.

Hơn 10 năm trước Cộng sản còn quá mạnh, cả về quân sự lẫn chính trị. Kinh-nghệm thực tế cho biết họ sẽ cười vào mũi chúng ta, nếu chúng ta bình tĩnh và lễ độ thảo luận với họ. Cách đây mới 7 năm, họ còn nuôi mộng thôn tính miền Nam bằng võ lực. Rồi sau đó thiết lập ngay một chế độ vô sản chuyên chính — ít ra là các vị lãnh tụ trí thức tiểu tư sản ngoài Bắc tự gọi chính quyền của họ như vậy — để rồi thu thập binh lương, chỉnh cán rèn quân, tiến xuống Mã-Lai hay tiến sang Thái-Lan qua Cam-Bốt.

Lẽ tất nhiên bây giờ thì khác rồi. Về chính trị và ngoại giao, Cộng sản đã bị những trận đòn đau ở Hung-Gia-Lợi, Ý-Đại-Lợi, Ga-na, In-đô-nê-đi, Cam-Bốt; và đã chịu đựng sự chia rẽ giữa Nga, Hoa. Về quân sự, sau bài

học ở Triều Tiên đến bài học ở Nam Việt, mở rộng sang lãnh thổ Khờ-me... Sau bấy nhiêu thất bại, Cộng sản không thể nào không tự hỏi vì sao. Và bây giờ khi chúng ta mở cuộc thảo luận, họ không thể nào không tìm đọc chúng ta với một thái độ bình tĩnh và lễ độ tối thiểu.

Trong bài này, tác giả sẽ nghiêm chỉnh đặt vấn đề với tướng SONG HÀO về mấy điểm quan trọng trong bài « Tăng cường bồi dưỡng chủ nghĩa cá nhân... »

Chủ nghĩa cá nhân là sản phẩm của chế độ tư hữu

Ngay câu đầu chương này, SONG HÀO viết một cách lẫn lộn : « tư tưởng cá nhân chủ nghĩa không phải tự nhiên mà hình thành... » coi như tư tưởng cá nhân và cá nhân chủ nghĩa là một. Rồi sau đó, SH đem hết tội tình của cá nhân chủ nghĩa theo tập quán tây phương mà gán chết cho tư tưởng cá nhân. Đó là một thái độ bịt tai nhắm mắt, « đóng cửa rút cầu », khiến cho người trong cuộc

* Chính Văn số 1.

tham luận về bài...

không mở được rộng tầm suy tư ra nhiều lãnh vực khác.

Thật thế, SONG HẢO là người cộng sản, theo Tây phương qua học thuyết mác-xít, nên chỉ nhìn vào cuộc sống và chấp nhận những hiện tượng nào phù hợp với quan niệm duy vật kỹ thuật hóa của Karl Marx. Còn ngoài ra, những nếp sống khác biệt với nếp sống tây phương—và, do đó, không lọt vào vòng suy luận duy vật—biện chứng của Marx—đều bị coi như “không hề có”, nghĩa là có cũng như không.

Thái độ này rất dễ hiểu vào những thập niên 20, 30, 40 vân vân. Bởi, vào thời kỳ đó sức mạnh của làn sóng văn minh vật chất lan tràn và đè bẹp con người ở khắp mọi nơi trên thế giới, tại Âu-Mỹ cũng như ở các Châu Á, Phi, Nam Mỹ. Người ta, ở Trung Hoa, hay Việt Nam, ở Hoa Kỳ hay Thụy Sĩ nếu có đôi chút học thức và một tinh thần tương đối sáng suốt, phải công nhận rằng ai nấy đều hướng về Tây phương mà ngưỡng mộ và học hỏi. Không giáo bị coi hoàn toàn như đồ bỏ, Phật giáo chỉ được chấp nhận phần có lợi cho lý luận vô thần.

Với những điều kiện trên đây, người ta thần phục Tây phương, đồng thời xác nhận sự chia cắt tư tưởng tây phương ra làm 2 phần, một duy trì nền nếp xã hội cũ, với những cải cách xã hội mà giai cấp tư bản bố thí cho lớp người nghèo khổ; một đi về phía cách mạng, muốn đánh đổ hẳn trật tự xã-hội cũ để xây dựng một trật tự xã hội mới. Người Mỹ thuộc phần thứ nhất, người cộng sản thuộc phần thứ hai.

Người cộng sản, cách đây mới vài ba chục năm—khi mới có một mình Liên Xô có chính quyền vô sản.—còn tin tưởng vững chắc rằng, với những giáo điều sơ khoáng

của Karl Marx, họ có thể kiến tạo một cách dễ dàng những xã hội mới khi nào chính quyền lọt vào tay họ. Chính bởi thế, họ không ngần ngại gán tất cả mọi xấu xa tội lỗi trên đời này cho cái mà họ gọi là “cá nhân chủ nghĩa” mà, chỉ một ít dòng sau, SONG HẢO đã định nghĩa là “chỉ sống cho mình bằng cách làm thiệt hại đến lợi ích kẻ khác”.

Lời buộc tội của SH, cũng như lời buộc tội của Lénine sau đó, không hoàn toàn đúng, nhưng vẫn đúng một phần lớn đối với con người và xã hội tư hữu tây phương. Con người tây phương thật quả chỉ lấy kỹ thuật thủ đoạn làm phương tiện, và lấy hưởng thụ cá nhân làm cứu cánh. Người ta nhớ lại những hành vi tàn bạo, độc ác của một số lớn chủ nhân và một số lớn thực dân, suốt trong thế kỷ thứ 19 và trong nửa đầu thế kỷ thứ 20 và không thể nào không đồng ý với những lời buộc tội nói trên.

Nhưng gần đây, những lời buộc tội ấy đã bị chứng minh là quá trớn hoặc sai lầm, ở 3 điểm.

Thứ nhất là trong số những nhà trí thức, có dự vào công việc lãnh đạo chính quyền hay không, luôn luôn có những người có tâm hồn đạo đức và sáng suốt, vừa nhận thấy xã hội bất công, vừa muốn tránh những cuộc bạo động làm đổ máu dân chúng vô ích. Những người đó không ngừng cố gắng hòa giải hai phe tranh chấp, không ngừng thuyết phục giới tư bản nói tay bớt lột, không ngừng can gián giới lao động bớt liều lĩnh, nóng nảy. Số người môi giới này chắc chắn đã gia tăng, đồng thời cũng được gia tăng về uy thế xã hội, chính nhờ những hoạt động quá khích của Cộng sản. Ảnh hưởng của họ được thấy rõ ở nhiều nước Tây phương mà ngày nay Cộng sản không hy vọng gì cướp được chính

quyền bằng bạo lực nữa. Ví dụ : Anh, Tây Đức, Thụy Điển, Thụy Sĩ v.v...

Thứ hai là ở một số nước, bất cứ nhờ tiến bộ kỹ thuật hay nhờ bóc lột các dân tộc bị trị, nhà cầm quyền đã thể hiện được một đời sống xã hội có bảo đảm cho một phần lớn dân chúng trong nước. Ví dụ : Nhật Bản, Hoa Kỳ, Thụy Điển, Anh, Pháp, Tây Đức... Ở những nước này, và ở trong những gia đình không còn lý do để đòi hỏi gì về kinh tế, bằng tự nhiên xuất hiện những phong trào nổi loạn trong giới thanh thiếu niên, và những trạng thái xô lệch thần kinh trong giới người đứng tuổi. Sự quan sát cho thấy rõ rằng mặc dù kinh tế quả thật có chi phối đời sống tây phương trong một giai đoạn lịch sử. — giai đoạn của sự bất công, nghèo đói — kinh tế đã mất một phần lớn tác dụng quyền rũ, khi đời sống vật chất đạt được tới mức độ bảo đảm nào đó.

Thứ ba là sau khi loại bỏ thời gian tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của Tây phương, người ta thấy rõ con người Đông phương có một đời sống không phải tiêu cực vì ngu dốt và lạc hậu, mà rõ ràng là một đời sống tích cực xa lánh mọi sự hưởng thụ vật chất phù phiếm, nhằm đạt tới trình độ cao siêu của những cuộc sống hoàn toàn thoải mái và tự do trong tâm hồn. Con người Đông phương, với rất nhiều mặc cảm tự tôn, có khả năng tách rời hẳn những hệ lụy của một cuộc sống với danh lợi tầm thường, nên rất có thể vào ở ẩn trong rừng sâu, hoặc rút về nông thôn, tự thỏa mãn với một cuộc đời đạm bạc, mà tuyệt nhiên không cần sự giúp đỡ nào của tập thể.

Chính ở điểm thứ 3 này mà SONG HAO đáng lẽ phải tìm thấy ý nghĩa của bốn chữ "tư tưởng cá nhân". Không giúp ích nhưng cũng không làm hại bất cứ cá nhân nào khác, ngày

ngày sống giữa thiên nhiên và hiểu rõ tính chất mẫu nhiệm của Trời cao Đất rộng, con người đông phương chấp nhận một cách bình thản sự sống cũng như cái chết giữa cây cỏ. Sự khiêm tốn ấy, và cũng là niềm kiêu hãnh ấy tuyệt đối không phải là đời sống dưới chế độ Cộng sản Nguyên thủy đã được Karl Marx mô tả. Bởi vì, như tất nhiên SONG HAO cũng biết, muốn tới được trình độ văn hóa ấy, con người phương Đông đã phải có hàng chục ngàn năm lịch sử chiếm ngưỡng thiên nhiên, được chung đúc tổng hợp trong những tâm hồn suy tư siêu việt như Bà la-môn, Thích-ca, Phục Hy, Khổng Khâu...

Nói tóm lại, SONG HAO, với tư cách nhà lãnh đạo Cộng sản, chỉ có lý khi ông ta nói về "chủ nghĩa cá nhân" của Tây phương, với điều kiện giới hạn về khả năng giác ngộ đạo đức của một số người không nhỏ, và với điều kiện xác nhận rằng tinh thần đấu tranh kinh tế bị đè của người tây phương sẽ giảm bớt lần lần, cho đến khi có thể biến mất, trong một xã hội được tổ chức an ninh đầy đủ.

"Chủ nghĩa cá nhân", như vậy, không còn là sản phẩm tất hữu và thiết yếu của chế độ tư hữu, nếu chế độ tư hữu được dần giải theo một phương thức hợp lý nào đó — như ở Thụy Điển, Thụy Sĩ — mà không cần đi vào con đường vô sản.

Chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù của chủ nghĩa tập thể

Lẽ dĩ nhiên chủ nghĩa cá nhân xấu xa, và cả tư tưởng cá nhân tốt đẹp, cũng là kẻ thù của chủ nghĩa tập thể. Vì có một điều mà ông SONG HAO không chịu nói trắng ra ở đây là chủ nghĩa tập thể là chủ nghĩa của sức mạnh, trong khi tư tưởng cá nhân (của Đông phương) chống lại sức mạnh, và chủ nghĩa cá nhân của Tây phương phá hoại sức mạnh.

tham luận về bài...

Sức mạnh để làm gì ?

Đây là câu hỏi rất quan trọng và rất cần được trả lời minh bạch. Và có một sự hiểu lầm kéo dài từ nhiều thế kỷ cần được chấm dứt.

Sức mạnh ở cá nhân là yếu tố tự nhiên của đời sống, và là một trong những yếu tố có tác dụng tạo thành sự khác biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác. Sức mạnh ở một số cá nhân, hợp quần theo điều kiện tự nhiên của đời sống — như gia đình — hoặc theo điều kiện thiên nhiên về địa lý và sinh hoạt, như người một bộ lạc cùng sống trong hang hay trong một thung lũng, sức mạnh này là kết quả tất yếu của đời sống, với kinh nghiệm và tin tức của giác hồn, nhằm mục đích giành giật bảo tồn sự sống.

Còn sức mạnh ở một số đông cá nhân, của một số bộ lạc, hợp nhau thành một dân tộc, chiếm lĩnh một vùng đất đai rộng lớn, lại là kết quả của sự suy tư thông minh của anh hồn. Sức mạnh này được thể hiện không phải để làm những công việc trước mắt, mà để phục vụ những toan tính lớn lao và lâu dài, với liên hệ càng ngày càng gián tiếp đối với đời sống thực tế của một dân tộc.

Một sức mạnh như thế đã được cổ nhân ý thức đến từ lâu. Người phương Đông từ chối sức mạnh đó. «Quần từ hợp nhau khi nguy nan, tiểu nhân hợp nhau khi yên ổn» là câu phương ngôn cho rằng chỉ khi nào có nguy nan người quần từ mới hợp nhau để chống đỡ, trong khi kẻ tiểu nhân vô cơ hợp nhau để cướp phá, giết chóc những người yếu hơn chúng. Nhờ thấm nhuần thứ luân lý «kỷ sở bất dục vật thi ư nhân» của đạo Nho, nên hầu hết các vua chúa đông phương đã không nghĩ đến những hướng thụ xa hoa, lại càng không nghĩ đến chiêu binh mãi mã, nhằm mục đích xâm lăng, chiếm đoạt các quốc gia lân cận — suốt

trong 1.000 năm lịch sử Việt Nam, nếu không kể những cuộc tiến quân của Mông cổ và Mãn Thanh, người Trung Hoa chỉ can thiệp vào nội bộ nước ta có một lần, vào đời nhà Minh, do sự yêu cầu của con cháu nhà Trần.

Người phương Tây thì khác. Bởi họ đã đi và con đường thỏa mãn dục vọng, cho nên «nhân dục vô ngại», họ được giàu có mạnh khỏe đến thế nào cũng không thấy đủ. Lịch sử các quốc gia Âu Châu là lịch sử của những cuộc chiến tranh liên tiếp. Sức mạnh được dùng đến luôn nên người ta phải tìm đủ mọi cách khích động quần chúng, vì quần chúng chính là nguồn gốc của sức mạnh. Thoạt tiên là sự trung thành với vua chúa, với giáo quyền, rồi sau mới đến tinh thần yêu nước — hình như hai chữ «yêu nước» mới chỉ xuất hiện trong cuộc Cách mạng 1789 ở Pháp, khi các nước lân cận tiến đánh Balê, mà vua chúa cùng giáo quyền mới bị hạ bệ, nên các nhà trí thức lãnh đạo phải nghĩ ra «tiếng gọi của tổ quốc».

Đây quả thật là một khám phá quan trọng. Khi hoàng đế Napoléon 1 đem quân đánh tận nước Nga, để thỏa mãn tự ái cá nhân, binh sĩ của ông ta cũng được dạy rằng họ hy sinh vì nước Pháp. Khi những quân nhân người Anh bắn giết những người Ấn Độ dưới chân núi Tuyết Sơn, họ cũng được dạy rằng họ hành động để bảo vệ và phát huy sự cao cả của nước Anh, mặc dù kẻ thù lợi chỉ gồm một số nhỏ nhà tư bản.

Điều đáng buồn, và cũng đáng cười hơn cả, là một phần lớn khả năng thuyết phục của chủ nghĩa mác-xít đã do lập trường chống đế quốc mà có, nhưng rồi ra, các lãnh tụ Cộng Sản không tìm thấy gì hơn, đành quay lại dùng cái bả «tinh thần anh dũng của toàn dân» làm động cơ huyền hoặc quần chúng trong những cuộc chiến tranh thuộc địa: Liên Xô đem quân sang Hung gia Lợi, Trung cộng đem quân sang

Nam Hàn, Bắc Việt đem quân sang vương quốc Lào, đều chia phần cho tư tưởng cách mạng và tình thân yêu nước làm nhiệm vụ động viên quần đội.

Điều đáng sợ là ở hầu hết những nước nhỏ mới được độc lập, ái quốc quả thật đã trở thành một thứ tín ngưỡng mãnh liệt, mà các chính quyền, các chính khách không ngớt lạm dụng, lợi dụng, mà vẫn còn rất mạnh. Dân chúng, nhất là giới thanh niên, dễ nghe thấy những lời hứa hão huyền, kêu gọi nào đó, hoặc ít nhất cũng tỏ ra mình háng hái, mặc dù trong thâm tâm không biết mình có thể phục vụ tổ quốc ở chỗ nào.

Sự háng hái, năm 1964, chắc hẳn đã kém sút sự háng hái năm 1945. Tướng SONG-HÀO chắc hẳn không quên rằng tất cả nhiệt tình của cuộc Tổng Khởi Nghĩa chỉ nhằm vào một nền độc lập — không bị thực dân khinh bỉ và bóc lột — và một đời sống công bằng, no đủ. Hai mươi năm sau, đường lối của Đảng và Chính phủ miền Bắc đã thay đổi, nên SONG-HÀO không dám nói rõ sức mạnh để làm gì, mà chỉ nhấn mạnh vào những tội lỗi của cá nhân, tuy có thật nhưng chỉ là kết quả của một thể kỷ ngoại thuộc.

Tăng cường bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân

Như ai nấy đều biết, sau khi Mao Trạch Đông chiếm được đại lục Trung Hoa, năm 1949, và sau trận Điện Biên phủ năm 1954, các lãnh tụ Cộng sản đã mắc bệnh chủ quan rất nặng. Hoàn toàn tin tưởng rằng Mỹ không dám tham chiến ở Việt Nam (và lại, dù có tham chiến, đã chắc gì họ thắng được chiến thuật du kích!) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương chiếu cố miền Nam, thay vì xây dựng miền Bắc.

Với uy thế và tổ chức cán bộ của đảng Lao Động cách đây 15 năm, chính quyền Hồ Chí Minh chắc hẳn có thể kiến tạo được một đời sống xã hội lành mạnh và phồn thịnh. Nhưng họ Hồ đã không làm như vậy, có thể vì chính ông cũng bị huyền hoặc vì cái lực lượng mạnh mẽ về vật chất và tinh thần mà ông có trong tay. Người thiên chi Đông phương giữa sự hiểu biết cho mình, người thiên chi Tây phương đem sự hiểu biết của mình giao truyền cho kẻ khác. Người phương Đông thiên về cái lẽ khác biệt của thiên nhiên và đời sống, nên không đem sự hiểu biết của mình ra mà làm loạn thiên hạ. Người phương Tây, khi đã tin tưởng mình là phải, bèn tìm cách bắt buộc người khác chấp nhận và thuận thụ lẽ phải của mình.

"Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa là tư tưởng không hợp pháp, cản trở sự phát triển của cách mạng, do đó cần phải kiên quyết chống lại nó, coi nó là kẻ thù tư tưởng ghê tởm nhất của mỗi người chúng ta... hành động tập thể của giai cấp công nhân trong sản xuất, trong đấu tranh đã tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn: nó đã trở thành một nguyên tắc hành động, nguyên tắc đạo đức của loài người tiến bộ."

SONG HÀO, như đã nói ở trên, không phân giải rằng sức mạnh vô cùng to lớn của giai cấp công nhân sẽ được dùng để làm gì. Trong khi đó, ông ta đã biến tập thể thành một chủ nghĩa:

"Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã và đang thấu suốt tinh thần cách mạng của chủ nghĩa tập thể... Mỗi đồng chí chúng ta cần kết hợp sự cố gắng bản thân với sự giúp đỡ của tập thể... nếu thấy có hiện tượng chủ nghĩa cá nhân xâm nhập vào tổ chức, vào đồng chí, thì phải kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng... Phải luôn luôn quản lý chặt chẽ tư tưởng của mỗi người."

tham luận về bài...

Bốn chữ "chủ nghĩa tập thể" và chủ đích "quản lý chặt chẽ tư tưởng của mỗi người" chứng tỏ rằng đối với chính SONG HẠO, sau 10 năm chiến đấu với chính SONG HẠO, tư tưởng cách mạng xã-hội đã trở thành xa xôi, vì vẫn để trước mắt là xử dụng tối đa mìn mìn công an tư tưởng để xiết chặt hàng ngũ, kiến tạo một sức mạnh vô song, nhằm thực hiện nhiệm vụ trước mắt là chiến thắng — khi SH viết bài này, người Mỹ mới bắt đầu dùng máy bay B.52 trên chiến trường Việt Nam.

Đến bây giờ, các cơ sở hậu cần trên lãnh thổ Khor-me còn bị đánh tan, tướng SONG HẠO nhất định đã thấy rõ bài học rất giản dị ở đời rằng kẻ chủ trương sức mạnh sẽ bị sức mạnh hơn đánh bại. Rất có thể quân đội miền Bắc sẽ được lệnh cố chiếm giữ lại đất Lào, để dụ cho quân đội Mỹ sa lầy vào chiến trường không có bờ biển cho chiến hạm, không có phi trường cho máy bay phản lực. Nhưng rất có thể người Mỹ không đem quân đến, mà chỉ gửi công sản không những có thể KHÔNG ĐƯỢC GI trong Nam, còn mất luôn cả ảnh hưởng ở Cam Bốt, Ai Lao. Lúc bấy giờ người Cộng sản chỉ còn lại dưới tay có một miền Bắc bị 4 năm bom đạn tàn phá và chưa được xây dựng lại một phần.

Sức mạnh của tập thể, mà tướng SONG HẠO cùng các đồng chí của ông đã công phu tạo lập trong bao nhiêu năm, sẽ chỉ còn là sức mạnh của hàng trăm ngàn phụ nữ tang tóc, của hàng triệu trẻ mồ côi. Tham gia vào tập thể cá nhân yếu đuối của những người dễ bị sự kềm hãm quá khứ chèn ép cảm nín. Nhưng tất cả mọi cá nhân ấy đều xem Đảng và Chính phủ làm được những gì.

Tập thể cần để đắp một con đê, đào một con kênh, xây một nhà máy. Nhưng tập thể không xây dựng được hạnh phúc cho cá nhân.

Và lại Karl Marx không hề dạy việc hạnh phúc cho cá nhân Chủ nghĩa của Marx là một môi nhọa chỉ biết tấn công, tiến tới. Bây giờ bị càn lại, những người Cộng sản sẽ không biết gì. Gia đình, học đường, tình yêu, nghệ thuật, sự nghiệp — trừ sự nghiệp tham dự vào tập thể nó lệ cho lãnh đạo của Đảng — đều không có địa vị nào rõ rệt trong một xã hội chưa ý niệm một cách rõ rệt.

Thành thử, nói cho cạn lẽ, bài báo của tướng SONG HẠO chỉ là sự nhắc lại, một cách văn chương và bác học những dữ kiện tuyên truyền đã có từ mấy chục năm về trước. Cả bài báo không giải thích gì cả, không chứng minh gì cả. Và kết cuộc, người đọc chỉ thấy còn lại một điều giản dị: «Là dân thì phải theo Đảng, phải tuân lệnh Đảng, tạo thành một sức mạnh cho Đảng, như đem con ngựa cho một người mủ, cứ phóng đại về phía trước!»

Giải quyết cho Song Hào là giải quyết cho ta

Đối với tướng SONG HẠO, chúng ta là người bên kia chiến tuyến. Nhưng trên một lãnh thổ chung, và cùng thuộc vào một dân tộc, chúng ta dù không muốn cũng phải xé chia trách nhiệm với ông ta.

Vấn đề của SONG HẠO, và của giới lãnh đạo miền Bắc, là trót tạo thành một quân đội tinh nhuệ thiện chiến, nhưng trận đánh đã thất bại thì quân đội để làm gì. Nếu một mai rút khỏi đất Lào, mà sau đó quân Mỹ không đánh lên phía Bắc, thì quân đội ấy tất nhiên phải được giải tán, binh sĩ được phục viên. Nhưng vẫn còn hệ thống đảng viên, cán bộ — âm binh thất nghiệp của phủ thủy mất đến thò — họ sẽ làm công việc gì để giữ vững niềm tin vào Đảng và Chính phủ? — Người Cộng-sản, không lúc nào băng lúc này, cần có một chính sách mới, một chủ

nghĩa cách mạng thật sự, để nắm vững trở lại ngót một triệu cán bộ và đảng viên, và chứng minh với họ rằng họ không hề bị lừa dối, và do đó, không cần phải nổi loạn để lật đổ những người rủ rờ họ làm cách mạng mà thật sự là để họ nhau gây loạn — như những kẻ tiểu nhân thấp kém nhất — để tranh giành quyền lực.

Vấn đề của chúng ta không gây cân bằng, nhưng phức tạp hơn nhiều. Chúng ta là những người yêu nước chúng ta bị Cộng sản xâm lăng nên phải cần đồng minh viện trợ quân sự, nhờ Mỹ viện kinh tế. Chúng ta có một quân đội tinh nhuệ chiến đấu bằng súng đạn của nước bạn; chúng ta có một ngân sách đứng vững nhờ sự bồi đắp tiền bạc của nước bạn. Chúng ta nói nước Việt Nam độc lập, dân Việt-Nam hào hùng. Hễ một nước nhỏ nào yếu hơn chúng ta mà gặp sự rắc rối với chúng ta, thì chúng ta nghĩ ngay đến danh dự của tổ quốc, và muốn tượng trưng quân đội ta mà hùng dũng tiến lên thì kẻ địch chắc chắn phải ngửa mặt xin hàng.

Cái khó của chúng ta là cuộc xâm lăng của Cộng sản có thể chấm dứt, nhưng không có gì bảo đảm Cộng sản không tái diễn chiến tranh. Quân đội nước bạn có thể được yêu cầu ở lại, giúp chúng ta đề phòng. Trong khi đó, chúng ta cần tiền, cần rất nhiều tiền của Mỹ, của Nhật. Mỹ hay Nhật cũng là những nước tư bản. Trong một cuộc phỏng vấn phát thanh vào ngày 15-3, giáo sư Vũ Quốc Thúc kể truyền các nhà kinh tài phải về văn người Nhật thế nào, để đi đến kết quả đáng mừng là giới tư bản Đông Kinh đã bằng lòng bỏ những mối tiền quan trọng, nhưng còn chờ Quốc hội ta biểu quyết một đạo luật đặc ân, đặc miễn cho vốn liếng đầu tư của họ.

Chúng ta vẫn độc lập, nhưng rõ ràng

chúng ta nhiều hệ lụy. Nói như người Pháp cách đây 30 năm, thì nước ta đã mất một phần chủ quyền, và còn sẽ mất thêm không ít. Nhưng điều quan trọng là chính chúng ta phải vận động đi được mất chủ quyền như vậy. Trên thế giới ngày nay, trừ một số nước lớn, nhưng kể cả Nhật Bản, Anh, Tây Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan tất cả đều mất chủ quyền, nhiều hay ít.

Phần nộ hay khóc than đều vô ích. Chúng ta cần có một chủ trương mới, một chủ nghĩa cách mạng thật sự, trong đó chúng ta không còn bị huyền hoặc bởi những khẩu hiệu tuyên truyền « thu hồi chủ quyền quốc gia » hay « vùng lên để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc », một khi chúng ta biết đích xác rằng ở trong vòng ảnh hưởng của Hoa Kỳ thì chúng ta phải hận thù Cộng sản, rằng tổ quốc chúng ta có biên giới ở đâu đó giữa miền Trung, mới cách đây 3 thế kỷ.

Không cần suy tư cao siêu gì làm chúng ta cũng thấy chúng ta đang xử dụng dần dần những tư-tưởng đóng-hộp của nền văn minh tây phương. Đó là một thứ văn minh mù, xui dục chúng ta giành giật lẫn nhau những quyền lợi không cần thiết, thức đẩy chúng ta hèn nhát với kẻ mạnh gây gổ với kẻ yếu. Người Cộng Sản có công làm cho giới biết đến Việt Nam, nhưng có tội làm cho hầu hết chúng ta trở thành tài giỏi trong các thủ đoạn bất nhân, bất nghĩa. Người Mỹ đem đến cho chúng ta một thời kỳ phồn thịnh giả tạo trong nhiều năm nhưng rồi đẩy họ ra đi và để lại một nền kinh tế tan tành, một giới trẻ sa đọa, với nhiều gia đình bị hủy hoại, và rất nhiều đoàn thể nhân dân chống đối, chửi bới lẫn nhau.

Nhưng chúng ta không cần hận bất cứ ai vì sự oán hận không giúp đỡ gì chúng ta. Chúng ta trối lại, phải cố gắng tự cứu mình.

NGUYỄN KIẾN TRUNG

tham luận về bài...



ALDOUS HUXLEY

HOÀNG HẢI THỦY

dịch

tình nữ

(Kỳ 2)

NHƯNG trước khi nàng kịp nói nhiều hơn, ông già nắm đó thờ khờ khờ như sắp tắt thở đến nơi mờ tối mắt mờ đục, thốt ra một tiếng gì nghe như tiếng một viên đạn đại bác chạy tụt trê lại nòng súng và nhảy vọt lên khỏi lòng ghế, chạy nhào tới khung cửa sổ mở. Chú bé la lên: «Cần thận dùm...Coi kìa... Một tiếng động vang lên dưới chân ông già. «Ồ.. Christ...! Chú bé la lên với giọng nói của kẻ tuyệt vọng. Cả một nhà ga chính bị đổ! «Christ! Chú bé nhắc lại và nữ thi sĩ nói với chú rằng chú không nên gọi tên Christ, chú nói bằng một giọng đe dọa: «Tôi sẽ nói một tiếng thật là bậy cho mà coi... Tôi nói...» Đôi mắt chú nhấp nháy ngấm thốt ra những tiếng rủa mà chú cho là thật nặng.

Trong thời gian đó, từ phía khung cửa sổ vang lại những tiếng đặc biệt của một người đàn ông đang bị treo cổ.

— Xin lỗi — người thiếu phụ đẹp nói. Nàng đứng lên, đặt cuốn sách xuống bàn và vội vàng đi tới cứu ông già. Lại có tiếng sắt động dưới bước chân nàng. Gấu xiêm dài của

nàng quết đồ một cây cột trên đường tàu. Chú bé thốt ra một tiếng giận dữ: «Má mày...» Chú hét lên: «... Đi như voi..»

— Loài voi—nữ thi sĩ nói bằng cái giọng giảng giải của những nhà giáo—loài voi rất cần thận khi đi đứng, không bao giờ chúng dụng chạm hết...

Rồi nữ thi sĩ xoay đầu nhìn lên tôi. Đây là lần thứ nhất nàng biết đến sự có mặt của tôi. Nàng nói với tôi bằng cái giọng của người ngoại cuộc nhìn thấy một chuyện gì bề bối, đáng trách:

— Họ quên bạn rồi đó. Ở đây chuyện bị quên là chuyện thường lắm.

Bên cửa sổ, cuộc bị treo cổ đến hết hơi vẫn tiếp tục tăng trưởng. Ông già tóc bạc cúi gập đôi người xuống như ông vừa bị đánh mạnh vào bụng. Ông ta đang chiến đấu để hít không khí vào phổi, cuộc chiến đấu có vẻ như vô vọng. Bên ông, nàng nữ thần đứng vô vô nhẹ lên lưng ông, miệng thốt ra những lời khuyến khích nho nhỏ. Tôi kinh sợ đứng đó.

Cảnh tượng trước mắt tôi là một cảnh khá
rợn mà tôi chưa từng được thấy bao giờ. Một
bàn tay kéo nhẹ ống quần tôi. Tôi nhìn xuống
và thấy nàng nữ thì si đang nhìn lên tôi. Nàng
có khuôn mặt trái soan hơi hẹp với đôi
mắt có màu sẫm nằm hơi xa nhau và hơi quá
lớn. «Hô...» nàng nói: «Tôi cần gấp một tiếng
gi vãn Ô, hay Ồ... cũng được, đề hợp với tiếng
Hô. Tôi đã dùng tiếng Sô rồi. Khăn sô.
Vãn Ô ít tiếng hay quá đi. Vãn Mô có được
không? Người ở phương trời, tôi ở mô?
Nghe được không?» Đôi lông mày của nàng
nhuôi lại, nàng tỏ vẻ bất mãn: «Không ổn.
Chính tôi cũng phải nhìn nhận là chưa ổn...!
Nàng nói và tôi sử dụng năng lực của óc tôi
thật nhanh để góp chuyện với nàng: «Sao
có không dùng tiếng mô? Tôi nói và khuôn
mặt nàng sáng lên, nàng tỏ ra vui thích
một cách sốt sắng, nồng nhiệt. Đúng rồi,
đúng rồi. Tiếng đó hay quá, vậy mà nàng
ngại không ra, nàng làm nhiều thơ quá cho
nên nhiều lúc như là bị mù người. Cây viết
chỉ đồ di động rất hăng hái trên mặt giấy.
Nàng đọc lớn bằng một giọng chiến thắng:
«Cuộc tình như mặt hồ. Tình yêu chết khăn
sô. Ta tìm nhau trong mộng. Tim nhau dưới
đáy mô...» Đọc xong, nàng hỏi tôi: «Tuyệt
không?» Trước khi tôi kịp trả lời, tiếng
khò khè từ phía cửa sổ vang lại lớn hơn,
tôi nhìn về cửa sổ và nhìn xuống nàng thì si.
Tôi hỏi nhỏ nàng: «Chúng ta giúp gì được
không? Có phải lấy thuốc gì đến không?»
Nàng lắc đầu: «Tôi đã tìm kỹ trong Bách
Khoa Tự Điển rồi. Người ta viết rằng bệnh
hen không làm chết người. Người hen sống
lâu như người thường vậy.»

Khi thấy tôi vẫn còn bối rối, lo lắng, nàng
nhún đôi vai gầy, tiếp:

— Ở đây, anh sẽ quen ngay đấy mà...
Rives cười một mình khi thường thức
đi vắng.

Đinh nữ

— Anh sẽ quen — John nhắc lại —
Năm mươi phần trăm tác dụng An Ủi Con
Người của Triết Học nằm gọn trong 3 tiếng
ấy. Năm mươi phần trăm còn lại có thể được
nói ra trong 5 tiếng: Khi ta chết, ta chết.
Hoặc nếu anh muốn, có thể được nói ra trong
6 tiếng: «Khi ta chết, ta không chết.»

John đứng dậy và sửa lại lò sưởi cho
lửa cháy mạnh hơn.

— Tôi gia nhập gia đình Maartens lần
đầu tiên trong cảnh tượng ấy. Mà thật vậy, tôi
quen với mọi chuyện trong gia đình ấy thật
nhanh. Nhanh và dễ như cảnh sống ở đó hợp
với tôi vậy. Tôi làm quen mau chóng cả với
chứng hen suyễn. Một điều đáng kể là bệnh
làm quen với bệnh tật rất nhanh, nhất là bệnh
tật của người khác. Chỉ sau vài lần, tôi đã
có thể điem nhiên chứng kiến những cơn hen
của Henry, điem nhiên như tất cả mọi người
trong nhà. Và phút mới đó Henry ngẹn thở,
khò khè tưởng như chết đến nơi, nhưng chỉ
một lát sau ông ta lại khoé phẩy phẩy, lại thao
thao bất tuyệt nói chuyện trời mưa, trời
nắng hoặc về sự cấu tạo của nguyên tử. Ông
ta tiếp tục hen suyễn và sống như thế mãi
cho đến năm ông tám mươi bảy tuổi. Trong
khi tôi đây, may mắn lắm tôi sáu mươi bảy
cuộc sống được đến năm tôi là một lực
là cùng. Tôi, như anh biết đấy, tôi là một trai
sĩ thời tôi còn trẻ. Khoé mạnh như con trai
đồng quê. Tập thể dục thật chăm, sống thật
vệ sinh, điều độ. Đôi tôi không một ngày nào
đau ốm vặt cho đến năm đột nhiên, bỗng...
một quan trạng động-mạch rắc rối và đi đôi
trái thận. Trong khi đó. Những người đau
yếu suốt đời, bệnh tật đầy người như ông già
Henry, chỉ sống dễ uống thuốc và suốt ngày
than thở đau yếu lại có thể sống đến năm họ
gần trăm tuổi thọ. Không những họ chỉ than
thở mà thôi, thật sự là họ khổ vì bệnh.

Hen suyển này, phong thấp này, đủ các biến chứng của bệnh đau dạ dày thêm vào đó là những cơn đau, cơn mệt, cơn nhức đầu, cùng những cơn buồn không hoảng thần kinh đến cùng đó. Ông ấy có một tủ riêng đầy nịch thuốc trong phòng làm việc và một tủ khác cũng đầy nịch những thuốc trong phòng thí nghiệm. Ông không bao giờ đi ra khỏi nhà, dù là chỉ đi chơi một vòng, mà không mang theo chừng năm bảy thứ thuốc trong mình. Nhiều ông bạn đồng nghiệp của Ông vẫn chế Ông vì Ông tự pha chế cho Ông những thứ thuốc chẳng có dính líu gì đến chứng bệnh của Ông.

Henry tự áp dụng cho tình trạng đau yếu của mình phép đi bệnh liệu bệnh. Thời đó, việc đi bệnh liệu bệnh có thể bị coi là việc làm cấm, nhưng anh đứng quên rằng Henry là một thiên tài. Và thiên tài thường bao giờ cũng đi trước người thường. Những khái niệm về bệnh trạng của Henry thời đó đến nay đã thành ra đúng.

Tôi đặt câu hỏi:

— Tôi muốn biết rõ về bệnh đau dạ dày của Henry Maartens. Những thứ thuốc ông ta dùng để trị bệnh đó có công hiệu hay không?

Rivers nhún vai:

— Henry sống đến năm ông tám mươi tám tuổi.

— Nhưng liệu ông ta có thể sống được đến năm tám mươi tám tuổi mà không có những thứ thuốc ấy hay không?

— Câu hỏi đó — Rivers nói — là một tỷ dụ đúng nhất về những câu hỏi vô nghĩa. Chúng ta không thể làm cho Henry Maartens sống lại và bắt ông ta sống lại cuộc đời của ông không cho uống thuốc. Do đó, chúng ta

không bao giờ có thể biết việc ông ta trị bệnh lấy có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của ông. Và bởi vì chúng ta không thể trả lời câu hỏi, câu hỏi đó trở thành vô nghĩa. Chính vì lý do đó — Rivers nói tiếp sau vài giây yên lặng — chúng ta không thể có một khoa học gọi là khoa học lịch sử. Vì chúng ta không sao có thể chứng minh được giả thuyết bằng những cuộc thí nghiệm. Do đó, những gì được viết trong những cuốn sách này đều là cưỡng ép. Điều bực nhất là chúng ta vẫn cứ phải đọc chúng. Nếu không, làm sao chúng ta có thể tìm được lối thoát cho chúng ta trong mê đồ của hiện trạng? Lẽ tất nhiên chúng ta chỉ tìm được lối thoát sai lầm mà thôi. Nhưng dù tìm được lối thoát sai còn hơn là hoàn toàn mất hướng không tìm được lối thoát nào cả.

Tôi đưa ra một nhận định:

— Lời kết luận của anh không lấy gì làm người nghe an tâm lắm.

— Dù sao đó cũng là tình trạng hay nhất mà chúng ta có thể đạt được trong những điều kiện hiện tại của chúng ta — Rivers yên lặng trong một lúc. Rồi Y đổi giọng — Như tôi đã nói, tôi trở thành quen với bệnh suyển của Henry, tôi quen với tất cả bọn họ, quen với tất cả. Quen đến nỗi một tháng sau đó, tôi tìm được một nơi ở không đắt lắm mà cũng không hợp với tôi, họ không chịu để tôi ra đi. « Anh đang ở đây — Katy nói — anh sẽ ở đây. » Chỉ vù Beulah ủng hộ hoàn toàn Katy. Timmy cũng vậy và dù rằng đang ở trong một số tuổi có khuynh hướng bất đồng ý với mọi người, Ruth cũng tuyên bố tôi nên ở lại đây. Ngay cả bực vì nhân của thời đại — khoa học gia Henry Maartens cũng tạm rời vùng trời trừu tượng, hư không của ông để hạ xuống đất và dề đầu thêm một lá phiếu tôi nên ở lại

vào cuộc trưng cầu dân ý bỏ tôi đó. Ý muốn của Henry quyết định việc tôi ở lại. Tôi trở thành một nhân vật danh dự của gia đình Maartens. Việc đó làm cho tôi sung sướng đến nỗi — Nói đến đây Rivers dừng lại một lúc — làm cho tôi luôn luôn ám ảnh bởi ý nghĩ chắc việc có gì sai lầm đâu đó. Thế rồi chỉ ít ngày sau tôi biết ngay tại sao tôi lại cảm thấy như thế. Hạnh phúc với gia đình Maartens có nghĩa là không trung thành với gia đình riêng của tôi. Tức là với mẹ tôi vậy. Đến lúc đó tôi mới biết rằng suốt thời gian tôi sống với mẹ tôi, tôi không cảm thấy gì khác ngoài cảm giác bị bắt buộc và mặc cảm tội lỗi thường trực. Còn bây giờ, sống giữa gia đình của những kẻ vô đạo xa lạ này, tôi cảm thấy tôi không những chỉ sung sướng mà thôi, tôi còn tốt nữa. Hơn nữa, tôi còn thấy tôi ngoan đạo như tôi chưa từng bao giờ ngoan đạo đến như thế. Lần đầu tiên tôi hiểu nghĩa của những chữ viết trong Kinh Thánh. Như «Ơn Thánh» chẳng hạn. Trong tôi tràn đầy ơn thánh. Sự mới lạ của ý Chúa—trong tôi và quanh tôi đầy đầy trong khi tất cả, hoặc gần tất cả những gì tôi biết khi sống với mẹ tôi, đều đã cũ rích. Ngoài ra lại còn Đức Tin, Hy Vọng và Tình Thương. Tôi thật không có ý khoe khoang nhưng tôi cần phải nói rằng trong thời gian sống với gia đình Maartens, tôi có tất cả những đức tính đó. Trước hết là Đức Tin. Một lòng tin tài tạo vô biên vào vũ trụ và vào những người cùng thời. Còn lòng tin trước đó của tôi chỉ là một thứ tin tưởng đơn giản vào đạo giáo, một thứ lòng tin mà mẹ tôi đã giữ nguyên vẹn, với sự kiêu hãnh là mình đã giữ được nguyên lành, như giữ tiết trinh, qua những cảm dỗ của nền giáo dục khoa học mà tôi đã được đào tạo. Không có gì đơn giản là thế không, và đó là điều mà tôi đột nhiên nhận thấy về lòng tin cũ của tôi. Một lòng tin giản đơn mà tôi đã sống với

nó trong mười năm trời. Ở Saint Louis tôi có thứ thiệt, tôi có lòng tin chân chính, tôi tin thực vào sự tốt của đời sống, của loài người. Tôi tin rằng tất cả mọi sự việc đều tốt đẹp và sẽ tốt đẹp mãi mãi. Còn đi với Đức Tin và Hy Vọng, tôi còn có Tình Thương. Một Tình Thương tràn trề. Làm sao ta có thể cảm thấy mến được một người chỉ biết có mình như Henry? Ông ta vị kỷ đến nỗi gần như không còn biết có người khác ở bên cạnh và cũng không cần biết. Không ai miễn được một người như thế, vậy mà tôi đã mến. Tôi mến ông ta không phải chỉ vì những lý do rõ rệt — Ông ta là một dịp để mình đưa trí việc với ông ta là một dịp để mình của mình thông minh và năng lực tinh thần của mình lên một độ cao hơn, mạnh hơn. Tôi mến ông ta ngay cả khi ông ở ngoài phòng thí nghiệm. Trong những ngày đó tôi có nhiều tình thương đến nỗi tôi có thể yêu được cả cá sấu, yêu trâu nước. Tình yêu, tình thương, hoặc tất cả những gì đồng nghĩa với chúng: Agape, Caritas, Mahakaruna. Những ngày ấy tôi thật sự hiểu chúng nghĩa là gì. Tôi chỉ có mỗi một nỗi thắc mắc là nếu bây giờ tôi mới hiểu yêu thương thật sự là gì thì tôi đã thấy gì trong suốt khoảng thời gian mười sáu năm tôi là nguồn an ủi duy nhất của mẹ tôi?

Trong khoảng thời gian im lặng tiếp theo câu nói của Rivers. Tôi gom góp trí nhớ lại để hình dung ra bà Rivers trong những lần bà dắt chú bé Johnny đến trại của nhà tôi vào những buổi chiều chủ nhật, những buổi chiều cách đây trên dưới năm mươi năm. Hình ảnh gọi lại có màu alpağa đen, với làn da mặt xanh trắng như màu hình Di Esther in trên miếng sứ gần trong cái dây đeo ngọc. Bà Rivers có nu cưỡi hiền lành, dịu ngọt nhưng không hợp chút nào với đôi mắt lạnh lùng lúc nào cũng gọi lại trong tôi cảm giác ánh xưa cũ ấy cũng gọi lại trong tôi cảm giác

ròn rợn, sợ sợ — “Con hôn bà Rivers một cái hôn lớn đi. Tôi vâng lời nhưng làm với một sự cưỡng ép ghê rợn. Một câu nói của Di Esther bỗng nổi bật lên trên chiều sâu của dĩ vãng: “Thằng nhỏ ngoan thật là ngoan—Di tôi nói—nó thờ kính mẹ nó quá đi”. Thờ kính thì có, đúng. Nhưng nó có yêu thương mẹ nó hay không?

Rivers đột ngột hỏi tôi:

— Ngôn ngữ của ta có tiếng nào như tiếng “phi diễm lệ, không nhỉ?

Tôi lắc đầu:

— Làm gì có tiếng nào như thế.

— Lẽ ra mình phải có một tiếng như thế — Rivers nói như muốn thuyết phục tôi — Bởi vì trong những bức thư tôi viết gửi về cho mẹ tôi, tôi ghi nhận những sự việc nhưng tôi phi diễm lệ chúng đi. Tôi làm cho chúng mất đẹp và quyến rũ đi. Tôi biến hoá một phát giác huyền diệu trở thành một cái gì rất thô thiển, tầm thường, thêm chút luân lý và bần phân vào đó nữa. Tại sao tôi lại ở luôn tại nhà Maartens? Tôi ở vì bần phân. Vì bác sĩ không lái được xe hơi và tôi phải giúp ông mang nhiều thư từ nhà riêng ông tới phòng thí nghiệm và trở về. Vì cặp trẻ chẳng may gặp phải hai giáo viên kém cỏi quá chừng, chúng cần được dạy kèm ở nhà. Vì bà Maartens rất tử tế với tôi và tôi thấy tôi cần ở lại đó để giúp đỡ bà ta, nhất là trong những lúc ông bác sĩ lên cơn bệnh. Tất nhiên là tôi muốn ở riêng nhưng nếu tôi chỉ nghĩ đến tôi thôi thì ích kỷ quá. Tôi có nên chỉ nghĩ đến tôi hay không? Khi những câu hỏi tương tự được đặt ra với mẹ tôi, rất nhiên bà chỉ có một câu trả lời duy nhất. Nhưng sự thật có thể sẽ quá phù phàng với bà và quá nặng nề để tôi có thể viết thư. Thật là giả dối, những gì tôi viết trong thư gửi về cho mẹ tôi ngày đó toàn

là gian dối. Sự thật là chưa bao giờ tôi sung sướng, chưa bao giờ kêu thương, chưa bao giờ tôi nghĩ đến người khác, yêu thương người khác nhiều đến bằng thời gian ấy, thời gian tôi vừa mới rời gia đình đi sống với người lạ.

Rivers thở dài và lắc đầu:

— Tôi nghiệp mẹ tôi. Lẽ ra tôi phải đối xử tốt với bà hơn nữa mới phải. Nhưng dù tôi có hiểu đến cực nào đi nữa, tôi cũng không thể làm nhẹ bớt sự thật là mẹ tôi yêu thương tôi như tôi là một vật sở hữu của bà. Mà tôi thì tôi không muốn tôi thuộc quyền ai, sự thật là mẹ tôi cô đơn và mất hết tất cả, sự thật là tôi có một số bạn mới, sự thật là mẹ tôi sống kiểu hãnh với nỗi khổ cực của bà, mẹ tôi sống với ảo tưởng bà là một tín đồ Thiên Chúa, và sự thật là tôi rơi vào một cuộc sống hoàn toàn vô thần và bất cứ lúc nào tôi quên bà — đúng ra là một tuần lễ tôi quên mẹ tôi 6 ngày, trừ ngày chủ nhật là ngày tôi viết thư cho bà — tôi đều cảm thấy tôi sung sướng, vui sống đến cực độ. Đúng vậy, sung sướng đến cực độ. Với tôi cuộc đời lúc đó là một bài thơ xen kẽ với những bản nhạc vui và chỉ có một mẫu hòng trôi. Tất cả đều là thơ. Tất cả: lái xe đưa Henry đến phòng thí nghiệm trên chiếc Maxwell mua lại của tôi, xén cỏ trong vườn, ôm những gói đồ của Katy về nhà dưới trời mưa — tất cả đều thuần túy là thơ. Cũng là thơ những buổi đi Timmy đến nhà ga xem những đoàn tàu hỏa. Cũng là thơ những buổi sáng cùng đi với Ruth về đồng quê bắt bướm. Ruth để cao việc bắt bướm thành một việc quan trọng. Nàng rất thích Edgar Allan Poe và nàng rất thích sưu tầm bướm. Vào những tháng Năm, tháng Sáu, vùng quê quanh Saint Louis đầy những bướm.

Tôi đưa ra một nhận định:

— Thời bây giờ, chắc cô bé đó không còn đọc Poe nữa. Cô ấy chắc hẳn là phải đọc Spillane hoặc những truyện tranh tàn bạo.

Rivers gật đầu tỏ vẻ đồng ý :

— Đọc mọi thứ, đầu là đỡ miễn là trong đó một chút chết. Chết — John nhắc lại — những chuyện dữ dội, hư hỏng, tội lỗi thường là những gì mà tuổi trẻ ưa thích. Sự ưa thích ấy cũng mạnh như sự ưa bú-bê, ăn kẹo hoặc nghịch bộ phận sinh dục. Trẻ con cần chết chóc để có cảm giác ghê sợ, mới lạ và đáng tò mò. Không, nói như thế chưa đúng hẳn. Chúng cần thấy sự chết như cần có nhiều thứ khác, để đem lại một hình dáng rõ rệt cho những cảm xúc mạnh mà chúng đã có từ trước. Không biết anh còn có thể nhớ lại những cảm giác của anh sắc và bén nhọn đến là chừng nào thời anh còn nhỏ không, ? Như nỗi khoái lạc được ăn cà-rem và những trái cây chua, nỗi sợ hãi loài cá, nỗi thù hận đầu cá. Và sự hành hạ ghê gớm khi ta phải đứng lên và đọc bài trước cả một lớp học. Nỗi vui không sao tả nỗi khi đi xe hơi được ngồi cạnh tài xế, với mùi mồ hôi ngựa và mùi da dầy lỗ mũi, với con đường trắng chạy dài tới vô tận, với những cánh đồng bắp, đậu chạy giục lùi. Khi ta còn trẻ, tiềm thức ta là một cái gì chứa đầy những dung dịch cảm giác. Và sợ hãi cũng là một cảm giác, sợ cũng là một cái thú như những cái thú khác, chỉ có cái nó không được sạch, không được đẹp. Như trẻ con sợ ma mà vẫn thích nghe chuyện ma. Năm tôi mười hai tuổi, tôi thường tự cho tôi cái thú được sợ chết, tôi tưởng tượng ra cái địa ngục vẫn thường được tả trong những bài giảng của ba tôi. Ruth còn cần những cảm giác mới ấy hơn tôi, tất nhiên, vì nàng được tự do hơn tôi. Con gái thường tưởng tượng nhiều và dễ hơn con trai. Nhưng thời đó tôi không hề biết như thế về Ruth. Chính Ruth là người dạy tôi những gì tôi còn biết về con gái, một việc làm có ích nhiều cho nghề làm cha ba đứa con gái của tôi sau này.

Rivers uống một chút whisky pha với

nước, đặt ly xuống rồi trong một lúc, yên lặng với tàu thuốc :

— Có một buổi cuối tuần đặc biệt hữu ích cho tôi — sau cùng, John nói, vừa nói anh vừa mỉm cười với di văng — Ngày đó là một ngày thuộc vào mùa xuân thứ nhất tôi sống chung với gia đình Maartens. Chúng tôi về nghỉ cuối tuần ở trang trại nhỏ của họ nơi đồng quê, cách phía tây thành phố Saint Louis mười dặm. Sau bữa ăn tối thứ bảy, Ruth và tôi đi ra ngoài trời để ngắm sao. Sau nhà có một trái đồi nhỏ. Trèo lên đó và ta thấy cả một vòm trời từ chân trời này qua chân trời kia. Một trăm tám mươi độ huyền bí nguyên thủy không thể giải thích được. Nơi đó là một nơi thật tốt để ngồi, im lặng, ngắm nhìn và không nói gì cả. Nhưng ngày đó tôi vẫn còn nghĩ rằng tôi có bốn phận phải truyền những gì tôi biết cho người khác, làm cho người khác tiến bộ, nên lẽ ra phải để nàng ngồi yên để nàng ngắm sao Hôm, ngắm dòng Ngân Hà, tôijong trọng kê ra những sự kiện cũ mèm và những con số vô nghĩa — như việc cũ mèm và những con số gần như khoảng xa từ trái đất đến ngôi sao gần nhất, đường bán kính của Đài Wilson về khối khám phá mới nhất của Đài Wilson về khối tinh vân. Ruth lắng nghe, nhưng trí khôn của nàng không khêu hơn được chút nào. Ngược lại, nàng đâm ra sợ hãi, một thứ sợ hãi trừu tượng. Những khoảng thời gian dài lớn đến như thế, những thế giới nhiều đến độ lâu đến như thế, những thế giới nhiều đến độ vô lý và khó tin nổi là có thật. Tất cả những cái đó để làm gì? Tại sao mà có? Vô lý nhất là trước những cái đó, chúng tôi ngồi lo nghĩ về những vấn đề gọi là khoa học và mầu báng tốc ngày mai, số điểm bài học và cấp bậc trong bảng tổng sắp ở lớp học tháng này. Thế rồi, bảng tổng sắp ở lớp học tháng này, một con cú trong cánh rừng nhỏ ở chân đồi, một con cú cất tiếng rúc và nỗi lo sợ trừu tượng trong cô gái nhỏ biến thành có hình thể — hình thể

trong cả một tuần lễ mà. Tức là nàng đã bị đem đi chôn sống. Nàng mới chỉ chết ngất đi thôi. Rất nhiều người bị đem chôn như thế. — Ruth giải thích — Để tránh chuyện ấy người ta vẫn khuyên nên viết trong di chúc là « Đừng đem tôi đi chôn vội trước khi dùng sắt nung đỏ đi vào gan bàn chân tôi. Nếu tôi không tỉnh lại thì O.K. các người cứ việc bỏ tôi vào áo quan. Họ không làm thế với Lady Madeline nên nàng

tỉnh lại trong lòng áo quan. Roderick nghe tiếng nàng cử động trong áo quan nhưng không hiểu tại sao chàng lại không xuống hầm mở quan tài ra coi, chàng cũng chẳng nói với ai về chuyện ấy hết. Thế là áo trắng của nàng đầy máu. Nàng đứng ngả nghiêng trên ngưỡng cửa rồi nàng thốt lên một tiếng rú ghê hồn và ngã xuống, ôm chặt lấy chàng. Chàng cũng rú lên một tiếng..!

(Còn tiếp)

Long trọng mà buồn ?

Mấy tháng trước, Tổng thống Cộng hòa ra Huế khảo quan, có hứa trước rằng ngày Quân lực sẽ được tổ chức thật long trọng, huy hoàng. Một ngày trước, nghe có tin nói tổ chức ngày Quân Lực một cách long trọng nhưng trang nghiêm.

Đến 19-6, đồng bào túa ra đường từ 5 giờ—có người phóng xe hai bánh từ Củ Chi. Hồ Nai về xem diêm bình—ai cũng muốn có chỗ tốt. Nhưng có lệnh bảo vệ an ninh đặc biệt. Dân chúng bị gạt ra xa, nên hai bên đường khán giả lơ thơ không được bao nhiêu.

Các đơn vị diễn trình thấy vắng người, tiếng vỗ tay thưa thớt, tiếng reo hò vắng bật, nên cũng buồn lây. Quân nhân thiếu khích lệ, mặt mờ như muốn vừa đi vừa ngủ. Cự ly hàng dọc còn giữ được, cự ly hàng ngang buông thả, từ trên cao trông xuống, lính đi hàng ra thời mà từ góc nọ sang góc kia ngoằn ngoèo như rắn.

ĐVH không có ý phản nản gì anh em quân nhân. Cũng không phản nản gì quý vị chỉ huy trực tiếp của anh em. Mà phản nản Tổng thống: ở địa vị tối cao, trước khi tính chuyện tổ chức ngày Quân lực, Tổng thống tất nhiên phải biết đối phương sẽ cố gắng bắn phá như thế nào. Đã biết mà cứ hứa thì phải cứ làm, mà làm cho long trọng huy hoàng như đã hứa...

Quý vị ở cao xa không thấu rõ tâm lý bọn dân đen như ĐVH và đồng bào. Dân đen làm thế nào biết ông nào giỏi ông nào dốt, ông nào hơn ông nào kém. Dân đen chỉ có một biện pháp để xét người, là xét xem lời nói của người đó có đi đôi với việc làm không. Người càng lớn mà càng biết giữ những lời hứa nhỏ thì càng được lòng dân yêu kính lâu dài.

Muốn đi thì đi mà không đi thì thôi: đi nói là đi, không đi nói là không đi. Hoặc giả muốn tổ chức thì nói là tổ chức, mà không muốn tổ chức thì thôi. Đừng bao giờ nói hai lời với dân chúng. Và đừng tưởng dân chúng sợ tiền bạc, sủng ống hay quyền thế. Vì dân chúng trong một năm hay trong một thế kỷ vẫn là dân chúng. Nên tiền bạc nào cũng hết, quyền thế nào cũng tan rã, mà chỉ có lời nói được giữ thật đúng là tồn tại mãi mãi thôi.

Tình nữ

Bạn thân

Bây là khu đất mới, của riêng bạn và tôi. Chúng ta nói với nhau về bất cứ điều gì cần nói, nhưng cương quyết không viện dẫn một danh nhân nào, dù vĩ đại đến đâu, làm thầy học hay làm giám thị — trừ trường hợp viện dẫn khách quan minh chứng.

Bây là khu đất riêng của lý thuyết mới: tôi trình bày chính cái gì tôi nghĩ, và xin bạn hãy sử dụng chính cái lẽ phải của bạn để cân đo cái lẽ phải của tôi. Ngoại giả, tôi đề nghị chúng ta không chấp nhận một đixit — một lời dạy — nào khác.

N. M. C.

giai cấp nào thống trị giai cấp nào đấu tranh

Bạn sinh viên, bạn thuộc giai cấp nào đây? ● và Lê Duẩn, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp bị ai bóc lột?

● Bạn có dám nhìn thẳng vào sự thật hay không?

Vấn đề giai cấp trở nên như đã cũ, mà hóa ra còn mới. Một bạn sinh viên, giàu hoặc nghèo, bỗng nhiên đề cập đến "giai cấp chúng ta". Nhiều người vỗ tay, nhưng cũng có nhiều người bác lột. Người bác lột, cho rằng thanh niên đó còn nhà giàu, vậy tất nhiên phải thuộc vào giai cấp mình ở bên lý thuyết. Người muốn cãi nhưng thấy mình đuối lý, mặc dù trong thâm tâm, anh vẫn nghĩ mình ở bên lý thuyết.

Vậy bài này là để bênh vực anh sinh viên nghèo.

GIAI CẤP TA Ở ĐÂU ?

Về từ thời mặt trận Việt Minh nắm được chính quyền, vấn đề giai cấp đấu tranh đã gây nhiều cuộc thảo luận sôi nổi. Nhưng trên thực tế, từ 1945 đến 1950, người ta vẫn lơ mơ nghĩ rằng cả dân tộc Việt đang kháng

chiến càng thuộc vào một giai cấp: giai cấp thống trị, bị bóc lột. Còn giai cấp đối kháng vừa thống trị vừa bóc lột, có nhiều người Việt và người Pháp cùng những người Pháp cùng những người Việt.

Nhưng từ năm 1951, sau khi được Đảng ra đời, vấn đề giai cấp được đặt

chính văn

NHỮNG GIAI CẤP VĂN CỐ

Danh từ "giai cấp" đã có từ lâu lắm. Bởi nhìn vào bất cứ xã hội nào, từ xưa đến nay, người ta vẫn thấy có sự chia rẽ hết sức rõ rệt: một bên là những người giàu có, ăn mặc sang trọng, ở nhà cao rộng, có nhiều người hầu hạ và có nhiều thế lực; còn một bên là những người nghèo khổ, đói rách, thường thường là thất học và ngu dốt, nên kiếm sống một cách vất vả, và nhiều khi phải phục vụ lớp người nói trên để được yên thân.

Như vậy, giai cấp văn cố. Và có cả tính chất liên đới giữa những người cùng một giai cấp: giàu chơi với giàu, nghèo chơi với nghèo. Giàu bênh vực lẫn nhau, cầu kết với nhau, gọi là để giữ vững địa vị, quyền lợi. Nghèo thương xót lẫn nhau, chia sẻ cho nhau, gọi là để cho đời sống đỡ nhọc nhằn. Và nói chung, như vậy là đấu tranh giai cấp.

Thật giản dị, không ai chối cãi được.

Tuy nhiên, những ai nhiều thắc mắc lại còn thấy có những người giàu có mà không thích giao thiệp với người giàu có, mà thích len lỏi trong đám dân nghèo để giúp đỡ, an ủi họ. Rồi người ta cũng thấy có kẻ đang giàu có bỗng nhiên mất nghiệp, hoặc đang nghèo khổ bỗng nhiên trở thành giàu có trong một khoảnh thời gian tương đối ngắn. Như thế nghĩa là thế nào? — Lễ tất nhiên có sự giải thích nói về tình cảm của những người nhân hậu, hoặc về những biến thiên hoàn cảnh có trong xã hội: ngoài trời mưa bão, hoàn cảnh đặc biệt, người giàu có mà lòng biếng nhác chơi thì mất nghiệp dễ dàng; người nghèo khổ mà chăm chỉ, cần tị và có tài năng, thì sớm muộn thế nào cũng trở thành giàu có.

Chúng ta hoàn toàn đồng ý. Có điều những giải thích đó chưa đủ. Vì ta và phần biệt thế nào là giai cấp.

bác hơn nhiều. Người ta thấy những nhân vật có danh tiếng từ lâu, và luôn luôn tỏ thái độ trung thành với đảng, bỗng tự nhiên viết trên mặt báo chí những bài phản tỉnh, nhận mình xưa nay vẫn xấu xa, và chối bỏ sự nghiệp đã xây dựng được, để nói một lời: xin đầu hàng giai cấp!

Năm 1954, có người gặp Nguyễn Tuấn, cố ý hỏi gặng ba bốn lần, rằng "giai cấp" ta ở đâu, thì họ Nguyễn chỉ nháy mắt, mỉm cười, làm ra bộ bí mật mà thanh thản lắm. Nhưng thật ra, năm 1970, vẫn người đó gặp mấy người viết văn, làm thơ ngoài Bắc, và nhân dịp tâm sự, đã được nghe họ thú nhận rằng chẳng ai biết giai cấp của mình ở đâu hết.

— Và lại, một người trong bọn họ kết luận chúng tôi chẳng bận tâm đến điều đó làm gì, khi mấy lần tự lý thuyết gia còn bối rối chưa biết giải thích ra sao. Vấn đề là chúng tôi được cấp dưỡng ngang hàng cán bộ cao nhất cấp, và đó cái giá thật sự của sự đầu hàng của chúng tôi: đầu hàng lãnh tụ!

giai cấp nào thống trị

VÔ SẢN CHUYÊN CHÍNH MẮC XÍT.

Karl Marx là một trong những người đầu tiên nhận thấy sức mạnh của một số đông dân chúng không phải là quân đội. Vì từ xưa người ta chỉ biết rằng muốn đánh nhau thì phải có quân đội. Al: xac de de Nhất, Tần Thủy Hoàng, Nã phá luân... là những người giỏi việc sử dụng quân đội.

Riêng tại nước Anh, từ thế kỷ thứ 13, 14, đã có những người đứng ra giành giật quyền hành với vua chúa. Nhưng số người đó ít ỏi, và dù sao, với tài sản và thế lực của họ, họ không thể được coi là dân chúng. Vì thế, người ta chỉ được thấy dân chúng hợp thành sức mạnh hỗn độn, mà vẫn khiến cho chính quyền phải nể sợ, vào mấy chục năm cuối thế kỷ thứ 18. Và chưa đầy 100 năm sau, Karl Marx đặt ra nguyên tắc, lệ luật dễ lời cuốn và tổ chức dân chúng thành một lực lượng, theo ông ta, có thể đánh thắng bất cứ lực lượng nào của chính quyền, kể cả quân đội, cảnh sát công an v.v... Một lực lượng vô địch.

Một trong những chủ trương của Karl Marx là vận động lời cuốn dân chúng vào một tổ chức vô địch — tức là giai cấp vô sản —, và rất có thể Karl Marx đã có tin tưởng ngay thơ là sau khi đảng Cộng sản cướp được chính quyền thì đương nhiên chính quyền ấy là chính quyền của nhân dân.

Nhưng nhân dân là những ai đây? Karl Marx trả lời: nhân dân là thành phần nghèo đói của xã hội, nhân dân là giai cấp vô sản — mà giai cấp vô sản bao gồm tất cả những ai, ở thành thị hay nông thôn, không năm được phương tiện sản xuất (nguyên liệu, máy móc, ruộng đất, cây bừa...) nên phải làm thuê cho những tên tư bản (nghĩa là có phương tiện sản xuất) và, do đó, bị chúng bóc lột.

Nói chung, theo sự hiểu biết của hầu hết

mọi người có kiến thức xưa nay, trong đó có các bạn sinh viên học sinh nước V.N. vào gần cuối thế kỷ thứ 20, thì đảng Cộng sản là đảng của người nghèo, mà những người cầm đầu thường là những nhân vật tài giỏi có lòng thương yêu dân chúng nghèo khổ, và muốn hy sinh cố gắng để nâng cao đời sống của họ.

BÀI HỌC CỦA THỰC TẾ

Phải nhận rằng ở Nga năm 1917, cũng như ở Việt Nam năm 1945, sự kiện hiệu của tuyên truyền Cộng sản vượt quá sự chờ đợi của họ. Cộng sản tuyên truyền căn bản trên mấy khẩu hiệu:

- mọi người là anh em
- ai nấy đều có bốn phần làm việc và có quyền hưởng thụ bằng nhau
- bọn tư bản bóc lột là kẻ thù của giai cấp vô sản, và bọn cầm quyền cai trị hay tôn giáo đều là tay sai của chúng
- vô sản thế giới phải đoàn kết lại để tiêu diệt kẻ thù chung

Nói chung thì tuyên truyền cộng sản thiết yếu dựa vào 2 tiêu đề là « thế giới đại đồng » và « giai cấp đấu tranh ». Người ta biết từ ngàn xưa, các bậc thánh nhân và hiền triết đều coi thế giới đại đồng, là sự thực hiện lý-tưởng của tất cả mọi tín ngưỡng, mọi đạo lý. Cho nên chúng ta không có gì để nói về thế giới đại đồng, trừ trường hợp chúng ta công nhận mọi nỗ lực của mình vào sự thực hiện lý tưởng đó.

Nhưng đến khi nói về giai cấp đấu tranh thì khác hẳn. Vì nếu người ta chỉ hô hào lớn tiếng giữa đám đông, còn khi một mình đọc sách thì tự hiểu ngầm một cách lơ mơ thôi, thì người ta rất dễ chấp nhận giai cấp đấu tranh. Nhưng nếu bạn cũng tôi nghĩ ngợi nhiều hơn một chút, và thành thật với lòng mình hơn một

chút, thì vấn đề giai cấp đấu tranh trở nên rất gai góc.

Vì sao? — Vì sự va chạm với thực tế làm cho vấn đề trở nên vô cùng phức tạp. Vì dụ như sự phân định xem những ai thuộc giai cấp vô sản, những ai thuộc giai cấp tư bản. Lầu giở lại quá khứ, ở Nga năm 1917 và ở Việt Nam năm 1945, người ta thấy ngay trước hết là một phần lớn lãnh tụ đảng Cộng sản Nga, Việt, đều không thuộc thành phần vô sản. Và trăm trong hơn nữa là họ hầu hết đều không xuất thân từ giới lao động sản xuất.

Thứ hai là trong sự cố gắng ổn định xã hội và củng cố chính quyền (vô sản), những người cộng sản còn nhận ra rằng xã hội không thể được phân chia một cách giản dị thành 2 giai cấp bóc lột và bị bóc lột, với một số nhân sự trung gian được coi như tay sai của giai cấp tư bản (công chức, tư chức, quân nhân v.v.). Vì thật ra trong hầu hết các xã hội, ngoài những lớp người vừa kể, người ta còn thấy có nhiều nhân vật không dự vào giai cấp nào — aghia là không bóc lột cũng không bị bóc lột, mà cũng không phục vụ bọn người bóc lột — mà sự kiếm sống, gần như tự do, dựa vào sự phục vụ dân chúng (y sĩ, nghệ sĩ trình diễn, văn sĩ, giáo sư...) mà sự sống hầu như được luôn luôn hướng về tương lai, với hoài bão hướng dẫn hoặc thúc đẩy những công cuộc cải thiện hoặc hoán cải xã hội. Số người này không bao giờ có thật nhiều, nhưng ảnh hưởng của họ lại rất quan trọng, bởi chính nhờ họ mà có sự tiếp nối của lịch sử, mà có sự truyền tiếp của kiến thức, từ đời nọ đến đời kia, từ xã hội cộng sản nguyên thủy (!) đến xã hội hiện đại.

Hai yếu tố trên đây làm cho người cộng sản không bao giờ tìm thấy trạng thái hoàn toàn thuần tuý lý trong công cuộc cách mạng của họ. Vì như ở Việt Nam, các nhân vật Hồ Chí Minh, Đặng Xuân Khu, Võ Nguyên Giáp

v.v. đều xuất thân từ những gia đình nhỏ giáo phong kiến. Những lãnh tụ như Đặng Thái Mai, Phan Anh v.v. đều làm nghề tự do, và tuyệt nhiên không có ngày nào trải qua cuộc sống nghèo khổ của giai cấp vô sản. Những nhân vật danh tiếng như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu cũng thế. Cao nên Nguyễn Tuân, Xuân Diệu v.v. phải viết bản tự kiểm thảo để chối bỏ quá khứ cùng sự nghiệp văn chương thời trước, thì họ tự coi như đầu hàng các lãnh tụ Hồ Chí Minh, Trường Chinh, trong khi Hồ Chí Minh, Trường Chinh lại cũng tuyên bố mình "giác ngộ" vì đã sớm "đầu hàng" giai cấp, thì giác ngộ và đầu hàng ấy chúng ta là gì? lời nói lý thuyết suông, lời nói "đầu môi chót lưỡi" mà thôi.

RANH GIỚI CỦA GIAI CẤP

Nhưng dù sao không phải mỗi lúc lại có người đến hỏi vặn Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng ông thuộc giai cấp nào. Phần khác, thực tế đòi hỏi một sự phân chia tối thiểu, dù có nhiều mâu thuẫn ở trong, để dần dần ổn định xã hội (xác nhận rằng lớp nam chính quyền ở địa phương) và, từ đó, củng cố guồng máy cai trị. Người cộng sản, vì thế, bị bắt buộc phải phân định bạn và thù, dưới danh nghĩa giai cấp. Sự phân định được xác nhận có 3 giai đoạn chính.

Giai đoạn 1, từ 1945 đến khoảng 1951, là giai đoạn của cuộc kháng chiến dân tộc, và đảng Cộng sản chưa dám ra công khai, còn núp bóng mặt trận Việt Minh và hội Liên Việt, cho nên điều kiện căn bản để được chấp nhận như một người cộng dân tốt là nghèo và chống Pháp. Chống Pháp đã được toàn dân công nhận, còn sự nghiêng nặng về tầng lớp dân chúng nghèo khổ là một lập trường nhân đạo, luôn luôn được ủng hộ, kể cả bởi những người giàu có.

Giai đoạn 2, từ 1951 đến khoảng 1957, là

Giai cấp nào thống trị

giai đoạn chuyển chính của đảng Lao Động. Đồng thời cũng là giai đoạn của cuộc Cải cách Ruộng đất theo đường lối của Trung Cộng. Căn cứ vào bản « Nguyên tắc phân định thành phần xã hội nông thôn » thì giai cấp vô sản có 2 điều kiện là lao động sản xuất và sống bằng lợi tức của công tác lao động ấy. Theo nguyên tắc này thì người vô sản không nhất thiết phải vô sản thật sự, vì tất cả những nông dân có ít nhiều ruộng đất, và có thật sự canh tác ruộng đất ấy, và sinh sống hoàn toàn nhờ hoa lợi của ruộng đất ấy, thì vẫn được kể là ở trong giai cấp vô sản (người có thật ít ruộng mà cho thuê để lấy ít thóc ăn, bị quy thành phần bóc lột; còn có thật nhiều ruộng mà có cho thuê, nhưng đồng thời lại buôn bán hay làm công nghệ nào khác nữa, thì không bị quy thành phần địa chủ, mà chỉ bị liệt vào hàng phú nông).

Giai đoạn 3. Từ tháng 1953 trở đi, chính quyền Bắc Việt đã ăn vững chắc, và thế lực của đảng Lao Động cũng đã rõ rệt, người dân muốn được liệt vào hàng công dân tốt, — vào hàng cơ sở của chính quyền nhân dân cách mạng, — thì nguyên tắc bắt buộc phải lao động cho Nhà Nước (công sản) và phải sống nhờ sự chu cấp của Nhà Nước không thối. Nói một cách khác là con người vô sản, từ lúc này, không được quyền sở hữu bất cứ một phương tiện sản xuất nào, như ruộng đất (nông nghiệp), máy móc (công nghệ), cửa hiệu và hàng hóa (thương nghiệp). Đến đây thì đảng Cộng sản, tuy chưa dám áp dụng cứng rắn cho toàn thể đồng bào miền Bắc, đã có chiều hướng tập sản bóc lột rõ rệt (mọi phương tiện sản xuất đều của Đảng và Chính phủ), và có chiều hướng đóng mọi nhu cầu thường ngày của người dân (cơm ăn, nhà cửa, học hành...) làm áp lực đối với dân chúng. Người vô sản lý tưởng là người không có tài sản đã dành, mà còn phải đem hết khả năng phục vụ Nhà Nước và chỉ phục vụ Nhà Nước không thôi, và còn phải

hoàn toàn tùy thuộc Nhà Nước về mọi thứ như cầu của đời sống. Nói một cách khác, người vô sản lý tưởng là người hoàn toàn ở trong tay Đảng, sống và làm việc cho Đảng, mà Đảng muốn bắt chết (đói) cũng phải vâng theo.

KHUYẾT ĐIỂM CỦA CỘNG SẢN

Quan niệm về giai cấp vô sản như trên đây tất nhiên có lợi cho đảng Cộng sản. Nhưng cái lợi chỉ có giới hạn trong vùng quyền bính của họ mà thôi: khi rời khỏi vùng chuyển chính của đảng Lao Động, không có người Việt Nam nào muốn làm « người vô sản » trong những điều kiện « lý tưởng » như thế. Và, hơn nữa, có thể nói khắp thế giới, nếu người ta biết rõ quan niệm của đảng Lao Động như thế, sẽ không có ai muốn liên kết với họ.

Karl Marx, nơi cuối bản Tuyên Ngôn của đảng Cộng sản, đã viết một câu được nhắc đến rất nhiều. Câu đó là: « Vô sản thế giới hãy đoàn kết lại! » Nhưng, người ta tự hỏi, với những điều kiện đã được trình bày, sự đoàn kết đó sẽ có hay không có?

Câu trả lời là: không. Vì những lý do sau đây:

1 — Dân chúng ở những nước bị ngoại thuộc theo Cộng sản để giành độc lập. Dân chúng sống dưới những chế độ độc tài (ví dụ ở Nam Mỹ châu) theo cộng sản để giành tự do. Nếu họ biết sau khi nắm được chính quyền, người cộng sản còn nghiêm khắc và khe khắt với dân chúng hơn nữa, thì không ai muốn theo họ làm gì.

2 — Dân nghèo theo Cộng sản để chống lại sự bóc lột của người giàu. Nhưng trong thâm tâm, không có người nào không muốn trở nên giàu có, nghĩa là không có ai bằng lòng yên phận với sự nghèo đói để trung thành

với giai cấp vô sản. Vì thế, giai cấp vô sản, trên thực tế, không thể nào có những phần tử trung kiên — như người cộng sản thường nói — mà tùy theo hoàn cảnh kinh tế địa phương, số phần tử trong giai cấp vô sản có thể tăng lên hay giảm xuống: một nước đã nghèo mà càng ngày càng nghèo hơn, thì giai cấp vô sản cũng càng ngày càng lớn; còn một nước càng ngày càng khá hơn, thì giai cấp vô sản càng ngày càng nhỏ lại — Nói chung thì hầu hết các nước trên thế giới, kể cả Việt Nam, đều mỗi ngày một thịnh vượng hơn, trừ phi có chiến tranh kéo dài, nên nói chung, hầu hết các đảng cộng sản trên thế giới càng ngày càng yếu dần.

3— Tuy nói là dân nghèo, nhưng tùy theo mỗi vùng mà dân nghèo có mức sống khác nhau: dân đói rách ở Hoa Kỳ, với 150 đô-la một tháng (tiền cấp dưỡng thất nghiệp) còn là giàu ở Việt Nam, với 150 đô-la, tính theo mức lực tổng quát, có trị giá tương đương với 15 nghìn bạc VN. Vì thế, người dân nghèo ở Hoa Kỳ, với lợi tức tối thiểu 350 đô-la, nếu sang Việt Nam, sẽ không thể nào thông cảm và đoàn kết với đồng bào nghèo của chúng ta trong các vùng đồng ô đô thị.

Ba điều kiện trên đây khiến cho, ở khắp mọi nơi, những ai đã biết rõ chế độ cộng sản đều không bao giờ theo họ. Những người hiện đang chiến đấu trong hàng ngũ cộng sản có thể được chia thành 3 loại. Thứ nhất, và đông hơn cả, là những người trót theo họ, rồi bây giờ không thoát ra được, vì bị theo dõi chặt chẽ hoặc vì sợ bị giết chóc, tù đầy. Thứ hai là những người tương đối có quyền lợi, địa vị, nên không dám rời khỏi hàng ngũ, dù cho vẫn có những bất mãn đối với chính thể độc tài. Thứ ba, tối thiểu số, là những người nắm quyền chỉ huy, xử dụng đảng Cộng sản và chính quyền vô sản như lợi

khí đấu tranh chống lại, những người nắm quyền chỉ huy ở nơi khác, ở nước khác.

ĐIỀU KIỆN SINH TỬ CỦA GIAI CẤP

Giai cấp, như mọi người đều biết, là một số đông người trong xã hội, một số đông người có chung nhau một hay nhiều đặc tính, khiến cho họ khác biệt với những thành phần còn lại của xã hội. Trong danh từ « giai cấp » còn có ý nghĩa phân định sự hơn thua trong một hay nhiều lãnh vực sinh hoạt, và do đó, sự phân định có tác dụng xếp đặt thứ tự trên, giữa, dưới v.v...

Một giai cấp đã được xác nhận như có một nếp sống khác với nếp sống của một hay nhiều giai cấp khác cùng ở trong một xã hội, hay của những thành phần còn lại của xã hội ấy mà không quy tụ lại được thành giai cấp — giai cấp ấy lại bị đặt vào một hoàn cảnh sinh hoạt tự nhiên hay giả tạo, mà trong đó còn có sự ganh đua hơn kém hay trên dưới, thì giai cấp ấy nhất định phải có một hay nhiều điều kiện thuận lợi cho phép nó chấp nhận sự ganh đua, và chiếm đoạt lấy những ưu thế, những quyền lợi cần thiết cho sự sinh tồn của nó.

Những điều kiện trên đây không có gì mới lạ, vì từ ngàn xưa và trong thiên nhiên, đó là những điều kiện sinh tử của đời sống, cho loài người cũng như loài vật. Người ta cũng có thể nói những điều kiện đó hoàn toàn phù hợp với các luật tắc của biện chứng pháp duy vật — nói tóm lại, đó là những điều kiện rất thực tế.

Nhưng, được áp dụng vào duy vật siêu quan, những điều kiện đó là gì, như thế nào, đối với giai cấp vô sản, bị trị, và giai cấp tư bản thống trị? Nói chung, sự phân chia giai cấp theo lý thuyết mác-xít được đặt trên căn bản nào? Và giai cấp vô sản, con cưng của

giai cấp nào thống trị

Karl Marx, có những điều kiện can bản nào để
lớn mạnh và chiến thắng đối phương?

Câu trả lời rất hữu lý, nhưng cũng rất
thiếu minh bạch. Karl Marx, bằng một cách
tổng quát, trình bày rằng thời xưa loài người
có ít mà tài nguyên (trên mặt Địa cầu) có rất
nhiều — vì do có rất nhiều ruộng đất để cấy
cấy — cho nên loài người sống hòa bình trong
một chế độ ruộng thả, gọi là chế độ Cộng sản
nguyên thủy. Sự phân chia thành giai cấp, và
sự đấu tranh, chỉ đến khi loài người đã quá
đồng, vì sinh sản quá nhanh, đối với tài
nguyên không đổi khác, trên mặt đất. Lẽ dĩ
nhiên, theo Karl Marx, những người tài giỏi
sẽ chiếm phần ưu thắng, rồi lần lần kết hợp
với nhau thành giai cấp để thống trị và bóc lột
các thành phần còn lại của xã hội, bằng cách
chiếm đoạt hết mọi phương tiện sản xuất.

Giai cấp vô sản, cũng là lẽ dĩ nhiên,
gồm những người bị giai cấp thống trị dồn
nén vào một đời sống nghèo khổ và căm hận.
Giai cấp vô sản càng ngày càng đông đảo và
nghèo khổ — và, do đó, càng căm hận hơn —
vì giai cấp thống trị mở rộng tầm hoạt động
từ áp (phong hầu kiến ấp) đến tỉnh, đến quốc
gia, đến quốc tế (thuộc địa và bán thuộc địa),
càng ngày càng giàu, càng tham tàn, càng nuôi
dưỡng nhiều binh lính và cảnh sát, công an,
để bảo vệ quyền lợi của nó. Cuộc cách mạng
vô sản, vì thế, đã trở thành tất nhiên, không
thể nào không có.

Sự trình bày trên đây, tuy giản lược
nhưng đầy đủ, cho người ta thấy Karl Marx,
với những người Cộng sản theo sau ông, chỉ
tìm thấy cho sự phân chia giai cấp những
nguyên nhân hết sức tự nhiên, nhưng cũng
hết sức mơ hồ, là nhu cầu của đời sống và
tham là những yếu tố cá nhân. Nhu cầu và lòng
mọi người, nên chúng ta gọi chúng là những

nguyên nhân tự nhiên của sự chia rẽ xã hội
loài người thành giai cấp. Nhưng chúng ta
cũng xác nhận tính chất mơ hồ của các đặc
tính đó, vì, trên thực tế, không ai có thể biết
nhu cầu và lòng tham của một người, của một
giai cấp, có thể lên cao hay xuống thấp đến
mức độ nào.

Còn nói riêng về giai cấp vô sản thì
Karl Marx đưa ra nhận định rằng giai cấp vô
sản càng ngày càng đông đảo — số đông là sức
mạnh, theo đủ mọi thứ biện chứng trên đời —
và giai cấp vô sản có tình thương yêu và giúp
đỡ lẫn nhau trong nội bộ, và có căm thù
quyết liệt đối với giai cấp thống trị, cho nên
đặt căn bản trên sức mạnh của số đông, với
tình thương yêu đối nội, và tính căm thù đối
ngoại, giai cấp vô sản nhất định phải thắng lợi.
Lý luận thật giản dị và dễ hiểu, và chính sự dễ
hiểu vì giản dị này đã lôi cuốn một số đông
người theo Karl Marx, mặc dù, nếu nghĩ suy
cho cặn kẽ, rất ít người đã hiểu được Marx mà
có thể tự thấy mình thuộc vào giai cấp vô sản!

Lý luận của Marx giản dị và dễ hiểu đến
nỗi, nếu trong vòng 25 năm trước đây, đảng
Cộng sản không nắm được chính quyền ở
nhiều nơi, và từ bấy giờ không tỏ ra vừa độc
tài vừa bất lực, thì, có lẽ như vậy, sẽ không
bao giờ có người xác định được những thiếu
sót và sai lầm trong lý luận này.

①

Bây giờ thì chúng ta đã thấy rõ. Sự lúng
túng và sự bế tắc của « Đảng và Chính phủ »
Cộng sản, ở Liên xô cũng như ở Bắc Việt, cho
chúng ta thấy những kẻ hồ to lớn trong bộ
áo giáp lý thuyết, cùng với những « tử huyệt »
trong cái thân thể mà thoạt đầu chúng ta tưởng
bằng sắt thép của họ.

Chúng ta kiểm điểm những kẻ hồ của lý
thuyết, những tử huyệt của tổ chức của Cộng
sản, nói riêng về giai cấp, như sau :

Thứ nhất, Định nghĩa của tính từ "vô sản" không minh bạch, nên giai cấp vô sản không thuần nhất. Trong một xã hội có nhiều mức độ nghèo khó khác nhau, nhất là trong số những người nghèo, mà nghèo một cách lâu dài (tức ở mãi trong giai cấp vô sản), chỉ có một số ít người thông minh, khỏe mạnh, chăm chỉ, cần kiệm, còn phần lớn là những người ốm yếu, ngu dốt hoặc chơi bời hoang toàng, lười biếng và dối trá.

Trên thế giới cũng có nhiều nước giàu nghèo khác nhau, trước hết vì có những nước như Ai-Lao, Kampuchia, Việt Nam, Mĩ-lai... nghèo vì các dân tộc sống tại các nước đó theo về một truyền thống văn hóa không lấy sự giàu sang làm tối lãnh. Sau, cũng có những dân tộc chiếm cứ những vùng hoang vu (vì những nguyên nhân lịch sử chưa được khám phá) như các dân tộc ở vùng Trung Phi, Trung Đông—trước khi tìm thấy mỏ dầu, một phần lớn dân tộc Ả-rập sinh sống một cách cực kỳ thanh đạm, khắc khổ, ở các vùng sa mạc,—ở các vùng Tây Nam Trung Hoa (Tây Tạng) và Đông Bắc Mĩ châu (dân tộc Esquimaux). Trong khi đó lại có những dân tộc lấy sự hưởng thụ vật chất làm lẽ sống, như các dân tộc xuất phát từ vùng núi Caucas (da trắng) nên họ đi đến đâu thì khai phá ruộng đất, trồng trọt hoa màu, mở mang công kỹ nghệ và thương mại: toàn vùng Âu châu và Bắc Mĩ châu đều ở trong hoàn cảnh này.

Bởi những lý lẽ trên, người cộng sản lý luận bằng cách nào cũng không thể san bằng những khác biệt, những mâu thuẫn, giữa cá nhân với cá nhân, giữa dân tộc với dân tộc, để có được một "giai cấp vô sản" thuần nhất và kiên cường, như ý họ muốn.

Thứ hai, là mọi người đều thấy rõ Kải Marx, Lénine, Staline, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, mỗi người có một lý do riêng để

làm cách mạng—ví dụ I. Lênin thì lo dùng cách mạng để, trước hết, chống Pháp giành quyền độc lập—nhưng có sự kiện rõ rệt nhất là tất cả các lãnh tụ danh tiếng của Đệ Tam Quốc Tế, từ hơn 100 năm nay, không có ai là thật sự thuộc vào giai cấp vô sản cả. Như vậy thì họ chủ trương cách mạng vô sản để làm gì?

— Họ chủ trương cách mạng vô sản để rửa quyền dân nghèo theo họ, làm thanh gươm trên tay họ, làm ngựa cho họ cưỡi, làm rìu tên đặt sẵn trên cây cung, nói tóm lại là làm phương tiện giành giật quyền hành vào tay họ.

Những người như Marx, Staline, Hồ Chí Minh... không phải là những người bình thường. Có khi vì bản tính họ như vậy, có khi vì có lúc đã mong muốn có vợ đẹp con khôn mà không được, họ đã trở thành những con người đam mê quyền lực. Sự đam mê không có bờ bến nào, khiến cho những con người lãnh tụ đó quên hết mọi thú vui ở đời, ngoài thú vui được nhiều người nghe theo mệnh lệnh của mình mà chống đối với nhiều người khác, tuân theo mệnh lệnh của những lãnh tụ khác. Mục đích sáng tỏ và gần gũi là tỏ rõ tài năng của mình cho một số thật đông người biết và công nhận. Mục đích sáng tỏ nhưng xa xôi hơn là "đi vào lịch sử", là ghi khắc sự xuất hiện của họ bằng những nét to thật đậm: con người ta ở đời, khi đã có một số lượng kiến thức nào đó, đều không muốn chịu chết một cách yên lặng, đến độ sau ba ngày mờ của mà, không còn ai nhớ đến họ là ai.

Như vậy là bên cạnh tham vọng quyền bính còn có hoài bão sự nghiệp. Tất cả mọi người có trí thông minh trên mức trung bình và có học vấn và kiến thức tương đối đầy đủ, đều tùy theo một số điều kiện khác (về tâm lý, về vị trí khởi hành trong xã hội v.v...), mà có tham

giai cấp nào thống trị

vong quyền bính nhiều hay ít, và có loài bảo sự nghiệp lớn hay nhỏ.

Một nước Việt có một Hồ chí Minh, một Ngô đình Diệm, nhưng ở dưới họ còn có nhiều, rất nhiều người khác cũng đuổi theo quyền hành và sự nghiệp như họ. Với điều kiện chủ quan yếu kém hơn, với điều kiện khách quan kém thuận lợi, những người đó phải bằng lòng làm tay sai của họ, làm tay sai cho tay sai của họ.

Nói một cách rõ ràng hơn, đồng thời cũng đề tóm tắt lại, **YẾU TỐ GIAI CẤP RẤT CÓ TÁC DỤNG. Một số đông dân chúng theo chính quyền Hồ chí Minh vì chính quyền này chống Pháp (điều kiện tâm lý) và vì chính quyền này có thực quyền đối với dân chúng (điều kiện thực tế).** Sau khi đã lựa chọn, người dân như con cá mắc lưới, có muốn thoát ra cũng không được — và lại đồng bảo ngoài Bắc có thoát ra được cũng không biết đi về đâu.

Ngoài số đông thường dân nói trên đây, và ngoài một số nhỏ người được hoàn cảnh đặc biệt đến trở thành nhân vật cao cấp phía bên này hoặc phía bên kia — và, từ bấy giờ, cho tất cả mọi người dưới quyền lãnh đạo của mình thay đổi — thì còn lại một số lớn người, phần nhiều còn trẻ tuổi và có học, đều chịu ảnh hưởng thuận hay nghịch của xã hội, của gia đình và bạn hữu v.v..., mà đi vào con đường này hay con đường khác.

GIAI CẤP TÀI NĂNG

Cái nó làm cho một tập thể có sức mạnh thật sự và lâu dài là 2 điều kiện sau đây :

1.— Khi 2 người trong tập thể gặp nhau thì không cần giới thiệu nhau được nhau, và không cần cần đến công để dàng thông cảm và giúp đỡ nhau.

2.— Khi 2 người trong tập thể đối chuyển với nhau trong một thời gian dài, thì rất có thể họ có những lúc chống đối nhau về tiểu tiết, nhưng còn về đại cuộc thì họ luôn luôn đồng ý với nhau.

Giai cấp vô sản, cũng như giai cấp tư bản, không có điều kiện nào trong 2 điều kiện trên. Sự thiếu thốn đó, cùng những nhận định thực tế về tính chất lao động thường thực của giai cấp vô sản khiến cho giai cấp này thiếu hẳn những đức tính cần thiết cho một tập thể tốt và lâu dài. Nhưng đức tính đó là :

1.— Sự kiên cường của tất cả mọi cá nhân trong giai cấp, có nghĩa lọt vào giai cấp rồi thì không bao giờ muốn ra khỏi giai cấp nữa.

2.— Sự theo đuổi những mục tiêu cao đẹp, nghĩa là có ích lợi cho cả nhân loại thay vì chỉ có ích lợi riêng cho cá nhân (như sự giàu có).

3.— Sự thông cảm tự nhiên và dễ dàng giữa mọi cá nhân cùng ở trong một giai cấp. Trên phương diện thực tế, các cá nhân trong cùng một giai cấp chỉ có tin cậy, thương yêu lẫn nhau nếu có sự thông cảm ấy.

Dù lý luận thế nào người ta cũng không thể gán cho giai cấp vô sản bất cứ đặc tính nào trong 3 đặc tính trên đây. Bởi một lẽ giản dị là giai cấp vô sản được kết hợp lại bởi quyền lợi vật chất không thôi, nên giai cấp có không thể nào có được những đức tính hoàn toàn về tính cảm như vậy.

Thành thử người ta có thể nói rằng Karl Marx chỉ trông thấy ngọn cây đã vội cho rằng cây cối chỉ có cành lá mà không có gốc rễ. Bởi vì Marx chỉ trông thấy có sự thiếu tự trị và bóc lột về kinh tế nên vội cho rằng thiếu tự trị và bóc lột — với bị trị và bị bóc lột — là

nguyên nhân (cành cây) của sự phân chia và đấu tranh giai cấp (lá cây).

Thật ra, như tôi đã trình bày trong bài luận thuyết thứ nhất, đăng trên số 1, sự thống trị hay bị trị, sự bóc lột hay bị bóc lột mới chỉ là tác động của con người trong xã hội. Con người muốn có tác động đó tất nhiên phải có mục đích và nguyên động lực. Nếu lấy thân thể con người làm chuẩn, thì nguyên động lực là tài năng, mục đích tổng quát là tham vọng quyền lực — tham vọng này có thể nặng về quyền lợi như ở Thạch Sùng, Vương Khải, Rotchild, Rockefeller; hoặc có nặng về thể lực như ở Thành Cát Tư Hãn, Tần Thủy Hoàng, Nã phá luân, Hồ chi Minh, và hoài bão sự nghiệp như Pasteur, Yersin, Einstein, Newton, lên đến chúa Ky-tô, Không phụ tử, Phật Như Lai.

GAJ CẤP TÀI NĂNG có đầy đủ đức tính cần thiết của một tập thể vững mạnh và lâu dài. Vì, trước hết, người ta biết tài năng được hình thành bởi 2 yếu tố là trí thông minh và kiến thức về đời sống: như than, củi trong lò, trong khi trí thông minh như ngọn lửa — phải 2 thứ mới có ánh sáng và sức nóng. Đời sống có như thế mới có ý nghĩa và giá trị.

Thật thế, trí thông minh bao gồm, một cách tổng quát, trí nhớ và khả năng lý luận. Trí nhớ một phần lớn do trời sinh (nhưng gần đây người ta đã luận được trí nhớ cho tốt hơn) còn khả năng lý luận lại nhờ một phần lớn vào sự học tập. Một đứa trẻ lên 4 hay 5 tuổi được coi như thông minh nếu nó phải trí nhớ tốt, rồi khi nó lên 9, 10 tuổi thì nó phải lý luận giỏi mới được nhận là thông minh.

Nhưng đến khi đứa trẻ đã được 15, 20 tuổi trở lên, nó sẽ chỉ được coi như có tài năng khi áp dụng được lý luận vào đời sống.

Giai cấp nào thống trị

Muốn được thế, nó phải có một hành trang đầy đủ về kiến thức — kiến thức nói chung, bao gồm tất cả những gì mà một cá nhân có thể học hỏi được trong gia đình, giữa bè bạn, tại học đường và ngoài xã hội. Nói một cách khác, kiến thức bao gồm cả học vấn lẫn kinh nghiệm sống. Nhưng, lẽ cố nhiên, học vấn cần hơn kinh nghiệm, vì kinh nghiệm chỉ của riêng một người, còn học vấn là kinh nghiệm của nhiều đời, nhiều thế hệ — trong một xã hội ổn định, người có trí nhớ tốt mà không có lý luận nhanh và đúng, thì có học nhiều cũng chỉ thành một thủ mục sách; một người có lý luận tốt mà không được học đầy đủ thì suốt đời chỉ có những thủ đoạn tài giỏi nhưng vật vãnh; một người có trí thông minh tốt và được học đầy đủ, nhưng lại có ít kinh nghiệm sống, sẽ chỉ là người mơ màng và sẽ thất bại trong tất cả những khu vực hoạt động mãnh liệt như chính trị, kinh doanh... và chỉ thành công nếu làm giáo sư hay nghệ sĩ.

Neoli 2 yếu tố thông minh và kiến thức, người ta còn có thể kể một yếu tố thứ ba, là trí tưởng tượng phong phú, rất cần thiết để tạo nên những sự nghiệp thật lớn lao. Nhưng đời người không phải lúc nào cũng có những nhân vật có đủ điều kiện để trở thành vĩ nhân (mặc dù rất nhiều người mong muốn được như vậy), cho nên, để giảm đi hóa vắn vỏi, chúng ta nhắc lại là tài năng là yếu tố cần bản để hình thành giai cấp lãnh đạo xã hội, và tài năng bao gồm trí thông minh và kiến thức, một phần nào do thiên phú, một phần nào do gia đình và học đường cung cấp.

Như vậy, con người ta, khi đã có tài năng thì dù muốn dù không cũng được liệt vào hàng người lãnh đạo đại chúng, lãnh đạo xã hội — mặc dù không được tham dự vào bộ máy công quyền và sau khi đã được kể như một nhân vật lãnh đạo thì, trừ phi mắc bệnh

— Sao tự nhiên ba lại muốn sửa sang lại nhà cửa thế?

— Cô Năm cô ấy kêu là cũ quá rồi.

Cậu Ba bảo :

— Độ này còn mưa làm sao quét vôi lại.

— Chỉ cần vôi ba bữa nắng là xong mà. Ấy là nói bên ngoài chứ bên trong nhà thì quét khi nào chẳng được.

Cô Minh Tâm vẫn không nói gì. Cô tiếp tục hút thuốc. Những điều mọi người chung quanh nói với nhau, cô dường chỉ nghe thấy một nửa, có lẽ vì cô cũng chẳng muốn có ý kiến về chuyện đó, điều ấy không cần thiết. Cũng có thể, từ từ lâu nay, cô thực sự cảm thấy như cô chẳng còn thuộc vào cái gia đình này nữa.

Ba năm chờ đợi, có thực cô đã chờ đợi trong một quãng thời gian dài như thế, nếu cậu Hai đã chết, cô đã liết tang, nhưng người ta đã không biết rõ cậu có chết hay không, và cuộc chờ đợi của cô sẽ còn phải kéo dài. Trong cái mệnh mệnh vô tận của những ngày tháng đợi chờ không giới hạn đó, cô cảm tưởng như cô nằm ngấm nửa mình dưới một mặt nước, cái mặt nước nóng ẩm đôi khi khiến cô có cảm tưởng như một cơn say nửa vời đang lan trong máu, đôi khi lạnh buốt khiến chân tay cô trở nên tê cứng.

Mấy năm trời tự giam mình trong căn phòng có lúc cô cũng không biết rõ mình muốn gì nữa, như một giấc mơ, một cơn ác mộng kéo dài, cô cũng chẳng còn muốn tỉnh lại, sợ cái phút tỉnh lại đó, một câu hỏi đen tối sẽ chụp xuống cô : tôi sẽ làm gì đây ? Và cô đã tìm đủ mọi cách để nuôi cho cơn mộng không hết bằng cách càng ít giao tiếp với mọi người càng hay, không phải nói, không phải trả lời một câu hỏi nào, không bước ra khỏi phòng, hút thuốc lá, đọc sách, dĩ nhiên đó chỉ là một cơn mộng già,

nhưng càng già cô càng cần phải chìm mình vào nhiều hơn. Cuối cùng chính cái vẻ già đời buồn nản của nó lôi kéo cô đi, ngày tháng trống trải có hơn gì một cơn mơ già, và cô phó mặc cho nó cuốn theo muốn tới đâu thì tới.

Ông Phát bao giờ cũng là người đứng lên ra khỏi bàn ăn trước nhất, sau đó đến lượt cô Kim Ngân, chỉ còn lại cậu Ba và cô Minh Tâm, đó là lúc họ có thể nói chuyện với nhau.

Cậu Ba kêu cô Năm pha cho hai người một bình trà mới hay cà phê.

Đêm trong tĩnh nhô ngoài tiếng xe tuần cảnh hoặc tiếng xe vận tải nhà binh đi chuyển quân đội, họa hoằn lắm mới nghe tiếng máy du lịch, xe của các viên chức trong tỉnh, chạy qua ngoài lộ, không khí lặng lẽ, ướt nặng. Cậu Ba và cô Minh Tâm chuyển sang ngồi ở chỗ bàn khách gần cửa sổ, có khi cậu Ba mở cửa sổ ra, và cô Năm lên nhà lau bàn, quét dọn, có thể nghe tiếng gió từ ngoài bãi thổi vào và tiếng sông sông rì rầm.

Lúc cô Năm lên lầu, đi ngang qua phòng cô Kim Ngân, vào hỏi xem cô Kim Ngân có cần cái gì không trước khi đi ngủ, bao giờ Kim Ngân cũng tìm cách hỏi xem cậu Ba và cô Minh Tâm nói chuyện chi.

Cô Năm bảo :

— Tôi chỉ đứng dọn dẹp gần đó, làm sao nghe thấy cô Hai và cậu Ba nói gì được.

Kim Ngân nói :

— Tôi không thích thế.

— Cô nói không thích cái gì ?

— Cái cách chị ấy nói chuyện với anh Ba tôi.

— Tôi có thấy gì lạ đâu.

— Nhưng mà cô phải biết trong nhà chỉ có hai người.

— Bởi vì cô và ông chẳng ai muốn nói chuyện với họ cả.

— Nói, nói cái gì mới được chứ ?

Giọng cô Kim Ngân kết giữa hai hàm răng làm Cô Năm bật cười.

Cô nói :

— Thế cô muốn cô Hai và cậu Ba phải làm sao bây giờ ?

Cô Kim Ngân tỏ vẻ bức bối thấy rõ. Cô bẽ tay kêu lắc rắc, ngồi xuống, đứng lên, nhăn nhó, có cái gì đáng để cho cô phải thấy mình như đang ngồi trên lửa vậy đâu ?

Kim Ngân nói :

— Cô phải biết anh Ba trước đây đã yêu chị ấy.

— Điều đó thì đã có lần cô nói với tôi rồi.

Cô Năm nói câu này và nghe vang vang trong đầu câu nói tương tự của ông Phát. Ông hay nói với cô câu đó, mỗi khi cô nhắc lại với ông một điều gì, cô đã nói và quên mất, lại nói lại, chẳng hạn cô nói với ông về chuyện rau riếp lên giá, trong đáng điệu của người chủ già, lúc nào cũng như con mèo ngái ngủ, cô tưởng như chẳng bao giờ ông nghe rõ một câu chuyện nào cả, nhớ một điều nào cả, vậy mà mỗi khi nghe cô nói lại một câu gì, cô đã nói rồi, ông đều biết hết, và câu nói thông thường của ông là, « điều đó cô đã nói với tôi rồi ».

Cô Kim Ngân tiếp :

— Hai người ngồi nói chuyện với nhau như vậy thế nào cũng có lúc họ nhớ ra điều ấy.

— Đã đành có thể như thế. Nhưng đầu sao cậu Ba cũng biết cô Minh Tâm đã trở thành chị dâu của cậu mà.

— Như thế lại càng vô lý.

— Cô bảo sao cơ ?

— Vì anh Hai tôi kể như đã chết.

— Thế cô muốn hai người chẳng nên nói gì với nhau nữa à ?

— Nhưng họ nói cái gì mới được chứ ?

— Biết đầu cậu Ba và cô Minh Tâm lại chẳng nói về chuyện cậu Hai.

— Hừ, tôi muốn nghe xem họ nói gì về anh ấy !

Nghe cô Kim Ngân nói mãi về một điều chỉ có mỗi một về nghi ngờ, mờ ám, tự nhiên cô Năm cũng thấy ứ hời. Dĩ nhiên cái điều cô Kim Ngân nghi ngờ đó, không phải không có lý.

Nhưng rồi sao đây ? Việc cậu Hai đi trận bị bắt mất tích là một việc thâm rồi. Những việc quanh việc ấy làm sao không thâm cho được ? Nếu cô Kim Ngân biết rõ thêm mọi chuyện còn nhiều việc thâm hơn nữa. Sự dị nghị của mọi người về cô Năm trong gia đình này không phải chỉ hoàn toàn là sự dị nghị. Từ ngày bà Phát mất đi, quả cô Năm có thay chỗ của bà thật. Nếu người ngoài họ đồn đại như thế, cô Kim Ngân hẳn không thể không biết được. Cô Năm không hề có rắp tâm làm điều đó. Khi chuyện bắt đầu thì ông Phát cũng đã quá già. Những buổi tối cô vào phòng làm giường cho người chủ già, ông Phát ngồi thu mình trong chiếc ghế bành rộng có chân cong có thể dựa đầu, cái ghế bao giờ cũng được nhún theo nhịp võng, có khi nghe tiếng lệt xệt của đôi dép, ông hoảng sợ như bị khuấy phá làm xáo trộn hết cơn mơ tưởng mà có lẽ ông đã có sức ngồi im như thế suốt buổi tối mới tạo được. Về hoàng hôn của ông nhiều lần làm cô Năm dâm sợ lây. Nhưng cô không làm thế nào tránh được điều đó. Cô càng rón rén cố giữ để khỏi làm phiền chủ, sự kinh động gây ra cho ông càng mạnh

nhiều tờ báo: Văn, Khởi Hành, Quốc Phòng... — nhưng vẫn được coi là mới (vì chưa được bất cứ người cầm bút nào ở bất cứ đâu, nói đến như tôi đã nói), là nhờ có Gutenberg mà tại khu vực Tây Âu châu mới có hiện tượng giai cấp tài năng tràn đầy ra ngoài ngưỡng mây cái trị địa phương, và gây nên những cuộc đấu tranh sôi nổi, gây nên những cuộc đấu tranh lan tràn ra khắp thế giới theo 2 con đường chính: con đường sang phía Tây kết thúc thành nước Mỹ; con đường sang phía Đông kết thúc thành cuộc cách mạng bốn-sơ-vích tại Liên bang Xô viết, cách mạng giải phóng dân tộc mà cốt cán là cán bộ cộng sản.

Hai thế lực mới nổi lên cùng mang nặng trong bản thể tất cả mọi đặc tính của nền văn minh kỹ thuật kỹ-tô-giáo Tây Âu. Như hai gia tài — gia tài ở đây là quyền lãnh đạo cả thế giới —, và bởi cả ba đứa con của bà mẹ 'Kỷ-tô-giáo công quyết liệt như nhau, nên sự tranh chấp đã đưa đến những cuộc giao-chiến đẫm máu. Đứa em thứ ba, vì ít tuổi nhất, có sự khôn khéo xù dụng cái mới, giải phóng dân tộc, thoát ách nô lệ của bọn đế quốc thực dân Anh, Pháp, Ý v.v... và đã thành công ở nhiều nơi, nhất là ở Đông Nam Á châu, và ở Bắc Phi châu, và Trung Mỹ, Nam Mỹ. Người ta có lẽ chỉ phải chờ đợi vài chục năm sau cuộc Thế chiến thứ 2 cũng đủ thấy đứa em thứ ba này đắc thắng ngay tại quê hương Tây Âu của nó.

Nhưng đứa em thứ nhì không ở yên. Sau một thời kỳ ngắn muốn đóng cửa biên giới, một mình hưởng thụ sự phần thịnh của Trời Đất dành riêng cho miền Bắc Mỹ, đứa em thứ nhì hiểu rằng nếu nó thụ động trong sự giàu có ích kỷ, thì sau khi thanh toán xong giữa anh cả, đứa em thứ ba sẽ hỏi tội đến nó. Sự hiểu biết đến kịp thời nên, ngay sau cuộc liên kết tạm bợ để đối phó với Hitler — như một tai nạn của lịch sử — đứa em thứ

hai đã đem rất nhiều phương tiện sang Tây Âu giúp anh cả chống lại em ba của nó.

Sự chống đối được coi như hữu hiệu, Hoa kỳ bèn đem tận lực ra chặn đứng sự lan tràn của mũi tên đỏ xuất phát từ Liên Xô. Cuộc chiến tranh trên lãnh thổ VNCH chính là một phần, phần rất quan trọng, của sự chặn đứng ấy.

Kết luận trên đây chứng tỏ rằng trong quá trình sinh trưởng của nhân loại, yếu tố tài năng là yếu tố căn bản chia rẽ nhân loại thành 2 giai cấp có tài và bất tài, giai cấp nô lãnh đạo (hay thống trị), giúp đỡ (hay bóc lột) giai cấp kia. Cuộc đấu tranh kinh tế ở đâu cũng có, nhưng tùy theo hoàn cảnh địa phương — về bản tính con người, truyền thống văn hóa v.v... — mà mạnh yếu khác nhau, và do đó, có tầm quan trọng nhiều ít khác nhau, đối với đời sống xã hội của dân tộc sở tại.

Một phần khác, cũng do kết luận trên đây mà người ta đi tới sự nhận định rằng hầu hết những rối ren (cách mạng, xâm lược, chiến tranh) trên thế giới hiện nay là hậu quả của sự tiến bộ nhanh chóng, mạnh mẽ, của các dân tộc Tây Âu, khởi đầu từ thế kỷ thứ 15.

Và, sau cùng, sau khi mình xác rằng các thế lực đế quốc thực dân, cộng sản và bắc mỹ, đều là con chung một mẹ, người ta có thể quả quyết rằng tại Á châu nói chung, và tại V.N nói riêng, cuộc giao chiến âm thầm hay khốc liệt giữa ba thế lực ấy không hoàn toàn chiếm lĩnh được tâm hồn của cá nhân, đồng thời cũng không hoàn toàn tiêu diệt được truyền thống sinh hoạt và suy tư hướng nội của các dân tộc sống trong khu vực ấy (1).

(1) Tất nhiên những vấn đề tương tự có thể được đặt ra ở Phi châu Nam Mỹ châu, nhưng, theo sự hiểu biết của tác giả, chỉ có ở Á châu mới có thể có những cuộc đấu tranh quan trọng nhằm chống đối, thâm thấu, đồng hóa hay hòa đồng với nền văn minh kỹ-tô-giáo mà thôi.

Nói một cách rõ ràng hơn, và nói riêng về cuộc chiến tranh kéo dài từ 10 năm nay giữa hai thế lực số 2 và số 3 (cộng sản và hoa kỳ) trên lãnh thổ VNCH — cuộc chiến tranh cũng dài 10 năm trên toàn bộ Việt-Nam, từ 1945 đến 1954, là cuộc chiến tranh giữa hai thế lực số 1 và số 2 (cộng sản và đế quốc Pháp) — cuộc chiến tranh ấy, dù ồn ào và quyết liệt đến đâu, cũng không làm cho người ta quên được rằng sau khi nó kết thúc, một vấn đề to lớn vẫn còn nguyên trong sự chờ đợi một giải quyết thỏa đáng. Vấn đề đó là vấn đề thể hiện một đời sống thái bình trên toàn thể quê hương Việt-nam thống nhất. Vì, như một lãnh tụ cộng sản đã nói "hòa bình chưa phải là thái bình nên người ta phải chờ đợi rằng chiến tranh dù cho có chấm dứt thì đời sống ổn định cũng chưa với trở lại với người dân Việt, nếu vấn đề tâm lý xã hội chưa được hoàn toàn giải quyết.

Vấn đề tâm lý xã hội bao gồm nhiều dữ kiện, nhưng dữ kiện quan trọng hơn cả là nhu cầu thỏa hiệp giữa các thành phần của giai cấp tài năng lãnh đạo dân tộc.

Nếu chỉ xét về phương diện quyền lợi — về thể thì giai cấp tài năng trong xã hội Việt Nam chỉ có 2 thành phần được giới hạn mình bạch thành 2 khối: khối tự nhân là vô thần (chống tôn giáo) cách mạng, khối tự nhận là dân chủ tự do. Hai khối, dưới quyền lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp, của hai nước Liên Xô và Hoa Kỳ, rất có thể thỏa hiệp với nhau, vì quyền lợi vật chất có lớn lao và phức tạp đến đâu cũng có thể được phân chia hợp lý — nhất là khi người ta có những cơ sở điện toán và cùng kiến hiệu — và vì, đến một lúc nào đó, những người cộng sản sẽ nhận ra rằng họ không là gì khác những tin đồn trung thực nhất của Chúa Giê-xu Ky-tô.

Nhưng sau khi hai thế lực cộng sản và dân

chủ tư sản thỏa hiệp được với nhau, giai cấp lãnh đạo xã hội sẽ vẫn còn thấy bế tắc trong sự cố gắng xây dựng một xã hội lý tưởng — công bằng, tự do, hạnh phúc, tiến bộ — cho toàn dân. Sự bế tắc, như chúng ta biết, có 2 nguyên nhân chính:

— sự bế tắc của họ chính là sự bế tắc của nền văn minh hướng ngoại của ky-tô giáo nói chung. Đó là sự bế tắc của một đời sống tiến bộ mù lòa, vì tiến bộ cứ tiếp tục, mà không ai có thể trả lời tiến bộ về đâu.

— sự tồn tại, trên quê hương VN, của một lớp người còn giữ nguyên được truyền thống sinh hoạt hướng nội của con người Đông phương, chịu ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng Phật, Lão, Khổng, Trang v.v...

xx

Nói tóm lại là, như tôi đã trình bày nhiều lần, giai cấp tài năng lãnh đạo xã hội loài người trong đời sống. Giai cấp tài năng Tây phương nuôi dưỡng tham vọng quyền lực, phát triển hoài bão sự nghiệp, đến độ phân hóa thành nhiều thế lực cùng chung những đặc tính căn bản nhưng đi theo những đường lối khác biệt, vận dụng những phương tiện và lợi khí khác biệt, và tranh chấp, giành giật lẫn nhau quyền lãnh đạo cả nhân loại, khiến cho bùng nổ những cuộc cách mạng, những cuộc chiến tranh vô cùng thảm khốc. Trong khi đó thì giai cấp tài năng Đông phương, chịu ảnh hưởng của bản tính hướng nội, tìm đủ mọi lý lẽ để dim chết mọi tham vọng quyền lực và hoài bão sự nghiệp. Xã hội Đông phương vì thế nên không tiến bộ được, nhưng lại nhờ thế mà không phải trải qua những cuộc chiến tranh tàn phá lâu dài.

Tôi nghĩ rằng nếu Trời Đất không làm nên những trận hồng thủy để tiêu diệt cả loài người, thì có lẽ đến nghìn vạn năm sau, giai cấp lãnh đạo xã hội Đông phương vẫn giữ yên

được nếp sống 'bùn lầy nước đọng' nhưng yên ổn và tự mãn, như nếp sống ở Việt Nam, cách đây không đến 100 năm. Nhưng chúng ta đã biết gót giày xâm lăng của nền văn minh kỹ-thuật Tây phương có sức mạnh nặng nề, có thể gây cho đối phương của nó những vết thương đau đớn như thế nào.

Giai cấp tài năng lãnh đạo xã hội Đông phương bị bắt buộc phải phản ứng. Phản ứng của một người khôn ngoan nhưng yếu đuối, đối với một địch thủ mạnh mẽ nhưng nóng nảy, mù lòa — nóng nảy vì mù lòa, — phản ứng ấy phải như thế nào? Theo tôi nghĩ phản ứng ấy phải trước hết là sáng suốt, tránh sự trực tiếp đương đầu khiến cho mình có thể bị đánh gục, rồi sau đó, đợi cho đối phương bớt vùng vẫy một cách cuồng loạn, sẽ nhẹ nhàng đến gần, nhẹ nhàng khuyên nhủ và cầm tay hướng dẫn đối phương đó, để cùng nhau đi vào con đường mới thích hợp cho cả hai người. Sự giải quyết giữa hai nền văn minh kỹ-tô giáo, khai sinh ra giai cấp tài năng lãnh đạo Tây phương, với nền văn hóa Phật Lão hướng dẫn giai cấp tài năng lãnh đạo Đông phương, sự giải quyết ấy đang bắt đầu được thể hiện trên đất nước Việt Nam, nhờ vị trí giao điểm của quê hương, nhờ thiên tư của dân tộc, và nhờ cả một thế kỷ ngoại thuộc và hơn ba mươi năm chiến tranh giữa các thế lực ngoại lai trên đất nước chúng ta.

GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ GIAI CẤP.

Tôi xác nhận: trước khi có truyền đếm tế bào để sửa đổi thân thể và sửa đổi khối óc của con người, thì sự chênh lệch giữa sức khỏe và trí thông minh giữa con người với con người, sự chênh lệch ấy không thể nào chấm dứt được. Giai cấp tài năng lãnh đạo xã hội, vì thế, còn tồn tại còn lâu.

Tuy nhiên, như tôi đã trình bày:

— Tài năng được hình thành bởi trí thông minh và kiến thức: kiến thức là yếu tố được cung cấp bởi xã hội.

— Những người bất tài không bao giờ ghen tị với những người có tài: sự ghen tị, đưa đến căm tức, thù hận chỉ có đối với những con cháu bất tài, lợi dụng sự nghiệp của ông cha làm tru thế và lợi khí áp bức, bóc lột kẻ khác.

Như thế có nghĩa là con người sinh ra đời đã bất bình đẳng, nhưng tình trạng bất công trong xã hội lại do chính con người tạo thành.

Trước hết là bất công về giáo dục, về hoàn cảnh và phương tiện để trau dồi kiến thức. Con nhà nghèo lớn lên trong gia đình thất học, khi đi học không được chọn trường tốt có thầy giỏi, và học đến trình độ nào đó sẽ phải vội vàng kiếm sống, và suốt cuộc đời vất vả rất khó có thể tự học để mở mang trí tuệ. Trong khi đó thì con nhà giàu — tôi muốn nói: con nhà giàu có học — ngay từ bé đã được thờ hùt thứ không khí thuận lợi cho sự học, rồi cứ mỗi tuổi lớn lên lại được hưởng thêm những ưu đãi nhờ tiền bạc hay thế lực của cha mẹ... Như vậy, điều kiện để hóa giải những bất công trong sự đào tạo tài năng cho xã hội là san bằng các phương tiện giáo dục.

San bằng các phương tiện giáo dục, về cả vật chất lẫn tinh thần, là việc có thể làm, một cách tương đối dễ, nếu so sánh với những công việc khác phải làm. Chúng ta sẽ bàn kỹ hơn trong một bài khác.

Thứ hai đến bất công về tài sản. Tình trạng bất công lâu dài và nặng nề đến nỗi Karl Marx phải chủ trương thu góp tất cả mọi phương diện sản xuất vào tay chính quyền, đặt dân chúng vào hoàn cảnh tay trắng như nhau, và bắt các chúng phải làm việc như nhau để được cung cấp nhu cầu tối thiểu. Trên lý

thuyết, đề nghị như vậy là hợp tình, hợp lý. Nhưng trên thực tế, tất cả các chính quyền Cộng sản đã thất bại: phương tiện sản xuất, nhu cầu tối yếu của cá nhân, khả năng phục vụ của mỗi người tùy theo tài năng (!), sức vóc v.v... là những yếu tố phức tạp đến nỗi tất cả mọi cố gắng của những người cộng sản để « chia đều » đã thất bại. Và chẳng, trong một vài trường hợp giản dị, như trường hợp gặt lúa trên một cánh đồng, làm máy trong cùng một xưởng, hề người cộng sản đặt vấn đề « làm đều, hưởng đều », thì tức khắc công việc đứng dừng ngay lại — Trong tất cả các xưởng máy sản xuất từ vũ khí đến dụng cụ nông nghiệp, đến hóa phẩm tiêu thụ, người cộng sản miền Bắc hiện nay đều áp dụng phương thức « làm nhiều hưởng nhiều »... và đó chính là phương thức « làm khoán » mà Karl Marx nguyên rủa như biện pháp bóc lột tàn bạo nhất của một chủ xí nghiệp đối với thợ thuyền của hắn.

Sau khi nhận ra rằng « giấc mơ vô sản » của Karl Marx không thể nào thành tựu được, những người cộng sản quay trở lại chế độ hợp tác xã nông nghiệp. Hợp tác xã là một sáng kiến dân chủ, và chỉ có tính chất cải thiện đời sống nông thôn, thay vì làm cuộc cách mạng bằng bạo lực và bằng quốc hữu hóa ruộng đất theo đường lối chính thống bên-so-vích.

Đó là một trong những lý lẽ nó cho phép chúng ta xác nhận rằng Cộng sản đã thất bại trong tất cả mọi khu vực mà họ nắm được chính quyền, bởi vì từ mấy chục năm nay họ không thực hiện được gì mới trong lãnh vực tư tưởng: họ chỉ làm theo chủ thuyết mác xít, mặc dù, như chúng ta đã trình bày, Karl Marx đã thiếu hẳn một ý niệm căn bản, một ý niệm nguồn gốc, trong quan niệm về giai cấp, và về đấu tranh kinh tế của ông ta.

Sự giải quyết do Marx đề nghị vì thế mà

sai lầm, mà không tưởng Cái xã hội « vô gia cấp », mà ông ta coi như hình ảnh của sự thành công lý tưởng của những người cộng sản, cái xã hội vô gia cấp đó không bao giờ thành hình được, nhất là dưới chế độ quản trị xã hội bên-so-vích. Vì sao? Vì, như Djilas đã tố cáo và như ngày nay cả thế giới đã biết lời tố cáo đó hoàn toàn đúng sự thật, xã hội cộng sản không những không tiêu diệt được giai cấp, mà ngược lại còn sinh hạ và dung dưỡng một « giai cấp mới » nắm nhiều quyền thế hơn, và thống trị một cách khắc nghiệt hơn, và bóc lột dân chúng một cách tàn nhẫn hơn giai cấp tư bản dưới chế độ dân chủ.

Điều đáng nói ở đây là mặc dù họ thất bại trong cuộc cách mạng mà họ chủ trương, những người cộng sản rất khó bị đánh đổ, nhờ có rất nhiều kinh nghiệm tổ chức hệ thống « cán bộ đảng » song song với guồng máy Nhà Nước. Tài năng của họ là một thứ tài năng kỹ thuật rất nặng nề nhưng cũng rất sắc bén — điều này càng tỏ rõ xuất xứ của họ, cũng như xuất xứ của lực lượng Hoa Kỳ, là nền văn minh hưởng ngoại Ky tô giáo Tây phương.

Và bởi lẽ chúng ta công nhận rằng những người cộng sản rất khó bị đánh đổ ngay tại những nơi mà họ nắm được chính quyền, cho nên công việc mà chúng ta có thể làm để hóa giải cuộc tranh đấu giữa hai thể lực tư bản và cộng sản, là đặt cuộc tranh đấu ấy vào trong cuộc tranh đấu, lớn hơn, giữa nền văn minh Tây phương và nền văn hóa Đông phương.

Đặc điểm của nền văn hóa Đông phương là tính chất thâm trầm, nhu ái của con người, và đường lối « trung dung » theo Khổng phu tử. Trung có nghĩa là ở giữa, ở giữa sự quá độ và sự bất cập, ở giữa sự buông thả cá nhân và sự thất bại của xã hội vào vòng kỷ luật, ở giữa quyền tự do cạnh tranh và

tự do thừa kế và sự tiêu diệt hoàn toàn hai thứ quyền đó dưới một chế độ tập sản tuyệt đối. Trên căn bản tư tưởng đó, chúng ta đã tìm thấy giải pháp cho vấn đề giai cấp.

Một chế độ giáo dục đồng đều, với những kỹ thuật trắc nghiệm tinh tế giúp cho những phần tử có tài năng khỏi chọn lầm nghề nghiệp, có tác dụng giảm bớt đến mức độ tối thiểu sự hèn kém giữa cá nhân với cá nhân về phương diện kiến thức — còn về phương diện của trí thông minh, chúng ta đã xác nhận đó là một yếu tố bẩm sinh, không thể do con người giải quyết được.

Một chế độ giới hạn hưởng thụ sẽ được áp dụng vào quyền tự do cạnh tranh, tự do kinh doanh, tự do theo đuổi sự nghiệp. Sau khi tất cả công dân trong một nước, không kể ở mức độ thông minh nào, đều được học đến trình độ cao nhất mà sự trắc nghiệm tâm lý cho phép, ai nấy đều được toàn quyền lập nghiệp; và chắc chắn những người có trí thông minh ở mức độ cao hơn, phối hợp với nhiều đức tính khác như sự khoẻ mạnh, sự kiên nhẫn, sự cần kiệm v.v..., những người đó chắc chắn sẽ đạt tới những kết quả tốt hơn nhiều người khác. Chúng ta tin rằng không có ai muốn gọi như thế là bất công, và cũng không có ai thấy gì đáng oán hận nếu những người có tài năng và đức độ hơn người thực hiện được những sự nghiệp lớn lao và được hưởng thụ những tiện nghi đặc biệt do sự nghiệp lớn lao đó mà có. Sự giới hạn rất giản dị: chỉ người nào lập được sự nghiệp mới được quyền thụ hưởng mọi quyền lợi do sự nghiệp đó mà thôi.

KẾT LUẬN VỀ GIAI CẤP ĐẤU TRANH

Tóm tắt lại, vấn đề giai cấp đấu tranh có thật, nhưng nguồn gốc của sự phân chia xã hội thành giai cấp không phải là sự phân

phối bất công các thứ quyền lợi vật chất & đời, và mục đích của cuộc đấu tranh không hoàn toàn là sự giành giật những quyền lợi vật chất (kinh tế) ấy.

Nguồn gốc của sự phân chia xã hội thành giai cấp là tài năng. Những cuộc đấu tranh quyết liệt nhất xưa nay là những cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo xã hội, giữa 3 thành phần của giai cấp tài năng xuất xứ tại miền Tây Âu châu, nguyên động lực của trạng thái bất công xã hội.

Để giải quyết vấn đề giai cấp đấu tranh, chúng ta phân tích nguồn gốc của giai cấp — tức là tài năng — ra làm 2 phần. Chúng ta, ít ra là trong một tương lai gần gụi, không thể làm bất cứ công việc nào để giảm bớt sự khác biệt, sự hơn kém, trong phần thứ nhất là phần của trí thông minh. Nhưng, sau đó, với điều kiện có trí thông minh bằng nhau, chúng ta có thể đề nghị giảm bớt bất công bằng cách đem đến cho tất cả mọi người những cơ hội đồng đều để trau dồi kiến thức. Như vậy, trong xã hội tương lai, chỉ có những người kém trí thông minh hoặc có trí thông minh mà không chịu trau dồi kiến thức, không chịu nỗ lực xây dựng sự nghiệp mới bị đặt vào giai cấp bị trị mà thôi.

Để giải quyết bất công xã hội, chúng ta đề nghị dành quyền tự do lập nghiệp cho tất cả mọi người, với một hạn chế độc nhất là cha mẹ không được để lại cho con cái những sự nghiệp lớn lao, khiến cho chúng không cần thi thố tài năng cũng được dự vào hàng lãnh đạo xã hội.

Kết quả lý thuyết của các đề nghị của chúng ta là tính chất khác biệt và bất bình đẳng do thiên nhiên tạo ra trong con người, tính chất đó vẫn tồn tại. Khác với chủ trương suy tôn các lãnh tụ, và đường lối độc tài đáng

trị của những người cộng sản, có tác dụng san bằng tài năng dưới uy quyền của lãnh tụ, và giới hạn mọi cố gắng của cá nhân trong nhiệm vụ phụng sự đảng cầm quyền, để nghị của chúng ta bảo đảm quyền tự do cạnh tranh — tức là quyền tự do xây dựng sự nghiệp — cho tất cả mọi cá nhân có tài năng, dù nhiều dù ít. Sự giới hạn quyền thừa kế, không cho những con cái bất tài được hưởng thụ sự nghiệp của cha mẹ chúng, sự giới hạn này có thể làm phần khích một số người thường bám chặt lấy danh từ « truyền thống » để bảo vệ quyền lợi cho con cái họ.

Một số người khác có thể cho rằng cắt đứt quyền thừa kế có nghĩa là cắt đứt cả sự giao truyền sự nghiệp giữa cha mẹ và con cái, việi lẽ rằng sở dĩ nhân loại được tiến bộ như ngày nay là nhờ một phần lớn vào tính chất liên tục của những sự nghiệp to tát. Sự trả lời của chúng ta là lý lẽ việi ra không đúng: nhân loại không tiến bộ nhờ những sự nghiệp lớn lao về vật chất, mà ngược lại, chính sự kết hợp hay tranh giành giữa những tổ hợp sự nghiệp lớn lao như thế đã gây nên chiến tranh, rối loạn. Còn về sự nghiệp tinh thần, là động cơ thật sự của tất cả mọi tiến bộ của nhân loại, thì, trên thực tế, không ai giới hạn, hoặc cản trở được sự nổi nghiệp tinh thần của cha mẹ bởi con cái. Người ta, trong mọi thời đại, còn cố gắng khuyến khích sự nổi nghiệp đó. Nhưng trong vòng mấy chục thế kỷ trước đây, ngoại trừ một vài trường hợp họa hoằn, người ta chưa bao giờ được thấy sự thành công huy hoàng của con cháu những Khổng tử, Platon, Léonard de Vinci, Newton, Pasteur, Karl Marx...

xx

Kết luận, tác giả xin được minh xác nơi đây một điểm quan trọng, là sự trình bày của tác giả, trong bài này cũng như trong bài « Quốc

gia nào phồn thịnh... » đăng trong số báo trước, không hề nhằm mục đích thiên cận là chứng minh những sai lầm của chủ thuyết mác xít.

Vì chủ thuyết mác xít đã tỏ ra phần nào thiếu thốn, phần nào sai lầm, ngay từ khoảng thời gian 1950-1960, là khoảng thời gian đã chứng kiến chế độ cộng sản ở khắp nơi, sau khi lên tới tột đỉnh thắng lợi, đã bắt đầu từ từ xuống dốc khắp nơi. Sự chứng minh những thiếu sót, sai lầm của Cộng sản đã được thực hiện ngay từ bấy giờ.

Có điều, trước đây 10 năm, bài viết nào về Cộng sản cũng có phần bỏ trống: chúng ta chỉ chứng tỏ được rằng làm như Cộng sản là sai lầm, nhưng chúng ta không chứng tỏ được phải làm như thế nào mới là đúng đắn. Đó là sự bế tắc về phía chúng ta — sự bế tắc đã chấm dứt.

Đối với tất cả các bạn đọc đã thường ngày nghiên cứu về triết học chính trị và xã hội, các bạn đó tất nhiên đã thấy rõ. Nhưng còn nhiều bạn mới bước vào lãnh vực khó khăn này. Đối với các bạn đó, tác giả xin minh xác rằng loạt bài luận thuyết này (bắt đầu đăng từ Chính Văn số 1) không nhằm mục đích đã phá, mà nhằm mục đích thay thế quan niệm của Karl Marx bằng một quan niệm mới, về tất cả mọi vấn đề văn hóa, chính trị xã hội.

Lẽ tất nhiên tất cả mọi quan niệm của Marx đều phát xuất từ Duy Vật luận, cũng như mọi quan niệm của tác giả đều phát xuất từ Tâm Vật Tương quan luận. Cả một chủ thuyết có thể được thu gọn vào một cuốn sách 300 trang, nhưng sự thấu tóm cao độ sẽ làm cho việc nghiên cứu của bạn trở nên khó khăn quá mức. Bởi nghĩ thế nên tác giả, trong mỗi số báo, sẽ đề cập đến một vấn đề có liên hệ chặt chẽ đến thực tại — bài số 3 sẽ nói về

TÌNH YÊU VÀ GIA ĐÌNH — và, lẽ tất nhiên, bài nào cũng có tác dụng mở hé một phần lý thuyết. Bằng cách đó, tuy khó khăn và đòi hỏi nhiều công phu, tác giả hy vọng bạn đọc, sau một thời kỳ theo dõi, tự nhiên lấy mình làm

vững tâm vật tương giao biện chứng pháp.

Hy vọng rằng lúc đó bạn sẽ vui thú nhận ra rằng sự thật thì triết học cũng chẳng có gì cao xa ghê gớm lắm. Vì triết học mà đúng, phải là triết học của mọi người.

NGUYỄN MẠNH CÔN

hàng ngày tìm đọc :

nhật báo

ĐEN

- Nhật báo thông tin nghị luận
- Nhật báo của bạn dân ngu khu đen

TÚ KẾU — KIỀU PHONG — NGUYỄN HỮU ĐÔNG —
NHÃ CA — TRẦN DẠ TỬ — ÔNG ĐẠO CÂY — BỒ HÒN...

- Mỗi ngày 1 trang: LUYỆN THI TÚ TÀI

Bữa cơm diễn ra dưới ánh đèn. Bốn người ngồi ăn lặng lẽ. Chỉ nghe tiếng đũa bát va chạm, và những tiếng va chạm đó làm tăng thêm sự yên lặng, buồn bã của bữa ăn.

Bữa cơm được dọn đi.

Cô Năm mang bình nước trà lớn đặt trên bàn.

Kim Ngân làm cái việc rót trà ra tách và cậu Hai nhắc những tách trà trong chiếc khay để vào chỗ của từng người.

Cô Minh Tâm cúi nhìn tách trà. Trông đáng điệu, cô người ta có thể nhận ra cô đang loay hoay muốn đốt một điếu thuốc.

Cậu Ba đẩy chiếc bật lửa lại cho cô Minh Tâm.

Cô cầm lấy chiếc bật lửa, quẹt và châm điếu thuốc của mình.

Kim Ngân trở lại chỗ cũ, nhìn cô Minh Tâm thở khói. Hình ảnh người đàn bà hút thuốc lá, một người con dâu đốt thuốc lá trước mặt bố chồng đối với Kim Ngân là điều khó coi. Nhưng, sự khó chịu đó có, nguyên do có lẽ vì cô Kim Ngân mất cảm tình với cô Minh Tâm từ trước, chứ các nữ giáo sư của cô trong trường thiếu gì người hút thuốc, có bao giờ cô thấy như thế là khó chịu đâu?

Ông Phát thả mình trong chiếc ghế có cái tựa cao quá đầu của ông, hai mắt lim dim. Trông ông lúc nào cũng như con mèo đang phơi nắng.

Ông Phát nói :

— Trong tuần tới sẽ cho quét vôi lại nhà.

Kim Ngân hỏi :

— Làm chi, ba ?

— Quét lại cho sạch.

nguyên
đình toàn

— Sao tự nhiên ba lại muốn sửa sang lại nhà cửa thế?

— Có Năm cô ấy kêu là cũ quá rồi.

Cậu Ba bảo:

— Độ này còn mưa làm sao quét vôi lại.

— Chỉ cần vôi ba bữa nắng là xong mà. Ấy là nói bên ngoài chứ bên trong nhà thì quét khi nào chẳng được.

Cô Minh Tâm vẫn không nói gì. Cô tiếp tục hút thuốc. Những điều mọi người chung quanh nói với nhau, cô dường chỉ nghe thấy một nửa, có lẽ vì cô cũng chẳng muốn có ý kiến về chuyện đó, điều ấy không cần thiết. Cũng có thể, từ ít lâu nay, cô thực sự cảm thấy như cô chẳng còn thuộc vào cái gia đình này nữa.

Ba năm chờ đợi, có thực cô đã chờ đợi trong một quãng thời gian dữ như thế, nếu cậu Hai đã chết, cô đã hết tang, nhưng người ta đã không biết rõ cậu có chết hay không, và cuộc chờ đợi của cô sẽ còn phải kéo dài. Trong cái mệnh mông vô tận của những ngày tháng đợi chờ không giới hạn đó, cô cảm tưởng như cô nằm ngâm nửa mình dưới một mặt nước, cái mặt nước nóng ẩm đôi khi khiến cô có cảm tưởng như một cơn say nửa vời đang lan trong máu, đôi khi lạnh buốt khiến chân tay cô trở nên tê cóng.

Mấy năm trời tự giam mình trong căn phòng có lúc cô cũng không biết rõ mình muốn gì nữa, như một giấc mơ, một cơn ác mộng kéo dài, cô cũng chẳng còn muốn tỉnh lại, sợ cái phút tỉnh lại đó, một câu hỏi đen tối sẽ chụp xuống cô: tôi sẽ làm gì đây? Và cô đã tìm đủ mọi cách để nuôi cho cơn mộng không hết bằng cách càng ít giao tiếp với mọi người càng hay, không phải nói, không phải trả lời một câu hỏi nào, không bước ra khỏi phòng, hút thuốc lá, đọc sách, dĩ nhiên đó chỉ là một cơn mộng giả,

nhưng càng giả cô càng cần phải chìm mình vào nhiều hơn. Cuối cùng chính cái vẻ giả dối buồn nản của nó lôi kéo cô đi, ngày tháng trống trải có hơn gì một cơn mơ giả, và cô phó mặc cho nó cuốn theo muốn tới đâu thì tới.

Ông Phát bao giờ cũng là người đứng lên ra khỏi bàn ăn trước nhất, sau đó đến lượt cô Kim Ngân, chỉ còn lại cậu Ba và cô Minh Tâm, đó là lúc họ có thể nói chuyện với nhau.

Cậu Ba kêu cô Năm pha cho hai người một bình trà mới hay cà phê.

Đêm trong tỉnh nhỏ ngoài tiếng xe tuần cảnh hoặc tiếng xe vận tải nhà binh di chuyển quân đội, họa hoằn lắm mới nghe tiếng máy du lịch, xe của các viên chức trong tỉnh, chạy qua ngoài lộ, không khi lạng lờ, ướt nặng. Cậu Ba và cô Minh Tâm chuyển sang ngồi ở chỗ bàn khách gần cửa sổ, có khi cậu Ba mở cửa sổ ra, và cô Năm lên nhà lau bàn, quét dọn, có thể nghe tiếng gió từ ngoài bãi thổi vào và tiếng sóng sông ừ rầm.

Lúc cô Năm lên lầu, đi ngang qua phòng cô Kim Ngân, vào hỏi xem cô Kim Ngân có cần cái gì không trước khi đi ngủ, bao giờ Kim Ngân cũng tìm cách hỏi xem cậu Ba và cô Minh Tâm nói chuyện chi.

Cô Năm bảo:

— Tôi chỉ đứng dọn dẹp gần đó, làm sao nghe thấy cô Hai và cậu Ba nói gì được.

Kim Ngân nói:

— Tôi không thích thế.

— Cô nói không thích cái gì?

— Cái cách chị ấy nói chuyện với anh Ba tôi.

— Tôi có thấy gì lạ đâu.

— Nhưng mà cô phải biết trong nhà chỉ có hai người.

— Bởi vì cô và ông chẳng ai muốn nói chuyện với họ cả.

— Nói, nói cái gì mới được chứ ?

Giọng cô Kim Ngân kệt giữa hai hàm răng làm cô Năm bật cười.

Cô nói :

— Thế cô muốn cô Hai và cậu Ba phải làm sao bây giờ ?

Cô Kim Ngân tỏ vẻ bức bối thấy rõ. Cô bẽ tay kêu lắc rắc, ngồi xuống, đứng lên, nhìn nhỏ, có cái gì đáng để cho cô phải thấy mình như đang ngồi trên lửa vậy đâu ?

Kim Ngân nói :

— Cô phải biết anh Ba trước đây đã yêu chị ấy.

— Điều đó thì đã có lần cô nói với tôi rồi.

Cô Năm nói câu này và nghe vang vang trong đầu câu nói tương tự của ông Phát. Ông hay nói với cô câu đó, mỗi khi cô nhắc lại với ông một điều gì, cô đã nói và quên mất, lại nói lại, chẳng hạn cô nói với ông về chuyện rau riếp lên giá, trong dáng điệu của người chủ già, lúc nào cũng như con mèo ngái ngủ, cô tưởng như chẳng bao giờ ông nghe rõ một câu chuyện nào cả, nhớ một điều nào cả, vậy mà mỗi khi nghe cô nói lại một câu gì, cô đã nói rồi, ông đều biết hết, và câu nói thông thường của ông là, « điều đó cô đã nói với tôi rồi ».

Cô Kim Ngân tiếp :

— Hai người ngồi nói chuyện với nhau như vậy thế nào cũng có lúc họ nhớ ra điều ấy.

— Đã đành có thể như thế. Nhưng đầu sao cậu Ba cũng biết cô Minh Tâm đã trở thành chị dâu của cậu mà.

— Như thế lại càng vô lý.

— Cô bảo sao cơ ?

— Vì anh Hai tôi kể như đã chết.

— Thế cô muốn hai người chẳng nên nói gì với nhau nữa à ?

— Nhưng họ nói cái gì mới được chứ ?

— Biết đâu cậu Ba và cô Minh Tâm lại chẳng nói về chuyện cậu Hai.

— Hừ, tôi muốn nghe xem họ nói gì về anh ấy !

Nghe cô Kim Ngân nói mãi về một điều chỉ có mỗi một về nghi ngờ, mờ ám, tự nhiên cô Năm cũng thấy ứ hời. Dĩ nhiên cái điều cô Kim Ngân nghi ngờ đó, không phải không có lý.

Nhưng rồi sao đây ? Việc cậu Hai đi trận bị bắt mất tích là một việc thăm dò. Những việc quanh việc ấy làm sao không thăm cho được ? Nếu cô Kim Ngân biết rõ thêm mọi chuyện còn nhiều việc thăm hơn nữa. Sự dị nghị của mọi người về cô Năm trong gia đình này không phải chỉ hoàn toàn là sự dị nghị. Từ ngày bà Phát mất đi, quả cô Năm có thay chỗ của bà thật. Nếu người ngoài họ đồn đại như thế, cô Kim Ngân hẳn không thể không biết được. Cô Năm bắt đầu có rắp tâm làm điều đó. Khi chuyện bắt đầu thì ông Phát cũng đã quá già. Những buổi tối cô vào phòng làm giường cho người chủ già, ông Phát ngồi thu mình trong chiếc ghế bành rộng có chân cong có thể dựa đầu, cái ghế bao giờ cũng được nhún theo nhịp võng, có khi nghe tiếng lết xẹt của đôi dép, ông hoảng sợ như bị khuấy phá làm xáo trộn hết cơn mơ tưởng mà cô lẽ ông đã cố sức ngồi im như thể suốt buổi tối mới tạo được. Về hoảng hết của ông nhiều lần làm cô Năm dăm sợ lây. Nhưng cô không làm thế nào tránh được điều đó. Cô càng rón rén cố giữ để khỏi làm phiền chủ, sự kinh động gây ra cho ông càng mạnh

hơn, bởi vì làm sao cô có thể vào phòng làm
ngăn ấy công việc, trải lại chăn nệm, buồng màn,
đi lại quanh chiếc giường đất màn mà ông lại
không thấy cho được. Ấy là chưa kể phần sự
của cô là phải hỏi xem ông có cần cô làm thêm
chuyện gì nữa không? Mỗi lần ông Phát nhòm
người trên ghế khi thấy cô, nghe cô nói, khiến
cô khổ tâm hết sức. Ông như người bị xua đuổi
không tìm thấy chỗ trốn. Ông loay hoay quò
quạng nắm lấy cái tay ghế, nhặt tấm khăn len
phủ trên đôi bị rớt xuống đất, hoặc giương đôi
mắt nửa mờ, nửa tỉnh lên nhìn, hỏi xem cô vừa
nói với ông cái gì, (đó là điều cô Năm không hiểu
được, có lúc ông nghe thấy hết, hiểu hết, nhớ
hết những gì cô nói, nhưng có lúc dường như
ông lại không kịp nghe bất cứ một điều gì cả,
những lúc ông bị khua ra khỏi cơn mộng như
vậy), chắc tay ông lỏng ngóng, vụng về một
cách tội nghiệp, những lúc đó, tận trong thâm
tâm, cô Năm tự nghĩ cô có thể bằng lòng làm
bất cứ điều gì để người chủ già bớt được về
lẻ loi, buồn thảm của ông. Tuổi già quả là
một điều buồn thảm. Một buổi tối, cũng trong
Phát đánh rơi tấm khăn len ông vẫn thường
phủ trên đôi cho đỡ lạnh chân, cô Năm đã tới
và cúi xuống nhặt cho ông. Lúc ngừng lên cô
cầm thấy bàn tay của người chủ già đặt trên
hai vai cô, cô nghĩ thấy mùi đầu bạc hà trên
lưng bàn tay người chủ, cô cảm thấy từ bàn tay
ấy truyền sang cô một sự lạnh lẽo khiến cô ớn
rét khắp người, cô nghiêng đầu nhìn xuống bàn
tay để ở một bên vai, cô nhìn rõ cái màu da
nâu đỏ của bàn tay đó, chỉ là một cái bàn tay
thôi, không phải là của ai cả, lúc ấy cô không
còn dư sức phân biệt thêm điều chi nữa, trực
giác của người đàn bà cho hiểu một cách mạnh
mẽ rằng, cái bàn tay nặng nề, sẽ hết sức nặng
nề đối với cô.

Cô ngồi im dưới chân người chủ, chân
tay mềm nhũn, và khi cô ngặn ra rằng hai

bàn tay đã nhấc đầu cô lên và đặt gối trên
hai chiếc đùi khép trên ghế, cô đã bị mê hoặc
với một cơn bàng hoàng, cơn bàng hoàng đã
đẩy dội trên người cô như một cơn nước xiết.

.....

Nỗi niềm đắng cay của bao nhiêu năm
duyên phận bẽ bàng, mỗi ngày cô phải tìm
cách thời tắt mình như một ngọn đèn, và tuổi
trẻ rời khỏi cô không phải chỉ bằng những
năm tháng chồng chất mà chính cả da thịt,
người ngòm cô cứ teo dần, khô héo, giống
như một mẩu đất tự bốc hơi, chính cô, cô
cũng nhận ra sự cần cỗi của mình trong
những đêm mà tuổi thanh xuân của cô rút đi
khỏi cô đó, lòng cô quặn đau như bị cắt, đôi
khí khắp người cô nứt nẻ ra trăm ngàn nỗi
khát khao những nỗi mong ước ngoằn ngoèo
vận chuyển trên khắp chân tay người ngòm,
đôi lúc khô cứng như mặt ruộng mùa hè, đôi
lúc sáng loé như những tia chớp, giật cô từng
hồi, cơn hành hạ kéo dài không ít, lan cả vào
giấc ngủ, đầu óc cô khi mù mịt như một đám
khói dốt rác, có khi chói lọi như ngọn lửa đã
bốc cao và liếm quanh, ngày cô thức lại chỉ
còn thấy một màu trắng nhợt nhạt, những
hơi nóng tích tụ đầu đó trong những kết vốc
tối tăm của căn nhà phà trên người cô làm
hai lòng bàn tay luôn luôn ẩm ướt, những
con mura chọt cứa xuống trong đêm khuya,
trong buổi chiều, không làm cho da dễ bớt
hâm hấp, dường như lúc nào cô cũng đang ở
trong cơn sốt, cô quên đi thì thôi, nhớ tới cơn
sốt lại trở lại, sự buồn bã tuôn chảy trên khắp
các ống xương, dưới da lúc nào cũng như có
một cơn nước bị ngăn chặn, cô chỉ có thể
quên như thể mỗi khi chúi mũi vào những
công việc trong nhà, thối cơm, quét dọn nhà
cửa, giặt gia quần áo, sự mệt nhọc của một
ngày làm việc, làm việc vì phải cố làm để
quên, cuối cùng càng làm cho người ngòm
miệng yếu hơn nữa và nỗi quanh hiu càng cháy

lan trong người, trong những cơn hỏa hoạn âm thầm như thế, cùng một lúc cô cảm thấy sức lực của mình bùng bùng thức dậy chống trả và cháy rụi thành tro than, sức lực hao mòn dần dà mỗi ngày và liên tục, khiến cô thấy rõ người mình xẹp mãi đi, ba mươi tuổi, rồi ba mươi lăm tuổi, tất cả những năm tháng mỗi mòn, ước mong tàn lụi, đã quá lâu, đã lằng lằng sâu xuống mãi tận cõi vô cùng nào dưới máu huyết, trong phút chốc được khơi dậy bằng cơn giông muộn màng, hung bạo, lật hết cả đồng bụi quá khứ lên, khiến cô choáng váng hết cả người.

Một cơn gió lạnh lùa dưới chân tất cả những gì chúng vừa lật ngược lên cả đó, lùa thổi trong cái cõi sâu thẳm, tan nát, luồn từ trong các lộng xương hai ống chân tháo ra dâng miệng, cô cảm nhận rõ ràng cái môi cô cứng nhon chạm trên mặt, hai cái môi cô bỗng mềm nhũn bị ngậm chặt và nhả ra từng lẩn, đó cũng là lúc hết thấy những gì cô thấy đang được đồn từ những đầu ngón chân cô ùa ra, thoát ra, cô chẳng hề muốn kêu mà những tiếng kêu chặt đẫy trong cổ họng cứ muốn thoát ra, cô muốn chầm chầm vào cái phút hiếm hoi làm căng thân thể đó nhưng không nổi, trí óc cô bị phân làm trăm mảnh, mỗi khoảng nhỏ trên da thịt là một khoảng xúc động, và cơn đau đớn làm căng hông, cô chỉ còn đủ sức để mong cho cái phút rối loạn đó kéo dài ra mãi, đừng bao giờ chấm dứt, nhưng cô đã hết biết mình là ai rồi, cô giống như một cái ổ khóa đã được vặn và cô bộ phận tự động đưa đẩy những chốt gài, và cô đã được mở tung, cô quay lơ như một cơn trăn đẫy như một giọt nước, quên queo như một cái lá sen khô, tiếng kêu của cô thất lạc không thành tiếng, cái mặt da nóng đỏ của ông Phất hút chặt vào mặt da cô, cô muốn vùng mình, rồi trong một phút, trong khoảnh khắc,

đêm bỗng nhẹ tênh và sâu như một ngàn đêm tích lại, sự yên vui được vỗ về bằng nhịp sóng sông, vẫn vỗ từ bao giờ đó, bây giờ cô mới ngủ, và tiếng gió vi vút thổi reo trên cánh đồng cỏ xạc xào, tất cả hòa với hơi thở của mình phấp phồng trong ngực, cô Năm đang lẩn lẩn nên cho bất lực nhịp bình thường, để cho mọi cảm giác tàn mác dấu đó tập trung trở lại, lần thứ nhất trong đời cô Năm biết thế nào là cái thảm hại cũng như cái tuyệt vời của thân xác. Từ đó, cô nghiêm nhiên thay chỗ người đàn bà đã khuất.

Cô Kim Ngân liệu cô biết điều đó không? Nếu cô biết rõ như thế cô sẽ làm gì, nổi buồn phiền của cô nó sẽ tăng lên tới cỡ nào? Nếu cô biết được rằng mỗi buổi tối cô Năm vào phòng sửa soạn chăn màn cho ông Phất ngủ, cô đã làm cái công việc đó với đôi tay, với tấm lòng khác hẳn trước đây, và có khi trong đêm khuya, từ căn phòng riêng ở góc vườn, cô nhà nhỏ dành riêng cho quân gia mà cô đã ở từ ngày cô vào giúp việc trong gia đình này, từ đó ngó lên căn phòng của ông Phất, thấy ông bỗng thấp đến, cô hiểu rằng đó là lời nói chói chang, thẳm lặn, khiến cô không thể không vội vàng tung chăn ngồi dậy, quơ chân xô vào đôi dép, và như một con chuột đi lên trên nhà, nhẹ nhàng leo lên cái thang gác, tiếng giép lê rất sẽ vậy mà cô tưởng như nó chạm tới trái tim đang đồn dập rộn ràng trong ngực cô.

Cô ngó về phía cửa phòng cô Kim Ngân ngó về phía cửa phòng cô Minh Tâm, thử xem họ còn thức hay ngủ, có ai trông thấy cô không? Thực ra thì đó chỉ là sự áy náy cô về khỏi hải, bởi vì có ngày nào, có đêm nào, cô không vào phòng ông Phất, trông nom giường màn, giặt giũ quần áo, lau quét bàn ghế nhà cửa, nếu không phải cô lo những việc đó thì còn ai vào đây nữa? Nhưng những lúc làm

các công việc đó có bao giờ cô e ngại tí gì đâu? Đến lúc trở lên phòng ông Phát không phải vì những công việc đó, tự nhiên cô cũng ngưng. Bước chân cô trở nên ngập ngừng, không phải cô không muốn lên gặp ông Phát nhưng chính vì cô muốn lên mà cô ngại, giá cô có thể không lên được, nhưng nghĩ thì nghĩ vậy, chân cô vẫn bước đều, cô cúi xuống nhìn hai bàn chân mình, nhìn những ngón chân thò ra khỏi quai dép, nhìn vết đá lấm tẩm của mấy bụi thau, và cô nhận ra sự nao nức trong lòng cô không làm cô bước mau hơn mà chính nó lại kìm chân cô lại, cô bước từng bước chậm chạp lên lầu, một chân nặng như chì, một chân nhẹ như bấc, trong cái ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn đêm thấp ở góc phòng tầng dưới, không đủ để in thành cái bóng của cô xuống dưới sàn, cô thấy cái đầu hơi lao đao, thấy hơi thở bỗng hỗn hển trong ngực, có thể cô mệt nhọc vì một ngày bận bịu với công việc, vì thao thức hoài không ngủ được, cứ trông ngóng không đâu, vì leo lên cái cầu thang trong một lúc tâm thần bất định càng khiến tim đập lộn xộn hơn, cô nghe tiếng dép kéo xẹt trên mặt đá mà cô đã lau quét hết sức cẩn thận nhưng vẫn không làm sao hết bụi cát, tiếng dép lép lẹp trên cát, dù chỉ là một lớp bụi mỏng, đủ làm cô ghê gai khắp người, cô cũng nghe tiếng quả lắc của chiếc đồng hồ treo dưới nhà lắc qua lắc lại, nghe tiếng sóng vỗ ở bờ sông phía ngoài khu vườn, tất cả làm tăng thêm cái ảm ảm, vắng lặng của đêm sâu, những cô đến gần hơn cái cánh cửa đóng kín nặng nề của người chủ già, ông đối với cô chẳng phải nhân ngãi, chẳng phải vợ chồng, cái cánh cửa mù mịt chẳng khác những bước chân lên lút của cô trong đêm tối, suốt đời cô chẳng được nghe một lời hứa, một lời hẹn hò, cô mang thân đến với người chủ già như mang thân đi làm, cô làm hơi quá những việc cô phải làm một chút, nhưng thật ra ông Phát rất triu mến, âu

yến cô. Ở bên cạnh ông những lúc ấy, cô mất hết cả sự phân biệt về mình, lạc hết cả phương hướng, cô chẳng còn hiểu ra làm sao cả, lắm lúc cô tự hỏi, có thực cô cần được hưởng tất cả những thứ đó đến thế chẳng, có thật cô muốn giúp người chủ già đến thế chẳng?

Ông Phát đã nói gì với cô trong những đêm ăn ái đó? Ông đã chẳng nói gì cả. Hoặc ông đã chỉ nói những tiếng kỳ quặc, xa lạ, cô chẳng hiểu chỉ hết. Đường như ông tìm kiếm một cái hình bóng lơ mơ nào đó lần khuất trên người cô, ông muốn sờ mó những tiếng nói ông không thể nói ra, muốn nuốt lại những câu nói không người nghe, trong bóng mờ của những đêm trăng sáng, của ngọn đèn ngủ, của những ánh sao, đôi khi cô nhìn thấy hai hàng râu mép cắt ngắn của người chủ già, trắng và cứng như hai cái bàn chải, cả trên cổ, trên má và trên miệng cô, cô tin chắc rằng, người chủ già đã không làm những cử chỉ đó với lòng khinh miệt cô chỉ là một người giúp việc trong nhà, mặc dù ông không nói với cô một tiếng nào về tất cả những lần đó, chính cô, cô cũng cảm thấy giá cô có muốn nói với ông một điều gì cũng không được, bởi vì cô không thể nghĩ ra một câu nói nào, mọi việc diễn ra một cách âm thầm, giống hệt như bóng tối che kín chung quanh, không hẳn là trong lòng cô không có một chút tình nào đối với người chủ già, nhưng cô không rõ cái tình đó nảy nở từ trước hay chỉ có sau khi cô đã thực sự cùng ông có những lần chung đụng, âu yếm, nhưng chính trong những lúc cái hành động đó xảy ra, cô lại không làm thế nào biểu tỏ được, trong người cô luôn luôn vẫn có một cái gì chặn giữ lại, có lẽ cô vẫn không thể quên cô chỉ là một người quản gia, hoặc cô cảm thấy cô có lỗi với người đã chết, hoặc cô chẳng thể nào quên cô làm vậy chỉ là làm vậy, và thường thường cô thấy rằng, những lúc cô bày tỏ được lòng thành nhất đối với ông Phát, những lúc cô cảm

thấy ý nghĩ và sự rung động của cô hoà hợp được với nhau nhất. là những buổi chiều, ngồi ngoài vườn, cô sửa soạn nước trà, rót ra tách cho người chủ già, những lúc cô không phải tìm cách đối phó, chống trả, tự biện bạch với mình những hành động mình đang làm. Trong chén trà cô rót ra đó, cô dường nghe thấy cái êm ả của cả một buổi chiều, nghe thấy hết cái dịu dàng còn lại sau những cơn gay gắt được rót ra, phảng lảng thơm ngát, vàng óng cái tuổi đã xế của cô, muộn màng, tầm thường và dễ nuốt.

Đến năm ba mươi nhăm tuổi, người đàn bà trở nên bối rối trong tất cả các cử chỉ ái ân, bởi vì đó là lúc quá muộn để bắt đầu? Cô Năm có cảm tưởng chân tay người ngọc cô đã quá cứng, cô không còn thể nào mềm mại được nữa trong tình yêu, chỉ trong những lúc thoáng gỡ ra khỏi sự khó khăn đó, cô mới thấy mình thoải mái, tập cho mình mềm mại trở lại, bằng những cử chỉ nhỏ, cách nói chuyện, lại, bằng những cử chỉ nhỏ, cách nói chuyện, nghe ngóng sự êm đềm trải quanh hai người, cô cũng cho rằng cái sự thật của cô khó khăn hơn những trường hợp thông thường, bởi vì ông Phát là chủ, cô chỉ là người quản gia, giữa cô và ông có một sự cách biệt không dễ gì cô có thể quên. Ông Phát cô lẽ cũng vậy. Nên cô cần có một thời gian nào đó để vượt qua cái trở ngại ấy. Đôi khi cô thấy chính trong những lúc ngồi dưới ánh sáng rạng rỡ của buổi chiều giữa trời, rót chén nước đưa mời ông Phát, nghe ông hỏi han về chuyện này chuyện khác trong nhà, trong tỉnh, đó mới là lúc cô thụ hưởng hết những xúc động quá gay gắt lúc đêm hai người đã tạo ra với nhau, cô luôn luôn mang mặc cảm đã làm một việc mờ ám, địa vị của hai người mờ ám mặc dầu cả ông Phát lẫn cô, chẳng ai còn hay có một sự ràng buộc khắt khe nào, nhưng cô vẫn nhận thấy cô không thể thật sự thoải mái trong cái hành động đó, và chỉ dưới ánh sáng

quang minh ban ngày, giữa trời, hai người đều có thể nhìn thấy nhau một cách rõ ràng, không người nào phải tránh cái nhìn của người kia, cô mới thấy là cô có quyền nhận hết những gì hai người tạo ra với nhau mà không e ngại. Đối với cô đó là cách ông Phát công khai nhìn nhận việc làm của hai người, điều đó làm cô sung sướng. Cô cũng thích ông Phát những lúc ông ngồi cù rừ như con mèo phơi nắng, đó chung quanh chỉ toàn những cây cỏ hoang vu, lúc đó ông có vẻ hoàn toàn thuộc về cô, ở trong sự săn sóc của cô, cô thích nhất là cô có thể đưa tách trà cho ông bằng cách này hay cách khác và ông phải nhận tách nước theo ý muốn của cô, cô có thể trao tay hay để tách nước xuống bàn, để ở góc này hay đẩy lui về góc kia một chút, và ông Phát phải nhận tách nước ở chỗ đó, và cái sự việc nhỏ mọn này làm cô thích lắm, nó đủ khiến cô nhiều khi phải đấu mặt đi cười một mình, dĩ nhiên ông Phát không biết gì về điều đó cả, cũng có thể ông biết nhưng ông tăng lên như không biết, bởi vì có thiếu gì điều cô cứ tưởng ông chẳng hề nghe thấy, nhìn thấy, vậy mà ông đã chứng tỏ ngược lại, nhưng riêng việc này chắc ông không biết, cô mong như thế, nếu ông biết, cái trò chơi của cô sẽ trở nên có vẻ kỳ cục. Và cái trò chơi lặng lẽ của tuổi già, cảnh chiều, làm cho những ngày muộn màng của cô có khi hân hoan như mặt sông căng đầy nước lấp lánh muốn ngân tia sáng, có khi ngọt ngào như tâm đắm mật, cũng có khi cô thấy cô khó đợi như một bọ cạp.

Cô Minh Tâm thức dậy, vẫn thấy mình đang ngồi trong chiếc ghế vải một tiếng động nào đó, tiếng động thật hay một tiếng khua động trong cơn mơ, đã khiến cô hoảng hốt

thức dậy, và trong cơn bàng hoàng cô chưa thể phân biệt được lúc ấy đêm đã bao khuya. Sự im vắng được thổi lướt nhẹ nhàng cùng với những hơi gió thoảng, ngoài cửa sổ, đêm nao nức như một cơn buồn nôn. Cô nghe ruột quần đau, những bữa ăn không đủ, đã bao lâu cô chẳng có dịp nào để ý đến những bữa ăn nữa, lưỡi cô lúc nào cũng tê đặng vì thuốc lá và những bữa ăn hàng ngày đối với cô cũng thất thường như những giấc ngủ, mặc dầu cô vẫn ngồi vào bàn đúng giờ với mọi người trong nhà, nhưng mùi vị của các món ăn thì dường như cô chỉ nhận ra một cách lơ mơ trong khi đang nhai, đang nuốt miếng ăn đó, cơn đói của cô thường lẫn lộn với những cơn cồn cào vì khát thuốc, cô ăn chỉ để ngăn sự cồn cào, ăn vào có khi lại làm cô nôn ra, ỉm giọng là cảm giác cô cảm thấy nhiều nhất trong ngày, thành thử nhìn ra ngoài cửa sổ thấy bóng đen, cái ý nghĩ đầu tiên của cô là, đêm đã nôn ra cái bóng đen đó. Có nhiều bữa cô ăn đến nổi bụng căng phình, nhưng cũng không thiếu những bữa cô ăn chẳng đủ ao, và cảm thấy lưỡi biếng quá đặng như chẳng còn muốn nhai nữa, nên chỉ cần nghe lửng dạ cô đã muốn đứng dậy, và đêm đó thể nào cô cũng bị đói. Chẳng hạn như lúc này đây, cô thấy rõ là cô thêm ăn một món gì đó, cô khô se, miệng đắng ngắt, gần như có những ngày, có những tuần lễ, cô không mở miệng nói một câu nào, cái hàm dưới của cô không được vận dụng dường chậm chạp hẳn đi. Cô hút thuốc lá lắm lúc không phải vì thèm nữa mà vì thói quen, chân tay buồn bã, miệng đắng ngắt, đêm lạnh lẽo, khát thuốc như sự ẩm ướt, thân mật cuối cùng của cô, một mình trong khuya vắng. Tháng ngày mong đợi mờ mịt, không tăm hơi, sự lẻ loi cô quanh đã làm tê liệt gần hết những giác quan của cô, đúng hơn, tất cả các giác quan của cô đã bị dấn dưới một lớp khói, và khói cũng đã tạo ra trên người cô một lớp vỏ

âm u, một lớp vỏ ở ngoài và ở dưới da, đôi khi cô chỉ còn thấy cô như quãng sông phủ đầy sương khói và những tiếng róc rách khua động, chỉ còn ở trên một mặt phẳng mờ hồ nào đó, chẳng thể nhìn thấy, nó khuất lấp trong những hốc tối bị soi mòn, nó rúc dưới những cỏ lau hiu hắt, nó xa tít tắp, cứ kỳ như vẫn có từ bao giờ rồi, có khi cô nghe ra thân thể mình giống như một bờ bãi hoang vu, tất cả đều khô se, tất cả đều âm ướt, cô chẳng dám nghĩ đến ngày của mình nữa. Ngày ta sẽ làm gì, không ai có thể chờ đợi mãi trong tuyệt vọng. Cô không dám nghĩ đến đêm của mình nữa, đêm chẳng phải để ngủ, đêm chẳng phải để thức, đêm chẳng phải của tình ái, đêm chẳng phải là đêm của tuổi tác, già nua, đêm bỏ không, đêm thao thức, đêm thức dậy, chẳng để làm chi cả, mặt cay xè khói thuốc, tìm mỗi một vì say, hồn như cô đại sinh sôi và khô héo, đêm đứng lên, ngồi xuống vật vờ trên giường, đêm ba mươi tuổi như than hồng cháy trong da thịt, đêm mưa rã rượi cây cối đầm đìa, hơi ẩm vây quanh đêm muốn chết cho rồi một kiếp nhưng đêm vẫn thờ ơ sống, hơi thở phập phồng trên ngực, tai ở không nghe tiếng nói, đêm muốn cười muốn khóc, nhưng chẳng làm được gì chỉ còn biết lặng thinh.

Mới đầu cô tự giam mình trong căn phòng, thật ra thì cô cũng không rập tâm lắm như vậy đâu, nhưng cô chẳng biết làm gì, đi lại nói chuyện với ai, nên cô cứ ngồi trong phòng, thành thử nhìn bề ngoài có vẻ như cô tự giam mình, đôi lúc nghĩ đến chồng, cô cũng muốn tự tạo một nơi ăn chốn, mỗi người một sở phận, nhưng sở phận cô sao lại hăm hiu đến thế, một năm lấy chồng, chưa ấm chân ấm gối cô đã trở thành góa phụ, lại thà là góa phụ cho yên bề, chồng cô chỉ bị coi như mất tích, cái chữ đó có nghĩa như thế nào đây không còn cuộc chiến tranh thâm hại mù mịt không còn

biết Cầu là ranh giới này, cô, thôi cũng kể như một người đã góa nhưng chưa phải góa, cô có còn một chút hy vọng nào không, đó là một câu hỏi, mỗi lần nghĩ tới, cô chỉ còn biết ngó ra ngoài cửa sổ, trên tấm kính có những vết loang của mưa nắng bụi bặm đã trở nên ố vàng, nhìn qua những ngọn cây trên bầu trời, nhìn qua những nụ hoa trên nhành mai, cứ ngỡ mùa xuân, đôi khi cô chỉ nghiêng cổ nhìn qua bức thành cửa sổ lại thấy mùa xuân, những nụ hoa nhiều lúc cô tưởng như không chịu tàn, cô thích nghĩ như thế hơn là nghĩ nó đang nở lại, có khi cô thấy nó chỉ là những đốm hoa mắt của cô, cũng có bữa, trong một vài buổi chiều, cô lần mò ra ngoài bờ sông đi dạo một mình, cô xanh um hai bên bờ sông, mặt đất dưới chân cô có chỗ khô cứng, có chỗ mềm nhũn, cô như một thứ tơ mịn, lối đi lồi lõm, và trên những gò đất, những tảng đá nhỏ ra ở ven sông, rêu đóng thành lớp chỗ xanh, chỗ vàng mặt nước trong suốt hay đục lờ lờ xa màu nâu, ở một vài chỗ trũng ở cách xa mặt sông một quãng, nước đọng lại thành một cái vũng nhỏ, trong đó có những cánh bèo nhật bản mà chắc hẳn đã bám sâu xuống đất, bởi vì đó là chỗ những hóm thủy triều dâng cao hay mưa lớn nước phải tràn vào tới, vậy mà đám bèo cũng như các vỏ hạt, mảnh cây mục rã, vẫn không trôi đi, thứ nọ mắc vào thứ kia, và tất cả đều ngâm một nửa ở dưới bùn, lọt vào giữa đám bèo và các khúc cây mục đó, là một vũng nước trong, trên đó in bóng của dáng chiều, và vào lúc cô Minh Tâm đi dạo, thường thường là chiều đã đỏ rực ánh hoàng hôn, mây từ mé biển bay vào đã phủ kín bầu trời, chút nước luôn luôn xao động vì những trận gió từ dưới sông thổi lên hay từ trên bãi lướt xuống, xóa mờ hết những bóng mây, chỉ còn lại mặt nước bóng loáng, cô Minh Tâm đi thêm quãng nữa, có khi cô bị mất mình vì trong bụi cỏ những con chim cút vụt bay lên, lúc cô trở lại nhà thì vũng nước

đã tối đen, mặt sông đã sẫm lại, nhưng thỉnh thoảng mặt nước vẫn có chỗ ánh lên một chút bóng sáng, một vài con cóc vẫn cố ngup lặn bắt mồi chưa chịu bay lên, những con vật đen thui như những cục than lớn, trên bãi cỏ những đóa cúc dại và những bụi hoa rành rành vươn thẳng những đóa hoa vàng và trắng trên các cuống nhỏ xiu như những cây tầm rung rinh trong gió, chẳng còn nhìn thấy một con bọ hay một con bướm nào. Đó cũng là lúc cô có thể ngược lên nhìn thấy đèn đã thấp trong nhà, ánh đèn thấp thoáng sau những tàu cây còn cho nhận ra sương đã buồn mờ cả khu vườn, và hơi nước đã đầy trong những con gió lạnh.

Cô Minh Tâm thường trở về nhà như bị xua đuổi bởi sự lạnh lẽo, nhưng con gió mỗi đầu thổi lướt nhẹ nhàng trên các ngọn cỏ, khi trời bắt đầu sẫm tối, cùng với mặt sông đã đen như chì, gió bỗng rít lên từng cơn, tiếng những lá cỏ đập vào nhau, từ đằng xa lại, và khi gió ủa tới chân cô thì lập tức nó qua khỏi hay ra đằng trước mặt và mất hút về phía cánh bãi còn rất dài, trừ hai bức tường bao bọc khu vườn của ngôi biệt thự của gia đình cô, gần liền với nhau thành một góc vuông vắn, màu xám trắng của vôi nổi bật hẳn lên, mà thực ra thì cũng đã lờ mờ vì bóng tối nhà nhem vào sương mù đã buông xuống, nhưng cái màu trắng của hai bức tường ghép lại với nhau vẫn còn nổi bật hẳn lên, và trừ hai bức tường đó và thỉnh thoảng một mảnh tường của các căn nhà khác ở xa hơn nữa, cũng có một màu trắng đục, còn toàn thể cánh bãi đằng trước và đằng sau cô đều đã tối đen cả lại, cái tiếng reo rào rào của trận gió lùa la đã trên mặt đất dưới chân cô đó, cứ lần lượt mất hút vào cánh bãi đằng trước mặt, rồi tràn xuống sông, con sông đã đục như một khối chì, những sóng vẫn đập ầm vào bãi, cả cánh đồng ngút tầm mắt phía bên kia bờ sông xám ngắt, những con cóc cuối cùng đã thôi không

còn ngụp lặn nữa, cất cánh bay lên, để rớt những giọt nước xuống mặt sông lôm bôm, hướng về phía chân trời nơi bãi cỏ và những đám mây nối với nhau bằng một đường rēm ánh sáng, có lẽ chúng tưởng ở đó ngày vẫn chưa hết.

Cô Minh Tâm trở về phòng vội vã soi mặt trong tấm gương, chải lại mái tóc đã bị gió làm cho rối tung, dùng hai bàn tay hảy một chiếc khăn mặt chà trên hai má cho đỡ nhột nhột rồi mới dám trở xuống nhà ăn bữa cơm tối.

Sau đó cô lại trở về phòng ngắm mình trong những cơn mộng tưởng yên tĩnh. Thực ra thì đó chỉ là những giờ ở không của cô nằm thảnh thơi trong đêm tối, cô kéo lui chiếc ghế vải ra gần cửa sổ, nằm hút thuốc, ngó lên bầu trời, đầy đặc những mây chờ đợi cơn mưa, chờ đợi nhìn thấy những ngôi sao, chỉ trong giây phút mọc rồi rắc khắp bầu trời, những tưởng như chẳng thể tỏa nổi một chút ánh sáng ra khỏi mình, vậy mà trong chớp lát, cô nhận ra cả khoảng trời có nhìn thấy đều xanh vằn ánh sao, vào những đêm tháng chạp, sương xuống rất mau, khoảng mười giờ, mười một giờ đêm sương đã mù mịt khắp nơi, sương như nổi ù ù của đêm buồn, nơi cô ở dường chẳng bao giờ thật sự có một ngày trời quang đãng, luôn luôn đủ trong những đêm trăng sao vắng vầy; mùa thu, mùa hè hay mùa xuân, bao giờ cũng lần lượt những đám mây đen đầy hơi nước, gần như mùa mưa chẳng bao giờ thực sự chấm dứt, và trong những cơn trống rỗng khủng khiếp của thần hồn lẫn thân xác, mọi giác quan đều được mờ, nghe tiếng gió thoảng bên tai cô tưởng như gió đã thổi suốt qua hai lỗ tai mình, từ bên này sang bên kia, nhưng những đám khói trong đó không chịu rút ra khỏi, dần dà biến thành những giọt sương lạnh

lễo, tụ thành hạt nhỏ giọt xuống hai bên thái dương và trong cổ họng cô làm cho đau buốt đánh thức cô dậy từng chập và làm cô khao đi từng chập, nổi lên những nỗi khát khao âm u dưới thịt da, xiết chặt, làm ứa ra những giọt mồ hôi, đôi khi khiến chân tay cô giật từng hồi cô vùng mạnh tay đập xuống nệm hay xuống mặt ghế vải, và không hiểu tại sao mình làm như thế, có một sức mạnh vô huyết luân lồi trong các ống xương, trong các mạch, tác động vào những đầu gân ứng như động thần kinh khiến cô bị phản ứng như vậy. Cô Minh Tâm nhận ra cô mềm yếu tìm sức, và sự mềm yếu này làm cô cứ mong tìm cách đầu mình đi, cô trở nên nhạy cảm một cách quá đáng đối với thời tiết. Đối với những tiếng động chung quanh, cô tưởng như khắp mặt da cô lúc nào cũng căng lên đón đợi, nghe ngóng, nhưng liếc nhìn giác hay gì cô tiếp nhận được, bằng thính giác hay bằng cảm giác, thật chẳng khác bóng cây trúc bá, buổi chiều, in trong lòng bề nước, mặt nước đầy đó nổi lên những vầng bụi, chìm sâu dưới đáy là những lớp rêu vàng, cái màu vàng người ta có thể phân biệt được các lá cây xanh lục của chất lục diệp tố do các lá cây rụng thổi rữa tiết ra, những cánh lá chỉ còn tro lại lớp xương nằm lẫn lộn bên nước hạt mai và hạt du đen nhánh, mặt nước trong suốt, phẳng lặng, và bóng cây trắc bá in trong đó trông còn rõ ràng và rực rỡ hơn cả cái cây thật bên ngoài, vào những buổi chiều nắng chưa tắt hết những tia sáng rơi qua các cành cây chiếu thẳng xuống mặt nước và trên đầu những cụm bóng của cây trắc bá in trong bề nước, nâng lên thành một đường viền vàng mềm mại, và chính ở những đường chiếu ánh sáng đó, hoặc ở những điểm ánh sáng chiếu lọt qua tầng cây xuống bề nước, cô Minh Tâm có thể trông thấy những vẩy bụi nhỏ nằm lơ lửng dưới mặt nước, vào những lúc có cơn gió thoảng qua, mặt nước xao động, những điểm

ánh sáng đường đi chuyển trên những gợn sóng nhỏ, cô có cảm tưởng như bề mặt của bề nước còn được phủ lên một lớp dầu bóng. Đôi khi cô nghiêng hẳn người, vươn cao cái cổ, soi bóng mình trên bề nước, nhìn cái bóng mình chổng lên bóng cây trúc bá, làm cho khoảng nước chỗ đó tối hơn một chút, cô nhìn xuyên qua những cái bóng chổng chất ấy vẫn còn có thể nhận ra cạnh răng cưa của một chiếc lá mai đã vàng úng nhưng chưa rũ ở dưới đáy bể, và ở phía trên, cái nhan sắc của cô loáng nhạt một cách kỳ diệu. Mặt trời đã lặn. Cả cô, cả những cái hình bóng lơ mơ trên mặt nước đó bỗng run rẩy, và trong một phút làm cô cảm thấy rủ rượi hết cả người.

Lúc cô trở về phòng riêng cô tưởng như đã để lại bóng mình trong cái vũng nước tối đen buồn bã đó, người cô mất thăng bằng thấy rõ, bước chân lao đao, đầu óc dường như chẳng còn giữ nổi một hình ảnh, một ý nghĩ nào nữa, giống như nhan sắc của cô tan rã trên mặt nước, bây giờ sự lo lắng nhạt loang đi khắp cơ thể, cả người cô chỉ còn là một hơi khói nhẹ, cái hơi nhẹ đó cứ dần từng cơn, từng cơn, từ gan hai bàn chân lạnh toát của cô lên, rõ ràng đến nỗi cô có thể nín hơi giữ nó lại trong một quãng nào đó và cuối cùng trở thành cơn nấc cụt, thật là kỳ lạ, làm cô mất công đi kiếm nước uống, tìm đủ mọi cách thở, hít hơi mạnh vào bằng mũi và thở ra bằng miệng, dần cơn nấc vừa kỳ cục vừa khó chịu. Nhưng chính trong cái lúc loay hoay lo xoay sở với cơn nấc đó mà cô lấy lại được sự kiểm soát bình thường về mình.

Đó cũng là lúc cô sửa soạn chờ giấc ngủ buổi tối, kiếm một chỗ để ngồi, để nằm, lật giở những tờ báo những trang sách, chăm chú lắng nghe những tiếng động bên ngoài, vắng xa từ dưới vườn, tiếp tục cố gắng tìm cách ngủ hay đi lại phía cửa sổ nhìn xuống vườn, trông những bóng lá lao xao, những lá

cỏ ướt lấp lánh, cái bóng ướt được soi chiếu bằng ngay bóng đêm hay một vài ánh sao nhạt nhạt. Cảnh tượng cô nhìn thấy càng ngày càng trở nên khác thường, đôi lúc cô nhận ra cô bị xâm chiếm bởi những cây cối, bóng tối, những tiếng reo vỡ thỉ thầm của sóng gió, của các cành cây bị khua động, có nhiều khi sự tưởng tượng mạnh mẽ đến nỗi cô thấy chính cô run lập cập, cô bị những tiếng động, những cơn gió khua lên, cô thực sự cảm thấy mình mềm yếu, một sự sợ hãi xen lẫn hồi hận, hết như những ngày còn bé, tìm cách trốn học, nhưng không dám, cuối cùng vẫn vào lớp, nhưng xếp không ngồi đập thình thịch trong ngực lúc xếp hàng, và ngay trong lúc xếp hàng vào lớp đó vẫn nghĩ đến việc trốn học, sự hồi hộp còn kéo dài mãi, có khi bị gọi đọc bài, cô có cảm tưởng choáng váng hình như đã bị đoán biết định trốn học, lướt liu không đọc nổi bài nữa, không thể nhớ ra có thuộc bài hay không, tự nhiên trong đầu tựa như có vật gì chặn ở một bên thái dương, và những giọt nước ố ách bị xô chảy cả về một phía, cô chỉ thấy đều đó rõ ràng còn điều gì có giáo hỏi, cô không thể nghe được và dĩ nhiên không thể trả lời được. Cô thường bị phạt vì những lúc mà có giáo cô gọi là "mất trí" như vậy. Có khi về nhà nghĩ lại những phút đó cô còn đủ cảm thấy chân tay muốn lạnh ngắt. Bây giờ cô có thể biết rõ những thứ cảm giác bất an và phạm tội đó, mỗi hơi thở của cô đều dường chạm tới cái vùng kín khuất của thứ cảm giác đó, đáng hơn đều hình như được thở ra một nửa từ trong cái còi mờ ám của thứ cảm giác đó, một nửa từ trong hai lá phổi nằm đen khối thuốc của cô, hơi thở bao giờ cũng luôn vòng từ đằng sau lưng ra đằng trước ngực, làm đau nhói một cái động mạch nào đó, dần dần trở nên ê ẩm, có khi cô cho rằng tại cô ngồi nhiều quá, các lông xương trong ngực bị gò lại và làm đau. Chính trong những lúc: cái cảm giác bất an và phạm tội biến đi, những chỗ cho sự đau đớn râm ran trong lồng

ngực, những bắp thịt tự nó bóp nghẹt, thắt lại, cô nhớ tới nỗi hạnh phúc ngăn ngui của mình, đến người chồng bất hạnh, không phải anh chỉ là một nửa nỗi bất hạnh của trong hai người, mà anh chính là nỗi bất hạnh của cả hai người và đã nhân lên gấp đôi, hoặc chính anh đã làm mất hết cả hạnh phúc lẫn bất hạnh, cô chẳng còn gì cả, ngoài nỗi buồn phiền, ngoài chính những nỗi buồn phiền đã trở nên trống rỗng, không còn ý nghĩa.

Tất cả tâm trí cô, nhiều lúc, giống như những tia chớp buồn thảm, sáng lóe, chói gắt ở một chỗ này nhưng lại làm tối tăm thêm ở những chỗ khác, đôi khi những xúc động, những ý nghĩ, trôi bải hoải trong cô, lẫn lộn với những cơn gió chậm rãi lung lay những cánh lá dưới vườn, trên mặt sông xa, mặt nước chỉ thỉnh thoảng hắt lên một chút ánh sáng xám, những cơn sóng va chạm làm bắn nước lên, những tia sáng không biết đã chiếu từ chỗ nào trên mảnh trời tối đen xuống, nhấp nháy, cũng có hôm khi cô chợt thức trời dấy, nhìn ra ngoài cửa sổ trời bỗng quang đãng, nhưng nhìn kỹ không phải trời đã quang đãng, mà chính là những đám sương mù trắng đục đã mỏng hơn, tạo thành ảo giác cho cái nhìn, cô tưởng có thể nhìn thấu suốt tới các bờ bãi xa tít, nhìn thấy suốt lên tới nền trời mờ đục, nền trời giống như tròn trắng con mắt của những người mù, đó cũng là lúc cô có thể hít những hơi đầy ngực, cái hơi thở cô đã nằm hay ngồi trong dáng điệu cơ quắp suốt buổi tối, đã làm cho cô không thể nào thở dài được, cô có thể thở dễ lấy lại những hơi thở thiếu đó, và cô cũng có thể nhận ra mùi nước tanh nồng, ôi! mùi thơm của bánh gai và mật.

Cứ sống mãi trong những hình bóng là mẹ, những vị hương thoảng qua đó, nhiều khi cô có cảm tưởng cô đã trở thành mù, trở thành

một người bệnh, chân tay muốn tê liệt, những sự sợ hãi phi lý nhưng nó làm cô toát mồ hôi lạnh và chẳng còn biết phân biệt thật giả ra làm sao nữa.

Trong nhà thật ra chỉ còn có một mảnh cậu Ba để ý săn sóc cô. Nhưng cậu Ba cũng như chồng cô, đi hoài, họ bị cấm trại, đi hành quân liên miên, nhưng trong những ngày nghỉ, cậu Ba vẫn tìm đủ mọi cách về nhà, tìm cách nói chuyện an ủi cô. Mới đầu, nghỉ lại cái cảnh lúc còn con gái cô được cả hai anh em để ý theo đuổi, bây giờ cô đã trở thành cái đầu của cậu Ba, vai trò đó đã khiến cô quên hẳn có những ngày cậu Ba cũng giống như chồng cô, đã theo đuổi cô, cái việc cậu Ba ngồi nói chuyện với cô sau bữa ăn trong nhà hay, ngoài vườn, mua cho cô những thứ thuốc này thuốc kia, dẫn cô đi dạo, cô lại nhớ lại những ngày cũ đó, và cô sợ, cô sợ lại nhớ lại những ngày cũ đó, tìm cách quên cậu Ba chẳng làm một điều gì đáng để cho cô nghĩ ngại cả, ở trong tình cảnh của cô, mới cảm thấy cần một người trò chuyện thế nào. Họ đã nói với nhau những chuyện gì? Chẳng có chuyện gì cả, ngoài những câu hỏi thông thường về sức khỏe, về tin tức (không thể nào có được) của cậu Hai, nói về chuyện những cơn bọ bậm trên cây mai, về lá cây trâm bả có thể làm một vị thuốc, cậu cũng khuyên bảo cô hãy đi đây đi đó cho đỡ buồn, sự thật cô cứ khép mình mãi trong nhà cũng chẳng thay đổi được gì, hai người có thể nói với nhau còn một chiếc áo cô Minh Tâm đã mặc ngày còn con gái, cái màu vàng nhạt của lụa Hà Đông, hoặc trận mưa có thể đổ xuống lát nữa, dòi việc này việc kia đến một ngày khác, nghĩa là những chuyện không đầu vào đầu, chẳng nó gì quan hệ, cô Minh Tâm để ý đến bộ mặt trắng trẻo của cậu Ba ngày xưa, bây giờ đã trở nên khác, sạm, gân guốc, trông cậu dữ dằn là đằng khác, và đó cũng là điều khiến cô khám phá ra rằng hình như cả hai người chỉ nói với nhau những điều giả dối, hay ít ra, họ đã nói với nhau những điều chỉ cần yên lặng cũng được...

HẬU QUẢ CỦA MỘT VỤ NGOẠI TÌNH

MẶC đầu đã tìm kiếm rất kỹ càng, cảnh sát vẫn không thấy một tia sáng trong vụ mất tích bí mật của Duy Mặc.

Mặc là bạn tôi, tôi biết rõ trường hợp của anh, nên tôi thấy có bổn phận phải cho nhà chức trách biết rõ những chuyện gì đã xảy ra. Viên thẩm phán sau khi nghe kể hết đầu đuôi đã nói với tôi bằng một giọng vô cùng lịch sự, lịch sự đến kinh hãi khiến tôi không thấy buồn chút nào, dù ông có ý nghĩ tôi là một thằng không. Tôi nói thẳng ra điều đó. Ông ta lại càng tỏ vẻ lịch sự hơn nữa, rồi đứng dậy đẩy tôi ra phía cửa, viên lục sự đứng đằng sau, hai tay nắm chặt như chuẩn bị nhảy bổ lên người tôi nếu tôi có hành động điên rồ nào.

Tôi không nài nỉ nữa. Trường hợp của Duy Mặc thực ra quá lạ lùng nên người ta không thể nào tin nổi. Qua những bài phóng sự đăng trên báo chí người ta biết Mặc là một người khá kỳ cục. Mùa hè cũng như mùa đông lúc nào anh cũng chỉ vẫn một chiếc áo choàng và đi đôi dép lẹp xẹp. Anh rất giàu. Tôi rất ngạc nhiên về cách ăn mặc xuề xòa của anh nên phải hỏi ý do. Anh đáp :

truyện của

APOLLINAIRE

dịch phóng

ĐẶNG TRẦN HUÂN

nguyên tác

La Disparition d'Honoré Subrac

trích trong tập

L'Héréditaire et Cie

— Như thế để còi bỏ dễ dàng và nhanh chóng trong những trường hợp cần thiết. Tóm lại, mặc sơ sài đi ra đường rồi nó cũng quen đi. Đồ quần áo, đồ giày, đồ mũ. Tôi ăn mặc như thế từ lúc hai mươi lăm tuổi mà chả ốm đau bao giờ cả.

Như Duy Mặc nói tôi không thấy hết thảy mặc mà chỉ tăng thêm trí tò mò. Tôi ngẫm ngợi « Ờ, tại sao anh chàng này lại cần phải còi bỏ quần áo nhanh chóng nhỉ ? »

Trong đầu óc tôi lảng vảng hàng trăm, hàng ngàn giả thuyết.

Một đêm tôi đi chơi khuya, khoảng một giờ hay một giờ mười lăm phút, vừa về tới gần nhà thì nghe tiếng gọi tên tôi khe khẽ. Tiếng nói như phát ra từ bức tường bên cạnh tôi. Tôi ngừng lại, hơi ngạc nhiên. Tiếng nói tiếp tục :

— Ngoài phố còn ai không anh ? Tôi đây, Duy Mặc đây !

Tôi nhìn từ phía không thấy bạn tôi đâu, bèn hỏi lại :

— Anh trốn đâu vậy ?

Tôi nhìn ra đường, chỉ thấy chiếc áo choàng của Duy Mặc còn vút trên hè, đôi dép cũng lún lóc gần đó. Tôi nghĩ « Đây đúng là một trường hợp cần còi bỏ quần áo nhanh chóng. Ờ ra bây giờ mình cũng biết được điều bí mật của anh chàng. »

Tôi nói to :

— Ngoài phố không còn ai đâu, anh có thể ra được rồi.

Bất ngờ Duy Mặc hiện ra, mau lẹ như chui từ một mảng tường nào đó mà tôi không kịp nhận thấy. Anh trần truồng như nhộng, anh nhảy bổ ra, vỗ lấy chiếc áo choàng, mặc và cài khuy thật vội vã. Sau đó anh xô chân vào hậu quả của...

dép cũng thật lẹ, rồi dẫn tôi đi vừa đi vừa giải thích :

— Chắc anh ngạc nhiên lắm phải không ? Nhưng bây giờ thì anh hẳn hiểu lý do tại sao từ trước tới nay tôi ăn mặc kỳ cục. Chắc anh chưa hiểu tôi làm cách nào mà trốn đến nỗi anh không thể thấy kịp. Giản dị lắm... coi như đây là một hiện tượng đồng hóa... Thiên nhiên là một hiện mẫu. Thiên nhiên đã phú cho những đứa con yếu ớt không phương cách tự vệ của mình một bản tính là có thể đồng hóa vào những vật chất xung quanh... Anh biết điều đó chứ ? Anh đã thấy có những loài bướm trông giống như bông hoa, một vài giống sâu có màu xanh như lá cây ; một vài kẻ có thể thay đổi màu da giống như màu lá hoa hay đất cát nơi nó đi qua, giống thỏ có lông màu trắng xóa khi ở vùng băng tuyết.

Những loài vật yếu đuối đã có thể tránh được kẻ thù của chúng bằng cái khả năng thiên bẩm kể trên.

Về phần tôi, đã từ lâu tôi bị một kẻ thù theo dõi. Vốn nhút nhát, tôi không thể chống cự nếu tôi gặp hẳn. Vì vậy tôi phải tự vệ bằng phương pháp của những sinh vật yếu : tôi phải đồng hóa vào với những vật chất quanh tôi.

Cách đây vài chục năm tôi thực hiện cái khả năng thiên phú của tôi lần đầu tiên. Khi đó tôi vừa hai mươi lăm tuổi, thân hình nõn nỏ, tinh tinh dễ thương. Nhiều người này có tình với tôi. Trong số những người rất quyến rũ một thiếu phụ đã có chồng nhưng nỗi lòng luyến tôi và tôi cũng không chống nổi lòng ham muốn. Thật là một mối tình nguy hiểm... Một đêm tôi tới ngủ lại nhà nàng vì yên chí chồng nàng có việc đi xa khoảng một tuần. Chúng tôi đang trần truồng như những thiên thần thì đột nhiên canh cửa xích mở, chồng nàng cầm lăm lăm cây súng lục bước vào. Tôi

run lên. Nhứt nhứt như tôi, lúc ấy tôi chỉ ước ao làm sao biến đi được. Dựa lưng vào tường tôi thầm mong có phép gì cho tôi đồng hóa vào với nó. Lạ lùng thay sự mong ước của tôi được thực hiện. Tôi biến sắc, da tôi đổi màu giống như màu hoa giấy dán trên tường; chân tay tôi dính sát vào, mỏng dần ra rồi đồng hóa với bức tường. Không ai còn thấy tôi nữa. Chồng nàng xúc sạo tìm tôi để hạ thủ. Hắn vừa thấy tôi, vậy thì không lẽ nào tôi trốn tâu nhanh như vậy. Hắn điên lên, bao giặc dữ trút lên người vợ, hắn bóp cò bắn sáu viên đạn lên đầu nàng. Giết vợ xong hắn khóc hu hu rồi bỏ đi. Khi hắn đi khỏi, thân hình tôi bắt đầu hiện lại hình thái cũ, nước da tôi trở lại bình thường. Tôi vội vã mặc quần áo và ra khỏi nhà trước khi cảnh sát tới...

Cái khả năng thiên phú đó tôi vẫn còn tới bây giờ. Người chồng không giết được tôi đã thế là sẽ tìm tôi suốt đời để rửa nhục. Hắn theo dõi tôi nước này qua nước khác và tôi thì nghĩ rằng đã thoát được y khi tôi về ở thành phố Ba Lê này. Nhưng trước khi gặp anh, vừa đây tôi lại thấy hắn. Sự sợ hãi làm tôi run lập cập. Tôi chỉ còn đủ thì giờ cời áo và dép để đồng hóa vào tường. Hắn đã tới gần tôi, ngơ ngác nhìn chiếc áo choàng và đôi dép vút trên đường. Anh đã hiểu tại sao tôi phải ăn mặc sơ sài. Cái khả năng trời cho tôi sẽ không thể thực hiện được nếu tôi cũng ăn mặc như mọi người. Như thế tôi sẽ không thể nào kịp cời bỏ quần áo để trốn khỏi kẻ thù. Điều cần là phải trốn thật nhanh, là đừng để cho quần áo cản trở công việc biến hình tự vệ của mình.

Nghe xong, tôi xuýt xoa khen ngợi cái khả năng đặc biệt của Duy Mặc mà tôi đã chứng kiến và tôi cũng thầm ao ước được như anh.

xxX

Liên tiếp những ngày sau đó lúc nào tôi cũng miên man nghĩ tới khả năng đặc biệt của bạn tôi và thỉnh thoảng tôi chợt thấy tôi cũng đang cố gắng thay đổi hình thể và nước da của mình. Tôi định biến đổi thành xe buýt, thành tháp Eiffel, thành một cụ Hàn — trong Hàn lâm viện —, thành một người trúng số độc đắc. Nhưng mọi cố gắng của tôi đều vô hiệu. Tôi không đạt được tiến bộ nào cả. Sự ước muốn của tôi không đủ mãnh lực cần thiết, nhất là tôi không có tinh nhứt nhứt cũng như không có sự đe dọa thường xuyên như Duy Mặc...

Bảng đi khá lâu tôi không thấy anh, thì tới một ngày anh hốt hoảng tới kiếm tôi:

— Anh ơi, cái thằng đó, kẻ thù của tôi đó, nó theo dõi tôi khắp mọi nơi. Tôi đã thoát được nó ba lần nhờ cách ấy, nhưng tôi sợ lắm, tôi sợ lắm!

Tôi nhìn lại, thấy đạo này anh gầy quá. Nhưng tôi không nói ra mà bảo anh:

— Với một kẻ thù dai dẳng như vậy tôi nghĩ anh chỉ còn một cách là rời khỏi nơi này. Anh hãy trốn về một làng quê heo hẻo lánh. Mọi công chuyện làm ăn hãy tạm để tôi lo cho. Bây giờ hãy ra ga, lấy vé đi ngay đi!

Duy Mặc nắm chặt tay tôi:

— Tôi sợ lắm, anh đưa tôi ra ga.

xxX

Ra tới đường chúng tôi lảng lảng đi bên nhau không nói câu nào. Về lo lảng hiện rõ trên nét mặt, thỉnh thoảng Duy Mặc lại quay đầu ngó trước sau, ngơ ngác. Bỗng anh hét to quát dép cời áo choàng vút tung xuống đường rồi ù té chạy. Cùng lúc ấy tôi thấy một người đàn ông chạy tới phía sau chúng tôi. Tôi định ngăn y lại. Nhưng y vượt khỏi tay

tôi. Hân giờ súng lục lên hướng mũi súng về phía Duy Mặc trong khi anh cũng vừa tới một dãy tường và biến vào trong như có một phép kỳ diệu.

Người đàn ông cầm súng ngỡ ngàng đứng lại, rồi hét lên một cách hung dữ. Như để trút hận lên bức tường đã che chỗ cho kẻ thù mà y đã cố tìm kiếm, người đàn ông chia súng vào chỗ mà Duy Mặc vừa biến mất biến lìa lìa, rồi vùng vằng bỏ đi...

Dân chúng hai bên hàng phố đổ ra nhân viên cảnh sát cũng tới kịp để gi được đám đông. Tôi gọi tên bạn tôi. N không có tiếng trả lời.

Tôi giờ tay lên sờ vào bức tường, hầy còn ấm ấm, và tôi cũng nhận thấy tro viên đạn có ba viên trúng khoảng ngang tầm tim, còn ba viên khác làm bờ vữa ở m cao hơn, cao hơn, nơi mà tôi mừng tượng mờ hồ hình dáng một khuôn mặt đàn ông

ĐẶNG TRẦN

1 và 15 mỗi tháng tìm đọc :

tạp chí

THỨ TƯ

trích dịch các sách báo ngoại quốc :

- Constellation — Aventure
- Men's — Playboy
- Noir et blanc — Ici Paris
- Lectures pour tous —...

● KHOA HỌC VÀ TÌNH DỤC

chính quyền nga sở

HÃNG THÀNH XƯƠNG

Chủ nhân, Giám đốc
PHẠM QUANG KHAI

- BỐC DỠ HÀNG HÓA
- VẬN TẢI THUYỀN BỘ TOÀN CỐI V.N.
- ĐÓNG VÀ SỬA TÀU, LÂM SƯỜN NHÀ
BỜ CHỮA VÀ CẦU SẮT

VĂN PHÒNG : 29, YÊN ĐỒ — SAIGON, ĐT : 25997

CƠ XƯỞNG : 56, TRƯỜNG QUỐC DUNG — SAIGON,
ĐT : 41279

Ụ TÀU : ĐƯỜNG TÔN THẤT THUYẾT (Bờ Bắc
Kinh Tế) KHÁNH HỘI — SAIGON

CHI NHÁNH : SỐ 2, ĐƯỜNG GIA LONG (Hải Cảng)
QUI NHƠN

nguồn gốc và đặc tính của TRÍ KHÔN QUA MÁY ĐIỆN TOÁN

TRONG số báo trước, chúng ta nhận định về nguồn gốc thể chất của loài người. Bạn đọc xem xong, đã có phản ứng (xin xem ở mục **BẠN ĐỌC VIẾT CHO CHÚNG TÔI**, và có đưa ra một vài ý kiến khác biệt, nhưng tựu trung vẫn chấp nhận thuyết tiến hóa nhờ những đặc tính thích nghi, chọn lọc và đào thải v.v...

Điều rất quan trọng, làm cho hầu hết bạn đọc ngỡ ngàng là sự quả quyết loài người xuất hiện từ loài khỉ. Nhiều bạn đọc không nghi ngại xa xôi mà vẫn chối từ kết luận của Darwin cùng nhiều nhà thông thái khác. Như thế vì 2 lý do :

Thứ nhất, căn cứ vào thực tại của nhân loại hôm nay, với không biết bao nhiêu tiến bộ trong không gian, trên ruột đất, dưới mặt nước, cũng như trong sách vở và trong tâm hồn, người ta thật khó mà chấp nhận bất cứ một liên hệ nào với loài khỉ lông lá, thú vật.

Thứ hai, đi xa hơn, người ta nghĩ đến những giá trị tinh thần — mặc dù chưa xác nhận được giá trị tinh thần thật sự là gì — cho phép

loài người không những kiến tạo được nền văn minh hiện hữu, mà còn xây dựng được một tập thể rộng lớn gọi là xã hội, trong đó con người có tình cảm tiếp nối đời sống của gia đình, của họ mạc, của dân tộc... Vì thế, một thanh niên đang ngụp lặn trong tình yêu, một thầy giáo nỗ lực truyền giảng kiến thức cho học sinh, một số đồng người làm lễ truy điệu một nhân vật có công lớn, tất cả những người đó nhất định không sẵn sàng mừng rỡ được, trong điều kiện nào, họ có thể là hậu thân của loài thú vật.

Hai lý do mà là một : loài người, như hiện đang sống, với hỏa tiễn tàu bay, với xe hơi, với nhà cửa có đầy đủ tiện nghi, loài người còn có tình cảm, ý chí đấu tranh và xây dựng xã hội, có tôn giáo và gia đình, nên không thể nào xuất hiện từ loài vật được.

Nhưng đó chỉ là biện luận của những người bình thường, căn cứ vào thực tại. Các nhà khoa học không làm việc một cách đại khái và dễ dàng như vậy. Vì dụ khi nói về gia đình của loài người, nhà khoa học tìm kiếm trong thiên nhiên và khám phá ra rằng nhiều loài vật, nhất là loài có vú, cũng có gia đình ; mà còn hơn gia

bài học cổ sử CHÍNH VĂN

đình của loài người, gia đình của loài vật ít khi có sự tan vỡ. Ví dụ khi nói về sự tụ họp một số lớn đơn vị thành một tập thể, nhà khoa học nhận ra rằng loài voi, loài kiến, loài ong, có đời sống tập thể, mà đời sống tập thể còn có trật tự, còn yên ổn hơn, và, nói riêng về loài ong loài kiến, còn có khả năng tạo tác những công trình kiến trúc lớn lao hơn — trong tương quan hình thể.

Chính vì thế, người ta, từ bao nhiêu đời nay, bị ám ảnh bởi sự so sánh đời sống của loài người và loài vật. Mặc dù không có gì bảo đảm, người ta tin rằng khi nào sự khác biệt giữa đời sống của loài người và loài vật được phân định hẳn hoi, thì chắc chắn người ta sẽ nhờ đó mà thấy được ý muốn của Tạo hóa, khi đào tạo ra giống người giữa muôn loài sinh vật.

Sự khác biệt đó, theo những kết luận gần đây nhất của các nhà tự nhiên học, được tóm tắt trong 4 điểm sau đây :

- trước hết, lấy đời sống của đơn vị làm chuẩn, công trình xây dựng của loài người thay đổi nhanh (xin nhớ : không nói là tiến bộ) hơn của bất cứ loài vật nào khác.
- loài người có phương tiện giao truyền tin tức qua không gian và thời gian một cách chính xác.

— loài người (hình như) có nhiều xúc động khác hơn loài vật.

— một số loài vật tỏ ra cũng sợ chết như loài người, nhưng loài vật không vì sợ chết mà tìm đến sự không chết (bất tử) qua sự giải thích của tôn giáo, và qua những công trình kiến tạo lâu dài.

Trong 4 điểm khác biệt trên đây có 2 điểm thuộc về hình thức, 2 điểm thuộc về tinh thần nhưng tựu trung, nếu nghĩ đến quá trình lịch sử của loài người, thì cả 4 điểm khác biệt đều xuất phát từ một động lực rõ ràng có thật mà chưa ai hiểu rõ nó là gì : đó là tâm hồn con người.

ĐI TÌM Ý NGHĨA CỦA TÂM HỒN

Thật ra thì che đến nay vẫn chưa ai xác định được tâm hồn là gì, và đặc tính cũng như động tác của nó như thế nào. Nhiều nhà tư tưởng, nhiều nhà khoa học, nhà văn v.v... đã trình bày quan niệm của họ về tâm hồn con người. Trên phương diện tổng quát, người ta có thể thu tóm những quan niệm đã có — và được coi như có ít nhiều giá trị — vào mấy điểm sau đây :

- tâm hồn con người hướng về sự đổi thay,
- tâm hồn con người hướng về sự tiến bộ, dù chỉ là tiến bộ đối với chính nó.
- tâm hồn con người hướng về sự cao đẹp,
- tâm hồn con người là nguồn gốc của tình cảm,
- tâm hồn con người là nguồn gốc của lý luận và sự tìm kiếm (tò mò) và sự lựa chọn tâm hồn con người là căn bản của ý thức về sự hiện hữu cá nhân trong đời sống, và, do đó, loài người vì có tâm hồn mà có ý hướng tham sống sợ chết.

Sáu điểm trên đây được nhiều người đồng ý cả sáu, nhưng cũng có người đồng ý với một số điểm này hoặc một số điểm khác. Ví dụ có người cho rằng loài vật cũng có tình cảm, dù không nói được thành lời nên không được rõ rệt. Cũng có người xác nhận rằng sự tò mò tìm kiếm nguyên nhân của sự kiện này, hay tác dụng của vật thể khác, sự tò mò tìm kiếm, và suy luận lựa chọn, cũng thấy có ở loài vật: một con hổ, chạy trước một đàn chó, tất nhiên phải có lý do, và lý do đó chắc chắn là sự nhận định và hiểu biết rằng nó tất chết một con chó dễ dàng, nhưng nó không thể tất chết cả chục con chó hợp lại, cùng tấn công một lúc.

Một số người khác, phần nhiều thiên về đạo đức luân lý, lại cho rằng có thể loài người có những đặc tính mà loài vật không có, như ý-chí đổi thay và tiến tới, như tình cảm và những công trình xây dựng cao đẹp, nhưng những công trình xây dựng cầu hời hợt loài người quả nhiên có khác, nhưng thật sự có hơn loài vật không. Câu hỏi được coi như rất có giá trị, vì căn cứ vào những nhận xét thông thường nhất, chính cái ý chí đổi thay và tiến tới, chính tình cảm và hoài bão xây dựng những chủ quan, đặt ra một nền nếp suy tư và sinh hoạt mà tự nó cho là đúng đắn và đối với người khác phải chấp nhận, và coi những người không chấp nhận là thù địch. Người ta gọi như thế là thiện chí cuồng tin: thiện chí cuồng tin là nguồn gốc của những vụ giết chủng, những cuộc chiến tranh ghê gớm nhất nói riêng ở Việt Nam, những ai đã thấy Cộng sản đây dọa tù nhân của họ như thế nào, đều ghê sợ sự tin tưởng mê cuồng của những người cộng sản vào lẽ phải của họ.

Như vậy, loài người khác thì có khác, nhưng hơn tài chưa chắc đã hơn loài vật. Nhận định này càng khó bị đánh đổ khi các nhà thông

thái tây phương, làm việc theo tinh thần thực nghiệm của khoa học, càng tiến tới càng nhận ra sự gần gũi giữa loài người và loài vật. Một số nhà luân lý, tôn giáo, thường viện lẽ rằng loài vật không có luân lý (gia đình, pháp luật, tình yêu, sự trung thành với quốc gia v.v.) và không có tôn giáo (thượng đế, thường thiên phật ác, thiên đường, địa ngục v.v...) nên loài vật phải ở dưới thấp, mà loài người ở trên cao. Lập luận này, vào cuối thế kỷ thứ 18, còn được chấp nhận trên gần khắp thế giới.

Nhưng các nhà khoa học thực nghiệm đã làm việc, rồi các nhà triết học cũng tiếp theo. Chúng ta không thấy cần nhắc lại ở đây tất cả mọi công việc họ đã làm, cùng phương pháp làm việc của họ. Chúng ta chỉ cần nhắc lại công trình suy tư lớn lao của Karl Marx và của giới môn đệ của ông: Karl Marx có thể được coi như sự kết tinh của mọi cố gắng chống đối của giới trí thức ngoài chính quyền, nhằm tấn công, phá vỡ thế lực của giới trí thức cầm quyền hồi bấy giờ ở Tây phương. Cho nên tất cả mọi sai lầm của chế độ cũ đều được mổ xẻ kỹ càng.

Theo Karl Marx thì cả luân lý lẫn tôn giáo đều do sản phẩm của kẻ mạnh (giai cấp thống trị), được bày đặt ra để nắm giữ kẻ yếu (giai cấp vô sản) trong vòng kỷ luật, trong tình trạng bị thống trị. Luân lý chỉ có với kẻ yếu, tôn giáo chỉ có đối với người dốt nát. Sự tấn công của Marx không hoàn toàn phi lý: cuối thế kỷ thứ 18, và đầu thế kỷ thứ 19, đời sống của lớp người giàu có hay quyền quý phi thật đã lên đến mức độ rất cao trong sự phi luân, vô đạo. Sự vận động cách mạng của Marx vì thế, đã có phần nào kết quả.

Nhưng thật ra, Karl Marx, cũng như những nhà suy tư đi trước ông ta, không hề trả lời được câu hỏi «tâm hồn con người là gì?» — Tất cả mọi người, cả những người đến sau Karl Marx, đều chỉ làm được công

việc nhận xét phản ứng mà xác định đặc tính của tâm hồn. Đặc tính không phải là bản thể, nên nói tóm lại, trong vòng một thế kỷ nay — từ 1970 ngược đến 1870 — người ta không thoát được sự bế tắc căn bản trong khi tìm hiểu lịch sử nói chung của nhân loại.

Nhận xét phản ứng của tâm hồn như đói thì nghĩ đến ăn; rồi mỗi khi đói mà nghe một tiếng chuông lại được ăn, thì sau đó, hề nghe tiếng chuông thì nghĩ đến ăn, mặc dù không thấy đói. Nhận xét phản ứng của tâm hồn như sự nhắc đi nhắc lại ngày đêm, năm tháng, một khẩu hiệu ủng hộ (hay chống đối) một nhân vật hay một chế độ; sự nhắc đi nhắc lại, bằng hình ảnh và tiếng động, có thể làm cho khẩu hiệu đó thấm sâu vào tâm hồn một cá nhân, và cưỡng bức hẳn phải có phản ứng theo đường lối được định trước. Như thế là qua sự tìm hiểu phản ứng của một tâm hồn, người ta có thể tạo cho tâm hồn ấy một hay nhiều phản ứng mà, trên căn bản thiên nhiên, nó không có.

Nhận xét phản ứng của tâm hồn cũng có thể đưa đến những tai hại khác. Ví dụ công phu nghiên cứu của Freud. Nhà bác học này, sau cả một đời nghiên cứu tâm hồn con người — tất nhiên là con người tây-phương — đã thành lập được một bản lược đồ, để chỉ rõ rằng căn bản tâm hồn con người có một số bản năng (mẫu tử, tình dục, phá hoại...), và bản năng chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh, tạo ra những phản ứng, lên cao hoặc xuống thấp. Vẫn theo Freud, một bản năng có thể chi phối nhiều phản ứng, và ngược lại, một phản ứng có thể là kết quả của sự vận động của nhiều bản năng — nhưng theo Freud thì bản năng tình dục là bản năng mạnh hơn cả, và có nhiều ảnh hưởng trong tâm hồn một cá nhân hơn cả.

Người ta có thể nói Freud không sai,

Jung không sai, Panlov không sai. Nhưng cộng cả công trình suy tư, diễn đạt của ba nhân vật lớn này của bộ môn tâm lý học, người ta vẫn chưa hiểu tâm hồn là gì. Mặc dù, chỉ nhờ sự phân tích phản ứng của một số lớn tâm hồn người ta, nhiều nhà chuyên môn về tâm lý học, phân tâm học... đã có thể chữa khỏi nhiều bệnh của tâm hồn như điên loạn, mất trí nhớ, buồn phiền.

XXx

LOÀI NGƯỜI VÀ LOÀI KHỈ

Ngay trong sự theo dõi công phu nghiên cứu của các nhà khoa học, con người trung bình trong chúng ta vẫn có một sự chống đối được đề dành. Đó là sự chống đối bất cứ học thuyết nào, bất cứ lập luận nào, có tác dụng chứng minh rằng tâm hồn chỉ là sản phẩm của thân xác.

Thân xác đã từ loài vật mà hình thành, mà tâm hồn lại chỉ là sản phẩm của thân xác, thì, ôi thôi, còn gì cái kiểu hãnh xư nay của nhân loại chúng ta! Sự nổi giận, trong trường hợp này, là một phản ứng tự nhiên, mà tất cả những ai có đôi chút học vấn, có đôi chút suy tư, đều phải có. Vì tất cả mọi người đều nuôi nấng trong tâm một niềm tin không lý luận, rằng, mặc dù chưa được tìm thấy, nhất định sự hiện hữu của loài người trên mặt Địa cầu này phải do một ý muốn cao cả, của một ý chí thiêng liêng nào đó.

Nói cho rõ hơn là, hơn một thế kỷ sau Darwin, một phần lớn những người có kiến thức ở trình độ trung bình trở lên, đều sẵn sàng chấp nhận rằng, về thân xác, loài người là một hình thái tiến hóa từ loài khỉ — cũng như loài khỉ là một hình thái tiến hóa từ một loài vật nào mà người ta chưa biết rõ.

Nhưng, một phần khác, chính những người đó sẽ không chấp nhận, không bao

giờ chấp nhận rằng tâm hồn loài người cũng có chung một nguồn gốc, và chung nhiều đặc tính, với tâm hồn loài khi (nếu cho rằng loài khi cũng có tâm hồn). Sự từ chối rất dễ hiểu. Vì người ta có thể so sánh loài người với loài khi về thể xác: hai mắt, hai tai, hai tay, hai chân,... một số khác biệt như lông lá của loài khi; trán cao và dô, mũi cao, dài và thẳng của loài người; và hai chân của loài người dài hơn và nhanh nhẹn hơn, bàn tay cao hơn và vai rộng hơn, cổ loài người đó có thể bị xóa nhòa trong khoảng thời gian một vài triệu năm hay một vài triệu thế kỷ.

Nhưng về tâm hồn thì không thể so sánh được. Dù cho có những nhà thông thái so sánh đời sống của một người với đời sống của một con khi, và cho rằng hai đời sống ấy rất giống nhau. Ví dụ loài khi cũng có chọn vợ kén chồng, có ghen tuông này vậy, như người ta nói, trên căn bản đơn vị, không có khác biệt gì nhiều giữa một người và một con khi. Giống khi cũng tỏ ra có trí thông minh và kỷ ức khá tốt. Như vậy, có phải chẳng loài người xưa kia vốn là loài khi—với tâm hồn loài khi—nhưng may mắn gặp những ngẫu nhiên thuận lợi, khiến cho loài «khi người» biến đổi dần dần?

Câu hỏi rất hữu lý, nhưng không được ai chấp nhận. Vì chấp nhận là làm sụp đổ cả tòa lâu đài kiêu hãnh về giá trị tinh thần, về lịch sử văn hóa, văn minh của nhân loại.

Nhưng, nếu thế, tâm hồn con người là gì? Chardin cho đó là tư tưởng; Jacques Monod cho là kiến thức. Nhiều người khác cho là khoa học, là lịch sử... Mỗi câu trả lời đều có phần đúng, vì quả nhiên không một loài vật nào có những thứ đó.

Nhưng tư tưởng từ đâu ra? Kiến thức

từ đâu mà có? Và tại sao loài người có tư tưởng, kiến thức, khoa học, lịch sử... mà loài vật, nhất là loài khi, không có.

Câu trả lời lại lộn về tâm hồn. Vì tâm hồn loài người khác và hơn tâm hồn loài khi. Vì tâm hồn loài người có những đặc tính mà tâm hồn loài khi không có.

Nhưng muốn biết tâm hồn loài người «khác và hơn» tâm hồn loài khi, người ta không thể không biết tâm hồn đó như thế nào, là gì... Câu hỏi được đưa ngược về chỗ cũ, thành một vòng luẩn quẩn.

SỰ KHÁC BIỆT THỨ NHẤT

Tất cả mọi phức tạp, theo Nguyễn Mạnh Côn, đều bắt nguồn từ khác biệt thứ nhất, là trí nhớ — còn được gọi là kỷ ức. Sự xác định này cần được giải thích:

Hãy lấy một con khi làm ví dụ. Theo G. Schenk, trong cuốn *L'Homme* (trang 291) thì suốt thời kỳ là bào thai, và trong thời gian đầu của tuổi trẻ, con khi con rất giống một đứa trẻ, cả về hình thể lẫn tâm tính: nhanh nhẹn, nghịch ngợm. Nhưng càng lớn, con khi càng mọc nhiều lông, càng đổi nhìn và mặc dù nó có hai mắt, hai tai có thể nhìn và nghe, có mũi để ngửi, có miệng để ăn và thốt ra nhiều tiếng động khác nhau. Một em nhỏ đang lớn lên cũng thế — chỉ khác về điểm có ít lông, và lông ngắn.

Tuy nhiên, trong khi cùng lớn lên với con khi, em nhỏ của chúng ta sẽ dần dần có những khả năng mà con khi không có. Khả năng đó bắt đầu từ ngoài vào, nhưng chỉ trong ít lâu, em nhỏ sẽ tập luyện được: đó là sự chỉ trở bằng ngón tay, có khi bằng cả cánh tay kèm thêm những dấu hiệu khác.

Được bế trên tay, em nhỏ mở mắt nhìn người mẹ đặt bàn tay vào ngực mình mà nói:

em, rồi dùng ngón tay trở chiếu về người đàn ông ngồi bên cạnh mà nói : «bố». Em nhỏ bập bẹ nói theo. Chỉ một vài năm sau, nhờ sự chỉ trở và sự tập luyện hàng ngày, em nhỏ đã có một số từ ngữ căn bản về màu sắc, đen trắng, đỏ vàng ; về hình thể : vuông, tròn, dài, ngắn ; về đồ vật : bàn ghế, giường chiếu ; về loài vật : chó mèo, trâu bò ; về người thân ở chung quanh : bố, mẹ, anh chị, chú bác.

Trong khi đó, con khi con cũng được mẹ nó bế trong tay, được cho bú và nâng niu, và rất có thể mẹ nó cũng găm giữ được một vài tiếng tương đương với « bố, mẹ » v.v... Nhưng có một điều chắc chắn là con khi mẹ không có đủ tiếng nói, và cũng không thể tách ngón tay trở, để chỉ vào một con chim đang bay trên trời cao, hoặc một trái cây đang chín trên cành, mà dạy cho con nó biết những thứ đó là gì.

Như vậy, càng lớn lên, em nhỏ của chúng ta dần dần tách khỏi đời sống cảm nín và lẫn lộn của loài vật, nhờ có ký ức về sự khác biệt. Em nhỏ càng lớn càng có ký ức nhiều hơn, ban đầu còn cần đến ngón tay chỉ trở để xác định vật này với vật khác, nhưng về sau, khi từ ngữ về hình thể, màu sắc, giống loại v.v... đã tạm đủ, thì em nhỏ có thể xác định bằng cách hội nhập cùng một lúc nhiều từ ngữ cần thiết. Ví dụ em nhìn thấy con mèo trắng và đen trên lưng, ngọam một con cá, từ trong bếp chạy ra, vượt tường sang nhà hàng xóm, thì em biết gọi mẹ để báo cho biết con mèo nhà ông Tư đã đánh cắp được con cá trong bếp. Mẹ em nhỏ chỉ nghe nói thế thôi, cũng đủ hiểu nội vụ, và không cần vào bếp, chạy ngay sang ông Tư, và ông này được tin vội tìm kiếm khắp nơi, để sau cùng tìm thấy còn cá còn nguyên trên chiếc gối trắng trên giường ngủ.

Đại ý ví dụ trên đây muốn chứng tỏ rằng nhờ ngón tay, nhờ bàn tay, rồi nhờ tiếng nói,

loài người phân biệt được màu sắc, hình thể, giống loại v.v... và đặt cho mỗi thứ một tên gọi, và chính nhờ những tên gọi đó mà loài người phân biệt được, rồi ghi nhớ được những hình ảnh phức tạp chỉ hiện hiện trong thoáng chốc rồi biến đi, hoặc đổi khác.

Trong khi đó con khi càng lớn lên càng thấy nhiều hình ảnh hiện hiện rồi đổi thay chung quanh nó, mà nó không làm thế nào để ghi nhớ những hình ảnh đó được lâu dài. Trước mắt nó, hình ảnh đổi thay một cách vô ý nghĩa. Một con khi lớn truyền trên cành cây, có thể nó có đủ ý thức để biết là đồng loại của nó, nhưng ngoài để biết kêu chi chớ có thể được coi như dấu hiệu thông tin một cách giản dị, nó phải chờ con khi kia đến gần để dùng mũi mà đánh hơi mới nhận ra sự liên hệ gần gũi.

Sự khác biệt tăng theo thời gian, vì con khi giữ nguyên một đời sống không thay đổi, trong khi chủ bé của chúng ta cũng chỉ lớn lên đến một tầm mức nào đó về thân xác, nhưng ngược lại, sự hiểu biết, sự tài giỏi thì không đến trường, đã được thầy giáo, cô giáo tìm hết cách in khắc vào tâm hồn chú những kinh nghiệm, những hiểu biết của người xưa. Bằng tiếng nói, bằng chữ viết, rồi bằng tranh vẽ và hình chụp, cả thế giới được trình bày dần dần cho chủ bé có ý niệm về sông dài, biển rộng, về loài người đông đúc ở thôn quê và thành thị.

Bất cứ bao nhiêu hình ảnh, kể cả những hình ảnh trừu tượng chỉ có trong trí tưởng (như thần thánh, ma quỷ, thượng đế) đến những hình ảnh được xác định nhờ sự thu nhỏ lại (như địa cầu, nước Việt), hoặc nhờ sự tập quen để làm hiện hiện trong đầu óc mình một hay nhiều hình ảnh ước định (như học toán) căn cứ theo một số chứng liệu hoặc một sự diễn tả linh động (học lịch sử),

đều được ghi nhận vào kỷ ức của em nhỏ trong thời kỳ đang lớn.

Như vậy, chúng ta nhận thấy, ngay từ khi được 5,7 tuổi, một em nhỏ của loài người chúng ta đã được nuôi dạy, tập tành và học hỏi, để mỗi ngày có thêm một khối ký ức càng ngày càng lớn. Khối ký ức ấy, sau này sẽ được xữ dụng, và em nhỏ đã trưởng thành sẽ tham dự vào công cuộc vận động của nhân loại nói chung, hướng về sự tiến bộ.

SỰ KHÁC BIỆT THỨ HAI

Thật ra thì trước khi nói nhiều hơn về tâm hồn, loài người đã có một điều khác và hơn loài vật. Đó là nhờ hai bàn tay khéo léo và một số ký ức đầu tiên, loài người đã dần dần đi tới khả năng tự đào tạo lấy lương thực. Nhờ khả năng tự đào tạo lấy lương thực, loài người dần dần từ bỏ rừng núi tiến vào những cánh đồng phì nhiêu và định cư ở đây. Cũng nhờ có khả năng đào tạo lấy lương thực, loài người bắt phải chiến đấu và giết chóc để được sống. Chân trời rộng, thời gian dài trước mặt, cho phép loài người sinh trưởng và kết hợp thành tập thể. Những điều nói trên đây đã được trình bày trong cuốn « Hòa bình... Nghĩ gì? Làm gì? ».

Nhưng bấy nhiêu điều khác biệt tuy có làm cho đời sống của loài người khác mà không hơn đời sống loài vật. Sự quan sát nhằm cho thấy sự tiến bộ của loài người đến mức độ nào đó thì dừng lại. Trên khắp thế giới, ở đâu loài người cũng đi đến một chế độ tương tự như đời sống của loài ong, loài kiến, có một triều đình cùng vua chúa quan liêu ở giữa, và dân chúng vừa sống vừa phục dịch chung quanh. Nếu tình trạng này cứ tiếp tục, có lẽ người ta cũng khó nói được loài người hơn loài vật ở chỗ nào.

Người ta phải chờ đến thế kỷ thứ 15,

16 ở Tây Âu, mới thấy xã hội các nước Pháp, Ý... được đẩy mạnh trên đà tiến bộ. Đó là sự tăng trưởng và lớn rộng của giai cấp tài năng lãnh đạo xã hội. Động cơ của sự tăng trưởng này là phương pháp in sách bằng chữ rời của Gutenberg. Nhờ phương pháp in nhanh chóng, sách vở được hạ giá và đến tay bất cứ người dân nào khao khát sự học hành. Trong không bao lâu, khối kiến thức của người xưa, thời Hy-lạp La-mã, đã được thu hút vào đầu óc những con người ham học thời bấy giờ.

Nhưng ham học không thôi cũng không đủ. Loài người cần đến một khả năng loài hai, sau trí nhớ, để khác hẳn và hơn hẳn loài vật. Khả năng đó là sự suy luận phức hợp.

Suy luận thoát đầu là một công việc giản dị. Một con hổ gặp một con sư tử thì tìm cách lảng tránh, gặp một con hươu non thì xông tới, như vậy là trong con hổ đã có sự suy luận. Nhưng đây là một thứ suy luận đơn sơ, chỉ gồm có sự so sánh lớn nhỏ, khoẻ yếu, và một quyết định : tấn công hay tháo chạy.

Suy luận ở loài người khác hơn nhiều. Trước hết vì trong khi suy luận, người ta không phải chỉ làm một công việc so sánh giản dị mà thôi. Thứ hai vì trong khi suy luận, người ta không chỉ sử dụng đến toàn bộ số nhỏ dữ kiện, mà sử dụng đến toàn bộ ký ức đã được ghi nhận. Thứ ba là, từ thế kỷ thứ 15 trở đi, các dân tộc vùng Tây Âu càng ngày càng có nhiều người học hành, để có được một khối ký ức lớn, và được lập luyện cả phương pháp suy luận, khiến cho một tình trạng ganh đua gay gắt xảy ra mà thành hình. Sự tiến bộ nhanh và mạnh của Tây-phương bắt nguồn từ 3 yếu tố đó.

Như vậy, chúng ta nói rằng yếu tố thứ hai về tâm hồn, làm cho loài người khác và hơn loài vật là khả năng suy luận.

Một khối ký ức lớn, một khả năng suy luận bên nhảy, là hai yếu tố căn bản của tài năng.

VAI TRÒ CỦA MÁY ĐIỆN TOÁN

Trước đây 20 năm, người ta còn lẫn lộn, không phân biệt nổi những động tác khác nhau của khối óc, đến độ không phân biệt được thế nào là một người có tài, thế nào là một người bất tài. Kẻ có học, nhắc lại như con vẹt, được kính trọng hơn người tự mình khám phá ra những điều mới lạ.

Nhưng từ khi có máy điện toán thì phương pháp áp dụng nguyên tính âm dương của dòng điện để ghi khắc những con số bậc hai vào những tấm cát, những cuộn dây, những cuộn băng từ điện, phương pháp ấy được minh thị giải thích cho mọi người cùng hiểu, thì một trong những bí mật của ký ức đã được khám phá.

Sau đó, chính các chuyên viên điện toán lại cố gắng mường tượng ra con đường của dòng điện trong máy, và trình bày thành những lược đồ tổng quát, thì người ta hiểu được cả bí mật của khối óc, trong khi nó làm công việc suy luận.

Thật thế, chúng ta hãy thử quan sát sự vận động của một bộ máy điện toán thuộc vào loại đơn giản nhất. Ví dụ chúng ta muốn cho máy làm một tính cộng hai con số 3 và 6. Chúng ta dùng thuật ngữ chuyên môn để bảo cho máy biết ý muốn của chúng ta. Ý muốn đó được đặt vào khu vực «dữ kiện» theo thứ tự: con số 3, con số 6, dấu hiệu cộng. Rồi ta mở cho điện chạy. Dòng điện trước hết đi qua khu vực «dữ kiện», xác nhận được số 3, rồi từ khu vực dữ kiện đến khu vực «ký ức», nó đi qua cả khu vực này và đến một lúc nào đó nó nhận được số 3 bên đem số 3 này đến khu vực «công tác» và để nó lại nơi này.

Dòng điện đi vòng trở lại khu vực dữ kiện, và đi sau dòng điện thứ nhất một khoảng khác của một giây. Nó nhận được số 4, rồi đi đến khu vực ký ức, nó tìm thấy số 6, và đem con số này đặt vào khu công tác.

Dòng điện đi vòng qua khu vực dữ kiện lần thứ ba, và lần này nó xác nhận được dấu hiệu cộng. Nó tìm và thấy dấu hiệu cộng, trong ký ức, và đem dấu này đến khu vực công tác.

Khi dấu hiệu cộng đến khu vực công tác, thì tự nó đã bao hàm một động tác ở trong, cho nên nó vừa tới nơi thì làm cho bộ phận công tác chuyển động theo phương thức được ấn định. Theo phép toán bậc hai thì bài toán được ghi nhận và giải đáp như sau:

011

110

1001

Trên một tấm phiếu có đục lỗ, bài toán được giải đáp trên đây có nghĩa là dòng điện đi qua hàng số thứ nhất, gặp một cửa sổ mở (cách điện) và một cửa sổ đóng kín (tiếp điện), thì theo sự chi phối của chương viên, nó ghi nhận dấu hiệu đóng ở hàng này. Qua hàng thứ hai, dòng điện gặp hai cửa sổ đóng, và nó ghi dấu hiệu mở — theo căn bản toán cộng bậc hai. Một dấu hiệu đóng được mang lên hàng thứ ba, khiến cho hàng này cũng có hai dấu hiệu đóng, đưa đến kết quả là dấu hiệu mở, và có một dấu đóng được mang lên hàng thứ tư.

Với sự chấp nhận ngay từ đầu rằng dấu hiệu mở là số không, dấu hiệu đóng là số 1; và theo phương pháp viết những con số bậc hai của Loebnitz — hàng đầu số 1 có giá trị của số 1, hàng thứ 2 giá trị của số 1 là 2, hàng thứ 3 giá trị của số 1 là 4 thêm mỗi hàng về phía trái là tăng gấp đôi, và sau khi viết xong thì cộng tất cả các

hàng làm số thành — người ta có thể thay số không và số 1, được dùng như những ký hiệu không có giá trị nhất định, bằng những con số tiêu biểu giá trị thật sự của chúng :

022

420

$$8001 \rightarrow 8+1=9$$

Trên nguyên tắc thì sau khi đã biết dùng số thập phân mà người ta lại tìm cách xử dụng số bậc hai thì rõ rệt người ta tiến «giật lùi». Tuy nhiên sự tiến giật-lùi này cần thiết và có tác dụng. Cần thiết vì một dòng điện chỉ có 2 tính âm dương, và một dòng điện phóng đi, chỉ biết có trường hợp thông và nghẽn, liên và đứt; vì thế nên, trong mọi trường hợp, người ta chỉ có thể dùng 2 ký hiệu tương đương với 2 trường hợp truyền điện mà thôi. Một con số viết theo lối thập phân rất ngắn có thể được viết lại rất dài :

$$754 : 1011110010$$

Một đẳng có 3 số 7, 5 và 4; một đẳng có tới 6 số 1 và 4 số không. Nhưng một đẳng được đọc bằng mắt người, mà người đọc nhanh nhất có thể đọc từ 3 đến 5 phân chữ bình thường trong một giây, trong khi một dòng điện có thể «đọc» trên phiếu đục lỗ với vận tốc gần tới 300 ngàn cây số giây, nghĩa là nhanh hơn gần 30 tỷ lần. «Làm phức tạp hơn, mà giải quyết nhanh hơn» là tác dụng của máy điện toán.

xXx

Về lý thuyết, người ta thấy máy điện toán có 2 bộ phận :

- 1.— Bộ phận ký ức, ghi nhận và sắp xếp mọi yếu tố mà người xử dụng máy nghĩ rằng sẽ cần dùng đến. Yếu tố có 2 loại, một là tài liệu tính, hai là phương pháp động.
- 2.— Trung tâm công tác là nơi một số tài liệu được đưa đến trước, và

phương pháp vận dụng tài liệu được đưa đến sau. Chính tại trung tâm này mà cái máy điện toán làm bài toán và cho người xử dụng đáp số.

Lẽ tất nhiên ở đây chúng ta không nói đến những bộ máy phụ thuộc như máy xuyên phiếu, máy hoán cải một đề tài thông thường thành ký hiệu và đưa ký hiệu nào vòng «ngôn ngữ» đặc biệt của máy. Chúng ta cũng không kể rằng sau khi có kết quả bằng ký hiệu, máy điện toán cũng cần có bộ phận dịch ngược ký hiệu thành đáp số bằng ngôn ngữ thông thường của người xử dụng, rồi, sau đó, in đáp số vào cuộn giấy.

Một máy điện toán cực lớn, có thể làm những bài toán rất phức tạp, hoặc một bài toán giản dị nhưng rất dài (r) trong một thời gian tương đối ngắn. Điều rất quan trọng mà người ta cần nhớ là trên nguyên tắc, máy điện toán không làm được bài toán nào mà người ta không làm được, và không giải quyết được vấn đề nào mà người ta không giải quyết được. Nhưng trên thực tế, sự kiện đó vẫn cứ xảy ra. Vì 4 lý do :

- người ta có thể ghi vào ký ức của máy một số tin tức mà không đầu óc người nào có thể ghi nhớ hết ;
- khi hoạt động, tùy theo nhu cầu, máy có thể «đọc» lại một phần hay toàn thể ký ức của nó ; trong khi người ta, mỗi lần vận động trí não, chỉ nhớ lại và xử

(r) Tài liệu vui gửi các bạn yêu toán : định lý sau của Fermat đã được giải bằng máy điện toán lớn $X_n + Y_n = Z_n$, mà n là một nguyên dương lớn hơn số 2. Kết quả là có hai giá trị của n ở giữa hai số 2 lấy thừa 4176 và 4177. Muốn đạt tới kết quả này, máy điện toán đã phải tìm, tuy giản dị, từ số 3 đến những con số có khoảng 2.500 số không, tức là khoảng 400 chữ triệu nối đuôi nhau.

cũng vẫn máy điện toán dự liệu được đây đủ nhu cầu của một đạo quân hiện đại hóa, của Mỹ, để chiến thắng một đạo quân từ du kích tiến lên vận động chiến. Như người ta biết, cộng sản không thua ở Dakto, Pleime mà thua vì người Mỹ có đủ phương tiện di chuyển từng số dân lớn ra khỏi vùng cộng sản — để biến vùng đó thành vùng oanh tạc tự do khiến cho du kích cộng sản không bám lẫn, trả trộn vào dân chúng được.

xXx

Qua sự trình bày trên đây về máy điện toán, người ta rút ra được mấy nhận định sau :

Thứ nhất là dòng lực căn bản của máy điện toán là dòng điện. Đặc tính của dòng điện rất đơn giản : từ bản thể của nó là một sự sẵn sàng chuyển động. Có thể thôi. Dòng điện không có kỷ ức, cũng không biết suy tư hoặc làm bất cứ việc khác.

Thứ nhì, kỷ ức của máy điện toán là một bộ phận riêng biệt, được làm bằng những kỷ hiệu mà dòng điện có thể xác nhận được.

Thứ ba, kỷ ức của máy điện toán gồm có 2 khu vực riêng biệt, một khu vực chứa đựng tin tức có tính chất tài liệu, một khu vực sử dụng tài liệu.

Thứ tư, khi một vấn đề (câu hỏi) được đặt ra cho máy điện toán thì bắt buộc vấn đề đó phải được phiên dịch thành một thứ ngôn ngữ (kỷ hiệu) mà máy điện toán có thể xác nhận được. Câu hỏi cũng luôn luôn phải bao hàm 2 thành phần : tài liệu và phương pháp xử dụng tài liệu, cả hai yếu tố cần được máy điện toán xác nhận — nghĩa là có sẵn trong máy.

Thứ năm, khi máy điện toán làm việc, dòng điện không chạy một cách tự do và rời bời trong máy. Sự sắp xếp phải tuân theo một trật tự được ấn định, khiến cho dòng điện có thể tuân tự xác nhận các thành phần của câu hỏi, tìm đưa kiếm những dữ kiện tương đương trong kỷ ức, những dữ kiện này đến khu vực công tác, rồi

sau đó mới tìm kiếm phương pháp giải quyết để đưa đến giải đáp câu hỏi tại khu vực cộng tác.

Áp dụng 5 nhận định trên đây vào công việc tìm hiểu trí thông minh của muôn loài, người và vật, Nguyễn Mạnh Côn đã đi đến kết luận :

Thứ nhất căn bản của trí thông minh là một dòng năng lực nguyên thủy băng thuận, trong sạch. Dòng năng lực này được truyền tiếp từ thế hệ trước đến thế hệ sau, với các đặc tính khác nhau ở mỗi đơn vị : nhanh chậm, mạnh yếu. Tuy nhiên, các đặc tính này có thể do ảnh hưởng của ngoại cảnh (trời đất, sông núi) mà thay đổi. Riêng về loài người, sự thay đổi còn có thể là kết quả của sự học tập, sự huấn luyện.

Thứ hai, kỷ ức thoạt đầu được ghi nhận vào khối óc một cách tự động, qua sự xác nhận của các giác quan: Đây là thời kỳ toàn thịnh của giác hồn, con người (một loài nhĩ) sinh hoạt hoàn toàn tùy thuộc 2 yếu tố : nhu cầu của thân xác và bất chước chung quanh.

Thứ ba, kỷ ức công tác, chịu ảnh hưởng nặng nề của đặc tính căn bản của dòng năng lực nguyên thủy, chỉ được ghi nhận một cách chậm chạp. Phương pháp xử dụng tài liệu thẩm thấu vào kỷ ức như những dữ kiện trừu tượng chỉ được xác nhận một cách khó khăn.

Thứ tư đến một trình độ trưởng thành nào đó của khối óc, người ta nhận thấy cũng như trong máy điện toán, kỷ ức con người bao gồm một thành phần tài liệu tinh, tổng cộng toàn bộ những tin tức đã nhận được, những xác động đã cảm thấy — kể cả những xác động đã cảm thấy trong trạng thái không tự chủ như mộng寐, mơ màng — và một thành phần phương pháp động, bao gồm khả năng suy luận của đơn vị.

Thứ năm khi một vấn đề được đặt ra, trí thông minh cũng tác động như máy điện toán : dòng năng lực nguyên thủy thu thập tài liệu, rồi xử dụng phương pháp thích ứng để giải quyết vấn đề.

Kỳ sau : TÌNH CẢM VÀ TRÍ TUỞNG
TUỞNG Ở ĐẦU TRONG KHỐI ÓC ?

THƯ TÍN VỚI BẠN ĐỌC

■ **Bạn Lê - thanh - Tú, sinh viên,
139-F-2 Yên-Đỗ, Sài-gòn, viết :**

...« Người sinh viên cần phải có một đường lối tranh đấu rõ ràng, nếu cần phải làm cách mạng, cứ làm. Nhưng ai là người đứng ra dẫn dắt. Ông chủ nhiệm chẳng? Hay là tôi chẳng? Không, không. Krishnamurti còn chối bỏ tất cả. Không thể tin một ai. Không thể dựa vào một chủ thuyết nào. Tất cả đều lợi dụng. Tất cả ngầm chứa lễ dối mị ngôn. Nhưng điều cần yếu là giọng tiếng chuông « chiến hồi ». Tôi muốn biết ai sẽ nắm cây dùi gõ... »

...« Nếu cho là chúng tôi sinh sau đẻ muộn so sánh với ngày đáng C.S. được thành lập, vậy thì cần có ngay một **HỘI NGHIÊN CỨU CHỦ THUYẾT KARL MARX** của những người già dặn lý thuyết lẫn kinh nghiệm. Công sản hay ở chỗ nào, dờ ở chỗ nào, ưu điểm đâu, khuyết điểm đâu? Sau đó phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp... »

...« Trái với điều ông bày tỏ trên nguyệt san C.V. số 1, tôi không chất vấn ông về một vấn đề nào cả. Mà cốt trình bày nỗi buồn khoăn rất lớn (!) của tôi về hiện trạng lạc loài của tuổi trẻ chúng tôi... »

— Nếu bạn cho phép, tôi với hơn 50 năm tuổi trên vai, được nói với bạn ít lời thành thật thì tôi xin nói rằng tiếng nói (ở đây là bức thư) của bạn là tiếng nói thuần xúc cảm, không chứa đựng chút ý định lý luận nào. Tôi hiểu đặc tính của tuổi trẻ là như vậy, nên sự trình bày của tôi chỉ có tác dụng xác nhận mà không có ý định chê trách.

Nói cho rõ hơn thì bạn đặt ra nhiều câu hỏi, nhưng có người tình nguyện trả lời

nghe trong tháng

thì bạn không chấp nhận. Phải chăng bạn đã tin, từ trước rằng không có người Việt nào có thể trả lời, cả đến Krishnamurti đã phải chối bỏ tất cả? Phải chăng rằng một phần lớn trong các bạn không muốn mất thời giờ suy tư lăm lăm, nhưng thỉnh thoảng cũng muốn tỏ mình ưu thời mẫn thế, nên không cần khám xét, cứ buộc tội chung rằng tất cả đều lợi dụng. Rằng tất cả đều là mị ngôn?

Tôi thiết nghĩ bạn đã mất khá nhiều thì giờ để viết cho tôi, thì ít ra trong thâm tâm, bạn có ý chỉ muốn thấu đáo và nắm vững vấn đề. Nếu điều tôi nghĩ là đúng, thì tôi có một lời xin: xin bạn đọc rồi trả lời những đề nghị hết sức rõ rệt của tôi. Đồng ý, tại sao... Không đồng ý, tại sao... Xin đừng có câu trả lời trước khi đọc câu hỏi.

Còn ý kiến thứ hai của bạn, về một hội NCCNKM, là ý kiến tôi xin hoàn toàn ghi nhận và sẽ cố gắng thực hiện.

■ **Ông Bùi Văn Liên, 120 Lê văn Duyệt — Pleiku, viết :**

Đức **ABDUL — BAHA** (dâng chân gương mẫu trong Đạo Baha'i xác nhận: «Địa cầu dưới hình thức hiện thời rõ ràng không phải được tạo nên cùng một lúc; trái lại nó trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, từ trình độ này sang trình độ khác, đến khi đạt được trạng thái hoàn hảo hiện nay. Từ lúc phát sinh và thái hoàn hảo hiện nay. Từ lúc phát sinh và nẩy nở trong lòng trái đất con người giống hệt như phôi thai của mình trong lòng mẹ, là phát triển từng trình độ, chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, cho đến khi thành một sinh vật chứa chan vẻ đẹp và hoàn hảo, sức

lực và quyền năng. Ban đầu chắc nó không có vẻ duyên dáng, cao quý thanh lịch đó, và dần dần nó mới đạt đến cái hình thức, cái hình bóng mỹ miều hữu duyên kia... Từ khởi thủy đến trạng huống, hình thức, dụng mao hiện thời, sự thực hữu của con người trên trái đất này đã trải qua một thời gian lâu dài... Nhưng từ khởi thủy chủng loại đã riêng biệt... Khi công việc của nhiều cơ quan đã biến mất, thì không phải để chứng minh rằng chủng loại không có bất biến tính và cần nguyên tính: những sự đó chỉ để chứng minh sự biến hóa về hình thức, mà thôi. Tuy vậy con người vẫn là một chủng loại khác biệt một người chứ không phải là một con vật.

Thượng Đế tạo sinh ra con người với đầy đủ đặc tính và tình yêu của Ngài. Như vậy theo quan niệm của Người Baha'i tin nhận là dòng dõi loài người không phải là giống khỉ, và con người được cấu tạo từ một phôi thai loài người và biến hóa tiến triển từng giai đoạn để trở thành con người mỹ hảo hiện thời.

— Xin thành thật cảm tạ. Xin xác nhận quan điểm của bạn—cũng là quan điểm của các tín hữu Baha'i?—như một cây cầu nối liền lập trường thực nghiệm của khoa học, và quan niệm mặc khải của (hầu hết) các tín ngưỡng.

GIÁ TRỊ CỦA BẠN ĐỌC (tiếp theo)

Sở báo trước, CHÍNH VĂN có loan báo rằng bạn đọc gửi bài cho tòa soạn, bài nào được đăng là có bút phí. Nhưng giá biểu mỗi trang truyện bị anh em typo đánh rơi mất một số không: một nghìn hóa một trăm — một nghìn thì nhiều, một trăm lại quá ít. Bạn đồng nghiệp cười C.V. chưa chắc sống được lâu mà đã vung tay quá trán. C.V. nhận lời trách nhưng giữ nguyên ý định. Tiền bạc không đào tạo được người viết văn hay, nhưng tiền bạc làm... trên ngời bút nào có đã sẵn. C.V. bằng lòng thất bại trong thử thách, hơn là tiếp tục sống tẻ nhạt.

Xin đức Thánh Trần tiếp tay cho bọn đệ tử nông cuồng này...

Ước mong bạn sẽ tiếp tục đọc C.V. để tôi được trình bày quan niệm đầy đủ của tôi. Giống khỉ, giống chó, hay bất cứ giống vật nào, chỉ xấu xí và đáng bị thù trong đầu óc đầy định kiến của chúng ta. Còn sự thật thì con cá con tôm, con sâu cái kiến, cũng tất nhiên là sản phẩm của Thượng đế, ngang hàng với loài người. Loài người chỉ khác và hơn loài vật ở một hay nhiều điểm nào đó, có tác dụng tách rời và nâng cao nhân loại ra ngoài sinh vật quyền, có tác dụng đưa loài người đến rất gần Thượng đế, nhưng miễn viễn không bao giờ theo kịp Thượng đế. — Mong được thư của bạn luôn.

Chung gửi các bạn đọc thân mến của CHÍNH VĂN.— Nhiều bạn ở Sài-gòn cho biết đã tìm khắp mọi nơi không mua được tờ C.V. số 1; thậm chí tại hiệu sách KHAI-TRÍ cũng không có. Chúng tôi thành thật cảm ơn và tạ lỗi cùng quý bạn. Vì công việc phát hành buổi đầu có hơi thiếu sót, nên quả thật nhiều hiệu sách lớn và nhiều sạp báo không có báo bán. Một số sạp có báo thì bán hết quá sớm (hoặc cho mượn chưa thu về?). Chúng tôi sẽ cố gắng cải thiện bộ máy phát hành. Trong khi chờ đợi, bạn cần có CHÍNH VĂN số 1, xin vui lòng quá bước đến nhà Tổng Phát Hành Đồng Nai, 270 Đề Thám (kề ngã ba Phạm Ngũ Lão) trên lầu.

TỔNG PHÁT HÀNH ĐỒNG NAI
270 Đề Thám — Saigon

Hiện giờ, mọi gia đình
Việt Nam đều dùng

bột giặt

NET

Nhãn-hiệu **NÚI TUYẾT**

một sản-phẩm kỹ-nghệ Việt-Nam

Có đủ các chất giặt tẩy tân-kỹ:

ALKYBENZÈNE SULFONATE : Sinh bột dễ lôi cuốn các chất dơ bẩn ra
vòi nước giặt!

TRIPOLYPHOSPHATE : Làm tan ion kim loại của đất bùn !

MÉTASILICATE : Làm tan dầu mỡ mạnh nhất !

SILICATE và **CARBOXYLMÉTHYL CELLULOSE** : Bảo vệ da tay, máy
giặt, và giữ cho bụi bẩn lơ lửng trong nước giặt !

PERBORATE : Sinh dưỡng khí để tẩy nhiều vết dơ !

AGENT OPTIQUE : Hỗ cho áo quần trắng thêm trắng, màu thêm tươi !

Bột Giặt
«NET»

Không thua kém hàng ngoại quốc

Phẩm-chất **BẢO-ĐẢM** — Do Chuyên viên và Kỹ-Sư Hóa-Học
Việt-Nam Sản xuất tại một nhà máy tối tân :

Việt-Nam Tân-Hóa-Phẩm Cty

VĂN PHÒNG : 38, Nguyễn - Trãi — SAIGON — Đ.T. : 38.247
NHÀ MÁY : Khu Kỹ nghệ Long - Bình — BIÊN - HÒA